

Số: 147/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 20 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 58/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 675/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Báo cáo số 977/BC-SNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thẩm định, quyết định bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất; cơ quan, người có thẩm quyền xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất (K) đối với các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND để làm căn cứ trong các trường hợp sau:

1. Căn cứ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, bao gồm hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt}), hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh}) và hệ số điều chỉnh theo các yếu tố ảnh hưởng (K_{ah}), được tính theo công thức sau:

$$K = K_{tt} \times K_{qh} \times K_{ah}$$

Trong đó:

a) Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường: K_{tt} quy định tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch: $K_{qh} = 1,00$.

c) Hệ số điều chỉnh theo các yếu tố ảnh hưởng: $K_{ah} = 1,00$.

2. Căn cứ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, trừ trường hợp tại điểm e khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Điều 5 Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, bao gồm hệ số điều chỉnh mức biên độ thị trường (K_{tt}), hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh}) và hệ số điều chỉnh theo các yếu tố ảnh hưởng (K_{ah}), được tính theo công thức sau:

$$K = K_{tt} \times K_{qh} \times K_{ah}$$

a) Hệ số điều chỉnh mức biên độ thị trường: K_{tt} được quy định tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch: $K_{qh} = x$. Trong đó, x được xác định theo từng loại đất và tính theo hệ số sử dụng đất (theo quy hoạch) quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Hệ số điều chỉnh theo các yếu tố ảnh hưởng: $K_{ah} = 1,00$.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp xác định giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 160 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp đã có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thì tiếp tục trình phê duyệt giá đất cụ thể mà không phải thực hiện theo Quyết định này.

b) Trường hợp chưa có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thì đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc áp dụng xác định giá đất theo quy định của Quyết định này hoặc tiếp tục xác định giá cụ thể theo quy định của Luật Đất đai.

2. Đối với trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự thảo phương án giá đất cụ thể đã được niêm yết công khai cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì tiếp tục thực hiện thẩm định và phê duyệt theo phương án đã được niêm yết công khai.

b) Trường hợp dự thảo phương án giá đất cụ thể chưa được niêm yết công khai cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

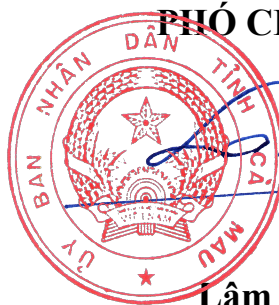
Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (M), M.A1418/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

MỤC LỤC

I. KHU VỰC CÁC PHƯỜNG.....	1
1. PHƯỜNG AN XUYỀN	1
2. PHƯỜNG TÂN THÀNH	18
3. PHƯỜNG HOÀ THÀNH.....	34
4. PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM.....	38
5. PHƯỜNG BẠC LIÊU	48
6. PHƯỜNG VĨNH TRẠCH.....	69
7. PHƯỜNG HIỆP THÀNH.....	75
8. PHƯỜNG LÁNG TRÒN	80
9. PHƯỜNG GIÁ RAI.....	88
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	105
1. XÃ TÂN THUẬN.....	105
2. XÃ TẠ AN KHƯƠNG.....	107
3. XÃ TÂN TIẾN	110
4. XÃ TRẦN PHÁN.....	113
5. XÃ THANH TÙNG	116
6. XÃ ĐÀM DƠI	118
7. XÃ QUÁCH PHẨM	124
8. XÃ U MINH	128
9. XÃ NGUYỄN PHÍCH	132
10. XÃ KHÁNH LÂM	138
11. XÃ KHÁNH AN.....	143
12. XÃ PHAN NGỌC HIỂN.....	149
13. XÃ ĐẤT MŨI.....	153
14. XÃ TÂN ÂN	155
15. XÃ KHÁNH BÌNH	157
16. XÃ ĐÁ BẠC	163
17. XÃ KHÁNH HƯNG	170
18. XÃ SÔNG ĐỐC	179
19. XÃ TRẦN VĂN THỜI.....	189
20. XÃ THỐI BÌNH.....	197
21. XÃ TRÍ PHẢI	204
22. XÃ TÂN LỘC	207
23. XÃ BIỂN BẠCH	211
24. XÃ HÒ THỊ KỶ.....	215

25. XÃ ĐẤT MỚI.....	217
26. XÃ NĂM CĂN	222
27. XÃ TAM GIANG.....	231
28. XÃ PHÚ TÂN.....	234
29. XÃ NGUYỄN VIỆT KHÁI.....	238
30. XÃ CÁI ĐÔI VÀM	242
31. XÃ PHÚ MỸ	248
32. XÃ CÁI NƯỚC	252
33. XÃ HƯNG MỸ.....	258
34. XÃ TÂN HÙNG.....	261
35. XÃ LƯƠNG THẾ TRÂN.....	263
36. XÃ NINH QUỚI	267
37. XÃ HỒNG DÂN.....	274
38. XÃ NINH THẠNH LỢI.....	288
39. XÃ VĨNH LỘC	297
40. XÃ GÀNH HÀO	303
41. XÃ ĐÔNG HẢI.....	313
42. XÃ LONG ĐIỀN.....	318
43. XÃ ĐỊNH THÀNH	325
44. XÃ AN TRẠCH	329
45. XÃ HÒA BÌNH	333
46. XÃ VĨNH MỸ	348
47. XÃ VĨNH HẬU	356
48. XÃ PHONG HIỆP	363
49. XÃ PHƯỚC LONG	375
50. XÃ VĨNH PHƯỚC	388
51. XÃ VĨNH THANH	398
52. XÃ VĨNH LỢI.....	408
53. XÃ HƯNG HỘI	416
54. XÃ CHÂU THỚI	422
55. XÃ PHONG THẠNH	433



Phụ lục I
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT
Ở VÀ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

1. PHƯỜNG AN XUYỀN

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường An Xuyên

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ngô Quyền	Công trường Bạch Đằng	Nguyễn Trãi	1,10	
2	Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	Cổng công viên Văn Hoá	1,10	
3	Ngô Quyền	Cổng công viên Văn Hoá	Tạ Uyên	1,10	
4	Ngô Quyền	Tạ Uyên	Lương Thế Vinh	1,10	
5	Ngô Quyền	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1,10	
6	Ngô Quyền	Võ Văn Tần	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1,10	
7	Võ Văn Kiệt	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Kênh Xáng Bạch Ngưu	1,10	
8	Đường Hà Huy Giáp (tên cũ: Đường đi UBND xã Hồ Thị Kỷ (cũ))	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Cầu Bạch Ngưu (nhỏ) (tên cũ: Cầu Bạch Ngưu)	1,10	
9	Lý Thái Tôn	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1,10	
10	Lý Thái Tôn	Phan Ngọc Hiển	Phạm Hồng Thám	1,10	
11	Phạm Hồng Thám	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,10	
12	Phạm Hồng Thám	Lý Bôn	Lâm Thành Mậu	1,10	
13	Lâm Thành Mậu	Cầu Phan Ngọc Hiển	Phạm Hồng Thám	1,10	
14	Lâm Thành Mậu	Phạm Hồng Thám	Hết ranh lò giết mổ	1,10	
15	Lâm Thành Mậu	Hết ranh lò giết mổ	Hết ranh phường 4 cũ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Đường Lê Tôn Khuyên (tên cũ: Đường Kênh Xáng Phụng Hiệp)	Hết ranh phường 4 cũ	Hết ranh phường Tân Xuyên cũ	1,10	
17	Đường Kênh Xáng Phụng Hiệp (Lộ nhựa 3,5m)	Hết ranh phường Tân Xuyên	Cầu Vàm Ô rô	1,10	
18	Lộ xi măng 2,5m Ô Rô - Cầu số 3	Quốc Lộ 63	Cầu Vàm Ô rô	1,10	
19	Phan Ngọc Hiển	Phạm Văn Ký	Lý Bôn (2 bên cầu)	1,10	
20	Phan Ngọc Hiển	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1,10	
21	Phan Ngọc Hiển	Phan Đình Phùng	Nguyễn Trãi	1,10	
22	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1,10	
23	Phan Ngọc Hiển	Đinh Tiên Hoàng	Lê Duẩn	1,10	
24	Phạm Văn Ký	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Hữu Lễ	1,10	
25	Phạm Văn Ký	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Chu Trinh	1,10	
26	Phạm Văn Ký	Phan Chu Trinh	Trung Trắc	1,10	
27	Lý Bôn	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1,10	
28	Lý Bôn	Hoàng Diệu	Nguyễn Hữu Lễ	1,10	
29	Lý Bôn	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Ngọc Hiển	1,10	
30	Lý Bôn	Phan Ngọc Hiển	Bùi Thị Xuân	1,10	
31	Lý Bôn	Bùi Thị Xuân	Phạm Hồng Thám	1,10	
32	Lý Bôn	Phạm Hồng Thám	Nguyễn Thiện Năng	1,10	
33	Phan Đình Phùng	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1,10	
34	Phan Đình Phùng	Hoàng Diệu	Ngô Quyền	1,10	
35	Phan Đình Phùng	Ngô Quyền	Bùi Thị Xuân	1,10	
36	Hoàng Diệu	Công trường Bạch Đăng	Lý Bôn	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Hoàng Diệu	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1,10	
38	Hoàng Diệu	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1,10	
39	Nguyễn Hữu Lễ	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,10	
40	Nguyễn Hữu Lễ	Lý Bôn	Phạm Văn Ký	1,10	
41	Lê Lợi	Trung Nhị	Lê Lai	1,10	
42	Lê Lợi	Lê Lai	Nguyễn Trãi	1,10	
43	Lý Văn Lâm	Nguyễn Trãi	Cổng bến Tàu A (cũ)	1,10	
44	Lý Văn Lâm	Cổng bến Tàu A (cũ)	Cổng công viên Văn Hoá	1,10	
45	Lý Văn Lâm	Cổng công viên Văn Hoá	Trụ sở khóm 13 và cửa xã số 09 (tên cũ: Hết ranh trường Tiểu học Phường 1, khu A)	1,10	
46	Lý Văn Lâm	Trụ sở khóm 13 và cửa xã số 09 (tên cũ: Hết ranh trường Tiểu học Phường 1, khu A)	Lương Thế Vinh	1,10	
47	Lý Văn Lâm	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1,10	
48	Lý Văn Lâm	Võ Văn Tần	Ranh phường 1 cũ	1,10	
49	Lý Văn Lâm	Ranh Phường 1 cũ	Cầu Giồng Kè	1,10	
50	Nguyễn Trãi	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1,10	
51	Nguyễn Trãi	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Thiện Năng	1,10	
52	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thiện Năng	Tạ Uyên	1,10	
53	Nguyễn Trãi	Tạ Uyên	Hết ranh khách sạn Best	1,10	
54	Nguyễn Trãi	Hết ranh khách sạn Best	Cổng Kênh Mới	1,10	
55	Quốc lộ 63	Cổng Kênh Mới	Cầu số 2	1,10	
56	Quốc lộ 63	Cầu số 2	Cách cầu số 3:	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_t)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			300m		
57	Quốc lộ 63	Cách cầu số 3: 300m	Cầu số 3	1,10	
58	Đường Kênh Củi	Nguyễn Trãi	Hết ranh Trường tiểu học phường 9 (Khu C)	1,10	
59	Đường Kênh Củi	Đoạn còn lại		1,10	
60	Kênh Mới	Quốc lộ 63	Cầu Thanh Niên	1,10	
61	Tuyến Kênh Mới	Sông Cũ	Cầu Kênh Thống Nhất	1,10	
62	Tuyến kênh Mới (bên trái tuyến) - phường Tân Xuyên cũ	Cầu Thanh Niên	Kênh Xáng Bạch Ngưu	1,10	
63	Kênh Mới (bên phải tuyến)	cầu Kênh Thống Nhất	Ngã tư Bảy Nửa	1,10	
64	Đề Thám	Toàn tuyến		1,10	
65	Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		1,10	
66	Trung Trắc	Toàn tuyến		1,10	
67	Trung Nhị	Toàn tuyến		1,10	
68	Lê Lai	Toàn tuyến		1,10	
69	Vưu Văn Tỷ	Phan Chu Trinh	Nguyễn Hữu Lễ	1,10	
70	Nguyễn Thiện Năng	Lâm Thành Mậu	Kênh 16	1,10	
71	Nguyễn Thiện Năng	Kênh 16	Nguyễn Trãi	1,10	
72	Bùi Thị Xuân	Lý Bôn	Lý Thái Tôn	1,10	
73	Đường vào Thành đội Cà Mau	Nguyễn Trãi	Hết ranh đất của Thành đội cũ	1,10	
74	Các đường nhánh thuộc khu Tân Lộc - Phường 9			1,10	
75	Đại Đức Hữu Nhem	Lý Văn Lâm	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
76	Đường vào UBND phường 1 (cũ)	Lý Văn Lâm	Hết ranh trường Mẫu giáo Hòa Mi	1,10	
77	Các đường nhánh xung quanh UBND phường 1 (cũ)			1,10	
78	Đinh Tiên Hoàng	Ranh dự án khu dân cư Minh Thắng (tên cũ: Đường Châu Văn Liêm)	Phan Ngọc Hiển	1,10	
79	Đinh Tiên Hoàng	Phan Ngọc Hiển	Ngô Quyền	1,10	
80	Đinh Tiên Hoàng	Ngô Quyền	Đại Đức Hữu Nhem (tên cũ: Hết đường hiện hữu (Hướng về phường 1)	1,10	
81	Đinh Tiên Hoàng	Đại Đức Hữu Nhem (tên cũ: Hết đường hiện hữu (Hướng về phường 1)	đường Lý Văn Lâm	1,10	
82	Hoa Lư	Toàn tuyến		1,10	
83	Võ Văn Tần	Lý Văn Lâm	Ngô Quyền	1,10	
84	Võ Văn Tần	Ngô Quyền	Đường số 1	1,10	
85	Võ Văn Tần	Đường số 1	Châu Văn Liêm	1,10	
86	Lương Thế Vinh	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1,10	
87	Lộ xi măng (cấp kênh Thống Nhất)	Ngô Quyền	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
88	Mậu Thân	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Trần Quang Diệu	1,20	
89	Mậu Thân	Trần Quang Diệu	Nguyễn Trãi	1,20	
90	Vành đai 2 phường 4 cũ (đường Mậu Thân nối dài)	Nguyễn Trãi	Cầu Phụng Hiệp	1,10	
91	Tạ Uyên	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	1,10	
92	Tạ Uyên	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1,10	
93	Trần Quang Diệu	Tạ Uyên	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam -	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_t)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Hàn Quốc		
94	Trần Quang Diệu	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	Hết đường hiện trạng	1,10	
95	Đoàn Giỏi	Trần Quang Diệu	Đường số 16	1,10	
96	Ngô Thời Nhiệm	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1,10	
97	Nguyễn Hữu Nghĩa	Đường Mậu Thân	Trường Tiểu Học Phường 9	1,10	
98	Trương Định	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1,10	
99	Lê Duẩn	Ngô Quyền	Cổng KDC Minh Thắng	1,10	
100	Hồ Tùng Mậu	Nguyễn Trãi	Sông Cũ	1,10	
101	Kênh Thống Nhất	Mậu Thân	Cầu Thanh Niên	1,10	
102	Tuyến kênh xáng Bạch Ngưu (bên phải tuyến) - Phường Tân Xuyên cũ	Sông Tắc Thủ	Điểm trường tiểu học Lý Tự Trọng	1,10	
103	Kênh Giồng Kè (bên phải tuyến) - phường Tân Xuyên cũ	Sông Tắc Thủ (tên cũ: Cầu Giồng Kè)	Kênh xáng Bạch Ngưu	1,10	
104	Tuyến Kênh Giồng Kè (bên trái tuyến)	Sông Tắc Thủ	Kênh xáng Bạch Ngưu	1,10	
105	Tuyến kênh Đường Cộ (bên trái tuyến) - phường Tân Xuyên cũ	Ngã tư Bảy Nửa	Kênh Xáng Bạch Ngưu	1,10	
106	Tuyến Kênh Đường Cộ (bên phải tuyến)	Ngã tư Bảy Nửa	Kênh xáng Bạch Ngưu	1,10	
107	Tuyến kênh Thống Nhất (bên phải tuyến) -phường Tân Xuyên cũ	Từ cầu Thanh Niên	Mậu Thân	1,10	
108	Tuyến kênh Thầy Phó (bên trái tuyến) - Phường Tân	Quốc lộ 63	Ngã tư Ba Kiều	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_t)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Xuyên cũ				
109	Lộ Giao thông nông thôn	Cầu số 3	Vàm Cái Giữa (Giáp ranh phường Tân Xuyên)	1,10	
110	Lộ Giao thông nông thôn	Cổng số 2	Đập Xóm Làng (Kênh xáng Phụng Hiệp)	1,10	
111	Đường số 1	Hết ranh Bệnh viện Điều dưỡng (tên cũ: Đường Ngô Quyền)	đường Lý Văn Lâm	1,10	
112	Đường vào cổng sau trường Lê Quý Đôn (lộ giới 18m)	Trần Quang Diệu	Nguyễn Hữu Nghĩa	1,10	
113	Đường đối diện chùa Từ Quang	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đinh Tiên Hoàng theo quy hoạch (ngã tư)	1,10	
114	Tuyến Kênh Lung Lá	Nhà ông Trần Văn Xuyên (Thửa số 265 tờ số 10)	Hết đường hiện hữu (thửa 245 tờ số 10)	1,10	
115	Tuyến Kênh Lung Lá	Kênh Thủy Lợi (Thửa số 310 tờ số 10)	Hết đường hiện hữu (thửa 256 tờ số 10)	1,10	
116	Đỗ Thừa Luông	Ngô Quyền	Huỳnh Phi Hùng	1,10	
117	Huỳnh Tấn Phát	Tạ Uyên	Nguyễn Văn Bảy	1,10	
118	Nguyễn Văn Bảy	Ngô Quyền	Châu Văn Liêm (tên cũ: Đường số 4 Khóm 3, phường 9)	1,10	
119	Nam Cao	Nguyễn Trung Thành	Huỳnh Phi Hùng	1,10	
120	Huỳnh Phi Hùng	Nguyễn Văn Bảy	Nam Cao	1,10	
121	Phan Đình Giót	Nguyễn Văn Bảy	Tạ Uyên (tên cũ: Lê Duẩn)	1,10	
122	Đường Tuệ Tĩnh	Đỗ Thừa Luông	Nam Cao	1,10	
123	Đường số 12 (Tuệ Tĩnh)	Đỗ Thừa Tự	Nguyễn Văn Bảy	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
124	Nguyễn Thị Nho	Nguyễn Trung Thành	Huỳnh Tấn Phát	1,10	
125	Đỗ Thừa Tự	Nguyễn Trung Thành	Phan Đình Giót	1,10	
126	Nguyễn Trung Thành	Đỗ Thừa Luông	Nguyễn Văn Bảy	1,10	
127	Phạm Thế Hiển (tên cũ: Đường vào trường Phan Bội Châu)	Trần Nguyên Hân (tên cũ: Đường số 11 (Khu Tái định cư Hợp phần 3))	Hẻm 82/14 (tên cũ: Cổng sau Trường Phan Bội Châu)	1,10	
128	Tuyến Kênh Đường Củi	Mậu Thân	Ranh Phường 1	1,10	
129	Tuyến Kênh Thống Nhất	Cầu Thống Nhất	Ranh Nghĩa trang thành phố	1,10	
130	Lê Đức Thọ	Quốc Lộ 63 (tên cũ: 'Ranh công ty phát triển nhà)	Thiền viện Trúc Lâm	1,10	
131	Tuyến kênh Cái Giữa	Từ Trường Lý Tự Trọng	Ngã 4 Ba Kiêu	1,10	
132	Tuyến Sông Cũ	Giáp ranh dự án Khu D Phường Tân Xuyên cũ	Kênh xáng Phụng Hiệp	1,10	
133	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,10	
134	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$			1,10	
135	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
	LIA 1				
136	Hẻm 234 (Thông hẻm D3) rộng $\geq 4m$	Đường Nguyễn Bính (Đường D1)	Đường D3	1,10	
137	Hẻm 234 (Đoạn H2) rộng 5m	Đường Nguyễn Bính (Đường D1)	Ngã ba hẻm 3m giao 5m	1,10	
138	Hẻm 132B (Đầu nối D2 và Đại Đức Hữu Nhem) rộng	Đại Đức Hữu Nhem	Đường D2	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	6m				
139	Hẻm 132B (Đoạn H4) rộng 5m	Đại Đức Hữu Nhem	Đường Nguyễn Bính (Đường D1)	1,10	
140	Đường vào Khuôn viên cây xanh (đoạn H5) rộng 5m	Đại Đức Hữu Nhem	Khuôn viên cây xanh	1,10	
141	Đường H6 Khu TĐC rộng 6m	Đường D2	Đường D3	1,10	
142	Hẻm 232 (UBND phường 1 cũ) rộng $\geq 4m$	Lý Văn Lâm		1,10	
143	Hẻm 196 rộng 5m	Lý Văn Lâm	Đường D2	1,10	
144	Hẻm 168 rộng $\geq 4m$	Lý Văn Lâm	Tiếp giáp đoạn 3m	1,10	
145	Nguyễn Bính (Đường D1 rộng 10m)	Đường Lý Văn Lâm	Đường D3	1,10	
146	Đường D2 rộng $\geq 12m$	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 240	1,10	
147	Đường D3 rộng 18m	Đường Đại Đức Hữu Nhem	Đường H6	1,10	
148	Đường dự kiến số 1 (cấp UBND thành phố) rộng 6m	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ranh UBND thành phố	1,10	
	LIA 2				
149	Hẻm 36 rộng $\geq 4m$	Phía sau Hải Nam Cổ Miếu	Hộ Nguyễn Thị Bích Phượng	1,10	
150	Hẻm 68 nối dài rộng 6m	Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 220	1,10	
151	Hẻm 132 rộng 6m	Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 220	1,10	
152	Hẻm 220 rộng $\geq 4m$	Nối liền hẻm 68	Giáp đường dự kiến số 1	1,10	
153	Hẻm 26 rộng $\geq 4m$	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1,10	
154	Hẻm 48C rộng $\geq 4m$	Nguyễn Trãi	Hàng rào UBND thành phố	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_t)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
155	Hẻm Huỳnh Long rộng $\geq 4\text{m}$	Nguyễn Trãi	Giáp ranh trụ sở khóm 4	1,10	
	LIA 3				
156	Hẻm Quán Lá (H234) rộng 5m	Đường Phan Ngọc Hiển	Hẻm Hoài Thu	1,10	
157	Hẻm Hoài Thu (H234) rộng $\geq 4\text{m}$	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đinh Tiên Hoàng dự kiến	1,10	
158	Đường Cặp trường Nguyễn Thị Minh Khai (Lia)	Trần Quang Diệu	Nguyễn Hữu Nghĩa	1,10	
	LIA 4				
159	Đường Cặp Đài Truyền Hình (Hẻm 421) rộng 12m	Nguyễn Trãi	Giáp phường 4	1,10	
160	Hẻm 78 rộng 7m	Phạm Hồng Thám	Hẻm 106	1,10	
161	Hẻm 124 rộng 6m	Phạm Hồng Thám	Cổng thoát nước kênh 16	1,10	
	LIA 5				
162	Hẻm 02 Thanh Tuyến (cuối hẻm) rộng 4m	Đoạn Hẻm 48 - Hẻm 79	Cuối tuyến	1,10	
163	Hẻm 02 Thanh Tuyến rộng 6m	Phan Ngọc Hiển	Ngã tư hẻm 48 - Hẻm 79	1,10	
164	Hẻm 38 Thông 42 rộng 9m	Lý Bôn	Lâm Thành Mậu	1,10	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường An Xuyên

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_t)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu nhà ở xã hội khóm 4, phường 9 (Giáp ranh Trường Chính trị tỉnh)				
1	Đường N3	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	Đường N2	Toàn tuyến		1,10	
3	Đường D3	Toàn tuyến		1,10	
4	Đường D1	Toàn tuyến		1,10	
	Khu Dân cư Bến Vật liệu, khóm 6, phường 9				
5	Đường số 2	Toàn tuyến		1,10	
6	Đường số 3	Toàn tuyến		1,10	
7	Đường số 5	Toàn tuyến		1,10	
8	Đường số 6	Toàn tuyến		1,10	
	Khu Liên kế Phát triển Nhà, đường Vành đai 2, khóm 6, phường 9				
9	Đường số 5	Toàn tuyến		1,10	
10	Đường số 8	Toàn tuyến		1,10	
11	Đường số 11	Toàn tuyến		1,10	
12	Đường số 9	Toàn tuyến		1,10	
13	Đường số 12	Toàn tuyến		1,10	
14	Đường số 13	Toàn tuyến		1,10	
15	Đường số 14	Toàn tuyến		1,10	
16	Đường số 16	Toàn tuyến		1,10	
17	Đường số 17	Toàn tuyến		1,10	
	Khu dân cư Sông Cũ (Khu A) - Phường Tân Xuyên				
18	Đường Lê Trọng Tấn (lộ giới 20m)	Đường số 05	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
19	Đường số 2	Đường số 05	Đường Phan Văn Xoàn	1,10	
20	Đường Lê Văn Một	Đường số 05	Đường Lê Trọng Tấn	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Đường Phạm Văn Bạch (lộ giới 20m)	Đường số 06	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
22	Đường số 06 (lộ giới 10m)	Đường Phạm Văn Bạch	Đường Lê Văn Một	1,10	
23	Đường số 06 (lộ giới 20m)	Đường Lê Văn Một	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
24	Đường số 07	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
25	Đường số 08	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
26	Đường số 09 (lộ giới 28m)	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
27	Đường Phan Văn Xoàn (lộ giới 23m)	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Lê Đức Thọ	1,10	
28	Đường số 11	Đường số 05	Đường số 06	1,10	
	<i>Khu tiểu thu công nghiệp An Xuyên (Khu B) - Phường Tân Xuyên</i>				
29	Đường Phạm Văn Bạch (lộ giới 17m)	Đường Lê Đức Thọ	Đường vào trường Cao Đẳng Cộng đồng	1,10	
30	Đường số 06 (lộ giới 30m)	Đường Lê Đức Thọ	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
31	Đường số 09 (lộ giới 32m)	Đường Lê Đức Thọ	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
32	Đường Phan Văn Xoàn (lộ giới 27m)	Đường Lê Đức Thọ	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
33	Lê Văn Cổ (tên cũ: Đường số 11)	Đường Lê Đức Thọ	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
34	Đường số 12 (lộ giới 17m)	Đường số 05	Đường số 09	1,10	
35	Đường số 12 (lộ giới 12m)	Đường số 09	Đường số 11	1,10	
36	Đường Lê Trọng Tấn (lộ giới 16m)	Đường Lê Đức Thọ	Đường số 01 (Khu D)	1,10	
37	Đường số 14	Đường số 15 (tên cũ Đường số 05)	Đường số 01 (Khu D)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Đường số 15	Đường số 09	Đường Phan Văn Xoàn	1,10	
	Khu nhà ở xã hội phường 4, phường 9				
39	Đường số 1	Toàn Tuyến		1,10	
40	Đường số 2	Toàn Tuyến		1,10	
41	Đường số 6	Toàn Tuyến		1,10	
42	Đường số 11 (tên cũ: Đường số 6)	Toàn tuyến		1,10	
43	Đường số 12	Toàn Tuyến		1,10	
44	Đường số 18	Toàn Tuyến		1,10	
45	Đường số 19	Toàn Tuyến		1,10	
46	Đường số 20	Toàn Tuyến		1,10	
47	Đường số H6	Toàn Tuyến		1,10	
48	Đường số H7	Toàn Tuyến		1,10	
49	Đường số H16	Toàn Tuyến		1,10	
	Khu tái định cư tập trung hợp phần 3				
50	Dương Đình Nghệ (tên cũ: Đường số 1)	Đường số 6	Mạc Cửu	1,00	
51	Đường số 2	Toàn Tuyến		1,00	
52	Thái Thị Chi (Đường số 3)	Đường số 1	Đường số 2	1,00	
53	Nguyễn Cừ (tên cũ: Đường số 8)	Đường số 7	Mạc Cửu (Đường số 10)	1,00	
54	Từ Thị Kiêng (Đường số 9)	Đường số 7	Trần Nguyên Hãn	1,00	
55	Mạc Cửu (Đường số 10)	Lâm Thành Mậu	Đường số 2	1,00	
56	Trần Nguyên Hãn (Đường số 11)	Toàn Tuyến	Giáp ranh phường 9	1,00	
57	Lâm Thị Ba (Đường số 12)	Đường số 9	Đường số 2	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Phan Thị Thanh (Đường số 13)	Từ Thị Kiềng (Đường số 9)	Đường số 2	1,00	
59	Phù Kim Liên (Đường số 15)	Đường số 1	Đường số 2	1,00	
60	Trịnh Hòa Đức	Đường số 6	Đường số 5	1,00	
61	Nguyễn Văn Tường	Đường số 2	Đường Từ Thị Kiềng	1,00	
62	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 7m		1,00	
63	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 12m		1,00	
64	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 20m		1,00	
65	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 25m		1,00	
66	Đường Nguyễn Hữu Chính	Lâm Thành Mậu	Dương Đình Nghệ	1,00	
	Khu tái định cư nhóm 6 phường 9				
67	Các tuyến đường thuộc dự án	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 12m		1,00	
68	Các tuyến đường thuộc dự án	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 4,5m (không có vỉa hè)		1,00	
	Khu tái định cư thuộc khu Hành chính Văn hoá, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau tại phường 1, thành phố Cà Mau				
69	Đường số 4	Toàn Tuyến		1,00	
70	Đường số 6	Toàn Tuyến		1,00	
71	Đường số 8	Toàn Tuyến		1,00	
72	Đường số 7	Toàn Tuyến		1,00	
73	Đường số 10	Toàn Tuyến		1,00	
74	Đường số 13 (tên cũ: Đường số 10)	Toàn tuyến		1,00	
75	Đường số 11	Toàn Tuyến		1,00	
76	Đường số 12	Toàn Tuyến		1,00	
77	Đường số 14	Toàn Tuyến		1,00	
78	Đường số 16	Toàn Tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu Tây Nam Ngô Quyền, Khóm 2, Phường 1 (cũ)				
79	Đường số 1	Ngô Quyền	Đường số 6	1,10	
80	Đường số 2	Đường số 1	Đường số 5	1,10	
81	Đường số 3	Ngô Quyền	Nguyễn Bính (tên cũ: Đường số 6)	1,10	
82	Đường số 4	Đường số 1	Đường số 5	1,10	
83	Đường số 5	Ngô Quyền	Đường số 4	1,10	
84	Đường số 6	Đường số 1	Cuối đường	1,10	
	Khu Licogi, Khóm 6, phường 1 (cũ)				
85	Bùi Hữu My	Tổ Hữu	Phạm Thị Đồng	1,10	
86	Cao Lỗ	Tổ Hữu	Phạm Thị Đồng	1,10	
87	Châu Văn Liêm	Huỳnh Thị Kim Liên	Võ Văn Tàn	1,10	
88	Tô Thị Tẻ	Dương Văn Thà	Châu Văn Liêm	1,10	
89	Đường số 1	Võ Văn Tàn	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
90	Đường số 12	Võ Văn Tàn	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
91	Võ Văn Ngân	Võ Văn Tàn	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
92	Dương Văn Thà	Võ Văn Tàn	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
93	Hồ Thị Kỷ	Tổ Hữu	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
94	Huỳnh Thị Kim Liên	Đường số 1	Đường số 12	1,10	
95	Lê Thị Bái	Dương Văn Thà	Châu Văn Liêm	1,10	
96	Nguyễn Cư Trinh	Đường số 1	Võ Văn Tàn	1,10	
97	Đường số 1	Ngô Quyền	Hết ranh Bệnh viện điều dưỡng	1,10	
98	Nguyễn Thị Sáu	Tổ Hữu	Phạm Thị Đồng	1,10	
99	Nguyễn Vĩnh Nghịệp	Dương Văn Thà	Châu Văn Liêm	1,10	
100	Phạm Thị Đồng	Trần Ngọc Hy	Châu Văn Liêm	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
101	Lâm Văn Lích	Trần Ngọc Hy	Võ Văn Ngân	1,10	
102	Phó Đức Chính	Lâm Văn Lích	Phạm Thị Đồng	1,10	
103	Thái Văn Lung	Võ Văn Tần	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
104	Tổ Hữu	Dương Văn Thà	Đường số 12	1,10	
105	Trần Ngọc Hy	Tổ Hữu	Huỳnh Thị Kim Liên	1,10	
<i>Khu dân cư Đông Bắc Quảng trường Văn hoá Trung tâm Khu C, phường 1, phường 9 (Cũ)</i>					
106	Châu Văn Liêm	Ranh dự án	Lê Duẩn	1,10	
107	Châu Văn Liêm	Lê Duẩn	Đường số 5	1,10	
108	Đường số 4	Đường số 5	Lê Duẩn	1,10	
109	Đường số 6	Đường số 5	Tạ Uyên	1,10	
110	Đường số 6	Tạ Uyên	Lê Duẩn	1,10	
111	Đường số 6	Lê Duẩn	Đường số 14	1,10	
112	Đường số 7	Đường số 5	Đường số 19	1,10	
113	Đường số 8	Đường số 11	Đường số 15	1,10	
114	Đường số 8	Đường số 15	Đường số 18	1,10	
115	Đường số 9	Đường số 18	Lê Duẩn	1,10	
116	Đường số 9	Đường số 15	Đường số 11	1,10	
117	Đường số 10	Đường số 11	Đường số 15	1,10	
118	Đường số 11	Đường số 8	Đường số 10	1,10	
119	Đường số 12	Đường số 8	Đường số 10	1,10	
120	Đường số 13	Đường số 8	Đường số 10	1,10	
121	Đường số 14	Đường số 8	Đường số 10	1,10	
122	Đường số 15	Đường số 6	Đường số 10	1,10	
123	Lê Duẩn	Đường số 04	Đường số 10	1,10	
124	Đường số 3	Đường số 04	Đường số 10	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
125	Đường số 5	Đường số 04	Châu Văn Liêm	1,10	
126	Đường số 18	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
127	Đường số 19	Đường số 06	Châu Văn Liêm	1,10	
	<i>Khu dân cư khu D. phường Tân Xuyên (cũ)</i>				
128	Đường số 01	Đường số 09	Đường số 10	1,10	
129	Đường số 02	Đường số 03	Đường số 07	1,10	
130	Đường số 03	Đường số 02	Đường số 10	1,10	
131	Đường số 05	Đường số 02	Đường số 10	1,10	
132	Đường số 06	Đường số 07	Đường số 11	1,10	
133	Đường số 07	Đường số 09	Đường số 11	1,10	
134	Ngô Kinh Luân (tên cũ: Đường số 08)	Đường số 01	Đường số 11	1,10	
135	Đường số 09	Đường số 01	Đường số 11	1,10	
136	Đường số 10	Đường số 01	Đường số 07	1,10	
137	Đường số 10	Đường số 07	Đường số 11	1,10	
138	Đường số 11	Toàn tuyến (tên cũ: Đường số 07)		1,10	
	<i>Khu Vincom Cà Mau</i>				
139	Các đường nội bộ trong dự án			1,10	

2. PHƯỜNG TÂN THÀNH

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường Tân Thành

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Phan Ngọc Hiển	1,10	
2	Phan Ngọc Hiển	Mố cầu Phan Ngọc Hiển	Quang Trung: bên trái	1,10	
3	Phan Ngọc Hiển	Mố cầu Phan Ngọc Hiển	Quang Trung: bên phải	1,10	
4	Phan Bội Châu	Quang Trung	Hết ranh Sờ Thủy sản cũ	1,10	
5	Phan Bội Châu	Hết ranh Sờ thủy sản cũ	Cầu Gành Hào	1,10	
6	Phan Bội Châu	Cầu Gành Hào	Hẻm 159	1,10	
7	Phan Bội Châu	Hẻm 159	Cầu Huỳnh Thúc Kháng	1,10	
8	Phan Bội Châu	Cầu Huỳnh Thúc Kháng	Hẻm Bệnh viện sản - nhi	1,10	
9	Quang Trung	Phan Bội Châu	Cầu Cà Mau	1,10	
10	Quang Trung	Cầu Cà Mau	Cầu Phan Ngọc Hiển (tên cũ: Cầu Phụng Hiệp)	1,10	
11	Quang Trung	Cầu Phan Ngọc Hiển (tên cũ: Cầu Phụng Hiệp)	Bùi Thị Trường	1,10	
12	Quang Trung	Bùi Thị Trường	Đường 30/4 nối dài	1,10	
13	Quang Trung	Đường 30/4 nối dài	Đường 3/2	1,10	
14	Quang Trung	Đường 3/2	Cổng Cà Mau	1,10	
15	Quang Trung (Tên cũ: Kênh Xáng Phụng Hiệp)	Cổng Cà Mau	Vàm Cái Nhúc	1,10	
16	Kênh Xáng Phụng Hiệp	Vàm Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành (Kênh Ông Tơ)	1,10	
17	Kênh xáng Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành (Kênh Ông Tơ)	giáp xã Tân Thạnh (tên cũ: giáp Ranh tỉnh Bạc Liêu)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Nguyễn Văn Lang	Vàm Cái Nhúc đi UBND phường Tân Thành cũ	Cầu Cà Tràm Lớn (tên cũ: Ranh Phường Tân Thành)	1,10	
19	Nguyễn Văn Lang	Cầu Cà Tràm Lớn (tên cũ: Ranh Phường Tân Thành)	Rạch Bình Định (UBND xã Tân Thành cũ)	1,10	
20	Nguyễn Văn Lang	Rạch Bình Định (UBND xã Tân Thành cũ)	Cổng Kênh Mới Giáp Trung tâm VHTT phường Tân Thành (hướng đi về Kênh đường đào)	1,10	
21	Nguyễn Văn Lang	Cổng Kênh Mới Giáp Trung tâm VHTT phường Tân Thành (hướng đi về Kênh đường đào)	Trạm Xăng dầu Biên Phòng	1,00	
22	Bùi Thị Trường	Quang Trung	Hùng Vương	1,10	
23	Bùi Thị Trường	Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Sanh	1,10	
24	Trần Văn Thời	Nguyễn Ngọc Sanh	Đường 3/2	1,10	
25	Lý Thường Kiệt	Ranh phường 6	Đầu lộ Tân Thành	1,10	
26	Lý Thường Kiệt	Đầu lộ Tân Thành	Cột mốc KM số 4	1,10	
27	Lý Thường Kiệt	Cột mốc KM số 4	Ranh sân bay	1,10	
28	Lý Thường Kiệt	Ranh sân bay	Cách bến xe liên tỉnh 100m	1,10	
29	Lý Thường Kiệt	Riêng khu vực bến xe liên tỉnh	Cách 2 bên 100m	1,10	
30	Lý Thường Kiệt	Cách bến xe liên tỉnh 100m	Hèm đối diện Nhà thờ Bảo Lộc	1,10	
31	Lý Thường Kiệt	Đối diện Nhà thờ Bảo Lộc	Tượng đài	1,10	
32	Lý Thường Kiệt	Tượng đài	Mố cầu Cà Mau	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Cà Mau	Quang Trung (2 bên cầu)	1,10	
34	An Dương Vương	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	1,10	
35	An Dương Vương	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,10	
36	An Dương Vương	Hồ Trung Thành	Đường 6A, 6B	1,10	
37	Hùng Vương	Huỳnh Ngọc Diệp	Bông Văn Dĩa	1,10	
38	Hùng Vương	Bông Văn Dĩa	Bùi Thị Trường	1,10	
39	Hùng Vương	Bùi Thị Trường	Phan Ngọc Hiển	1,10	
40	Hùng Vương	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,10	
41	Hùng Vương	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Gành Hào	1,10	
42	Hùng Vương	Mố cầu Gành Hào	Phan Bội Châu: Bên phải	1,10	
43	Hùng Vương	Mố cầu Gành Hào	Phan Bội Châu: Bên trái	1,10	
44	Lưu Tấn Tài	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,10	
45	Trần Hưng Đạo	Phan Bội Châu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1,00	
46	Trần Hưng Đạo	Mố Cầu Huỳnh Thúc Kháng	Lý Thường Kiệt	1,00	
47	Trần Hưng Đạo	Lý Thường Kiệt	Phan Ngọc Hiển	1,00	
48	Trần Hưng Đạo	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Du	1,00	
49	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,00	
50	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	Tạ An Khương	1,00	
51	Trần Hưng Đạo	Tạ An Khương	Phạm Ngọc Thạch	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Trần Hưng Đạo	Phạm Ngọc Thạch	Cầu Cái Nhúc	1,00	
53	Quản lộ Phụng Hiệp	Cầu Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành cũ	1,00	
54	Quản lộ Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành cũ	Ranh tỉnh Bạc Liêu cũ	1,00	
55	Lê Đại Hành	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,10	
56	Trần Văn Bình	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Hưng Đạo	1,10	
57	Trần Văn Bình	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	1,10	
58	Châu Văn Đặng	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1,10	
59	Đường 30/4	Trần Văn Thời	Nguyễn Ngọc Sanh	1,10	
60	Đường 30/4	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Hưng Đạo	1,10	
61	Nguyễn Ngọc Sanh	Phan Ngọc Hiển	Đường 30/4	1,10	
62	Đường 1/5	Trần Hưng Đạo	Đường 30/4	1,10	
63	Đường số 1, 2, 3	Đường 30/4	Đường 1/5	1,10	
64	Dương Thị Cẩm Vân	Tạ An Khương	Mậu Thân	1,10	
65	Đường 3/2	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1,10	
66	Đường 3/2	Trần Văn Thời	Tôn Đức Thắng	1,10	
67	Đường 3/2	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1,10	
68	Đường 3/2	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1,10	
69	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Khải	Đường 3/2	1,10	
70	Tôn Đức Thắng	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
71	Nguyễn Du	Đường 3/2	Quang Trung	1,10	
72	Lê Công Nhân	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,10	
73	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	1,10	
74	Phạm Ngũ Lão	Tôn Đức Thắng	Tô Hiến Thành	1,10	
75	Phạm Ngũ Lão	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,10	
76	Lê Hoàng Thá	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,10	
77	Lê Hoàng Thá	Đường 3/2	Hết đường hiện hữu	1,10	
78	Mạc Đình Chi	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,10	
79	Mạc Đình Chi	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	
80	Nguyễn Đình Thi	Đường 3/2	Tô Hiến Thành	1,10	
81	Ngô Gia Tự	Đường số 3 (Đường 30/4 nối dài)	Huỳnh Ngọc Diệp	1,00	
82	Ngô Gia Tự	Huỳnh Ngọc Diệp	Đường 3/2	1,10	
83	Ngô Gia Tự	đường 3/2	Tạ An Khương	1,10	
84	Ngô Gia Tự	Tạ An Khương	Phạm Ngọc Thạch	1,10	
85	Ngô Gia Tự	Phạm Ngọc Thạch	Mậu Thân (tên cũ: Vành đai 2)	1,10	
86	Nguyễn Việt Khái	Toàn tuyến		1,10	
87	Huỳnh Ngọc Diệp	Quang Trung	Hùng Vương	1,10	
88	Huỳnh Ngọc Diệp	Hùng Vương	Nguyễn Du	1,10	
89	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Việt Khái	Trần Hưng Đạo	1,10	
90	Tô Hiến Thành	Mạc Đình Chi	Trần Hưng Đạo	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
91	Tô Hiến Thành	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1,10	
92	Trần Quang Khải	Nguyễn Du	Đường Tạ An Khương	1,10	
93	Trần Bình Trọng	Nguyễn Du	Đường Tạ An Khương	1,10	
94	Tôn Thất Tùng	Ngô Gia Tự	Quang Trung	1,10	
95	Lê Khắc Xương	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1,10	
96	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo (Cổng Phước Lộc Thọ)	Đường nội bộ khu thương mại Hoàng Tâm	1,10	
97	Nguyễn Văn Trỗi	Đoạn song song với đường Trần Hưng Đạo		1,10	
98	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Đường nội bộ khu thương mại Hoàng Tâm	1,10	
99	Bông Văn Dĩa	Hùng Vương	Nguyễn Văn Biên	1,10	
100	Nguyễn Chánh Tâm	Bông Văn Dĩa	Chung Thành Châu	1,10	
101	Phạm Chí Hiền	Bông Văn Dĩa	Chung Thành Châu	1,10	
102	Hồ Trung Thành	Đường số 12	Đường số 8	1,10	
103	Đường La Văn Cầu	Toàn tuyến		1,10	
104	Đường Sư Vạn Hạnh	Đường số 11	UBND phường 7 cũ	1,10	
105	Lê Văn Sỹ (Đường số 6A)	Cuối đường An Dương Vương	Phan Bội Châu	1,10	
106	Đường số 6B	Cuối An Dương Vương	Quang Trung	1,10	
107	Đường Nguyễn Thái Học	Toàn tuyến		1,10	
108	Đường Nguyễn Khuyến	Toàn tuyến		1,10	
109	Đường số 10	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
110	Đường số 13	Đường số 10	Hồ Trung Thành	1,10	
111	Đường số 11	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,10	
112	Đường số 11	Hồ Trung Thành	Đường số 12	1,10	
113	Đường số 12	Nguyễn Thái Học	Hẻm 63	1,10	
114	Đường số 12	Hẻm 63	Hồ Trung Thành	1,10	
115	Đường số 8	Hồ Trung Thành	Đường số 3	1,10	
116	Hoàng Văn Thụ	Lý Thường Kiệt	Hết ranh phường 6 cũ	1,10	
117	Hoàng Văn Thụ	Hết ranh phường 6 cũ	Kênh Xáng Cái Nhúc Trụ sở UBND phường Tân Thành	1,10	
118	Tuyến Ông Tơ	Kênh Xáng Cái Nhúc	Kênh Xáng Phụng Hiệp	1,10	
119	Đường vào khu tập thể Sở Tài chính			1,10	
120	Chung Thành Châu	Trần Hưng Đạo (tên cũ: Hùng Vương)	Đường số 03 thuộc khu dân cư Hồ Chợ phường 5 (đường 30/4 nối dài) (tên cũ: Hùng Vương)	1,10	
121	Khu đất phía sau Co.opMart (Khu Đại đội Thông tin phường 5 cũ)			1,10	
122	Đường nội bộ Chợ nông sản thực phẩm phường 7			1,10	
123	Đường vào Đài không lưu, phường 6	Các lô từ 7A	Đến 21A	1,10	
124	Đường vào Đài không lưu, phường 6	Các lô từ 22A	Đến 36A	1,10	
125	Trần Văn Phú	Trần Văn Thời	Đường 30/4	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
126	Tuyến sông Cái Nhúc - Bên trái tuyến	Cầu Vàm Cái Nhúc	Kênh Ông Tơ	1,10	
127	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Mậu Thân (tên cũ: Đường Nguyễn Bính)	1,10	
128	Đường Tạ An Khương	Đường Trần Hưng Đạo	Dương Thị Cẩm Vân	1,10	
129	Tạ An Khương	Trần Hưng Đạo	Ranh Dự án Hoàng Tâm	1,10	
130	Đường Lạc Long Quân (Khu Công Nông 2, phường 7, TP. Cà Mau)	Đường An Dương Vương	Đoàn Thị Diễm	1,10	
131	Phạm Ngọc Thạch	Dương Thị Cẩm Vân	Ranh phường 6	1,10	
132	Thoại Ngọc Hầu (thuộc Khu Đông Bắc)	Toàn tuyến		1,10	
133	Đường H7	Đường 3/2	Khu dân cư 5 Nhựt	1,10	
134	Quốc lộ 1A	Ranh xã Phong Thạnh Tây (tên cũ: Ranh tỉnh Bạc Liêu)	Hết ranh Nhà thờ Công Giáo (tên cũ: Hết ranh chùa Hưng Vân Tự)	1,10	
135	Quốc lộ 1A	Hết ranh Nhà thờ Công Giáo (tên cũ: Hết ranh chùa Hưng Vân Tự)	Ranh xã Định Bình cũ (tên cũ: Phía Đông nhà thờ Tin Lành)	1,10	
136	Quốc lộ 1A	Ranh xã Định Bình cũ	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	1,10	
137	Quốc lộ 1A	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	Hết Nhà máy nhiệt điện	1,10	
138	Quốc lộ 1A	Hết Nhà máy nhiệt điện	Ranh phường 6 cũ	1,10	
139	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	cầu vượt	Lý Thường Kiệt (2 nhánh rẽ)	1,00	
140	Đường Tô Hiến Thành	Đường 3/2	Khu dự án Hoàng Tâm	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
141	Đường Nguyễn Văn Biên	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Văn Bình	1,10	
142	Đường Danh Thị Tươi	Tôn Đức Thắng	Dương Thị Cẩm Vân (tên cũ: Ngô Gia Tự)	1,10	
143	Đường Lê Thị Riêng	Trần Hưng Đạo	Bà Triệu	1,10	
144	Đường Huyền Trân Công Chúa	Trần Hưng Đạo	Bà Triệu	1,10	
145	Đường Âu Cơ	Trần Hưng Đạo	Lạc Long Quân	1,10	
146	Đường Âu Cơ	Lạc Long Quân	Hết đường hiện hữu	1,10	
147	Đoàn Thị Điểm	Toàn tuyến		1,10	
148	Đường Mậu Thân (tên cũ: Tuyến nối Quốc lộ 63)	Cầu Phụng Hiệp	Tôn Đức Thắng	1,20	
149	Trần Nguyên Đán	Tạ An Khương	Danh Thị Tươi	1,10	
150	Nguyễn Văn Biên	Trần Văn Bình	Nguyễn Văn Trỗi	1,10	
151	Tuyến lộ Kênh 1/6	Cầu Kênh 1/6	Cuối kênh	1,10	
152	Đường lộ rẽ đi vào xóm Gò Muồng thuộc ấp 3, xã Tắc Vân (Cạnh Tổng kho xăng dầu, hiện trạng lộ tráng xi măng rộng 2m), đoạn Quốc lộ 1A - Cầu Trắng, có độ dài 500m			1,10	
153	Đường rạch Bình Định	Toàn tuyến		1,10	
154	Tuyến sông Cái Nhúc (bên trái tuyến)	Kênh Ông Tơ	Cầu kênh 1/6	1,10	
155	Tuyến sông Cái Nhúc (bên trái tuyến)	Cầu kênh 1/6	Kênh Lung Còng	1,10	
156	Tuyến kênh Dân Quân (2 bên)	Kênh Cái Nhúc	Kênh Xáng Phụng Hiệp	1,10	
157	Các tuyến nhánh Kênh Xáng Phụng Hiệp (2 bên)	Kênh Xáng Phụng Hiệp	Kênh Mỏ Két	1,10	
158	Các tuyến hẻm lộ khóm 3, khóm 4 (2 bên)	Nguyễn Văn Lang	Kênh thủy lợi	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
159	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,10	
160	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$			1,10	
161	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
	LIA 6A				
162	Hẻm 214 rộng 8m	Quang Trung	Hàng rào công an tỉnh	1,10	
163	Hẻm 51 rộng 6m	Phan Ngọc Hiển	Hẻm 214	1,10	
164	Hẻm 25 rộng 4m	Phan Ngọc Hiển	Hẻm 214	1,10	
	LIA 6B				
165	Hẻm 320 rộng 6m	Quang Trung	Hùng Vương	1,10	
	LIA 6C				
166	Hẻm Nguyễn Văn Trỗi rộng 6m	Phan Ngọc Hiển	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	
167	Hẻm Nguyễn Văn Trỗi rộng 4m	Hết đường nhựa hiện hữu	Nguyễn Ngọc Sanh	1,10	
168	Hẻm Trần Hưng Đạo (Hẻm vào trường TH Nguyễn Văn Trỗi) rộng 5m	Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,10	
	LIA 7				
169	Hẻm 13 rộng 4m	Lý Thường Kiệt	Hẻm 26 Phan Ngọc Hiển	1,10	
170	Hẻm 159 Phan Ngọc Hiển rộng $\geq 4m$	Phan Ngọc Hiển	Cuối hẻm	1,10	
171	Hẻm 50 Hùng Vương rộng $> 4m$	Hùng Vương	Hẻm 159	1,10	
	LIA 8				
172	Hẻm 221 rộng 6m	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời (hẻm 430)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
173	Hẻm 430 rộng 5m	Trần Văn Thời	Trường mầm non Phổ Trí Nhân rẽ trái 80m	1,10	
174	Hẻm H6 rộng 6m	Đường 3/2	Hẻm 430	1,10	
175	Hẻm 221 đầu nối H430 rộng 6m	Hẻm 430	Hẻm 221	1,10	
	LIA 11				
176	Hẻm Trần Ngọc Hy rộng 6m	Lý Thường Kiệt	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	
177	Hẻm 96 rộng 4m	Lý Thường Kiệt	Phan Bội Châu	1,10	
178	Hẻm 100 rộng 4m	Lý Thường Kiệt	Phan Bội Châu	1,10	
179	Hẻm 159 rộng 5m	Phan Bội Châu	Hẻm 23 Hùng Vương	1,10	
180	Tuyến Kênh Bàng nước ngọt rộng 6m	Lê Khắc Xương	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	
	LIA 13				
181	Hẻm BV Sân nhi rộng 10m	Lê Đại Hành	Hẻm Sở TNMT	1,10	
	LIA 14				
182	Hẻm 8 rộng 4m	Quang Trung	Lý Thường Kiệt	1,10	
	LIA 17				
183	Đường ven kè rộng $\geq 12m$	Cầu Gành Hào	Chợ phường 7	1,10	
184	Đường số 3 rộng $\geq 14m$	Nhà ông Huỳnh Chí Viễn (chợ A)	Cuối đường số 3 (Cũ: Nhà bà Dương Thị Châu)	1,10	
185	Đường số 2 rộng 5m	Nhà ông Trần Tiến Hưng	Nhà bà Nguyễn Thị Vạn	1,10	
186	Đường bê tông rộng 5m (Lia 16)	Đường số 11	Đường số 09	1,10	
187	Đường số 1 rộng 7m	Ngân hàng Nông nghiệp	Nhà ông La Thanh Tùng	1,10	
188	Đường số 4 rộng 6m	Nhà bà Lê Thị Đẹt	Nhà ông Lê Vũ Phong	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
189	Đường số 6 rộng 6m	Nhà ông Lê Vũ Phong	Nhà ông Hà Văn Vương	1,10	
190	Đường số 8 rộng 6m	Giáp Quốc lộ 1A	Nhà ông Lê Chí Thúc	1,10	
191	Đường số 9 rộng 6m	Nhà bà Lê Thị Diễm	Nhà ông Nguyễn Văn Việt	1,10	
192	Đường số 10 rộng 6m	Nhà ông Lê Hữu Trung	Nhà ông Đinh Bình Thành	1,10	
193	Đường số 12 rộng $\geq 8m$	Nhà bà Huỳnh Hà Thị Thúy Loan	Nhà ông Lê Vũ Phong	1,10	
194	Đường Liên khu vực Ấp 6 rộng 5m	Nhà bà Nguyễn Xuân Hương	Nhà bà Nguyễn Thị Vạn	1,10	
195	Hẻm chợ Khu B rộng 6m	Nhà ông Đinh Bình Thành	Cầu Tắc Vân	1,10	
196	Hẻm Trường Mẫu Giáo Sơn ca rộng 6m	Nhà ông Đặng Văn Chiến	Nhà bà Tạ Kim Sang	1,10	
197	Đường Xi Măng mở rộng 5m	Nhà ông Lâm Văn Hý	Nhà ông Lâm Sỹ Kiệt	1,10	
198	Hẻm Trường Nguyễn Du rộng 5m	Trụ sở Ấp 2	Cầu ông Chà	1,10	
199	Tuyến sông Cái Nhúc	Cầu Đường Cui	Cầu UBND xã Tân Thành	1,10	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Tân Thành

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu tái định cư tại chỗ LIA 16				
1	Các tuyến đường dự án thuộc	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 6m (không có vỉa hè)		1,10	
2	Các tuyến đường dự án thuộc	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 8m		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Các tuyến đường thuộc dự án	Các tuyến đường có chiều rộng mặt đường 10m		1,10	
	Khu tái định cư C1, C2 (phường Tân Thành)				
4	Đường số 3	Toàn Tuyến		1,00	
5	Đường số 4	Toàn Tuyến		1,00	
6	Đường số 5	Toàn Tuyến		1,00	
7	Đường số 6	Toàn Tuyến		1,00	
8	Đường số 7	Toàn Tuyến		1,00	
9	Đường số 8	Toàn Tuyến		1,00	
10	Đường số 12	Toàn Tuyến		1,00	
11	Đường số 18	Toàn Tuyến		1,00	
12	Đường số 02	Toàn Tuyến		1,00	
13	Đường số 09	Toàn Tuyến		1,00	
14	Đường số 11	Toàn Tuyến		1,00	
15	Đường số 13	Toàn Tuyến		1,00	
16	Đường số 15	Toàn Tuyến		1,00	
17	Đường số 17	Toàn Tuyến		1,00	
	Đầu tư Khu dân cư hồ chợ Phường 5, thành phố Cà Mau				
18	Đường số 01	Nguyễn Văn Trỗi	Đường số 03	1,10	
19	Đường số 02	Nguyễn Thái Bình	Đường số 03	1,00	
20	Đường số 03 (Đường 30/4 nối dài)	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	1,10	
21	Đường số 03 (Đường 30/4 nối dài)	Hùng Vương	Quang Trung	1,10	
	Khu nhà ở Quân Đội				
22	Trần Văn Phán	Danh Thị Tươi	Tạ An Khương	1,10	
23	Đường số 17	Đường Tạ An Khương	Đường Danh Thị Tươi	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	Đường số 17 (tuyến nhánh)	Đường số 17	Đường Trần Văn Phán	1,10	
25	Đường Đ2	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,10	
26	Đường N2	Đường Đ2	Cuối đường	1,10	
27	Đường Đ1	Đường N2	Đường N1	1,10	
28	Đường N1	Đường Đ2	Cuối đường	1,10	
	Dự án nhà ở Thương mại An Sinh				
29	Đường số 1	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Hết ranh thửa 6 thuộc lô ND15	1,10	
30	Đường số 3	Đường số 23	Hết ranh thửa số 6 thuộc lô ND17 và hết ranh thửa số 5 thuộc lô ND28	1,10	
31	Đường số 3-1	Khu dân cư hiện hữu	Đường số 17	1,10	
32	Đường số 4	Đường số 17	Đường số 23	1,10	
33	Đường số 5	Đường số 37A	Hết ranh thửa 5 thuộc lô ND32 và hết ranh thửa số 6 thuộc lô XH4	1,10	
34	Đường số 6	Đường số 17	Đường số 27	1,10	
35	Đường số 9	Khu dân cư hiện hữu	Đường số 17	1,10	
36	Đường số 10	Đường số 17	Đường số 11	1,10	
37	Đường số 11	Đường số 10	Đường số 12	1,00	
38	Đường số 12	Đường số 17	Đường số 11	1,10	
39	Đường số 13	Đường số 23	Hết ranh thửa 78 thuộc lô ND28	1,10	
40	Đường số 14	Đường số 23	Hết ranh thửa 78 thuộc lô ND32	1,10	
41	Đường số 17	Đường số 1	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 5)	1,10	
42	Đường số 20	Đường số 1	Đường số 4	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43	Đường số 23	Đường số 1	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	1,10	
44	Đường số 27	Đường số 1	Đường số 3	1,10	
45	Đường số 27	Đường số 3	Đường số 13	1,10	
46	Đường số 27	Đường số 14	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	1,10	
47	Đường số 30A	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
48	Đường số 30a	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
49	Đường số 30b	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
50	Đường số 30c	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
51	Đường số 31	Đường số 13	Đường số 14	1,10	
52	Đường số 32	Đường số 13	Đường số 14	1,10	
53	Đường số 32a-1	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
54	Đường số 32a-2	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
55	Đường số 33A (phía Bắc)	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
56	Đường số 33A (phía Nam)	Đường số 10	Đường số 12	1,10	
57	Đường số 34	Đường số 4	Đường số 5	1,10	
58	Đường số 35	Đường số 4	Đường số 5	1,10	
59	Đường số 35	Đường số 4	Đường số 5	1,10	
60	Đường số 36A	Đường số 17	Khu dân cư hiện hữu	1,10	
61	Đường số 36B	Đường số 37B	Khu dân cư hiện hữu	1,10	
62	Đường số 36C	Đường số 37B	Khu dân cư hiện hữu	1,10	
63	Đường số 37A	Đường số 36A	Đường số 5	1,10	
64	Đường số 37B	Đường số 1	Đường số 36C	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
65	Đường số 37B	Đường số 36C	Đường số 3-1	1,10	
66	Đường số 37B	Đường số 3-1	Đường số 5	1,10	
67	Đường số 37C	Đường số 9	Đường số 5	1,10	
68	Đường số 37D	Đường số 9	Đường số 36C	1,10	
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại An Sinh II</i>				
69	Đường số 1	Đường số 17	Đường số 27	1,10	
70	Đường số 2	Đường số 17	Đường số 23	1,10	
71	Đường số 7	Đường số 17	Đường số 27	1,10	
72	Đường số 8	Đường số 17	Đường số 27	1,10	
73	Đường số 17	Đường số 2	Đường số 1	1,10	
74	Đường số 18	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
75	Đường số 19	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
76	Đường số 20	Đường số 1	Đường số 2	1,10	
77	Đường số 21	Đường số 7	Đường số 8	1,00	
78	Đường số 22	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
79	Đường số 23	Đường số 1	Đường số 2	1,10	
80	Đường số 24	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
81	Đường số 25	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
82	Đường số 26	Đường số 7	Đường số 8	1,10	
83	Đường số 27	Đường số 1	Đường số 2	1,10	

3. PHƯỜNG HOÀ THÀNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_H)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã ba sông Gành Hào	Giáp ranh bệnh viện	1,30	
2	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Giáp ranh bệnh viện	Cổng Đôi, Phường 6 cũ	1,20	
3	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Cổng Đôi, Phường 6 cũ	Cầu Nhum	1,20	
4	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Cầu Nhum	Giáp ranh giới xã Định Bình	1,30	
5	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Giáp ranh giới xã Định Bình	Bến phà Bảy Tháo	1,30	
6	Huỳnh Thúc Kháng	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Mố Cầu Huỳnh Thúc Kháng	1,20	
7	Huỳnh Thúc Kháng	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Ban Quản lý khu kinh tế (tên cũ: Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2)	1,30	
8	Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Ban Quản lý khu kinh tế (tên cũ: Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2)	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,20	
9	Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	Hết ranh phường 7 cũ	1,30	
10	Huỳnh Thúc Kháng	Hết Ranh phường 7 cũ	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	1,00	
11	Hải Thượng Lãn Ông	Huỳnh Thúc Kháng	Kênh Cổng Đôi (tên cũ: Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau)	1,28	
12	Hải Thượng Lãn Ông	Kênh Cổng Đôi	Cổng Cầu Nhum	1,20	
13	Bờ sông Gành Hào phường 7	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,40	
14	Kênh Cổng Đôi (bờ phía Bệnh viện tỉnh (tên cũ Kênh cổng đôi (2 bờ kênh))			1,30	
15	Đường vào trường Mầm non Năng Hồng	Hải Thượng Lãn Ông	Hết ranh trường mẫu giáo Năng Hồng	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Hết ranh phường 6 cũ	1,00	
17	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Ranh phường 6 cũ	Cầu Gành Hào (Giáp xã Lương Thế Trân)	1,00	
18	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Đường gom đầu nối vào tuyến tránh	1,00	
19	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	hết đoạn 2 chiều	1,00	
20	Huỳnh Thúc Kháng	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hoà Thành	Hết ranh xã Hoà Thành	1,30	
21	Huỳnh Thúc Kháng	Cầu Hòa Tân - Hòa Thành (tên cũ: Hết ranh UBND xã Hòa Tân cũ (Cầu Hòa Tân - Hòa Thành))	Ngã tư hành chính công (mới) UBND phường Hòa Thành (tên cũ: Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân)	1,30	
22	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình cũ	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã tư UBND xã Định Bình cũ	1,30	
23	Tuyến Ô tô về trung tâm xã Định Bình cũ	Ngã tư UBND xã Định Bình cũ	Cầu liên xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,30	
24	Tuyến Cầu Lá Danh	Khu Hành chính mới UBND phường Hòa Thành (tên cũ: Khu hành chính mới xã Hòa Tân)	Cầu Lá Danh	1,30	
25	Lộ nhựa (Xã Hòa Tân cũ)	ngã tư Khu Hành chính mới UBND phường Hòa Thành (tên cũ: Khu hành chính mới xã Hòa Tân)	Cầu liên xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,30	
26	Lộ nhựa (Xã Hòa Tân cũ) (tên cũ: Tuyến Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình))	Cầu Giáo Thọ (tên cũ: Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình))	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm (Khu B) (tên cũ: Trường Tiểu học Hòa Tân 1(Khu B))	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
27	Lộ GTNT (Xã Hòa Tân)	Cổng Giồng Nổi	Kênh Cái Su	1,30	
28	Lộ GTNT (Xã Hòa Tân cũ)	Cầu Bùng Binh (tên cũ: Trường Mầm non Bình Minh)	Cổng Xã Đạt	1,30	
29	Đường Cà Mau - Hòa Thành (Mới)	Cầu Hoà Trung	Cầu Giồng Nổi	1,30	
30	Lộ GTNT (Xã Hòa Thành cũ)	Cầu Giồng Nổi	Kênh Cây Tư	1,30	
31	Lộ GTNT Xã Hòa Thành (cũ)	Trường THCS Hòa Thành	Cầu Tân Hóa A (Tên cũ: Cầu Ròng (Cầu Hòa Tân A))	1,30	
32	Kênh cầu Nhum	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,30	
33	Rạch Cái Ngang (Hòa Thành)	Cầu Hòa Tân - Hòa Thành (tên cũ: Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành))	Cầu Chùa	1,30	
34	Rạch Cái Ngang (Hòa Thành)	Cầu Xóm Chùa	Cầu Nhà Việt	1,30	
35	Lộ Cây Dương	Cầu Cái Su (Đi qua ấp Bình Thành, xã Định Bình)	Ấp 4, xã Tắc Vân	1,30	
36	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Huỳnh Thúc Kháng	Cổng Hoà Thành	1,30	
37	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Cổng Hòa Thành	Đường dẫn lên cầu Hòa Trung	1,30	
38	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Vòng xoay cầu Hòa Trung	Mố cầu Hòa Trung	1,30	
39	Lộ GTNT (xã Hoà Tân)	Cầu Bùng Binh	Cầu Giồng Nổi	1,30	
40	Lộ GTNT (xã Hoà Tân cũ)	Cầu Điện Quang	Cầu Khiết Tâm	1,30	
41	Lộ GTNT (xã Hoà Tân cũ)	Trường Nguyễn Bình Khiêm (khu B)	Bến phà Thầy Ký	1,30	
42	Lộ GTNT (xã Hoà Tân cũ)	Cầu Đầu Lá	Cầu Trâm Bàu	1,30	
43	Lộ Chàng Le	Trạm Y tế xã	Cầu Nội Đồng	1,30	
44	Lộ GTNT (xã Hoà Tân cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Cầu Đập Đình	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
45	Xã Hòa Thành cũ	Đường dẫn lên cầu Hòa Trung (2 bên)		1,30	
46	Lộ GTNT (xã Hòa Tân)	Cầu Chàng Le	Cầu Lá Danh	1,30	
47	Đường số 11 (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều))	Hải Thượng Lãn Ông (tên cũ: Ranh phường 6)	Giáp ranh phường 7 (Cổng Hộp qua kênh Công Đôi)	1,20	
48	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 1 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	hết đoạn 2 chiều (tên cũ: Ranh phường 7)	Vòng xoay cầu Hòa Trung (hai bên tuyến)	1,30	
49	Các đoạn, tuyến đường trong khu dự án Hạ tầng chung các công trình thuộc lĩnh vực y tế thành phố Cà Mau			1,20	
50	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,30	
51	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$			1,30	
52	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,30	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	
	LIA 12				
53	Hẻm 109 rộng $\geq 4m$	Huỳnh Thúc Kháng	Hết hẻm (hẻm cùng)	1,30	

4. PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường Lý Văn Lâm

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Tất Thành	Trương Phùng Xuân (Bên trái - Phía Sở GTVT)	Cao Thắng	1,10	
2	Nguyễn Tất Thành	Trương Phùng Xuân (Bên phải - Phía trường TH Kinh tế - Kỹ thuật)	UBND phường 8 cũ	1,10	
3	Nguyễn Tất Thành	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1,10	
4	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiều	1,10	
5	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Đình Chiều	Cổng Hội Đồng Nguyên	1,10	
6	Nguyễn Tất Thành	Cổng Hội đồng Nguyên	Cổng Bà Điều	1,10	
7	Nguyễn Tất Thành	Cổng Bà Điều	Cầu Lương Thế Trân	1,10	
8	Đường 19/5	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,10	
9	Đường lộ mới (Lộ kinh Tám Dần)	UBND phường 8 cũ	Nguyễn Trung Trực	1,10	
10	Đường lộ mới (Lộ kinh Tám Dần)	Nguyễn Trung Trực	Kênh Rạch Rập	1,10	
11	Nguyễn Trung Trực	Trương Phùng Xuân	Đường 19/5	1,10	
12	Nguyễn Trung Trực	Đường 19/5	Đường đã đầu tư 25m	1,10	
13	Nguyễn Trung Trực	Hết đường đã đầu tư 25m	Nguyễn Đình Chiều	1,10	
14	Trương Phùng Xuân	Đường số 3	Đường số 1 (Dự án của Công ty Dịch vụ - TM)	1,10	
15	Trương Phùng Xuân	Đường số 1 (Dự án của Công ty Dịch vụ - TM)	Cầu Gành Hào	1,10	
16	Trương Phùng Xuân	Cầu Gành Hào	Kênh Rạch Rập	1,10	
17	Trương Phùng Xuân	Kênh Rạch Rập	Hết ranh Dự án LIA	1,10	
18	Trương Phùng Xuân	Cổng Bà Cai	Giáp ranh xã Lợi An	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Đường Trương Phùng Xuân	Bến phà Bà Cai	Miếu bà Thủy Long	1,00	
20	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Trương Phùng Xuân	Đường 19/5	1,10	
21	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Đường 19/5	Hết ranh phường 8 cũ	1,10	
22	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Trương Phùng Xuân	Đổi diện đường 19/5	1,10	
23	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Đổi diện đường 19/5	Hết ranh phường 8 cũ	1,10	
24	Nguyễn Công Trứ	Cảng cá Cà Mau	Lê Hồng Phong	1,10	
25	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1,10	
26	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,10	
27	Kênh 26/3	Kênh Rạch Rập	Kênh Bà Cai	1,10	
28	Kênh 26/3	Kênh Bà Cai	Kênh Đội Chiêu	1,10	
29	Cao Thắng	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,10	
30	Lê Hồng Phong	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1,10	
31	Lê Hồng Phong	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	1,30	
32	Lê Hồng Phong	Nguyễn Đình Chiểu	Hết ranh Phường 8 cũ	1,10	
33	Lưu Hữu Phước	Toàn tuyến		1,10	
34	Nguyễn Bình Khiêm	Toàn tuyến		1,10	
35	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1,10	
36	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa hiện hữu	1,10	
37	Đường số 5	Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm cũ	1,10	
38	Đường số 12	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5	1,10	
39	Trung tâm xã Lợi An cũ	UBND xã (Vàm Ông Tự)	Trụ sở ấp Tắc Thủ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Ngã Ba Tắc Thủ	Trụ đèn giao thông về hướng Cà Mau	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1,10	
41	Kênh xáng Lương Thế Trân	Đầu Vàm kênh xáng (Bờ đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau cũ	1,00	
42	Tuyến đê Tắc Thủ - Phường 8	Đầu đê giáp khu quy hoạch cụm dân cư	Giáp Phường 8 - TP Cà Mau	1,10	
43	Tuyến lộ mới	Cầu Lớn Giao Vàm	Nhà Nguyễn Thị Hai	1,10	
44	Lộ mới	Kênh Biện Đề (hết nhà ông Nguyễn Minh Hòa)	Nhà ông Huỳnh Văn Tánh	1,10	
45	Tuyến lộ 3m	Nhà bà Nguyễn Thị Hạnh	Nhà ông Võ Văn Huê	1,10	
46	Đường vào khu tập thể Mặt hàng mới	Nguyễn Tất Thành	Cầu xi măng	1,10	
47	Đường vào khu tập thể Mặt hàng mới	Các đoạn còn lại		1,10	
48	Đường vào khu tập thể Camimex	Đoạn đầu nối đường Lê Hồng Phong	Cuối tuyến	1,10	
49	Đường vào Trụ Sở khóm 2, phường 8 (Đường số 1 theo quy hoạch)	Đoạn đầu nối đường Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,10	
50	Đường số 28 (có chiều rộng 10m)	Nguyễn Trung Trực	Đường số 12	1,10	
51	Đường số 28 (có chiều rộng 6m)	Đường số 12	Hết đường rộng 6m	1,10	
52	Đường số 28 (có chiều rộng 3,5m)	Hết đường rộng 6m	Kênh Rạch Rập	1,10	
53	Đường D2	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Lương Thế Trân 5	1,10	
54	Lê Văn Tám	Nguyễn Tất Thành	Giáp cầu Lý Văn Lâm	1,10	
55	Đường Kênh Rạch Rập (phía Đông)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,00	
56	Đường Kênh Rạch Rập (phía Tây)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
57	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (tên cũ: Lê Hồng Phong)	Đường Lê Hồng Phong (tên cũ: Giáp ranh phường 8)	Giáp Bến xếp dỡ hàng hóa Công ty Minh Phú (tên cũ: Sông gành Hào)	1,10	
58	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,10	
59	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$			1,10	
60	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
	LIA 9			1,10	
61	Hẻm 213 rộng 4m	Lộ Mới	Trương Phùng Xuân	1,10	
62	Đường số 4 rộng $\geq 4m$	Đường số 3	Hẻm Cựa Gà	1,10	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Lý Văn Lâm

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu dự án của Công ty Dịch vụ - Thương mại, phường 8				
1	Đường số 1	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,10	
2	Đường số 2	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1,10	
3	Đường số 4	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1,10	
4	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu phường 8				
5	Lê Anh Xuân	Quách Văn Phẩm	Lê Vĩnh Hòa	1,10	
6	Lê Anh Xuân	Lê Vĩnh Hòa	Nguyễn Bình Khiêm	1,10	
7	Nguyễn Mai	Toàn tuyến		1,10	
8	Nguyễn Ngọc Cung	Toàn tuyến đường hiện hữu		1,10	
9	Lê Vĩnh Hòa	Lê Hồng Phong	Lưu Hữu Phước	1,10	
10	Lê Vĩnh Hòa	Đoạn còn lại		1,10	
	Khu D - Phường 8				
11	Quách Văn Phẩm	Lê Hồng Phong	Hết đường hiện hữu	1,10	
12	Trần Văn Ớn	Quách Văn Phẩm	Hết đường hiện hữu	1,10	
13	Đường vào trụ sở Công ty CaMiMex	Lê Hồng Phong	Hết ranh trụ sở Công ty CaMiMex	1,10	
14	Các đường xuống Bến tàu B	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,10	
15	Đường bê tông	Lương Thế Trân 6	Lương Thế Trân 5	1,10	
16	Lương Thế Trân 6	Cầu xi măng	hết tuyến	1,10	
17	Khu dự án sau hậu đường Nguyễn Đình Chiểu			1,10	
18	Đường Võ Thị Hồng	Đường Xí nghiệp Gỗ	Hết đường hiện hữu	1,10	
19	Đặng Tấn Triệu	Toàn tuyến		1,10	
20	Kênh Bà Cai	Đường Trương Phùng Xuân	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	1,10	
21	Đường số 2	Khu dân cư Đông Nam		1,10	
22	Kênh Ông Bồn	Trương Phùng Xuân	Đường 26/3	1,10	
23	Kênh Đạo	Trương Phùng Xuân	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	1,10	
24	Kênh Phước Thời	Trương Phùng Xuân	Kênh Bà Cai	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	Trương Phùng Xuân	Trụ sở Khóm 5	Hết đường	1,10	
26	Đường H1	Nguyễn Công Trứ	Võ Thị Hồng	1,10	
	Khu đô thị mới Tài Lộc - Khu A				
27	Nguyễn Kim	Lý Tự Trọng	Nguyễn Huỳnh Đức	1,10	
28	Lý Tự Trọng	Lê Văn Tám (tên cũ: Nguyễn Kim)	Phan Xích Long	1,10	
29	Lý Tự Trọng	Phan Xích Long	Nguyễn Huỳnh Đức	1,10	
30	Đường số 17	Lý Tự Trọng	Sông Rạch Rập	1,10	
31	Phan Xích Long	Lý Tự Trọng	Sông Rạch Rập	1,10	
32	Phan Xích Long	Lý Tự Trọng	Nguyễn Kim	1,10	
33	Nguyễn Hữu Dật	Lý Tự Trọng	Đường số 11B	1,10	
34	Nguyễn Hữu Dật	Lý Tự Trọng	Nguyễn Kim	1,10	
35	Nguyễn Huỳnh Đức	Lý Tự Trọng	Nguyễn Kim	1,10	
36	Đường số 11B	Đường D1	Nguyễn Huỳnh Đức	1,10	
37	Đường số 11B	Phan Xích Long	Đường D2	1,10	
38	Đường số 11B	Phan Xích Long	Nguyễn Hữu Dật	1,10	
39	Đường N1	Đường D1	Đường D2	1,10	
40	Trần Cao Vân	Phan Xích Long	Nguyễn Hữu Dật	1,10	
41	Phạm Hồng Thái	Phan Xích Long	Nguyễn Hữu Dật	1,10	
42	Ông Ích Khiêm	Phan Xích Long	Đường D3	1,10	
43	Đường D1	Trần Cao Vân	Đường 11B	1,10	
44	Đường D2	Đường N2	Đường 11B	1,10	
45	Đường D3	Đường N3	Nguyễn Kim	1,10	
46	Nguyễn Bình	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Kim	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47	Nguyễn Bình	Nguyễn Kim	Lý Tự Trọng	1,10	
	<i>Khu đô thị Hoàng Tâm</i>				
48	Tân Hưng	Đường số 06	Đường số 02	1,10	
49	Tân Hưng	Đường số 02	Đường số 10	1,10	
50	Huỳnh Quảng	Đường số 01	Đường số 04	1,10	
51	Kim Đồng	Đường số 02	Đường số 10	1,10	
52	Đường số 3C	Toàn tuyến		1,10	
53	Đường số 04	Đường số 07	Đường số 08	1,10	
54	Đường số 04	Đường số 08	Đường số 09	1,10	
55	Đường số 04	đường số 07	Đường Ninh Bình (tên cũ: Đường số 6C)	1,10	
56	Đường số 5	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
57	Ninh Bình	Đường số 01	Đường số 6C	1,10	
58	Ninh Bình	Đường số 6C	Đường số 05	1,10	
59	Đường số 6A	Toàn tuyến		1,10	
60	Đường số 6B	Toàn tuyến		1,10	
61	Đường số 6C	Toàn tuyến		1,10	
62	Đường số 6D	Toàn tuyến		1,10	
63	Đường số 6E	Toàn tuyến		1,10	
64	Đường số 07	Đường số 05	Đường số 04	1,10	
65	Đường số 8	Đường số 05	Đường số 04	1,10	
66	Đường số 9	Đường số 01	Đường số 03	1,10	
67	Đường số 9	Đường số 03	Đường số 05	1,10	
68	Đường số 9A	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
69	Đường số 9B	Toàn tuyến		1,10	
70	Đường số 9C	Toàn tuyến		1,10	
71	Đường số 9D	Toàn tuyến		1,10	
72	Đường số 10	Đường số 01	Đường số 05	1,10	
	Khu đô thị Bạch Đằng				
73	Đường D1	Đường N20	Cuối đường	1,10	
74	Đường D2	Đường N15	Đường N20	1,10	
75	Đường D3	Đường N15	Đường N16	1,10	
76	Đường D4	Đường N13	Đường N20	1,10	
77	Đường D7	Đường N13	Đường N20	1,10	
78	Đường D8	Đường N20	Cuối đường	1,10	
79	Đường N13	Đường D7	Cuối đường	1,10	
80	Đường N14	Đường D1	Đường D4	1,10	
81	Đường N15	Đường D1	Đường D4	1,10	
82	Đường N16	Đường D2	Đường D8	1,10	
83	Đường N17	Đường D1	Đường D4	1,10	
84	Đường N18	Đường D1	Đường D8	1,10	
85	Đường N19	Đường D1	Đường D4	1,10	
86	Đường N20	Đường D1	Đường D8	1,10	
	Khu dân cư phía đông Quốc lộ 1A – Khu A				
87	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,10	
88	Đường số 02	Đường số 17	Đường số 19	1,10	
89	Đường số 02	Đường số 19	Đường số 20	1,10	
90	Đường số 02	Đường số 20	Đường số 22	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
91	Đường số 03	Đường số 11	Đường số 13	1,10	
92	Đường số 03	Đường số 13	Đường số 19	1,10	
93	Đường số 03	Đường số 19	Đường số 20	1,10	
94	Đường số 03	Đường số 20	Đường số 22	1,10	
95	Đường số 04	Đường số 11	Đường số 16	1,10	
96	Đường số 05	Đường số 20	Đường số 22	1,10	
97	Đường số 06	Đường số 11	Đường số 17	1,10	
98	Đường số 06	Đường số 17	Đường số 20	1,10	
99	Đường số 06	Đường số 20	Đường số 22	1,10	
100	Đường số 07	Đường số 14	Đường số 16	1,10	
101	Đường số 08	Đường số 18	Đường số 20	1,10	
102	Đường số 08	Đường số 20	Đường số 22	1,10	
103	Đường số 09	Đường số 21	Đường số 22	1,10	
104	Đường số 10	Đường số 11	Đường số 22	1,10	
105	Đường số 11	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 4	1,10	
106	Đường số 11	Đường số 4	Đường số 10	1,10	
107	Đường số 12	Đường số 03	Nguyễn Thị Minh Khai	1,10	
108	Đường số 13	Đường số 03	Nguyễn Thị Minh Khai	1,10	
109	Đường số 14	Đường số 06	Đường số 07	1,10	
110	Đường số 14	Đường số 07	Đường số 10	1,10	
111	Đường số 15	Đường số 10	Đường số 07	1,10	
112	Đường số 16	Đường số 03	Đường số 06	1,10	
113	Đường số 16	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
114	Đường số 17	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 06	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
115	Đường số 17	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
116	Đường số 18	Đường số 03	Đường số 06	1,10	
117	Đường số 18	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
118	Đường số 19	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 02	1,10	
119	Đường số 19	Đường số 02	Đường số 03	1,10	
120	Đường số 19	Đường số 03	Đường số 06	1,10	
121	Đường số 20	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 03	1,10	
122	Đường số 20	Đường số 03	Đường số 06	1,10	
123	Đường số 20	Đường số 06	Đường số 10	1,10	
124	Đường số 21	Đường số 08	Đường số 10	1,10	
125	Đường số 22	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 06	1,10	
126	Đường số 22	Đường số 06	Đường số 08	1,10	
127	Đường số 22	Đường số 08	Đường số 10	1,10	
	KHU NHÀ PHỐ LIÊN KẾ KẾT HỢP Ở VỚI KINH DOANH PHƯỜNG 8				
128	Đường số 1	Lê Hồng Phong	Đường số 3	1,10	
129	Đường số 2	Nguyễn Bình Khiêm	Lưu Hữu Phước	1,10	
130	Đường số 3	Nguyễn Bình Khiêm	Lưu Hữu Phước	1,10	

5. PHƯỜNG BẠC LIÊU

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường Bạc Liêu

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phan Ngọc Hiển	Lê Văn Duyệt	Hà Huy Tập	1,00	
2	Phan Ngọc Hiển	Hà Huy Tập	Trần Phú	1,00	
3	Phan Ngọc Hiển	Trần Phú	Mai Thanh Thế	1,00	
4	Trung tâm Thương mại Bạc Liêu	Gồm tất cả các tuyến đường phân lô nội bộ đã hoàn thành trong dự án		1,00	
5	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	Trần Phú	1,00	
6	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Trần Phú	Hà Huy Tập	1,00	
7	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Hà Huy Tập	Lê Văn Duyệt	1,00	
8	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Lê Văn Duyệt	Phan Đình Phùng	1,00	
9	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Phan Đình Phùng	Lê Lợi	1,00	
10	Hai Bà Trưng (Hai Bà Trưng và Lý Tự Trọng cũ)	Lê Lợi	Ngô Gia Tự	1,00	
11	Hoàng Văn Thụ	Trần Phú	Trương Chính Thanh (Tên cũ: Ninh Bình)	1,00	
12	Hoàng Văn Thụ	Trương Chính Thanh (Tên cũ: Ninh Bình)	Lê Lợi	1,00	
13	Hoàng Văn Thụ	Lê Lợi	Ngô Gia Tự	1,00	
14	Hà Huy Tập	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
15	Hà Huy Tập	Hai Bà Trưng	Hòa Bình	1,00	
16	Lê Văn Duyệt	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
17	Lê Văn Duyệt	Hai Bà Trưng	Hòa Bình	1,00	
18	Điện Biên Phủ	Ranh Bệnh Viện tỉnh Bạc Liêu	Võ Thị Sáu	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	Trần Phú	1,00	
20	Điện Biên Phủ	Trần Phú	Lê Hồng Nhi	1,00	
21	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Nhi	Lê Lợi	1,00	
22	Điện Biên Phủ	Lê Lợi	Cuối đường (Hết ranh Chùa Vĩnh Triều Minh)	1,00	
23	Mai Thanh Thế	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
24	Phan Đình Phùng	Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình	1,00	
25	Lê Lợi	Điện Biên Phủ	Hòa Bình	1,00	
26	Lê Lợi	Hòa Bình	Ngô Quang Nhã (sau UBND tỉnh)	1,00	
27	Võ Văn Kiệt (Hùng Vương cũ)	Ngã năm Vòng Xoay	Hẻm 4	1,00	
28	Võ Văn Kiệt (Hùng Vương cũ)	Hẻm 4	Tôn Đức Thắng	1,00	
29	Võ Văn Kiệt (Hùng Vương cũ)	Tôn Đức Thắng (Giao Thông cũ)	Trần Huỳnh	1,00	
30	Thủ Khoa Huân	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
31	Minh Diệu	Điện Biên Phủ	Hoàng Văn Thụ	1,00	
32	Đường Trương Chính Thanh (đường Ninh Bình cũ)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
33	Trần Văn Thời	Ngô Gia Tự	Lê Lợi	1,00	
34	Trần Văn Thời	Lê Lợi	Phan Đình Phùng	1,00	
35	Lê Hồng Nhi (Đỉnh Tiên Hoàng cũ)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
36	Ngô Gia Tự	Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình (Tên cũ: Bà Triệu)	1,00	
37	Đường 30/04	Lê Văn Duyệt	Võ Thị Sáu	1,00	
38	Đường Thanh Niên	Hai Bà Trưng	Đường 30/04	1,00	
39	Lý Thường Kiệt	Trần Phú	Phan Đình Phùng	1,00	
40	Bà Triệu	Nguyễn Huệ	Trần Phú	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Bà Triệu	Trần Phú	Lê Văn Duyệt	1,00	
42	Bà Triệu	Lê Văn Duyệt	Ngô Gia Tự	1,00	
43	Cách Mạng	Ngô Gia Tự	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	1,00	
44	Cách Mạng	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Lộc Ninh (Đường Hoàng Diệu B cũ)	1,00	
45	Cách Mạng	Lộc Ninh (Đường Hoàng Diệu B cũ)	Cầu Xáng	1,10	
46	Cách Mạng	Cầu Xáng	Hẻm T32 (Đối diện Chùa Sùng Thiện Đường)	1,10	
47	Cách Mạng	Hẻm T32 (Đối diện Chùa Sùng Thiện Đường)	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,10	
48	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Huệ	Sông Bạc Liêu	1,00	
49	Đình Bộ Lĩnh	Nguyễn Huệ	Sông Bạc Liêu	1,00	
50	Nguyễn Huệ	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
51	Nguyễn Huệ	Hai Bà Trưng	Đoàn Thị Điểm	1,00	
52	Đặng Thùy Trâm	Nguyễn Huệ	Võ Thị Sáu	1,00	
53	Nguyễn Thị Năm	Bà Triệu	Đặng Thùy Trâm	1,00	
54	Hòa Bình	Võ Thị Sáu	Hà Huy Tập	1,00	
55	Hòa Bình	Hà Huy Tập	Ngã ba Miếu Bà Đen	1,00	
56	Hòa Bình	Ngã ba Miếu Bà Đen	Lê Duẩn	1,00	
57	Hòa Bình	Lê Duẩn	Nguyễn Thái Học	1,00	
58	Hòa Bình	Nguyễn Thái Học	Tôn Đức Thắng	1,00	
59	Trần Phú (đoạn dã cầu Kim Sơn)	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	1,00	
60	Trần Phú (đoạn dã cầu Kim Sơn)	Hai Bà Trưng	Hòa Bình	1,00	
61	Trần Phú (đoạn dã cầu Kim Sơn)	Hòa Bình	Nguyễn Tất Thành	1,00	
62	Trần Phú (đoạn dã cầu Kim Sơn)	Nguyễn Tất Thành	Trần Huỳnh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_H)	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
63	Trần Phú (đoạn dạ cầu Kim Sơn)	Trần Huỳnh	Tôn Đức Thắng	1,00	
64	Trần Phú (đoạn dạ cầu Kim Sơn)	Tôn Đức Thắng	Hẻm 1 (Ngân Hàng Eximbank)	1,00	
65	Trần Phú (đoạn dạ cầu Kim Sơn)	Hẻm 1 (Ngân Hàng Eximbank)	Hết ranh Bến xe	1,00	
66	Trần Phú (đoạn dạ cầu Kim Sơn)	Hết ranh Bến xe	Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	1,00	
67	Trần Phú (đoạn dạ cầu Kim Sơn)	Hết Trạm 24 (Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bạc Liêu)	Ngã năm Vòng xoay	1,00	
68	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa (đường vào Bến xe (hướng Bắc)	Trần Phú (QL 1 cũ)	Hết ranh Bến Xe	1,20	
69	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa (phía nam KDC bến xe - bộ đội biên phòng)	Hết ranh Bến Xe	cuối đường	1,20	
70	Đường vào Bến xe (hướng Nam)	Trần Phú (QL 1 cũ)	Hết ranh Bến Xe	1,00	
71	Đường 23-8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Trần Phú (Trái: Cửa hàng TGDD; Phải: Hẻm số 02)	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,00	
72	Đường 23-8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường trục chính khu công nghiệp	1,00	
73	Đường 23-8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Đường trục chính khu công nghiệp	Hết ranh Công ty Công trình giao thông	1,00	
74	Đường 23-8 (Quốc Lộ 1 cũ)	Hết ranh Cty Công trình giao thông	Cầu Sập (Cầu Dân Xây)	1,20	
75	Trà Kha - Trà Khứa (Phía Bắc đường 23/8)	Đường 23/8 (Cầu Trà Kha cũ)	Cầu Ông Đục (Trà Khứa)	1,00	
76	Trà Kha - Trà Khứa (Phía Bắc đường 23/8)	Cầu Ông Đục (Trà Khứa)	Cầu đường tránh Quốc Lộ 1	1,00	
77	Trà Kha - Trà Khứa (Phía Bắc đường 23/8)	Cầu đường tránh Quốc Lộ 1	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,10	
78	Trà Kha - Trà Khứa (Phía Nam đường 23/8)	Đường 23/8 (Cầu Trà Kha cũ)	Cầu Treo Trà Kha (Bến đò cũ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
79	Đường Quốc Lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Hết ranh trường Trăng Non	1,00	
80	Đường Quốc Lộ 1	Hết ranh trường Trăng Non (Tên cũ: Bắt đầu từ cách ranh Vĩnh Lợi 200m)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh huyện Vĩnh Lợi)	1,10	
81	Đường Tránh Quốc lộ 1	Ngã năm Vòng Xoay	Đường Trà Uôl	1,30	
82	Đường Tránh Quốc lộ 1	Đường Trà Uôl (Giáp ranh giữa P.7 & P.8)	Cầu Dân Xây	1,30	
83	Nguyễn Tất Thành	Hẻm đối diện Công sau Công viên Trần Huỳnh	Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	1,00	
84	Nguyễn Tất Thành	Hết ranh DA Công viên Trần Huỳnh (Công Nông cũ)	Trần Phú	1,00	
85	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	Nguyễn Thái Học (Trường THPT Bạc Liêu)	1,00	
86	Trần Huỳnh	Sông Bạc Liêu	Ngã tư Võ Thị Sáu	1,00	
87	Trần Huỳnh	Võ Thị Sáu	Nguyễn Đình Chiểu	1,00	
88	Trần Huỳnh	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Phú	1,00	
89	Trần Huỳnh	Trần Phú	Lê Duẩn (Đường Giao Thông cũ)	1,00	
90	Trần Huỳnh	Lê Duẩn (Đường Giao Thông cũ)	Đường Lộc Ninh (Vào dự án Địa ốc) (Tên cũ: Nguyễn Thái Học (Vào dự án Địa ốc)	1,00	
91	Trần Huỳnh	Đường Lộc Ninh (Vào dự án Địa ốc) (Tên cũ: Nguyễn Thái Học (Vào dự án Địa ốc)	Tôn Đức Thắng (dự án Nam Sông Hậu)	1,00	
92	Trần Huỳnh	Tôn Đức Thắng (DA Nam S. Hậu)	Nguyễn Chí Thanh (Bờ kênh Tlợi)	1,00	
93	Bà Huyện Thanh Quan	Trần Huỳnh (Nhà ông Tư Liêm)	Đường 23/8 (Quốc Lộ 1 cũ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
94	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Huỳnh (Trước cổng CVTH)	Đường 23/8 (Quốc Lộ 1 cũ)	1,00	
95	Võ Thị Sáu	Điện Biên Phủ	Trần Huỳnh	1,00	
96	Võ Thị Sáu	Trần Huỳnh	Đường 23/8	1,00	
97	Đường Trần Bình Trọng (Đường vào nhà máy Toàn Thắng 5 cũ)	Võ Thị Sáu	Sông Bạc Liêu	1,10	
98	Đường Kênh Xáng (Hẻm Bờ sông Bạc Liêu)	Đoàn Thị Điểm	Đường vào Nhà máy Toàn Thắng 5 (Hẻm Nhà máy Toàn Thắng 5 cũ)	1,20	
99	Hoàng Diệu	Ngô Gia Tự	Nguyễn Thái Học (Tên cũ: Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	1,00	
100	Hoàng Diệu	Nguyễn Thái Học (Tên cũ: Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	Cuối đường (Giáp ranh đường Cách Mạng)	1,00	
101	Đường Nguyễn Thái Học (Tên cũ Lộc Ninh (Hoàng Diệu B cũ)	Cách Mạng	Hoàng Diệu	1,00	
102	Đường Nguyễn Thái Học (Tên cũ Đường Lộc Ninh (đường Nguyễn Thái Học cũ)	Trần Huỳnh	Đường Cách Mạng	1,10	
103	Tôn Đức Thắng	Trần Phú	Lê Duẩn (Ngã ba Nhà máy điện)	1,00	
104	Tôn Đức Thắng	Lê Duẩn (Ngã ba Nhà máy điện)	Đường Cách Mạng (Tên cũ: Cầu Tôn Đức Thắng)	1,00	
105	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 1	Đường Cách Mạng	Sông Bạc Liêu	1,10	
106	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Cách Mạng	Hoàng Diệu	1,00	
107	Cao Văn Lầu (Phía bên phải hướng từ Cầu Kim Sơn ra biển)	Đổng Đa (Dạ cầu Kim Sơn)	Đến đường Nguyễn Minh Khai (Tên cũ: Thống Nhất)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	Cao Văn Lầu (Phía bên phải hướng từ Cầu Kim Sơn ra biển)	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	1,00	
109	Cao Văn Lầu (Phía bên phải hướng từ Cầu Kim Sơn ra biển)	Đường vào Tịnh Xá Ngọc Liên	Miếu Thần Hoàng	1,10	
110	Cao Văn Lầu (Phía bên phải hướng từ Cầu Kim Sơn ra biển)	Miếu Thần Hoàng	Đến giáp ranh phường Hiệp Thành (Tên cũ: Trụ sở Bộ đội BP tỉnh)	1,10	
111	Cao Văn Lầu (Phía bên phải hướng từ Cầu Kim Sơn ra biển, đoạn từ Trụ sở Bộ đội BP tỉnh đến cầu treo, theo địa giới hành chính Phường Bạc Liêu)	Trụ sở Bộ đội Biên Phòng tỉnh	Đường vào Tiểu đoàn 1	1,10	
112	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh 30/04	Phùng Ngọc Liêm	1,00	
113	Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ Phùng Ngọc Liêm đến Cao Văn Lầu, theo địa giới hành chính Phường Bạc Liêu)	Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Du	1,00	
114	Đường Cầu Kè P2	Kênh 30/04	Đến đường Ngô Quyền (Tên cũ: Trường TH Phường 2A (cuối đường Ngô Quyền))	1,00	
115	Đường Cầu Kè P2	Đường Ngô Quyền (Tên cũ: Trường TH Phường 2A (cuối đường Ngô Quyền))	Đường kênh số 04	1,10	
116	Đổng Đa (đoạn từ Kênh 30/04 đến Cao Văn Lầu, theo địa giới hành chính Phường Bạc Liêu)	Kênh 30/04	Cao Văn Lầu (Tên cũ: Lý Văn Lâm)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
117	Phan Văn Trị	Cao Văn Lầu	Lê Thị Cẩm Lệ	1,00	
118	Tô Hiến Thành	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên cũ là đường Đồng Đa)	1,10	
119	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thống Nhất (Tên cũ là đường Đồng Đa)	1,10	
120	Phùng Ngọc Liêm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	1,00	
121	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Văn Trị	1,00	
122	Nguyễn Văn Trỗi	Phan Văn Trị	Thống Nhất	1,00	
123	Nguyễn Thị Cẩm (Đường số 1 cũ (Khu Tu Muối cũ))	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	1,00	
124	Nguyễn Văn A	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	1,00	
125	Lê Thị Cẩm Lệ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đồng Đa	1,00	
126	Bờ bao Kênh xáng (Phía đông)	Cầu Xáng (Đường Cách Mạng)	Vào Cống Thủy Lợi	1,10	
127	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2)	Kênh Bộ Đội	1,10	
128	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Kênh Bộ Đội	Đường Cầu Kè	1,20	
129	Đường Kênh xáng (bờ sông BL-CM)	Kênh Giồng Me	Cầu treo Trà Kha	1,10	
130	Đường Kênh xáng (bờ sông BL-CM)	Cầu treo Trà Kha	Giáp ranh Vĩnh Lợi	1,10	
131	Đường Cầu Sập - Ngan Dừa	Cầu Sập (Phường 8)	Cống Cầu Sập (Phường 8)	1,10	
132	Đường Trà Văn	Đầu lộ ngã 5 Vòng xoay	Ngã 3 tiếp giáp với hẻm 5 đường Nguyễn Văn Cừ (tên cũ: 60 m đầu (Tên cũ: 30m đầu))	1,00	
133	Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2)	Đường Ngô Quyền (Bờ Tây Kênh 30/4 cũ)	Giáp ranh Hòa Bình	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
134	Đường Trà Kha B (Phường 8)	Cầu Treo Trà Kha	Miếu Ông Bồn	1,00	
135	Đường Trà Kha B (Phường 8)	Miếu Ông Bồn	Chùa Khánh Long An	1,00	
136	Đường Trà Uôl	Trần Bình Khuôl (tên cũ: Đường vào trạm Vật lý Địa cầu (Đường số 11 DA Bến xe))	Ranh Phường 8 cũ	1,10	
137	Đường Trà Uôl	Đầu đường Trà Uôl	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi (tên cũ: Giáp ranh Thị trấn Châu Hưng - Vĩnh Lợi)	1,10	
138	Đường Tân Tạo (Phía Bắc đường tránh thành phố)	Cách đường tránh thành phố 30 m	Giáp ranh huyện Vĩnh Lợi	1,10	
139	Đường Tân Tạo - Đường Dân Xây (Trà Kha B)	Vàm Dân Xây	Giáp ranh Phường 2	1,10	
140	Đường Giồng Me (2 bên tuyến)	cầu Nguyễn Thị Minh Khai	chùa Hưng Lợi Tự	1,10	
141	Đường Giồng Me (2 bên tuyến)	chùa Hưng Lợi Tự (Tên cũ: Đoạn còn lại)	Giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Giáp ranh xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình)	1,10	
142	Đường Võ Thị Chính (Đường Bà Chủ cũ)	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường vào Tịnh xá Ngọc Liên	1,10	
143	Đường kênh số 4	Đường Giồng Me	Đường Đặng Văn Tiểu (Sáu Huấn)	1,10	
144	Đường Tập Đoàn 1 (Tạm gọi)	Kênh số 4	Ngô Quyền (Tên cũ: Lộ Bờ Tây)	1,10	
145	Đường Bộ Đội (Tạm gọi)	Kênh số 4	Ngô Quyền (Tên cũ: Lộ Bờ Tây)	1,10	
146	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía bắc Kênh Hở cũ)	Kênh 30/4	Cao Văn Lầu	1,00	
147	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía nam Kênh Hở cũ)	Đường Ninh Bình	Cao Văn Lầu	1,00	
148	Đường Xóm Lá (tạm gọi)	Giáp ranh phường 8	Đường Giồng Me	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
149	Đường kênh xương cá, phường 2	Đường Giồng Me	Đường Xóm Lá	1,10	
150	Đường mòn nhựa (phường 1)	Bắt đầu từ đường 3/2	Đến cuối đường	1,00	
151	Đường Bùi Thị Xưa	Bắt đầu từ đường Nguyễn Văn A	Đến Đường Nguyễn Thị Cẩm Lệ	1,10	
152	Thống Nhất (đoạn từ Nguyễn Thị Cẩm đến Cao Văn Lâu, theo địa giới hành chính Phường Bạc Liêu)	Nguyễn Văn Trỗi (Tên cũ: Nguyễn Thị Cẩm)	Lý Văn Lâm	1,00	
153	Đường Phan Bội Châu	Từ đường Huyện Thanh Quan	Đến nhà ông Nguyễn Anh Giáp	1,10	
154	Đường mới	Từ đường Huyện Thanh Quan	Đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,10	
155	Đường mới	Từ đường Trần Phú	Đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,20	
156	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng lớn hơn $2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
158	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
159	Chùa Khome	cầu Chùa Khome	Giáp ranh phường 7 cũ	1,00	
160	Đường Trà Khứa	Cầu Đúc	Giáp ranh Vĩnh Lợi	1,00	
161	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Tôn Đức Thắng	Cách Mạng	1,00	
162	Trà Văn	Ngã 3 tiếp giáp hẻm 5 đường Nguyễn Văn Cừ	hết đường nhựa (có ranh trên bản đồ chính quy)	1,00	
163	Trà Văn	hết đường nhựa (có ranh trên bản đồ chính quy)	đường Cách Mạng	1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Bạc Liêu

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	DỰ ÁN BẮC TRẦN HUỖNH				
1	Đường Nguyễn Công Tộc (trước Chợ Phường 1)	Trần Huỳnh	Châu Văn Đặng	1,10	
2	Đường Nguyễn Thái Học	Trần Huỳnh đến	Khu Đô thị mới	1,10	
3	Đường Châu Văn Đặng	Lê Duẩn	Hết ranh Chợ	1,10	
4	Đường Châu Văn Đặng	Hết ranh Chợ	Nguyễn Thái Học	1,20	
5	Đường Châu Văn Đặng	Nguyễn Thái Học	Tôn Đức Thắng	1,20	
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,20	
7	Đường Trần Văn Tấn	Toàn tuyến		1,20	
8	Đường Nguyễn Thị Mười	Toàn tuyến		1,20	
9	Đường Dương Thị Sáu	Toàn tuyến		1,20	
10	Đường Lê Thị Hương	Toàn tuyến		1,20	
11	Đường số 5, số 13	Toàn tuyến		1,20	
12	Đường Nguyễn Thị Mình (Đường số 1-N2 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
13	Đường Trương Thu Hà (Đường số 2-N2 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
14	Đường Trương Văn An	Toàn tuyến		1,20	
15	Đường Trần Hồng Dân	Toàn tuyến		1,20	
16	Đường Nguyễn Văn Uông	Trần Huỳnh	Châu Văn Đặng	1,20	
17	Đường Nguyễn Văn Uông	Châu Văn Đặng	Tôn Đức Thắng	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Đường Ninh Thanh Lợi	Trần Huỳnh	Châu Văn Đặng	1,20	
19	Đường Ninh Thanh Lợi	Châu Văn Đặng	Tôn Đức Thắng	1,20	
20	Đường Phạm Thị Lan (Đường số 14 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
21	Đường Huỳnh Văn Xã	Toàn tuyến		1,20	
22	Đường số 17	Toàn tuyến		1,20	
23	Đường Trần Văn Ôn (đường số 11 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
	DỰ ÁN KHU NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN				
24	Đường Nguyễn Công Tộc	Châu Văn Đặng	Tôn Đức Thắng	1,10	
25	Đường Nguyễn Công Tộc	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Chí Thanh	1,20	
26	Đường Châu Văn Đặng	Lê Duẩn	Trương Văn An	1,10	
27	Đường Nguyễn Văn Uông (nối dài) (số 4 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
28	Đường Hồ Minh Luông (nối dài) (số 2 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
29	Đường Trương Văn An (nối dài) (số 3 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
30	Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) (số 5 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
31	Đường Đinh Thị Tùng (số 7 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
32	Đường Phan Thị Phép (số 9 cũ)	Toàn tuyến		1,30	
33	Đường Lê Thị Thành (số 10 cũ)	Toàn tuyến		1,30	
34	Đường Lư Hòa Nghĩa (số 08 cũ)	Toàn tuyến		1,30	
	DỰ ÁN BẾN XE - BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG				
35	Đường Nguyễn Thông	Toàn tuyến		1,00	
36	Đường Lê Thị Riêng (số 8 cũ)	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Đường Nguyễn Trường Tộ	Toàn tuyến		1,20	
38	Đường Mậu Thân (số 7 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
39	Đường Ung Văn Khiêm (số 12 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
40	Đường Nguyễn Hồng Khanh	Toàn tuyến		1,10	
41	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	Toàn tuyến		1,20	
42	Đường Lê Đại Hành nối dài	Toàn tuyến		1,30	
43	Đường Nguyễn Văn Kính (số 3 cũ)	Toàn tuyến		1,30	
44	Đường Bế Văn Đàn	Toàn tuyến		1,30	
45	Đường Kim Đồng	Toàn tuyến		1,30	
46	Đường Trần Bình Khuôi (số 11 cũ)	Toàn tuyến		1,30	
	DỰ ÁN KHU CƠ ĐIỆN CŨ				
47	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,20	
48	Đường Lê Thiết Hùng	Toàn tuyến		1,20	
49	Đường Nguyễn Thị Thủ	Toàn tuyến		1,20	
50	Đường Tô Minh Luyến	Toàn tuyến		1,20	
51	Đường Trần Văn Hộ	Toàn tuyến		1,20	
52	Đường Hoà Bình nối dài	Toàn tuyến		1,20	
	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM KHU HÀNH CHÍNH				
53	Đường Ngô Quang Nhã (đường sau trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh)	Toàn tuyến		1,10	
54	Đường Huỳnh Quảng	Toàn tuyến		1,27	
55	Đường Quách Thị Kiều	Toàn tuyến		1,27	
56	Đường Lương Định Của	Toàn tuyến		1,27	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
57	Đường Trần Thị Khéo	Toàn tuyến		1,27	
58	Đường Lâm Thành Mậu	Toàn tuyến		1,27	
59	Đường Ngô Thời Nhiệm	Toàn tuyến		1,27	
60	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Toàn tuyến		1,27	
61	Đường Trần Văn Sớm	Toàn tuyến		1,27	
62	Đường Hùng Vương (02 tuyến bên Quảng Trường Hùng Vương)	Trần Huỳnh	Nguyễn Tất Thành	1,27	
63	Đường Cù Chính Lan	Toàn tuyến		1,27	
64	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong dự án			1,27	
	DỰ ÁN KHU LÊ VĂN TÁM				
65	Các tuyến đường nội bộ trong dự án			1,00	
	DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỜNG 1				
66	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		1,00	
67	Đường 3 tháng 2	Toàn tuyến		1,00	
68	Đường Nguyễn Thái Học (nối dài)	Toàn tuyến		1,00	
69	Đường 19-5	Toàn tuyến		1,00	
70	Đường Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến		1,00	
71	Đường Trần Quang Diệu	Toàn tuyến		1,00	
72	Đường Cao Triều Phát	Toàn tuyến		1,00	
73	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		1,00	
74	Đường Phan Đình Giót	Toàn tuyến		1,00	
75	Đường Lê Khắc Xương	Toàn tuyến		1,00	
76	Đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		1,00	
77	Đường Lâm Văn Thê	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
78	Đường Thích Hiền Giác	Toàn tuyến		1,00	
79	Đường Phan Ngọc Sến	Toàn tuyến		1,00	
80	Đường Nguyễn Việt Hồng	Toàn tuyến		1,00	
81	Đường Nguyễn Thái Bình	Toàn tuyến		1,00	
82	Đường Phạm Hồng Thám	Toàn tuyến		1,00	
83	Đường Văn Tiến Dũng	Toàn tuyến		1,00	
84	Đường Trần Văn Ôn	Toàn tuyến		1,00	
85	Đường Trần Đại Nghĩa	Toàn tuyến		1,00	
86	Đường Phạm Ngọc Thạch	Toàn tuyến		1,00	
87	Đường Tăng Hồng Phúc	Toàn tuyến		1,00	
88	Đường Hoàng Cầm	Toàn tuyến		1,00	
89	Các tuyến đường còn lại lộ giới			1,00	
	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÀI PHÁT THANH CŨ				
90	Đường Lâm Thị Anh (số 13 cũ)	Toàn tuyến		1,27	
91	Đường Dương Văn Diệp (số 10 cũ)	Toàn tuyến		1,27	
92	Đường số 11	Toàn tuyến		1,27	
93	Đường số 4	Toàn tuyến		1,27	
	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ (02 HA)				
94	Đường số 5 và đường số 11, đường số 9	Toàn tuyến		1,33	
95	Đường số 12, đường số 6	Toàn tuyến		1,33	
96	Đường số 1	Toàn tuyến		1,33	
	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2 CŨ				
97	Đường Phan Văn Xoàn (số 6 cũ)	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
98	Đường Nguyễn Vĩnh Nghị (số 11 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
99	Đường Ninh Bình (Trung tâm Phường 2)	Toàn tuyến		1,00	
100	Đường Nguyễn Thị Bùi (số 3 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
101	Đường Nguyễn Bá Tụ (số 13 cũ)	Toàn tuyến		1,27	
102	Đường Trần Văn Mẫn (số 3A cũ)	Toàn tuyến		1,27	
103	Đường Đoàn Thị Huê (số 3B cũ)	Toàn tuyến		1,27	
104	Đường Lê Văn Năm (số 1B cũ)	Toàn tuyến		1,27	
105	Đường Phạm Thị Út (số 1E cũ)	Toàn tuyến		1,27	
106	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường đối diện Kính Hồ cũ)	kênh 30/4	Ninh Bình	1,10	
107	Đường Lê Hồng Phong (số 8 + 14 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
108	Đường Trần Thanh Viết (số 1D cũ)	Toàn tuyến		1,27	
109	Đường Nguyễn Lương Bằng (số 12 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
110	Đường Trần Văn Bình (số 1A cũ)	Toàn tuyến		1,27	
111	Đường Trần Hồng Dân (số 1 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
112	Đường Nguyễn Thị Nho (số 5 cũ)	Toàn tuyến		1,20	
113	Đường Trương Hán Siêu (số 4 cũ)	Toàn tuyến		1,27	
114	Đường Trần Văn Đại (số 8A cũ)	Toàn tuyến		1,00	
115	Đường Châu Thị Tám (số 2 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
116	Đường Hoa Lư (số 7 cũ)	Toàn tuyến		1,33	
117	Đường Phan Thị Khả (số 6A cũ)	Toàn tuyến		1,27	
118	Đường Nguyễn Công Thượng (số 6B cũ)	Toàn tuyến		1,27	
119	Đường Nguyễn Hồng Khanh (số 6C cũ)	Toàn tuyến		1,27	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
120	Đường Tào Văn Ty (số 1C cũ)	Toàn tuyến		1,27	
121	Đường Tạ Thị Huê (số 11A cũ)	Toàn tuyến		1,27	
122	Đường Lê Thị Huỳnh (số 11B cũ)	Toàn tuyến		1,27	
123	Đường Lê Thị Mười (số 9 cũ)	Toàn tuyến		1,33	
124	Đường số 10	Toàn tuyến		1,27	
125	Đường 9A	Toàn tuyến		1,27	
126	Đường 5B	Toàn tuyến		1,27	
127	Đường 4B	Toàn tuyến		1,27	
128	Đường khu trung tâm thương mại (phường 2) gồm Đường D1, D2, N1, N2	Toàn tuyến		1,33	
	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ GIÁP KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẾN XE BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG (KHU DÂN CƯ TRẢNG AN)				
129	Đường số 8; 11	Toàn tuyến		1,10	
130	Đường Đỗ Thị Bông (Đường số 6A cũ)	Toàn tuyến		1,10	
131	Đường Thạch Thị Nương (Đường số 8A cũ)	Toàn tuyến		1,10	
132	Đường Hồ Thị Nghi (Đường số 8B cũ)	Toàn tuyến		1,10	
133	Đường Ngô Thị Ba (Đường số 10 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
134	Đường Trần Văn Lắm (Đường số 12 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
135	Đường Nguyễn Thị Đet (Đường số 16 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
136	Đường Lê Thị Mạnh (Đường số 13A cũ)	Toàn tuyến		1,10	
137	Đường Hứa Thị Quán (Đường số 14 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
138	Đường Nguyễn Thị Lượm (Đường số 15 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
139	Đường Lý Thị Hui (Đường số 13 cũ)	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
140	Đường Nguyễn Việt Khái (Đường số 17 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
141	Đường Huỳnh Thị Búp (Đường số 18 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
142	Đường Tô Vĩnh Diện (Đường số 19, số 04 và 04B cũ)	Toàn tuyến		1,10	
143	Đường Nguyễn Thị Dân (Đường số 19A cũ)	Toàn tuyến		1,10	
144	Đường Trần Thị Viên (Đường số 19B cũ)	Toàn tuyến		1,10	
145	Đường Huỳnh Thị Hoa (Đường số 19C cũ)	Toàn tuyến		1,10	
146	Đường Nguyễn Thị Tiền (đường số 19D cũ)	Toàn tuyến		1,00	
147	Đường Nguyễn Thị Tròn (Đường số 23 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
148	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường số 25 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
149	Đường Ngô Văn Ngộ (Đường số 27 cũ)	Toàn tuyến		1,10	
150	Đường Lê Thị Đối (Đường số 29 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
151	Đường Nguyễn Thị Nở (Đường số 31 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
152	Đường Lương Thị Tài (Đường số 31A cũ)	Toàn tuyến		1,00	
153	Đường Mạc Thị Nhân (Đường số 33 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
154	Đường Nguyễn Thị Hoa (Đường số 33A cũ)	Toàn tuyến		1,00	
155	Đường số 2; 6	Toàn tuyến		1,10	
156	Đường số 14A, 14B	Toàn tuyến		1,00	
157	Đường Ung Văn Khiêm	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
158	Đường số 3, 5, 5A, 7, 9	Toàn tuyến		1,10	
159	Các tuyến đường Khu nhà ở xã hội			1,10	
	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HOÀNG PHÁT				
160	Đường Thị Châm (đường D1 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
161	Đường Huỳnh Thị Lãnh (đường D2 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
162	Đường Nguyễn Khuyến (đường D3 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
163	Đường Lê Thị Bảy (đường D4 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
164	Đường Hồ Tùng Mậu (đường D5 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
165	Đường Trương Thị Phụng (đường D6 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
166	Đường Võ Thị Tư (đường D7 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
167	Đường Lê Thị Nhơn (đường D8 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
168	Đường Đào Thị Thanh (đường D9 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
169	Đường Trần Thị Chính (đường D11 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
170	Đường Trần Thị Lang (đường D13 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
171	Đường D12	Toàn tuyến		1,00	
172	Đường Trần Thị Thanh Hương (đường D14 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
173	Đường Huỳnh Thị Đê (đường D15 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
174	Đường Nguyễn Thị Đương (đường D16 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
175	Đường Nguyễn Thị Sen (đường D17 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
176	Đường Nguyễn Thị Huệ (đường D18 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
177	Đường Nguyễn Thị Hải (đường D19 cũ)	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
178	Đường Nguyễn Thị Cầu (đường D20 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
179	Đường Trần Thị Hạnh (đường D21 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
180	Đường Phạm Thị Chũ (đường N2 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
181	Đường Nguyễn Thị Thiên (đường N3 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
182	Đường Mai Thị Đáng (đường N4 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
183	Đường Nguyễn Tiệm (đường N5 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
184	Đường Nguyễn Thị Đủ (đường N6 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
185	Đường Hồ Xuân Hương (đường N7 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
186	Đường Trương Thị Cương (đường N8 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
187	Đường Lê Thị Đồng (đường N9 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
188	Đường Nguyễn Thị Cúc (đường N10 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
189	Đường Lê Thị Nga (đường N11 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
190	Đường Nguyễn Minh Nhựt (đường N12 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
191	Đường Lê Thị Quý (đường N13 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
192	Đường Dương Thị Hai (đường N14 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
193	Đường Nguyễn Chánh Tâm (đường N15 cũ)	Toàn tuyến		1,00	
194	Đường 19 tháng 5 (Đường 19/5)	Toàn tuyến		1,00	
195	Đường Nguyễn Văn Cừ (đường Vành Đai cũ)	Toàn tuyến		1,00	
196	Đường Võ Chí Công (đường A cũ)	Toàn tuyến		1,00	
197	Đường 3 tháng 2 (Đường 3/2)	Toàn tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
198	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		1,00	
199	Các đường nội bộ trong dự án (đã hoàn thiện hạ tầng)			1,00	
	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VINCOM				
200	Đường D2 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh và đường Nguyễn Đình Chiểu)	Toàn tuyến		1,23	
201	Đường D1 và D4 (đường đầu nối ra đường Trần Huỳnh)	Toàn tuyến		1,27	
202	Đường nội bộ khu dân cư			1,27	
	DỰ ÁN KDC CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ GÓC ĐƯỜNG HAI BÀ TRƯNG - VÕ THỊ SÁU				
203	Đường số 01, đường 02 và đường số 03			1,27	
	DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ KHA				
204	Đường D1 (đường đầu nối ra đường Quốc lộ 1A và tuyến tránh)	Toàn tuyến		1,33	
205	Đường N1 và đường N2 (đường đầu nối ra đường D1)	Toàn tuyến		1,33	
206	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng			1,33	

6. PHƯỜNG VĨNH TRẠCH

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường Vĩnh Trạch

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Phường Vĩnh Trạch				
1	Tôn Đức Thắng	Cầu Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00	
2	Cao Văn Lầu	Đổng Đa (Dạ cầu Kim Sơn)	Thống Nhất	1,10	
3	Cao Văn Lầu	Nguyễn Thị Minh Khai	Đầu đường Nguyễn Trung Trực	1,10	
4	Cao Văn Lầu	Đầu đường Nguyễn Trung Trực	Đầu đường Số 9 - Khu Thiên Long	1,10	
5	Cao Văn Lầu	Đầu đường Số 9 - Khu Thiên Long	Giáp ranh phường Hiệp Thành	1,10	
6	Nguyễn Thị Minh Khai	Cao Văn Lầu	Nguyễn Du	1,00	
7	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	Cầu số 3	1,00	
8	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Liên tỉnh lộ 38 cũ)	Cầu thứ 3	Đường Lò Rèn	1,00	
9	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Liên tỉnh lộ 38 cũ)	Đường Lò Rèn	Tôn Đức Thắng	1,00	
10	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Liên tỉnh lộ 38 cũ)	Tôn Đức Thắng	Cầu Rạch Càn Thắng (Nam Sông Hậu)	1,00	
11	Quốc lộ 91B (tên cũ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai - Khu vực xã Vĩnh Trạch)	Cầu Rạch Càn Thắng	Đầu đường đi Xiêm Cánh	1,00	
12	Quốc lộ 91B (tên cũ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai - Khu vực xã Vĩnh Trạch)	Đầu đường đi Xiêm Cánh	Giáp ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Đổng Đa (đoạn từ Cao Văn Lầu đến Lý Văn Lâm, theo địa giới hành chính Phường Vĩnh Trạch)	Dạ cầu Kim Sơn	Lý Văn Lâm	1,00	
14	Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,00	
15	<i>Thống Nhất (đoạn từ Cao Văn Lầu đến Lý Văn Lâm, theo địa giới hành chính Phường Vĩnh Trạch)</i>	Nguyễn Thị Cẩm	Lý Văn Lâm	1,00	
16	Hồ Thị Kỷ	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,00	
17	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,00	
18	Lý Văn Lâm	Nguyễn Thị Minh Khai	Đổng Đa	1,00	
19	Lê Thị Hồng Gấm	Rạch Ông Bồn	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	1,00	
20	Lê Thị Hồng Gấm nối dài	Ngã ba đi Chùa Cô Bảy	Cuối đường	1,00	
21	Đường hai bên rạch Ông Bồn	Cầu số 3 (đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Cống Rạch Ông Bồn	1,00	
22	Đường hai bên rạch Ông Bồn	Cống Rạch Ông Bồn	đến hết tuyến	1,00	
23	Đường Lò Rèn	Giáp ranh phường 5	Đập Lớn	1,00	
24	Đường Lò Rèn	Đập Lớn	Liên Tỉnh lộ 38	1,00	
25	<i>Đường ra chùa Xiêm Cáng (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến kênh ranh Phường Hiệp Thành, theo địa giới hành chính Phường Vĩnh Trạch)</i>	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Chùa Xiêm Cáng	1,00	
26	Đường VT2	Cầu Vĩnh An	Cầu Ông Ghịch	1,00	
27	Đường VT2	Cầu Ông Ghịch	Giáp ranh VTĐ	1,00	
28	Đường VT2 (đoạn đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Cầu Vĩnh An (đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Sông Bạc Liêu	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
29	Đường nhánh song song kênh Rạch Thẳng (phường 5)	Cầu Rạch Thẳng	Kênh Ông Nô	1,00	
30	Đường nhánh song song kênh Rạch Thẳng (phường 5)	Kênh Ông Nô	Giáp ranh xã Hiệp Thành	1,00	
31	Đường nhánh song song kênh Rạch Thẳng (phường 5)	Cầu Rạch Thẳng	Sông Bạc Liêu	1,00	
32	Đường nhánh song song kênh Rạch Thẳng (xã Vĩnh Trạch)	Cầu Rạch Thẳng	Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông	1,00	
33	Đường nhánh song song kênh Rạch Thẳng (xã Vĩnh Trạch)	Cầu Rạch Thẳng	Sông Bạc Liêu	1,00	
34	Đường dẫn lên cầu Vĩnh An	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Vĩnh An	1,00	
35	Đường Công Điện - Bờ Xáng	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	1,00	
36	Đường Công Điện - Bờ Xáng	Cầu kênh bờ ven sông Bạc Liêu	Cổng Bờ Xáng	1,00	
37	Hẻm chùa Tam Sơn	Cầu rạch Cản Thẳng	Sông Bạc Liêu	1,00	
38	Đường cầu Thảo Lạng ra sông Bạc Liêu	Từ cầu Thảo Lạng (đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Đến sông Bạc Liêu	1,00	
39	Đường đi Xóm Làng An Trạch Đông	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đến cầu xóm làng An Trạch Đông	1,00	
40	Đường đi ấp Thảo Lạng và Bờ Xáng	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Trường tiểu học Vĩnh Trạch	1,00	
41	Đường đi ấp Thảo Lạng và Bờ Xáng	Trường tiểu học Vĩnh Trạch	Sông Bạc Liêu	1,00	
42	Đường đi chùa Kim Cầu	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Chùa Kim Cầu	1,00	
43	Đường đi chùa Kim Cầu	Chùa Kim Cầu	Sông Bạc Liêu	1,00	
44	Đường đi chùa Kim Cầu	Trường Trung học sở Võ Nguyên Giáp	Chùa Kim Cầu	1,00	
45	Đường 2 bên cầu Thuận Hòa	đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Giữa Dòng	1,00	
46	Đường 2 bên cầu Thuận Hòa	chợ Công Điện	đường ra chùa Xiêm Cáng	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47	Đường đi ấp Công Điền và An Trạch Đông	Từ cầu Tư Cái	Đến Lộ An Trạch Đông (Lộ Xóm Làng)	1,00	
48	Đường dọc theo Kênh Hở (P5) Hướng Bắc kênh	Cao Văn Lầu	Hết đường nhựa	1,00	
49	Đường dẫn 2 bên cầu Tôn Đức Thắng, phường 5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Tôn Đức Thắng	1,00	
50	Đường kênh Ông Bồn - Cao Văn Lầu (phường 5)	Bắt đầu từ kênh Ông Bồn	Đến Đường Cao Văn Lầu	1,00	
51	Đường ven sông Bạc Liêu	Cống Bờ Xáng	Kênh Lai Hòa	1,00	
52	Đường ông Tề	Bắt đầu từ kênh Ông Bồn	Đến Đường Cao Văn Lầu	1,00	
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng lớn hơn $2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
55	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Vĩnh Trạch

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 5				
1	Đường Hàm Nghi	Toàn tuyến		1,10	
2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Toàn tuyến		1,10	
3	Đường Đồng Khởi	Toàn tuyến		1,10	
4	Đường Bùi Thị Trường	Toàn tuyến		1,10	
5	Đường Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	Đường Lê Đại Hành	Toàn tuyến		1,10	
7	Đường Nguyễn Trung Trực	Toàn tuyến		1,10	
8	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		1,10	
9	Đường Trần Văn Trà	Toàn tuyến		1,10	
10	Đường Duy Tân	Toàn tuyến		1,10	
11	Đường Nguyễn Viết Xuân	Toàn tuyến		1,10	
12	Đường Nhạc Khị	Toàn tuyến		1,10	
13	Đường 6A	Toàn tuyến		1,10	
14	Đường Phạm Văn Khiết	Toàn tuyến		1,10	
15	Đường Nguyễn Thị Thơm	Toàn tuyến		1,10	
16	Đường Lê Thị Sáu	Toàn tuyến		1,10	
17	Đường Nguyễn Bình (Đường số 11B cũ)	Toàn tuyến		1,10	
18	Đường Hồ Minh Luông	Toàn tuyến		1,10	
19	Đường Bông Văn Dĩa	Toàn tuyến		1,10	
20	Đường Phó Đức Chính	Toàn tuyến		1,10	
21	Đường Mười Chức (Nọc Nặng cũ)	Toàn tuyến		1,10	
22	Đường Nguyễn Tri Phương	Toàn tuyến		1,10	
23	Đường Lê Thị Thê	Toàn tuyến		1,10	
	DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẬP TRUNG VÀ NHÀ Ở XÃ HỘI ĐÔNG CAO VĂN LẦU				
24	Đường số 11	Toàn tuyến		1,10	
25	Đường số 12	Toàn tuyến		1,10	
26	Đường số 13	Toàn tuyến		1,10	
27	Đường số 14	Toàn tuyến		1,10	
28	Đường số 15	Toàn tuyến		1,10	
29	Đường số 01	Toàn tuyến		1,10	
30	Đường số 02	Toàn tuyến		1,10	
31	Đường số 03	Toàn tuyến		1,10	
32	Đường số 06	Toàn tuyến		1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Đường số 07	Toàn tuyến		1,10	
34	Đường số 08	Toàn tuyến		1,10	
35	Đường số 09	Toàn tuyến		1,10	
36	Đường số 25	Toàn tuyến		1,10	
37	Đường số 27	Toàn tuyến		1,10	

7. PHƯỜNG HIỆP THÀNH

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn Phường Hiệp Thành

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Cao Văn Lầu (tên cũ: Cao Văn Lầu (Phía bên trái theo hướng từ cầu Kim Sơn ra biển))	giáp ranh phường Bạc Liêu và phường Vĩnh Trạch (ngã 3 đường Ninh Bình và đường Cao Văn Lầu)	Đường vào Tiểu đoàn 1	1,15	
2	Cao Văn Lầu	Đường vào Tiểu đoàn 1	Kênh Trường Sơn	1,15	
3	Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ) phía bên trái	Kênh Trường Sơn	Thiền viện Trúc Lâm	1,10	
4	Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ) phía bên trái	Thiền viện Trúc Lâm	ngã 4 Nhà Mát	1,10	
5	Bạch Đằng (Cao Văn Lầu cũ) phía bên phải	Kênh Trường Sơn	ngã 4 Nhà Mát	1,10	
6	Trường Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	đường Ngô Quyền nối dài	1,15	
7	Trường Sa (Đê Biển Đông cũ)	đường Ngô Quyền nối dài	Giáp ranh huyện Hòa Bình	1,10	
8	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	Cầu Út Đen (Cầu Nhà Mát)	Bạch Đằng	1,10	
9	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	Bạch Đằng	kênh Phân Vùng (tên cũ: Giáp ranh xã Hiệp Thành)	1,10	
10	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	kênh Phân Vùng (tên cũ: Giáp ranh xã Hiệp Thành)	cầu Chiên Túp 3	1,10	
11	Hoàng Sa (Đê Biển Đông cũ)	cầu Chiên Túp 3	ranh Cần Thơ (tên cũ: Ranh Sóc Trăng)	1,10	
12	Lộ Chòm Xoài	Giáp ranh Hoà Bình (NT Hải cũ)	Cổng số 2	1,10	
13	Lộ Chòm Xoài	Cổng số 2	Kênh 30/4	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
14	Đường Giồng nhân	Kênh 30/4	đường vào khu 509 ha	1,10	
15	Đường Giồng nhân	đường vào khu 509 ha	đường đê Lò Rèn cũ	1,10	
16	Đường Giồng nhân	đường đê Lò Rèn cũ	hết ranh trường mẫu giáo Vàng Anh	1,10	
17	Đường Giồng nhân	hết ranh trường mẫu giáo Vàng Anh	Qua ngã tư TT xã 200m	1,10	
18	Đường Giồng nhân	Qua ngã tư TT xã 200m	Ranh Cần Thơ (tên cũ: Ranh Vĩnh Châu, Sóc Trăng)	1,10	
19	Đường Ngõ Quyền (đường Bờ Tây cũ)	Đường Đặng Văn Tiểu (giáp ranh đường Bạc Liêu) (tên cũ: Đường Đặng Văn Tiểu (Đường Kinh tế mới - P2))	Kênh Trường Sơn (Cầu Thành Đới)	1,10	
20	Đường Nội bộ số 01	Đường Bạch Đằng	Kênh 30/4	1,10	
21	Đường nội bộ khu E	Đường Nội bộ số 01	cuối đường	1,10	
22	Đường nội bộ khu F	Đường Nội bộ số 01	cuối đường	1,10	
23	Đường Lò Rèn (mới)	đường Giồng nhân	ngã 3 đê Lò Rèn cũ và mới	1,10	
24	Đường ra chùa Xiêm Cánh (đoạn từ kênh ranh Phường Hiệp Thành đến Chùa Xiêm Cánh, theo địa giới hành chính Phường Hiệp Thành)	đường Nguyễn Thị Minh Khai	kênh Trường Sơn (tên cũ: Chùa Xiêm Cánh)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	Đường Vĩnh Trạch Đông 2 (tên cũ: Đường Vành đai 2)	Kênh Xáng (tên cũ: Kênh rạch Cần Thăng)	giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đường đi từ Nguyễn Thị Minh Khai đi chùa Xiêm Cáng)	1,10	
26	Tuyến lộ Nhà Kho	Đường Cao Văn Lầu	Đường Đê Lò Rèn cũ	1,10	
27	Tuyến lộ Nhà Kho	Đường Đê Lò Rèn cũ	kênh Xáng (tên cũ: Giáp ranh xã Vĩnh Trạch Đông)	1,10	
28	Tuyến lộ Du lịch sinh thái	Đường Giồng Nhãn	ngã ba địa Thợ Sơn (tên cũ: Đường VT2)	1,10	
29	Lộ Giồng Nhãn (Giáp ranh Cần Thơ)	Đường Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,10	
30	Đường Hứa Hòa Hưng (Ba Hưng) (Đường vào sân chim cũ)	Đường Cao Văn Lầu	Khu du lịch sinh thái Vườn Chim	1,10	
31	Đường Tạ Thị Hai	Lộ Giồng Nhãn	Hoàng Sa (Đê Biển Đông)	1,10	
32	Đường Kênh Tập Đoàn 7	Bắt đầu từ đường Ngô Quyền	Đến nhà ông Sơn Hà	1,10	
33	Đường Ngô Quyền nối dài	Bắt Đầu từ cầu Thành Đội (cầu Trường Sơn)	Đến đường Trường Sa (khóm Bờ Tây, Nhà Mát)	1,10	
34	Đường Kênh 1	Bắt đầu từ đường Ngô Quyền	Đến kênh Nam Định	1,10	
35	Đường Kênh 2	Bắt đầu từ đường Ngô Quyền	Đến kênh Nam Định	1,10	
36	Đường kênh số 4	đường kênh số 1	đường lộ Chòm Xoài	1,10	
37	Đường kênh Nam Định	giáp phường Bạc Liêu	đường lộ Chòm Xoài	1,10	
38	Đường đê Lò Rèn mới	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	Đường Giồng Nhãn	1,10	
39	Đường vào chánh niệm phật đường	đường Cao Văn Lầu	đường đê Lò Rèn mới	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	đường kênh Thị Đội	đường Ngô Quyền	Đường kênh Nam Định	1,10	
41	Đường kênh màu	đường Cao Văn Lầu	đê Lò rèn mới	1,10	
42	Đường kênh Mười Biếng	đường Cao Văn Lầu	kênh Ba Trọng	1,10	
43	Đường kênh Bà Lan	đường Cao Văn Lầu	đê Lò rèn mới	1,10	
44	Đường kênh phân vùng	Kênh Trường Sơn	đường Hoàng Sa	1,10	
45	Đường kênh Xáng	Giáp ranh phường Vĩnh Trạch	Cách đường Giồng Nhãn 200 m	1,10	
46	Đường kênh Xáng	Cách đường Giồng Nhãn 200m	Đường Giồng Nhãn	1,10	
47	Đường kênh ruộng muối	Đường Giồng nhãn	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	1,10	
48	Đường kênh An Trạch Đông	Đường Giồng nhãn	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	1,10	
49	Đường kênh Cần Thăng	nhà ông Lâm Khanh	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	1,10	
50	Đường đi giáp nước	đường vĩnh trạch đông 2	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	1,10	
51	Đường kênh Giồng	Đường Giồng nhãn	giáp ranh phường Vĩnh Trạch	1,10	
52	Đường kênh sau chùa	Đường từ cầu chùa Xiêm Cán	Đường kênh An Trạch Đông	1,10	
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$			1,10	
55	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Hiệp Thành

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	DỰ ÁN KHU DU LỊCH NHÀ MẮT				
1	Đường C và C1 (đường Bạch Đằng nối dài ra biển)	Toàn tuyến		1,10	
2	Đường số 2, số 4 (vuông góc đường Bạch Đằng)	Toàn tuyến		1,10	
3	Các đường nội bộ còn lại trong dự án			1,10	
	DỰ ÁN KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO PHÁT TRIỂN TÔM BẠC LIÊU				
4	Đường N1 và đường N2 (đường trục giao thông chính)	Toàn tuyến		1,10	
5	Đường N3, đường N5 và đường N6 (đường trục giao thông đầu nối)	Toàn tuyến		1,10	
6	Đường D1, đường D2, đường D3, đường D4, đường D5	Toàn tuyến		1,10	
7	Đường nội bộ đã hoàn thiện hạ tầng			1,10	

8. PHƯỜNG LÁNG TRÒN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Quốc lộ 1	Cầu Xóm Lung (Km 2201 + 397m)	Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m) (Đường vào UBND phường) (Tên cũ: Qua cầu Xóm Lung 300m (Km 2201 + 697m))	1,20	
2	Quốc lộ 1	Cách ngã 3 Láng Tròn 300m về phía đông (Km 2204 + 820m) (Đường vào UBND phường)	<i>Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m) (hết ranh cây xăng Nhà nước)(Tên cũ (Ngã 3 Láng Tròn (Km 2205 + 120m))</i>	1,20	
3	Quốc lộ 1	Qua cầu Láng Tròn 200m (Km 2205 + 712m) (Hết ranh cây xăng Nhà nước)	Tim Cống Lầu	1,20	
4	Đường dân sinh cầu Xóm Lung	Bắt đầu từ ranh đất nhà Quách Thị Ghét	Đến hết ranh đất nhà Nguyễn Văn Lực	1,15	
5	Đường dân sinh cầu Xóm Lung	Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Nâu	Đến hết ranh đất nhà Lâm Văn Xiệu	1,15	
6	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Phạm Thị Tú	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bảy	1,15	
7	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Xà To	Đến hết ranh đất nhà Tiêu Cáo	1,15	
8	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Tiêu Khai Kiếm	Đến hết ranh đất nhà Đặng Thanh Xuân	1,15	
9	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Bắt đầu từ ranh đất Trường Tiểu học Phong Phú A	Đến hết ranh đất nhà Lâm Ý Kía	1,15	
10	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu	Quốc lộ 1 (cống Đốc Béc)	Ranh phía bắc nhà ông Cao Văn Ghê	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Láng Tròn (khóm 3)) (Đường dân sinh cầu Xóm Lung (khóm 1))				
11	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)) (Đường dân sinh cầu Xóm Lung (khóm 1))	Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cổng Xóm Lung	1,15	
12	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3))	Quốc lộ 1 (cổng Tư Hỷ)	Ngã 3 Thiết (Ngã ba nhà ông 3 Thiết)	1,15	
13	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (nhà ông Trần Quang Trúc)	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu	1,15	
14	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (cổng bà Đội)	Kênh Cầu Móng	1,15	
15	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (cổng Lầu)	Kênh Cầu Móng	1,15	
16	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Kênh Cầu Móng	Cầu nhà Mười Bi (khóm 13)	1,15	
17	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Từ Quốc lộ 1	Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	1,10	
18	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Hết ranh phía Nam trường Mẫu giáo mới	Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	1,10	
19	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Cầu Trường Học Nhà ông Lâm Hòa Bình	Cầu Khóm 7 (Ba Nhạ)	1,10	
20	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Cầu Khóm 7 (Ba Nhạ)	Giáp cầu qua nhà Chín Long (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Đông)		
21	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Khóm 7 nhà ông Ba Thiết	Cây xăng Phương Thảo 4 (Cầu Ba Nhạc)	1,10	
22	Đường vào trường Tiểu học Phong Phú B	Quốc lộ 1	Cầu Trường học Mới	1,10	
23	Đường vào trường Tiểu học Phong Phú B	Cầu Trường học Mới	Nhà bà Lưu Thị Tiệp (Ngã 3 đường đi Vĩnh Phú Tây)	1,10	
24	Đường vào trường THCS Phong Phú	Cầu nhà ông Lâm Hòa Bình	Ngã tư cầu Khóm 7	1,10	
25	Đường vào cổng Vĩnh Phong	Ngã ba đường vào UBND Phường Láng tròn cũ (Tên cũ: Ngã ba đường vào UBND phường Láng Tròn)	Cổng Vĩnh Phong	1,10	
26	Đường vào cổng Vĩnh Phong	Cổng Vĩnh Phong (nhà ông Phạm Văn Trọng)	Cầu Khóm 12	1,10	
27	Đường số 1 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 6 (nhà ông Nguyễn Văn Tiên)	Đường số 8	1,20	
28	Đường số 2 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 7 (nhà ông Sài)	Đường vào trường mẫu giáo mới	1,20	
29	Đường số 3 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 5	Đường số 8	1,20	
30	Đường số 4 (khu TĐC khóm 2)	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Đường số 8	1,20	
31	Đường số 5 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 4	Đường số 2	1,20	
32	Đường số 6 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 1	Đường số 4	1,20	
33	Đường số 7 (khu TĐC khóm 2)	Đường vào cổng Vĩnh Phong (khóm 2)	Đường số 1	1,20	
34	Đường số 8 (khu TĐC khóm 2)	Đường số 4	Đường số 1	1,20	
35	Đường số 8 (khu TĐC khóm 2)	Quốc lộ 1 (nhà ông Tuấn Khóm vịt)	Đường số 1 (khu TĐC)	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
36	Chợ Láng Tròn	Ngã ba Láng Tròn (nhà ông Mã Thu Hùng)	Cầu chợ Láng Tròn, hai đường kể cả đường giữa chợ (Tên cũ: Hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai)	1,20	
37	Chợ Láng Tròn	Cầu chợ Láng Tròn (Tên cũ: Từ hết ranh đất nhà ông Quảng Văn Hai)	Đến hết ranh đất bà Lộ Thị Thủy (con ông Sáu Diệu)	1,20	
38	Chợ Láng Tròn	Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Lâm Cẩm Hằng	1,20	
39	Đường vào Đập Khóm 3 Vĩnh Phong	Quốc lộ 1	Đập Khóm 3 Vĩnh Phong	1,10	
40	Đường vào Đập Khóm 3 Vĩnh Phong	Đập Khóm 3 Vĩnh Phong	Giáp cầu khóm 14 (Nhà ông Tại) (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Tân)	1,10	
41	Đường vào Đập Khóm 3 Vĩnh Phong	Cầu 2 Đê (phía Đông)	Kênh K16 (Nhà ông Lệ)	1,10	
42	Thành các tuyến đường trong Khu dân cư khóm 3 (từ đường số 1- số 4),	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	1,10	
43	Thành các tuyến đường trong Khu dân cư khóm 3 (từ đường số 1- số 4),	Đường số 4 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 1 (khu dân cư khóm 3)	1,10	
44	Tuyến kênh K18	Cầu 2 Đê	Kênh Cống Lầu	1,10	
45	Tuyến kênh K18	Cầu 2 Đê (Bắc)	Cầu khóm 12 (nhà ông Kha)	1,10	
46	Tuyến Kênh Hai Chen	Kênh khóm 13	Kênh khóm 12	1,10	
47	Tuyến Kênh khóm 12 (Hào Quén)	Cầu khóm 12	Cầu nhà Võ Văn Hiếu (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh Đông)	1,10	
48	Tuyến đường Vành Đai cũ (song song với	Hương lộ Khóm 2 (Đất bà Ngô Thị Năm)	Đường vào Trường Tiểu Học Phong Phú B (nhà ông Nguyễn	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Quốc lộ 1)		Minh Tây)		
49	Tuyến đường chữ T (song song với tuyến đường vào UBND phường mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Út Em	Hết ranh đất nhà ông Bùi Tấn Hải	1,10	
50	Tuyến Khóm 2 - Khóm 12	bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Dũng, khóm 2	đến Cầu Khóm 12 nhà ông Trịnh Văn Sóng	1,10	
51	Tuyến Khóm 3 - Cổng Bà Đội (đường vành đai)	bắt đầu Khu Dân Cư Khóm 3	đến Cổng Bà Đội	1,10	
52	Tuyến Tư Bá Khóm 2	bắt đầu từ nhà trọ ông 8 khóm 2	đến nhà ông Hồ Vũ Bảo - kênh 7 Ói	1,10	
53	Tuyến hẻm 5	bắt đầu từ nhà Kha Thanh Tài khóm 2	đến cuối nhà bà Huỳnh Thị Liêm	1,10	
54	Tuyến đường nhà trọ ông Quân khóm 2	bắt đầu từ nhà trọ ông Quân	đến kênh thủy lợi	1,10	
55	Tuyến đường kênh Đốc Béc khóm 1 (Hẻm 2)	bắt đầu từ nhà ông Ngô Văn Tổng	đến hết tuyến đường kênh Miếu	1,10	
56	Tuyến Hẻm 4	Quốc lộ 1	Kênh Bảy Ói	1,10	
57	Tuyến từ cầu Ba Nhạc	Cầu Ba Nhạc khóm 7	Kênh Hai Chen (Khóm 12A)	1,10	
58	Tuyến từ cổng xóm Lung	Cổng xóm Lung (Khóm 1)	Lung Bàu Tượng (nhà ông Phát)	1,10	
59	Tuyến lung Bàu Tượng	Nhà bà Gạo (Giáp kênh Vĩnh Mỹ)	Kênh Miếu (nhà Bảy Tâm)	1,10	
60	Tuyến đường nhà Mai Thanh Bình	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Cuối đường	1,10	
61	Tuyến đường vào trạm nước sạch	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Cuối đường	1,10	
62	Tuyến đường nhà Tám Bó	Đường vào trường Mẫu giáo mới	Cuối đường	1,10	
63	Tuyến cổng Đốc Béc (phía Tây)	Nhà Cao Văn Ghê	Lung Bàu Tượng	1,10	
64	Tuyến cổng Đốc Béc (phía Đông)	Hết ranh kênh Miếu	Cầu Trung ương Đoàn	1,10	
65	Tuyến kênh Vĩnh Phong (phía Đông)	Cầu Trung ương Đoàn (phía Đông) (Đất công)	Cầu qua nhà Chín Long	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
66	Tuyến kênh Vĩnh Phong (phía Đông)	Nhà ông Bảy Pha	Cầu nhà ông Vọng khóm 7	1,10	
67	Tuyến kênh Vĩnh Phong (phía Tây)	Cầu Trung ương Đoàn (phía Tây)	Tuyến khóm 7 nhà ông Ba Thiết (bờ Bắc)	1,10	
68	Tuyến kênh Cầu Móng	Kênh Cầu Móng (Cổng Bà Đội)	Kênh Cổng Lầu	1,10	
69	Tuyến kênh Khóm 13 (phía Tây)	Nhà Tứ Hải	Cầu Sáu Phát (Kênh Hai Chen)	1,10	
70	Tuyến Hẻm 3	Quốc lộ 1 (phía Tây)	Nhà ông Tám Tèo	1,10	
71	Tuyến kênh Bảy Ói	Đường vào trường Tiểu học Phong Phú B (Quốc lộ 1)	Giáp kênh Tư Hảy (khóm 7)	1,10	
72	Đường liên xã	Giáp ranh Phường Láng Tròn	Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Nam)	1,10	
73	Đường liên xã	Cầu Vĩnh Phong V14 (hướng Bắc)	Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Nam)	1,10	
74	Đường liên xã	Kênh chống Mỹ (đầu kênh hướng Bắc)	Cầu nhà ông Lương Ô Ra (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Tân)	1,10	
75	Đường liên xã	Kênh chống Mỹ	Cầu Trắng (giáp xã Vĩnh Thanh)	1,10	
76	Đường vào trường Tiểu học PTĐ	Cột điện 2/19 (nhà ông Nguyễn Văn Dũng)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Trường Chiến	1,10	
77	Kênh Khóm 9 (Xóm Cồng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ngọc Y	Cầu nhà ông Võ Văn Tuấn	1,10	
78	Tuyến Kênh Khóm 12 (Kênh Lầm Đôi)	Từ nhà ông Lê Văn Hận (Cầu Khóm 14)	Hết ranh đất của ông Trần Văn Tòng	1,10	
79	Đường Giá Rai - Phong Tân	Giáp ranh phường Giá Rai (Tên cũ: Giáp ranh Phường 1)	Cầu Nhà ông Lương Ô Ra (Tên cũ: Cầu Nhà ông Lương Ô Ra (giáp ranh xã Phong Thạnh Đông)	1,10	
80	Đường Khóm 16B	Cầu kênh V 12 Chống Mỹ (Trạm y tế xã Phong Tân, Khóm 16B)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Vạn (Khóm 16B)	1,10	
81	Đường xã Phong Tân (Khóm 18, 19, 20, 21)	Bắt đầu từ Cây Xăng Minh Lý	Giáp ranh Cầu Tư Thủy	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
82	Đường xã Phong Tân (Khóm 18, 19, 20, 21)	Giáp ranh Cầu Tư Thủy	Giáp ranh Cầu Ranh Hạt Khóm 21 xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Giáp ranh Cầu Ranh Hạt Khóm 21 xã Vĩnh Phú Tây)	1,10	
83	Đường xã Phong Tân (Khóm 14, 16A, 17, 19)	Cổng Vĩnh Phong 14 (nhà ông Trần Văn Tám (8 Lẹo))	Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Thúy) (Kênh Lắm Đồi) (Tên cũ: Nhà ông Nguyễn Văn Sơn (Thúy))	1,10	
84	Đường Khóm 15 (Phong Tân)	Cầu nhà ông Lương Ô Ra	Cầu Khóm 15 (giáp Vĩnh Phước) (Tên cũ: Cầu Khóm 15 (giáp Vĩnh Phú Tây))	1,10	
85	Đường Khóm 14, Khóm 16A (Phong Tân)	Cầu số 3 (nhà ông Trần Văn Tùng)	Cầu Khóm 14 (nhà ông Lê Văn Khởi)	1,10	
86	Đường Khóm 15 (Phong Tân)	Cầu Khóm 15 (nhà ông Lê Tấn Phùng)	Cầu nhà ông Lê Văn Thêm	1,10	
87	Đường Khóm 16B và Khóm 15 (Phong Tân)	Cầu Khóm 15 (nhà ông Lê Tấn Dũng)	Cầu số 6 (Nhà ông 3 Xía)	1,10	
88	Đường Khóm 19 (Phong Tân)	Cầu Khóm 19, kênh Chổng Mỹ	Kênh Vĩnh Phong 10 (Nhà ông Minh Điền)	1,10	
89	Đường Khóm 17 (Phong Tân)	Cầu kênh 17 (nhà bà Trần Thị Lệ)	Cầu Thủy Lợi (nhà ông Phạm Thanh Tùng)	1,10	
90	Đường Khóm 16A (Phong Tân)	Cầu Khóm 16A (nhà Nguyễn Văn Tươi)	Đến hết ranh đất nhà Chiêm Quốc Trị	1,10	
91	Đường Khóm 5 (Phong Tân)	Cầu Ô Rô	Giáp cầu số 1 (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lý Văn Long (Cầu Khóm 5))	1,10	
92	Đường Khóm 17 (tuyến Ba Giang)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Hồng	Cổng Lung Mướp	1,10	
93	Tuyến Khóm 16A	Cầu Ông Tại	Đến hết ranh đất Miếu Ông Tà (nhà ông Trương Văn Kính)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
94	Tuyến đường Kênh Cây Dương Khóm 19	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Thế Mỹ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Thanh Tùng	1,10	
95	Tuyến đường Khóm 20 (Liên Khóm)	Từ ranh Trạm nước sạch Khóm 20	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Ngọt	1,10	
96	Đường liên Khóm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phước	Kênh Vĩnh Phong 10	1,10	
97	Đường tuyến đường (Khóm 19; 17; 16B)	Bắt đầu từ cây xăng ông Trần Thanh Tùng Khóm 19	Đến cầu trạm y tế Khóm 16B	1,10	
98	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq$ 2m			1,05	
99	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq$ 3m			1,05	
100	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $>$ 3m			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

9. PHƯỜNG GIÁ RAI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Quốc lộ 1	Tim Cống Lầu	Tim Cống Ba Tuyền	1,20	
2	Quốc lộ 1	Tim Cống Ba Tuyền	Cầu Nọc Nạng	1,20	
3	Quốc lộ 1	Từ cầu Nọc Nạng	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung (Km 2215 + 300m)	1,20	
4	Quốc lộ 1	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung Km 2215 + 300m)	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	1,20	
5	Quốc lộ 1	Cầu Hộ Phòng (Km 2216 + 218m)	Tim hẻm Tự Lực	1,20	
6	Quốc lộ 1	Tim hẻm Tự Lực	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	1,20	
7	Quốc lộ 1	Tim đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến ranh xã Phong Thanh (Tên cũ: Giáp ranh Tân Phong (Km 2217 + 525m)	1,20	
8	Đường lộ cũ (Trụ sở Khóm 2)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Cống Ba Tuyền	1,20	
9	Đường Giá Rai- Gành Hào	Ngã ba (Quốc lộ 1)	Cầu Giá Rai - Gành Hào	1,20	
10	Đường Giá Rai- Gành Hào	Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 1)	Cầu Rạch Rắn 1	1,20	
11	Đường Giá Rai- Gành Hào	Cầu Giá Rai - Gành Hào (Cầu Đình 2)	Cổng Chùa mới	1,20	
12	Phan Thanh Giản	Lê Lợi	Cầu Đình	1,20	
13	Nguyễn Huệ	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,20	
14	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,20	
15	Trung Nhị	Nguyễn Thị Lượng	Trần Hưng Đạo	1,20	
16	Trung Nhị	Trần Hưng Đạo	Lê Lợi	1,20	
17	Trần Hưng Đạo	Cầu Giá Rai - Gành Hào	Tim đường Phan Thanh Giản	1,20	
18	Trần Hưng Đạo	Tim đường Phan Thanh Giản	Tim đường Lý Thường Kiệt	1,20	
19	Trần Hưng Đạo	Tim đường Lý	Đường Nguyễn Thị	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thường Kiệt	Lượng		
20	Lý Thường Kiệt	Cổng trường THCS Giá Rai A	Đường Lê Lợi	1,20	
21	Lê Lợi	Cầu Gành Hào- Giá Rai	Tìm đường Phan Thanh Giản	1,20	
22	Lê Lợi	Tìm đường Phan Thanh Giản	Tìm đường Trung Nhị	1,20	
23	Lê Lợi	Tìm đường Trung Nhị	Tìm đường Lý Thường Kiệt	1,20	
24	Nguyễn Thị Lượng	Đất ông Lê Văn Bạc (Tên cũ: Đường Giá Rai - Gành Hào)	Cầu Đen	1,20	
25	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	1,20	
26	Nguyễn Tri Phương (lộ nhựa Khóm 3)	Đường Giá Rai - Gành Hào + 1000m	Hết đường (giáp kênh)	1,20	
27	Đường lộ nhựa Khóm 4	Cầu chương trình 135	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thắm (Tên cũ: Giáp Phường Hộ Phòng)	1,20	
28	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	1,20	
29	Nguyễn Văn Chức (đường vào khu di tích Nọc Nặng)	Cổng Nọc Nặng	Đến hết ranh Khu di tích Nọc Nặng (Tên cũ: Giáp ranh Phong Thạnh A)	1,20	
30	Nguyễn Văn Uông (Đường Tòa án)	Quốc lộ 1	Ngã ba	1,20	
31	Nguyễn Văn Uông (Đường Tòa án)	Ngã ba	Hết đường Nguyễn Văn Uông	1,20	
32	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Quốc lộ 1	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	1,20	
33	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Cách ranh phía bắc bệnh viện 200m	Cổng Phó Sinh	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (đường đi Phó Sinh Khóm 1)	Cổng Phó Sinh	Kênh chủ chỉ 1 (Tên cũ: Kênh Chủ Chỉ 1 giáp ranh Phong Thạnh A)	1,20	
35	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Quốc lộ 1	Cổng Phó Sinh	1,20	
36	Quách Thị Kiều (Đường đi Phó Sinh, khóm 2)	Cổng Phó Sinh	Giáp đường Giá Rai - Phong Tân	1,20	
37	Đường Giá Cần Bảy	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết ranh Phường 1	1,20	
38	Tạ Tài Lợi	Ngã ba đường Tòa án (Tên cũ: Đường Tòa án)	Ngã ba đường trường mẫu giáo Sơn Ca	1,20	
39	Dương Văn Diệp (Đường trường mẫu giáo Sơn Ca)	Đầu ranh trường mẫu giáo Sơn Ca	Đường Tạ Tài Lợi	1,20	
40	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Kênh Rạch Rắn	1,50	
41	Đường Cầu Trần Văn Sớm	Cầu Trần Văn Sớm	Cầu kênh ấp 1(Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh A)	1,50	
42	Đường Chùa Cô Lý	Chùa Cô Lý	Đến Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Tên cũ: Hết ranh nhà ông Trần Văn Bông)	1,20	
43	Đường Giá Rai - Phong Tân	Quốc lộ 1	Cầu số 1 (Tên cũ: Cầu số 1 xã Phong Tân)	1,20	
44	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Đường Trần Văn Sớm	Cầu lộ cũ (Tên cũ: Giáp ranh phường Hộ Phòng)	1,20	
45	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Cầu Lộ cũ (Tên cũ: Giáp ranh Phường 1 (cũ))	Giáp ấp Đầu Lá xã Long Điền	1,25	
46	Đường khu dân cư Nhật Trang (trục chính của dự án)	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	1,20	
47	Đường khu dân cư Nhật Trang (đường nội bộ)	Toàn tuyến		1,20	
48	Hẻm số 5 (nhà Bảy Hoàng)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu (hết	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			đường)		
49	Hẻm số 7 (nhà DũngComposite)	Đường dân sinh đường Nọc Nặng	Nhà ông Dũng (Composite)	1,20	
50	Hẻm số 6 (hẻm Sơn Lệ)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông bé Chạy Đáy)	1,20	
51	Hẻm số 3 (bác sĩ Thiết)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	1,20	
52	Hẻm số 2 (đường hẻm Bến đò)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	1,20	
53	Hẻm số 1 (hẻm Đầu Voi)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu)	1,20	
54	Đường dân sinh cầu Nọc Nặng	Quốc lộ 1	Kênh Nọc Nặng	1,20	
55	Đường dân sinh cầu Giá Rai	Quốc lộ 1	Hẻm số 1 (Hẻm Đầu Voi)	1,20	
56	Hẻm số 16 (hẻm Chết Tám)	Quách Thị Kiều	Hết hẻm (Nhà ông Sử Văn Hôn)	1,20	
57	Hẻm số 5 (hẻm Cây Táo)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Trần Văn Hón)	1,20	
58	Hẻm số 4 (hẻm Bảy Liếng)	Quốc lộ 1	Hết hẻm (Nhà ông Tư Văn Liếng)	1,20	
59	Hẻm số 15 (hẻm Ba Lát)	Quách Thị Kiều	Hết đường (Nhà bà Phan Thị Huệ)	1,20	
60	Hẻm số 1 (hẻm Cổng Lầu)	Quốc lộ 1	Giáp ranh P. Láng Tròn (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Út)	1,20	
61	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Kênh Thủy Lợi	1,20	
62	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Thị Oanh	1,20	
63	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,20	
64	Hẻm số 8	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,20	
65	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,20	
66	Tuyến đường dân sinh khóm 2 (cầu Giá Rai)	Chợ khóm 2	Kênh Phó Sinh (nhà ông Nguyễn Tấn Nghinh)	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
67	Đường vào Trường Tiểu học Giá Rai C (khóm 4)	Đường Giá Rai - Gành Hào	Hết đường (Kênh Thủy Lợi)	1,20	
68	Tuyến đường chùa mới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Bảy	1,20	
69	Tuyến Xóm Lưới	Đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	1,20	
70	Đường Cầu Thanh Niên	Cầu Nhà ông Huỳnh Mười	Kênh Rạch Rắn	1,20	
	Khu dân cư Nọc Nặng				
71	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường số 8	1,20	
72	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Chức	Đường số 9	1,20	
73	Đường số 3	Đường số 5	Đường số 10	1,20	
74	Đường số 4	Đường số 8	Giáp ranh Huyện đội	1,20	
75	Đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	1,20	
76	Đường số 6	Đường số 3	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	1,20	
77	Đường số 7	Đường số 2	Đường số 3	1,20	
78	Đường số 8	Đường số 4	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	1,20	
	Khu vực Phường Hộ Phòng cũ				
79	Đường trước Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã ba Bưu điện	Ngã ba bến xe - tàu (Hết nhà Ba Mão)	1,20	
80	Đường 30/4	Phước Đức Cổ Miếu (Tên cũ: Đầu Voi Hộ Phòng - Chủ Chí)	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	1,20	
81	Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tắc Sậy)	Kho vật tư cũ (cầu Hộ Phòng)	Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	1,20	
82	Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tắc Sậy)	Ngã ba Tân Thuận	Hẻm số 6	1,20	
83	Đường 30/4 (ngã ba Tân Thuận đi ngã ba Tắc Sậy)	Hẻm số 6	Giáp ranh xã Phong Thạnh	1,20	
84	Tô Minh Xuyên	Hẻm số 4	Đường Phan Đình Giót	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
85	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (Tư Bình)	Quốc lộ 1	Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	1,20	
86	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí (Tư Bình)	Ranh phía Bắc nhà ông Nguyễn Tấn Bửu	Giáp ranh xã Phong Thạnh (Tên cũ Giáp ranh xã Tân Phong)	1,20	
87	Trần Văn Quý	Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Thuận (đường lộ cũ)	1,20	
88	Đường cách mạng tháng 8 (Tên cũ: Đường 30/4)	Cầu Hộ Phòng (dây bờ sông)	Hết đường	1,20	
89	Lê Văn Tám (đường số 1)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	1,20	
90	Lê Văn Tám (đường số 1)	Nguyễn Quốc Hương	Kênh Lái Niên	1,20	
91	Lê Văn Tám (đường số 1)	Kênh Lái Niên	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,20	
92	Nguyễn Văn Nguyễn (đường số 2)	Quốc lộ 1	Nguyễn Quốc Hương	1,20	
93	Trần Văn Ớn (đường số 3)	Nguyễn Quốc Hương	Cao Triều Phát	1,20	
94	Huỳnh Hoàng Hùng (đường số 4)	Quốc lộ 1	Từ Minh Khánh	1,20	
95	Cao Triều Phát (đường số 5)	Lê Văn Tám	Hết đường (giáp chùa Long Đức)	1,20	
96	Từ Minh Khánh (đường số 6)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	1,20	
97	Từ Minh Khánh (đường số 6)	Huỳnh Hoàng Hùng	Hết đường (sông Hộ Phòng – Chú Chí)	1,20	
98	Nguyễn Quốc Hương (đường số 7)	Lê Văn Tám	Huỳnh Hoàng Hùng	1,20	
99	Đường 1 tháng 5 (đường vào Chùa)	Quốc lộ 1 (nhà ông Lưu Minh Lập)	Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiếu	1,20	
100	Đường 1 tháng 5 (đường vào Chùa)	Ranh phía nam nhà ông Trần Văn Thiếu	Hết ranh đường bê tông (nhà ông Châu Văn Toàn)	1,20	
101	Tuyến Phà ấp 4	Ranh Chùa Khorme cũ	Cầu Sắt	1,15	
102	Tuyến Kinh lộ cũ	Ranh Chùa	Ranh ấp 4 Phường	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Khome cũ	1		
103	Đường ngang qua nhà ông Nguyễn Thanh Dũng	Từ cầu sắt (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khánh)	Giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Giáp ranh xã Long Điền - Đông Hải)	1,15	
104	Đường ngang qua nhà ông Nguyễn Thanh Dũng	Đầu Voi (ấp 4)	Hết đường (nhà ông Huỳnh Bé Mười)	1,15	
105	Đường vành đai Hộ Phòng	Cầu Nọc Nặng 2	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1)	1,20	
106	Tuyến KDC Nọc Nặng đến Khu di tích Nọc Nặng	Hết ranh khu dân cư Nọc Nặng	Giáp đường vào Khu di tích Nọc Nặng	1,20	
107	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1A)	Đầu Vòng Xoay, DNTN Thành Trung (Tên cũ: Quốc lộ 1 (ấp 1))	Quốc lộ 1 (giáp ranh xã Phong Thạnh) (Tên cũ: Quốc lộ 1 (giáp ranh Tân Phong))	1,20	
108	Phan Đình Giót (đường Thanh Niên)	Quốc lộ 1	Tô Minh Xuyên	1,20	
109	Phan Đình Giót (đường Thanh Niên)	Tô Minh Xuyên	Đập Ba Túc + 100m	1,20	
110	Phan Đình Giót (đường Thanh Niên)	Đập Ba Túc + 100m	Cống kênh Ô tàu (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh)	1,20	
111	Châu Văn Đặng (đường Cầu Trắng)	Phan Đình Giót	Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	1,20	
112	Châu Văn Đặng (đường Cầu Trắng)	Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1)	Cầu Trắng (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Thạnh A)	1,20	
113	Đường phía Đông nhà thờ Ninh Sơn	Đầu đường nhà ông Nguyễn Hải Đăng	Hết ranh đất nhà bà Phan Thị Diệp	1,20	
114	Đường lộ cũ ấp 1	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng	Tới giáp kè sạt lở (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Thanh Tâm)	1,20	
115	Đường trạm quản lý cống	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải An	Hết đường (Tên cũ: Ranh Phong Thạnh A)	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
116	Đường phía Đông Trung tâm dạy nghề	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Đường tránh Hộ Phòng (Quốc lộ 1) (Tên cũ: Đường tránh tuyến)	1,20	
117	Đường phía Tây Trung tâm dạy nghề	Đường Tô Minh Xuyến (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông thầy Bình)	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Thanh Phong)	1,20	
118	Đường phía Đông kênh Ba Túc	đường Phan Đình Giót (ranh đất nhà ông Huỳnh Giang Anh) (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Giang Anh)	Đến hết ranh đất nhà Châu Như Truyền	1,20	
119	Đường phía Tây kênh Ba Túc	Từ đường Phan Đình Giót (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Cơ sở tôm giống ông Cụng)	Đường Tránh Hộ Phòng (QL 1) (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Hiền)	1,20	
120	Hẻm số 3	Quốc lộ 1	Hẻm 14 (hết ranh nhà bà Lê Việt Thu)	1,20	
121	Hẻm số 4 (trường Tiểu học Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Đến đường Tô Minh Xuyến (Tên cũ: Hết đường)	1,20	
122	Hẻm số 5 (hẻm hãng nước đá)	Quốc lộ 1	Ngã ba đông lạnh Hộ Phòng (Tên cũ: Ngã ba xuất khẩu)	1,20	
123	Hẻm số 6 (hẻm Bá Toàn)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
124	Hẻm số 7 (hẻm Xuân Hen)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
125	Đường nhánh hẻm số 7	Quốc lộ 1	đến nhà ông Dur Chí Thanh	1,20	
126	Hẻm số 8 (chùa mới Hộ Phòng)	Quốc lộ 1	Hết đường (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Tèo)	1,20	
127	Hẻm số 9	Quốc lộ 1	Hết đường	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
128	Hẻm số 13	Phan Đình Giót (Đầu đường nhà bà Nguyễn Dương Thùy Loan) (Tên cũ: Đầu đường nhà bà Nguyễn Dương Thùy Loan)	Đến hẻm số 3 (Hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Dal) (Tên cũ: Hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Dal)	1,20	
129	Hẻm số 15 (nhà máy Hòa Phong cũ)	Phan Đình Giót	Kênh xáng Hộ Phòng-Chủ Chí	1,20	
130	Hẻm số 19 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Mai Thanh Hùng)	Hết đường (nhà Nguyễn Thị Điệp)	1,20	
131	Hẻm số 20 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (nhà Nguyễn Văn Mau)	Hết đường (nhà ông Nguyễn Văn Sáu)	1,20	
132	Hẻm số 21	Đường Thanh Niên (nhà ông Nguyễn Văn Hùng)	Hết đường (nhà bà Trần Mỹ Dung)	1,20	
133	Hẻm số 23 (phía tây đường Phan Đình Giót) (Tên cũ: Hẻm số 23 (phía Tây đường Thanh niên)	Phan Đình Giót (Nhà ông Khởi NH Chính Sách)	Hết đường (nhà Thái Thành Nghịệp)	1,20	
134	Hẻm số 24 (ngang hẻm trụ sở ấp 1)	Phan Đình Giót	Giáp kênh Ánh Xuân	1,20	
135	Hẻm số 26	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Phước Sơn	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Bích Liên	1,20	
136	Tuyến nhà ông Bùi Xuân Kiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Công Thạch	Đến hết ranh đất nhà Dương Văn Đoàn	1,20	
137	Đường vào nhà bà Trần Thị Nho	Đường Phan Đình Giót	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Mạnh	1,20	
138	Đường Lò Rèn	Giáp hẻm số 4	Đến hết ranh đất nhà ông Từ Khươl	1,20	
139	Đường lò rèn (nhánh ngang)	hẻm số 4	hết đường	1,20	
140	Đường sau trường Tiểu học Hộ	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Lành	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Phòng B	Nguyễn Thị Huệ			
141	Hẻm số 12 (cấp phòng KT - HT cũ)	Đường trước Ngân hàng Nông nghiệp	Đường 30/4	1,20	
142	Đường vào công an Phường Hộ Phòng	Cửa hàng VLXD Hộ Phòng	Phước Đức Cổ Miếu	1,20	
143	Hẻm nhà Hoàng Anh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng	Cổng trường cấp 2	1,15	
144	Hẻm nhà Hoàng Anh	Cổng trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Thắng	1,15	
145	Đường nhà ông Trần Hồng Quân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Tám	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Huệ	1,15	
146	Đường chợ cũ (phía đông)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
147	Đường chợ cũ (phía tây)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
148	Hẻm số 6 (hẻm hàng nước đá cũ)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
149	Hẻm Tự Lực	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Diệp Văn Hiệp)	1,20	
150	Hẻm số 4 (hẻm phế liệu)	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Hàn Minh Toàn)	1,20	
151	Hẻm số 5 (hẻm Thanh Tâm)	Quốc lộ 1	Đường 30/4	1,20	
152	Hẻm số 8 (nhà ông Quý đến nhà ông Sinh)	Đường Lê Văn Tám	Hết đường (Nhà ông Nguyễn Văn Sinh)	1,20	
153	Hẻm số 7 (dãy nhà thầy Nhận)	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Bích Loan	1,20	
154	Hẻm số 1 (cấp nhà ông Lén, Hoàng Thám)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Ngọc Minh	1,20	
155	Đường sau nhà ông Đạm (khu Việt Úc)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đạm	Chùa Long Đức	1,15	
156	Hẻm số 3 (đường nhà ông Trí)	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Quý	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
157	Hẻm số 2 (Đường Ngân hàng Chính Sách)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lưu Thị Út	1,20	
158	Hẻm số 10 (hẻm nhà bà Liễu)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Liễu	1,15	
159	Hẻm số 11 (hẻm nhà ông Trương Văn Bạch)	Đường vào chùa	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Kiệt	1,15	
160	Tuyến dọc kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Thanh Phòng (xăng dầu)	Hết đường (cấp kênh xáng CM-BL)	1,15	
161	Tuyến dọc kênh Hộ Phòng - Gành Hào	Bến phà cũ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	1,15	
162	Tuyến dọc kênh Hộ Phòng - Gành Hào	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp áp Quyết Thắng	1,15	
163	Tuyến Bảy Gõ	Ngã ba (nhà ông Đồng Văn Bụng)	Giáp kênh Bảy Gõ	1,15	
164	Hẻm số 5	Quốc lộ 1 (phía Tây nhà bà Nguyễn Thị Sáu)	Giáp kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,20	
165	Đường cặp nhà Nguyễn Thị Quế	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà bà Thái Văn Oai)	1,20	
166	Đường vào trường Tiểu học Hộ Phòng C	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Hộ Phòng C	1,20	
167	Đường cặp nhà ông Hữu Hạnh (Hẻm 4)	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà Hoàng Đức Dưỡng)	1,20	
168	Đường vào Trạm biến điện	Quốc lộ 1	Trạm biến điện (Nhà ông Châu Văn Thắm)	1,20	
169	Cổng Nọc Nặng	Quốc lộ 1	Cổng Nọc Nặng	1,20	
170	Cổng Nọc Nặng	Cổng Nọc Nặng	Đến hết ranh đất nhà ông Danh Xem	1,20	
171	Đường dân sinh Cầu Nọc Nặng	Phía Nam Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Trần Văn Sang) hết chân cầu (nhà bà Lương Thị Hường)		1,20	
172	Đường dân sinh Cầu Nọc Nặng	Phía Bắc Quốc lộ 1: ranh bờ sông (nhà ông Vũ Văn Quân) hết chân cầu (nhà bà Phạm Thị Thanh)		1,20	
173	Hẻm số 2	Quốc lộ 1	Hết đường (nhà	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			ông Nguyễn Việt Triều)		
174	Hẻm số 3 (nhà Lâm Ba)	Quốc lộ 1	Hết ranh đất đất nhà bà Ngoạn	1,20	
175	Hẻm số 10	Quốc lộ 1 (nhà bà Nguyễn Thị The)	Hết đường (Nhà ông Trần Đình Liên)	1,20	
176	Hẻm số 12	Quốc lộ 1 (nhà nuôi yến Trần Quang Xuyên)	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	1,20	
177	Hẻm số 15 (phía Đông nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường	1,20	
178	Hẻm số 17 (phía Tây nhà thờ Ninh Sơn)	Quốc lộ 1	Kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu đến hết đường về phía Tây (KDC ấp 5)	1,20	
179	Hẻm số 6	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chuẩn	1,20	
180	Hẻm số 7 (nhà ông Chế Văn Công)	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Phích	1,20	
181	Hẻm số 8 (nhà ông Ngô Mộng Xuân)	Quốc lộ 1	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,20	
182	Đường khu dân cư Thành Trung	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Hoa	1,20	
183	Hẻm Trung Kiên	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Đào Văn Sự	1,20	
184	Đường phía đông chợ Nọc Nạng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Đinh Phi Hồ)	Hết đường (nhà ông Đinh Văn Dánh)	1,20	
185	Đường phía tây chợ Nọc Nạng	Quốc lộ 1 (Nhà ông Châu Văn Cam)	Hết đường (nhà bà Trần Thị Nhật)	1,20	
186	Hẻm nhà trẻ Hoa Hồng	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất Nhà trẻ Hoa Hồng	1,20	
187	Hẻm số 14	Đầu đường nhà bà Dương Thị Sương (giáp Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Loan	1,20	
	Khu dân cư Đại Lộc				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
188	Đường vào KDC Công ty Đại Lộc Khu A	Quốc lộ 1	Hết đường (Nhà ông Thạch Hòa Hiệp)	1,20	
189	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu A (Đường số 1, 2, 4)	Toàn tuyến		1,20	
190	Đường số 7 KDC Công ty Đại Lộc Khu B và khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng	Đường Quốc lộ 1A	Cuối đường	1,20	
191	Đường nội bộ KDC Công ty Đại Lộc Khu B	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Cuối đường	1,20	
192	Đường Khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 2)	Đường Nguyễn Quốc Hương	Đường số 07	1,20	
193	Đường nội bộ khu nhà ở thương mại và chợ Trung tâm Hộ Phòng (Đường số 3, 4, 5, 6)	Nguyên tuyến		1,20	
194	Đường vào khu đất thánh	Quốc lộ 1	Đường Vành Đai	1,20	
195	Đường Dân sinh cầu khóm 2	Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Bửu Điền)	Kênh Xáng Hộ Phòng	1,20	
196	Đường Dân sinh cầu khóm 2	Phía Nam Quốc lộ 1 (Nhà ông Trần Hồng Lén)	Kênh Xáng Hộ Phòng	1,20	
	Khu vực xã Phong Thạnh cũ				
197	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Cổng 19	Hết ranh đất cây xăng Lâm Minh Huyện	1,20	
198	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Từ hết ranh đất cây xăng Lâm Minh Huyện	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Phong Thạnh cũ	1,20	
199	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Cầu Chủ Chí 4 (Tên cũ: Bắt đầu tư giáp xã Phong	Đến Cổng 19	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thanh A)			
200	Đường Giá Rai - Phó Sinh	Hết ranh UBND xã Phong Thạnh cũ	Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Vĩnh Phú Tây)	1,20	
201	Đường số 1 (chợ Phong Thạnh)	Đường dọc kênh 19	Đường số 3 (hậu Kiốt, ranh quy hoạch)	1,20	
202	Đường số 2 (chợ Phong Thạnh)	Đường dọc kênh 19	Đường số 3	1,20	
203	Đường số 3 (chợ Phong Thạnh)	Đường Giá Rai - Phó Sinh (Giá Rai - Cạnh Đền)	Đường số 1 (ranh quy hoạch)	1,20	
204	Đường số 4 (Chợ mới Phong Thạnh)	Ngã ba đường số 1 và đường số 3	Trường TH Phong Thạnh (giáp đường rào phía sau)	1,20	
205	Đường số 5 (Chợ mới Phong Thạnh)	Đường Giá Rai - Phó Sinh (Giá Rai - Cạnh Đền)	Đường số 4	1,20	
206	Đường số 6 (Hậu Chợ mới Phong Thạnh)	Đường số 4	Ranh Quy hoạch	1,20	
207	Đường Hộ Phòng - Chủ Chí	Bắt đầu tư cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (gần trường tiểu học Phong Thạnh A)	Giáp ranh Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến hết ranh xã Phong Thạnh (giáp Phong Thạnh Tây A)	1,15	
208	Đường xóm Lung	Bắt đầu tư cầu giáp kênh Chủ Chí 4 (nhà ông Nguyễn Văn Dân)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)	1,10	
209	Đường Chủ Sáo	Bắt đầu tư Cống 19 (nhà ông Trần Văn Đoàn)	Miếu bà chúa Sứ	1,10	
210	Đường Chủ Sáo	Miếu bà chúa Sứ	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)	1,10	
211	Đường Chủ Sáo	Bắt đầu tư Cống 19 (nhà ông Thi Chí Thiện)	Đến cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Nguyễn Văn Khánh)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
212	Đường Tư Lắm	Bắt đầu từ cầu giáp kênh Chủ Sáo (nhà ông Võ Văn Thái)	Ngã Năm (nhà ông Đoàn Văn Hai)	1,10	
213	Đường Chủ Chí 5	Bắt đầu từ cầu áp 20 (gần trụ sở ấp 20)	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tuấn	1,10	
214	Đường Chủ Chí 5	Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	trường THCS Phong Thạnh A (nhà ông Phan Văn Minh)	1,10	
215	Đường Chủ Chí 6	Bắt đầu từ trụ sở ấp 21	Đến trụ sở ấp 25	1,10	
216	Đường Tư Trứ	Bắt đầu từ cống ấp 25	Đến nhà ông Lê Văn Tuấn	1,10	
217	Đường Kênh Tượng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Nguyễn Văn Noi	Đến nhà ông Trương Lý Lăng	1,10	
218	Đường xóm Huế	Bắt đầu từ miếu ấp 24	Đến nhà ông Dương Văn Tuấn	1,10	
219	Đường xóm Huế	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Trung	Đến nhà ông Lê Văn Đâu	1,10	
220	Đường kênh Tượng	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Thành	Đến nhà ông Nguyễn Văn Thường	1,10	
221	Đường 7 Chanh	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến nhà ông Nguyễn Văn Sĩ	1,10	
222	Đường 7 Chanh	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Việt	Đến ngã năm ấp 19	1,10	
223	Đường 7 Chanh	Bắt đầu từ ngã năm ấp 19	Đến nhà ông Ba Gia	1,10	
224	Đường 7 Chanh	Bắt đầu từ nhà ông Trang Văn Thông	Đến nhà ông Trần Văn Giàu (ấp 23)	1,10	
Khu vực xã Phong Thạnh A cũ					
225	Đường Phan Đình Giót (nối dài)	Ranh Phường Hộ Phòng	Kênh Chủ Chí 4	1,15	
226	Đường Châu Văn	Cầu Trắng	Nhà ông Út Dũng	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đặng (nổi dài)				
227	Đường vào Phong Thạnh A	Giáp ranh ấp 1 Phường 1	Kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A cũ)	1,10	
228	Đường vào Phong Thạnh A	Ngã tư kênh Chủ Chí 2 (trụ sở xã Phong Thạnh A cũ)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	1,10	
229	Đường Giá Rai – Cạnh Đền	Kênh Chủ Chí 1 (Giáp Phường 1)	Kênh Chủ Chí 4 (giáp xã Phong Thạnh)	1,10	
230	Đường tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tư Cua)	Đường Giá Rai – Cạnh Đền (Nhà ông Tùng vật liệu)	1,10	
231	Tuyến ấp 4 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mười Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Châu Văn Hai (giáp kênh Hộ Phòng - Chủ Chí)	1,10	
232	Tuyến ấp 4 đến ấp 22	Trụ sở xã Phong Thạnh A	Kênh Chủ Chí 4	1,10	
233	Tuyến kênh Chủ Chí 1	Cầu Út Công (ấp 4)	Cầu nhà 5 Chi (ấp 18)	1,10	
234	Cầu Trần Văn Sớm (nổi dài)	Chân cầu Trần Văn Sớm đoạn giáp với Phường 1	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	1,20	
235	Quốc Lộ 1 đi xã Phong Thạnh A, nổi tuyến tránh Giá Rai - Cạnh Đền	Giáp ranh với Phường 1 (Bệnh viện Giá Rai)	Đường tránh Giá Rai – Cạnh Đền	1,15	
236	Tuyến ấp 22 đi ấp 3	Trường THCS, Tiểu học Phong Thạnh A	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Bình (kênh Chủ chí II)	1,10	
237	Tuyến ấp 22	Ngã ba nhà ông Kỷ (ấp 22)	Cầu Phạm Hồng Văn (ấp 22)	1,10	
238	Tuyến ấp 22 đi ấp 24	Chùa Hồ Phù (ấp 22)	Rạch Ba Chol (kênh Chủ chí III)	1,10	
239	Tuyến ấp 24 (Rạch xóm Huế)	Cầu Ba Chol (nhà ông Trần Văn Hoà)	Kênh Chủ chí (ngã tư nhà ông Lê Văn To)	1,10	
240	Tuyến kênh Chủ Chí III	Nhà ông Út Hiền (ấp 22)	Cầu nhà ông 5 Hùng Em (ấp 24)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
241	Tuyến kênh Chủ Chí IV (ấp 25 nối ấp 24)	Nhà ông Lê Văn Thừa (ấp 25)	Cầu nhà ông Ngô Minh Tiền (ấp 24)	1,10	
242	Tuyến kênh Chủ Chí IV (ấp 22)	Ngã tư Cò (ấp 22)	Đến nhà ông Trần Văn Việt (ấp 22)	1,10	
243	Tuyến đường bờ kè phường Giá Rai (dọc kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau)	Từ giáp ranh phường Láng Tròn	Đến giáp Hẻm 6 (khóm 1A Hộ Phòng)	1,20	
244	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,10	
245	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến $\leq 3m$ (tên cũ: Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$)			1,10	
246	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
247	Phùng Ngọc Liêm (đường Huyện đội)	Quốc lộ 1A	Hết đường Bệnh viện mới	1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

1. XÃ TÂN THUẬN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận	1,00	
2	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã)	Về hướng Vàm mương: 1000m	1,00	
3	Xã Tân Thuận	Khu QHDC 1/500		1,00	
4	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bông Két)	Hết ranh đất ông Việt Hùng (Ngang chùa Kim Liên Cổ Tự)	1,00	
5	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	Về các hướng Thuận Hòa: 300m	1,00	
6	Xã Tân Thuận	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	1,00	
7	Xã Tân Thuận	Ngã tư Trạm Y tế	Về các hướng: 200m	1,00	
8	Xã Tân Thuận	Ngã ba Bồn Bồn	Về các hướng: 200m	1,00	
9	Xã Tân Thuận	Ngã Tư ông Rum	Về các hướng: 200m	1,00	
10	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư Hiệp Bình	Về các hướng: 200m	1,00	
11	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	Về các hướng: 200m	1,00	
12	Xã Tân Đức cũ	Ngã tư kênh Sáu Đông	Về các hướng: 200m	1,00	
13	Xã Tân Đức cũ	Cầu 6 Tấn	Cầu Chúa Biện	1,00	
14	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Đức cũ	Cầu Tân Đức 2	Cầu 6 Đông	1,00	
15	Ngã tư Soa Đũa (So Đũa)	Về các hướng: 200m		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Ngã tư Ông Rum	Về các hướng: 200m		1,00	
17	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		1,00	
18	Ngã tư Chổng Mỹ	Về các hướng: 200m		1,00	
19	Lộ Đầm Dơi - Cà Mau	Cầu Tân Lợi	Cầu Tân Đức 2	1,00	
20	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Toàn tuyến đoạn qua địa bàn huyện Đầm Dơi (xã Tân Thuận)		1,00	
21	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Chúa Biện	500m về 02 hướng	1,00	
22	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Đồng Trên	500m về 02 hướng	1,00	
23	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Cầu Ông Chử	500m về 02 hướng	1,00	
24	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Trung Kiệt	500m về hướng Đầm Dơi	1,00	
25	Tuyến đường dẫn cầu Gành Hào	Giao trục lộ Đông - Tây	hết địa phận xã	1,00	
26	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
27	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
28	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

2. XÃ TẠ AN KHUƠNG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường ô tô về trung tâm xã Tạ An Khương Đông (cũ)	Trụ sở Mặt trận Tổ quốc xã Tạ An Khương (Cũ: UBND xã)	Cầu kênh Sáu Đông	1,00	
2	Xã Tạ An Khương Đông cũ	Trụ sở Mặt trận Tổ quốc xã Tạ An Khương (Cũ: UBND xã)	Hết ranh Trường tiểu học	1,00	
3	Xã Tạ An Khương Đông cũ	Từ ngã tư Kỹ Thuật - Lung Sinh - Lung Sậy	Về các hướng còn lại: 200m	1,00	
4	Xã Tạ An Khương Đông cũ	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m	1,00	
5	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cây Nở	Về 4 hướng 300m	1,00	
6	Xã Tạ An Khương	UBND xã	Áp Mương Điều B (Giáp lộ Đông Tây 300m)	1,00	
7	Xã Tạ An Khương	UBND xã	Áp Tân Điền B (Giáp lộ Đông Tây 300m)	1,00	
8	Xã Tạ An Khương	UBND xã	Ngã Tư Xóm Ruộng 200m	1,00	
9	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cầu Ván	Về 4 hướng 200m	1,00	
10	Tuyến Đê Tiểu Vùng 17	Vàm Mương Điều	Giáp xã Tân Thuận	1,00	
11	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến Đông - Tây)	Cầu Mương Điều	Giáp xã Tạ An Khương Nam cũ (tên cũ: Giáp xã Tạ An Khương Nam)	1,08	
12	Tuyến Lộ 14	Lộ Đông Tây	về ngã tư Cây Nở (cách ngã tư Cây Nở 300m)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Tuyến Bồn Bồn	Cầu Bồn Bồn (2 Quân)	Giáp Lộ Mương Điều	1,00	
14	Tuyến Mương Điều	Lộ Đông Tây	Vàm Mương Điều (Giáp Lộ Tiểu Vùng 17)	1,00	
15	Xã Tạ An Khương Nam cũ	Trụ sở Đảng Ủy xã Tạ An Khương (Cũ: UBND xã)	Về hướng kênh xáng Sáu Đông 400m	1,00	
16	Xã Tạ An Khương Nam cũ	Trụ sở Đảng Ủy xã Tạ An Khương (Cũ: UBND xã)	Về hướng về cầu Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	1,00	
17	Xã Tạ An Khương Nam cũ	Cầu Dinh Điền	Về hướng về cầu Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	1,00	
18	Xã Tạ An Khương Nam cũ	Cầu Dinh Điền	Cầu Hai An	1,20	
19	Xã Tạ An Khương Nam cũ	Cầu Hai An	Về hướng ngã ba Cây Dương, giáp xã Đầm Dơi (Theo tuyến lộ)	1,00	
20	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu lô 17 (Giáp ranh thị trấn cũ)	đến Cầu Sáu Đông	1,00	
21	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Tiến cũ	Giáp ranh xã Đầm Dơi (Cũ: Giáp ranh Thị Trấn Đầm Dơi)	Cầu Hang Mai	1,00	
22	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Tiến cũ	Cầu Hang Mai	Cầu Tân Lợi	1,00	
23	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến đường trục chính Đông - Tây)	Giáp xã Tạ An Khương cũ (tên cũ: Toàn tuyến đi qua địa bàn xã Tạ An Khương)	Giáp xã Tân Thuận	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	Tuyến đường dẫn Cầu Sáu Đông	Trụ sở Đảng Ủy xã Tạ An Khương (Cũ: UBND xã)	Cầu Sáu Đông, ấp Tân Hồng và ấp Tân Thành B, xã Tạ An Khương Nam cũ (đọc theo hai bên)	1,00	
25	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
26	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
27	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

3. XÃ TÂN TIẾN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	1,00	
2	Xã Tân Tiến	Cách bến tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cả Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lồng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cả Học)	1,00	
3	Xã Tân Tiến	Cổng Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bàn: 200m	1,00	
4	Xã Tân Tiến	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	1,00	
5	Xã Tân Tiến	Đất các dãy tiếp giáp nhà lồng		1,00	
6	Xã Tân Tiến	Móng cầu ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp ấp Thuận Thành)	1,00	
7	Xã Tân Tiến	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cả Học)	1,00	
8	Xã Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng: 500m (Nước Trong và Đồn biên phòng)	1,00	
9	Xã Tân Tiến	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	1,00	
10	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp	Về hướng Tắc Cây Bàn: 200m (Phía Ủy ban nhân dân xã)	1,00	
11	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tắc Cây Bàn (Đối diện Ủy ban nhân dân xã)	1,00	
12	Xã Tân Tiến	Ngã ba Đầu Trâu	Về các hướng: 200m	1,00	
13	Xã Tân Tiến	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	1,00	
14	Xã Tân Tiến	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	1,00	
15	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	1,00	
16	Xã Tân Tiến	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	1,00	
17	Xã Tân Tiến	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	1,00	
18	Xã Tân Tiến	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cả Học)	Cả Học	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Xã Tân Tiến	Ngã Ba Đường Tránh	Ngã Ba Trung Tâm Văn Hóa Xã	1,00	
20	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Nhà ông Trần Mậu	1,00	
21	Xã Nguyễn Huân	Nhà ông Trần Mậu	Ngã ba Vàm Đầm (Phía mé sông)	1,00	
22	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía trên lộ)	1,00	
23	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)	1,00	
24	Xã Nguyễn Huân	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)	1,00	
25	Xã Nguyễn Huân	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II	1,00	
26	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)	1,00	
27	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)	1,00	
28	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba kênh Ba Hong	Về các hướng: 200m	1,00	
29	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Bảy Căn	Về các hướng: 200m	1,00	
30	Xã Nguyễn Huân	Cụm dân cư làng cá Hồ Gù		1,00	
31	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp xã Tân Tiến	Bến phà Cả Bẹ	1,00	
32	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Đầm (tính 2 bên)	1,00	
33	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Dương Văn Chiêu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	1,00	
34	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lượng (giáp đường số 2)	Qua khỏi lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1,00	
35	Đường số 1	Nhà ông Lý Văn Vũ (Giáp đường số 3, đối diện nhà lồng)	Nhà ông Huỳnh Văn Xê (Giáp đường 3/2)	1,00	
36	Đường số 2	Nhà ông Trần Văn Bé	Nhà bà Tạ Kim Sa (2 bên đường)	1,00	
37	Đường số 3	Nhà bà Võ Hồng My	Nhà ông Huỳnh Văn Hoài (dãy nhà phía	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Bắc)		
38	Đường số 4	Nhà ông Huỳnh Văn Hoài	Nhà ông Trần Chấn Quý (2 bên đường)	1,00	
39	Đường số 5	Nhà ông Võ Hoàng Nhu (Giáp đường số 3)	Nhà ông Nguyễn Chí Linh, giáp đường 3/2 (hai bên đường).	1,00	
40	Đường số 6	Nhà ông Vương Quốc Nam (Giáp đường số 3, đối diện nhà lồng)	Nhà ông Đoàn Văn Kiêu (giáp đường 3/2).	1,00	
41	Đường cấp VI đồng bằng	Đường 3/2	Hết ranh Nhà văn hóa xã	1,00	
42	Đường cấp VI đồng bằng	Hết ranh Nhà văn hóa xã	Hết ranh Trạm Y Tế	1,10	
43	Đường cấp VI đồng bằng	Hết ranh Trạm Y Tế	Bến Phà Cả Bẹ	1,10	
44	Đường số 7	Nhà ông Vương Quốc Định	Nhà ông Lê Thanh Khởi	1,00	
45	Xã Nguyễn Huân	Cầu Ông Mai	Hết ranh đất ông Trần Văn Minh	1,00	
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
48	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

4. XÃ TRẦN PHÁN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Tân Trung cũ	Cổng Nhị Nguyệt	Về 2 hướng (Sông Nhị Nguyệt và Tân Trung): 200m	1,00	
2	Xã Tân Trung cũ	Bến phà Hòa Trung 1 và Bến phà Hòa Trung 2	Về hướng UBND xã (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 200m	1,00	
3	Xã Tân Trung cũ	Cầu Hòa Trung	Cổng Tám Sĩ (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	1,00	
4	Xã Tân Trung cũ	Cổng Tám Sĩ	Về hướng Đầm Dơi (cách ngã ba cổng chào 1000m)	1,00	
5	Xã Tân Trung cũ	Ngã ba cổng chào hướng về TP. Cà Mau 1000m	Cổng Lung Vệ	1,00	
6	Xã Tân Trung cũ	Ngã ba Cổng Chà	Cầu Hội Đồng Ninh	1,00	
7	Xã Tân Trung cũ	Cổng Lung Vệ	Cầu Nhị Nguyệt	1,00	
8	Xã Tân Trung cũ	Ngã ba Cổng Chà	Ra Sông Bảy Háp	1,00	
9	Xã Tân Trung cũ	Cầu Hội Đồng Ninh	Cách cổng Nhị Nguyệt: 200m	1,00	
10	Tuyến lộ mở rộng	Bến phà Hòa Trung 2 (về hướng Cầu Kênh Xáng)	Bến phà Hòa Trung 2 + 1000m	1,00	
11	Tuyến lộ mở rộng	Bến phà Hòa Trung 2 + 1000m	Cầu Kênh Xáng + 1000m (về hướng Cầu Hòa Trung 2)	1,00	
12	Tuyến lộ mở rộng	Cầu Kênh Xáng + 1000m (về hướng Cầu Hòa Trung 2)	Cầu Kênh Xáng (Cầu chữ Y)	1,00	
13	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Hết ranh bến tàu liên huyện (Trên lộ và dưới sông)	1,00	
14	Xã Trần Phán	Bến tàu liên huyện	Kênh Chín Y	1,00	
15	Xã Trần Phán	Kênh Chín Y	Cổng Bờ Đập (Sông Bảy Háp)	1,00	
16	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Bắc)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Nam)	1,00	
18	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là I + 200m	Về hướng sông Chà Là: 200m (2 bên)	1,00	
19	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ)	1,00	
20	Xã Trần Phán	Trạm y tế	Bến phà Chà Là (2 bên lộ dọc theo sông Bảy Háp)	1,00	
21	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là (2 bên lộ Chà Là - Cái Keo)	Lộ Chà Là - Cái Nước	1,00	
22	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là I	Cách cổng Bờ Đập: 200m (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1,00	
23	Xã Trần Phán	Cổng Bờ Đập	Về các hướng còn lại: 200m	1,00	
24	Xã Trần Phán	Đê ngăn mặn ấp Nhị Nguyệt	Về 2 hướng: 200m (Trần Phán và sông Nhị Nguyệt)	1,00	
25	Xã Trần Phán	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Út Hà	1,00	
26	Xã Trần Phán	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Chà Là II (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,25	
27	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là II	Cầu Bá Huê (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,25	
28	Xã Trần Phán	Cầu Bá Huê	Cầu Kênh Nai (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,25	
29	Xã Trần Phán	Cầu kênh Nai	Cổng Lung Gạo giáp ranh xã Tân Duyệt	1,25	
30	Xã Trần Phán	Cầu Sáu Hoàng	Hết ranh bến phà Chà Là	1,25	
31	Lộ bê tông số 6	Ngã tư lộ Chà Là	Đường bê tông số 6	1,00	
32	Lộ bê tông số 7	Giáp đường dẫn Cầu Chà Là 1	Cuối tuyến	1,00	
33	Đường số 1	Khu di tích chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là	Lộ Chà Là - Quách Phẩm	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		(lộ Đầm Dơi - Chà Là)			
34	Tuyến đường trục chính Đông - Tây	Toàn tuyến đoạn qua địa bàn huyện Đầm Dơi		1,00	
35	Xã Tân Trung cũ	Cầu Nhị Nguyệt	Cầu Hội Đồng Ninh	1,00	
36	Xã Tân Trung cũ	Cầu Hoà Trung	Cầu Kênh Xáng (dọc theo lộ 3m dọc sông Mương Điều)	1,00	
37	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq$ 2m (tên cũ: Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $< 2m$)			1,00	
38	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ 2m đến $\leq 3m$			1,00	
39	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

5. XÃ THANH TÙNG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng cũ	Cầu Bảo Mủ (Chợ Thanh Tùng) + 60m (Hết ranh cây xăng Hoàng Búp)	1,10	
2	Xã Thanh Tùng	Cầu Bảo Mủ	Về hướng Kênh Ba (2 bên)	1,10	
3	Xã Thanh Tùng	Cây xăng Hoàng Búp	Cầu Bào Dừa	1,10	
4	Khu vực xã Thanh Tùng	Cầu Bào Dừa	UBND xã Thanh Tùng mới (hướng Tây)	1,10	
5	Xã Thanh Tùng	Cầu Bào Dừa	Về hướng Xóm Dừa (2 bên): 200m	1,10	
6	Xã Thanh Tùng	Đầu Kênh 3	Về hướng Đập Xóm Miên: 200m	1,10	
7	Khu vực xã Thanh Tùng	Cầu Thanh Tùng	Đập Trường Đạo (Tuyến lộ nhựa)	1,10	
8	Xã Thanh Tùng	Cầu Thanh Tùng	Hướng Trụ sở văn hoá: 200m (2 bên)	1,10	
9	Xã Thanh Tùng	Cầu Trường Đạo	Trường tiểu học Thanh Tùng (Điểm Trường Đạo)	1,10	
10	Xã Thanh Tùng	UBND xã cũ	Ngã 3 chợ Thanh Tùng (nhà ông Nguyễn Văn Định)	1,10	
11	Xã Thanh Tùng	Salatel	Đập Xóm Miên (2 bên)	1,10	
12	Xã Thanh Tùng	Cầu Xóm Miên	Về hướng đầu kênh 3: 200m	1,10	
13	Xã Thanh Tùng - Tam Giang	Đầu kênh Ông Đơn (cây xăng Hoàng Đen)	Cầu Ông Đơn (nhà ông Út Trị)	1,10	
14	Lộ bê tông 1,5m về UBND xã	Cầu Nông Trường	Khu văn hóa xã	1,10	
15	Đoạn ngã 3 Chợ	Ngã 3 Chợ (nhà Nguyễn Ngọc Hân)	Cầu Bảo Mủ (Nhà Phan Văn Đợi)	1,10	
16	Lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng	Cầu Bào Sen	Cầu Ba Dầy	1,10	
17	Lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng	Cầu Ba Dầy	Cầu Trường Đạo (Giáp ranh xã Thanh Tùng)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Xã Ngọc Chánh cũ	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1,10	
19	Xã Ngọc Chánh cũ	Cầu Đồng Gò	Cầu Tư Liêm (thêm 200m)	1,10	
20	Xã Ngọc Chánh cũ	Ngã 3 Cống Đá kênh Ông Trường (Dọc kênh Ông Trường)	Hướng về xã Thanh Tùng + 500m	1,10	
21	Xã Thanh Tùng	Ngã Ba (hộ Lê Hữu Phước)	Salatel	1,10	
22	Xã Thanh Tùng	Cống công cộng	Giáp lộ bê tông tuyến Thanh Tùng	1,10	
23	Đường số 8	Cầu Thanh Tùng	Buru điện văn hoá xã	1,10	
24	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
25	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
26	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

6. XÃ ĐÀM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Cây Dương	Ngô Bình An	1,00	
2	Dương Thị Cẩm Vân	Ngô Bình An	Hết ranh trường THCS Thị trấn cũ	1,00	
3	Dương Thị Cẩm Vân	Ranh trường THCS Thị trấn cũ	Đường 19/5	1,00	
4	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 19/5	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	1,00	
5	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	1,00	
6	Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	Đập Tư Tính (Giáp ranh xã Tân Duyệt)	1,00	
7	Đường 30/4	Cổng ngã tư Xóm Ruộng	Giáp ranh Chi nhánh điện	1,00	
8	Đường 30/4	Chi nhánh điện	Trần Phán	1,00	
9	Đường 30/4	Trần Phán	Về hướng Cầu thầy Chương: 500 mét	1,00	
10	Đường 30/4	Trần Phán + 500 m	Cầu thầy Chương	1,00	
11	Đường 19/5	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00	
12	Phạm Minh Hoài	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,00	
13	Trần Văn Phú	Dương Thị Cẩm Vân	Dọc sông Đầm (VLXD Thành Ân)	1,00	
14	Trần Văn Phú	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,00	
15	Trần Văn Phú	Lưu Tấn Thành	Đường 30/4	1,00	
16	Lưu Tấn Thành	Trần Văn Phú	Nguyễn Mai	1,00	
17	Nguyễn Mai	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00	
18	Trần Kim Yên	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00	
19	Huỳnh Kim Tấn	Dương Thị Cẩm Vân	Nguyễn Tạo	1,00	
20	Tô Văn Mười	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Trần Văn Bảy	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,00	
22	Nguyễn Tạo	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,00	
23	Huỳnh Ngọc Điệp	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,00	
24	Nguyễn Văn Tiến	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,00	
25	Phạm Học Oanh	Đầu chợ nhà lồng cũ	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	1,00	
26	Phạm Học Oanh	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	Hết ranh đất Xi nghiệp chế biến thủy sản (Mé sông)	1,00	
27	Thái Thanh Hòa	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00	
28	Trần Phán	Đường 30/4	Cầu Chín Dư	1,00	
29	Trần Văn Hy	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00	
30	Quách Văn Phẩm	Huỳnh Kim Tấn	Đường 19/5	1,00	
31	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Dương	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	1,00	
32	Các tuyến lộ khác	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	Ngã tư Xóm Ruộng	1,00	
33	Các tuyến lộ khác	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao I	1,00	
34	Các tuyến lộ khác	Cầu Rạch Sao I	Cầu Rạch Sao II	1,00	
35	Các tuyến lộ khác	Cầu Rạch Sao II	Cầu thầy Chương	1,00	
36	Tô Thị Tề	Phan Ngọc Hiển (Cầu Huyện Đội)	Tạ An Khương (Nhà Út Oanh)	1,00	
37	Tô Thị Tề	Tạ An Khương	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	1,00	
38	Tô Thị Tề	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	Cầu Cả Bát	1,00	
39	Phan Ngọc Hiển	Cầu Sông Đầm	Hết trường THCS Phan Ngọc Hiển	1,00	
40	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	Nhà bà Trần Thị Cót	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Phan Ngọc Hiển	Tô Thị Tề (Chạy theo sông Lung Lắm)	Tạ An Khương	1,00	
42	Tạ An Khương	Cầu Sông Đầm	Ngã tư Tô Thị Tề	1,00	
43	Tạ An Khương	Ngã tư Tô Thị Tề	Cầu Tô Thị Tề (Lung Lắm)	1,00	
44	Tạ An Khương	Lê Khắc Xương (Cầu Tô Thị Tề)	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	1,00	
45	Tạ An Khương	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	Cầu Lô 17	1,00	
46	Lê Khắc Xương	Trương Phùng Xuân	Cầu Giáp Nước	1,00	
47	Trương Phùng Xuân	Lê Khắc Xương	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	1,00	
48	Trương Phùng Xuân	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	Cầu lô 18	1,00	
49	Trương Phùng Xuân	Cầu lô 18 (Khóm 5)	Ngã ba lô 18 (Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam)	1,00	
50	Trương Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam	1,00	
51	Trương Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Ngã tư xóm Ruộng (Giáp ranh xã Tạ An Khương)	1,00	
52	Phan Thị Đẹt	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1,00	
53	Ngô Bình An	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00	
54	Đường về Trung tâm xã Tân Tiến	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tạ An Khương Nam)	1,00	
55	Nguyễn Thị Cừ	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh trường tiểu học	1,00	
56	Đường phía sau trường THPT Đầm Dơi	Đường 19/5	Đường Số 6	1,00	
57	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1,00	
58	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường Ngô Bình An	Đường Cầu Cây Dương	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
59	Đường Tô Văn Mười nổi dài	Đường Phạm Minh Hoài	Đường Nguyễn Tạo	1,00	
60	Nguyễn Thị Năm	Đường Tô Thị Tề	Hết ranh Trường tiểu học	1,00	
61	Đường sau khu hành chính huyện cũ	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,00	
62	Đường Quách Văn Phẩm	Đường Huỳnh Kim Tấn	Đường Tô Văn Mười	1,00	
	Khu chỉnh trang Dân cư nhóm 2				
63	Phan Thị Cúc	Phạm Thị Đồng	Đường Tô Thị Tề	1,00	
64	Võ Thị Tươi	Phan Thị Cúc	Đường Tạ An Khương	1,00	
65	Đường Phan Ngọc Hiền	Đường Tô Thị Tề	Tạ An Khương	1,00	
66	Tuyến lộ bê tông	Đường 30/4	Giáp lộ bê tông sông Rạch Sao	1,00	
67	Lộ dân sinh vào Bệnh Viện	Đường Tạ An Khương	Trương Phùng Xuân	1,00	
68	Lộ bê tông Khóm 1	Đường 30/4	Nhà Ông Ngô Bình Quang	1,00	
69	Đoạn lộ khu vực Nhà lồng mới	Đường Trần Văn Phú	Hết phần đất xây dựng nhà lồng mới	1,00	
70	Đoạn lộ khu vực Nhà lồng chợ Nông sản thực phẩm	Đường Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng cũ	1,00	
71	Đường vào trường Mẫu Giáo nhóm 1	Đường 30/4	Hết ranh đất do Nhà nước quản lý	1,00	
72	Đường lộ dân sinh vào trường THPT Thái Thanh Hòa	Đường Tạ An Khương	Đường Trương Phùng Xuân	1,00	
73	Đường kênh Thầy Chương đầu nối đường 30/4	Đường 30/4	Đường 30/4+300 mét vào kênh Thầy Chương	1,00	
74	Đường Số 6	Dương Thị Cẩm Vân	Nguyễn Tạo nổi dài	1,00	
75	Tuyến lộ bê tông nhóm 2 (khu mé sông)	Đường Tô Thị Tề	Hết ranh đất ông Quốc	1,00	
76	Tuyến lộ bê tông nhóm 5 (Kênh Giáp Nước)	Cầu Lung Lắm	Hết lộ bê tông	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
77	Tuyến lộ trước ban quản lý chợ	Đường Huỳnh Ngọc Điệp	Đường Trần Văn Phú	1,00	
78	Tuyến lộ bê tông Khóm 2	Cầu Cả Bát	Hết lộ bê tông Lung U Minh	1,00	
79	Tuyến lộ bê tông Khóm 2	Lung U Minh	Nhà bà Trần Thị Cót	1,00	
80	Tuyến lộ bê tông Khóm 2	Lung U Minh	Nhà bà Trần Thị Cót	1,00	
81	Tuyến lộ bê tông	Đường Phạm Học Oanh	Hết lộ bê tông	1,00	
82	Lộ bê tông khóm 2	Cầu Tô Thị Tẻ	Hết lộ bê tông	1,00	
83	Lộ bê tông	Cầu Cây Mết lớn	Giáp xã Tạ An Khương Nam	1,00	
84	Lộ bê tông	Cầu Cây Mết nhỏ	Xã Tạ An Khương	1,00	
85	Đường Trần Văn Phú	Đường 30/04	150m về hướng Đập Chóp Mao	1,00	
86	Đường Trần Văn Phú	Đường 30/04 +151m	Đập Chóp Mao	1,00	
87	Đường Trần Văn Phú	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (hết lộ bê tông)	1,00	
88	Đường Phan Thị Đẹt nối dài	Đường 30/04	Sông Rạch Sao	1,00	
89	Đường lộ nhựa dân hiến	Đường 30/04	Sông Rạch Sao	1,00	
90	Xã Tân Duyệt cũ	Khu Quy hoạch chợ ấp 9 (Cầu ấp 9 về hướng Thanh Tùng)		1,00	
91	Xã Tân Duyệt cũ	Cầu ấp 9	Hướng về Đầm Dơi 700m	1,00	
92	Xã Tân Duyệt cũ	Cổng ngã tư Xóm Ruộng (Lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	Cầu Nhị Nguyệt	1,00	
93	Xã Tân Duyệt cũ	Cách cổng ngã tư Xóm Ruộng: 30m	Cầu kênh Dân Quân	1,00	
94	Xã Tân Duyệt cũ	Ngã ba Cổng Đá	Về các hướng: 200m	1,00	
95	Xã Tân Duyệt cũ	Ngã tư Ông Bình	Về hai hướng: 500 m	1,00	
96	Xã Tân Duyệt cũ	Ngã ba Rạch Sao	Hướng về cầu Lung Gừa	1,00	
97	Xã Tân Duyệt cũ	Ngã ba Rạch Sao + 201m (2 bên lộ)	Về các hướng	1,00	
98	Xã Tân Duyệt cũ	Cổng ấp 10	Về hai bên cổng: 300m	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
99	Xã Tân Duyệt cũ	Đoạn Ngã Tư Ông Bình	Cầu Bào Vuông	1,00	
100	Xã Tân Duyệt cũ	Ngã Tư Ông Bình	Cổng đá	1,00	
101	Xã Tân Duyệt cũ	Đoạn Cầu Lung Ứng	Cầu Bào Vuông	1,00	
102	Xã Tân Duyệt cũ	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Lung Ứng	1,00	
103	Xã Tân Duyệt cũ	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Bào Bèo	1,00	
104	Xã Tân Duyệt cũ	Lộ Đầm Dơi Thanh Tùng	Các Đoạn còn lại	1,00	
105	Xã Tân Duyệt cũ	Cầu Rạch Sao II	Cầu Kinh Hàng Dừa	1,00	
106	Xã Tân Duyệt cũ	Cầu Kinh Hàng Dừa	Cổng Lung Gạo	1,00	
107	Xã Tân Duyệt cũ	Cổng đá	Giáp ranh xã Quách Phẩm Bắc (lộ 709)	1,00	
108	Xã Tân Dân cũ	Ngã ba kênh Sáu Thước	Về các hướng: 300m	1,00	
109	Xã Tân Dân cũ	Ngã ba Lô 4	Về hướng Lô 1: 300m	1,00	
110	Xã Tân Dân cũ	Ngã ba Lô 4	Về hướng Đông: 300m	1,00	
111	Xã Tân Dân cũ	Ngã ba Lô 1	Về các hướng: 300m	1,00	
112	Xã Tân Dân cũ	Ngã ba cầu Cả Bát về kênh Lò gạch	Về hướng cầu Vũ Đức: 1,5km	1,00	
113	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cả Bát	Kênh Lò Gạch	1,00	
114	Đường ô tô về trung tâm xã	Kênh Lò Gạch	Ngã ba Lô 4	1,00	
115	Xã Tân Dân cũ	Kênh Mới	Về các hướng: 500m	1,00	
116	Tuyến lộ trục Đông - Tây	Cầu Lô 14	Cầu Kênh Tư	1,00	
117	Tuyến lộ trục Đông - Tây	Cầu Mương Điều	Cầu Nhị Nguyệt (giáp ranh xã Trần Phán)	1,00	
118	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
119	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
120	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $>$			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	3m				
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

7. XÃ QUÁCH PHẨM

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	UBND xã Quách Phẩm Bắc cũ	Về hướng Trường cấp II	1,00	
2	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	UBND xã Quách Phẩm Bắc cũ	Hướng Trường cấp II (lộ 3,5m)	1,00	
3	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Trường cấp II	Hết ranh Trường cấp I (2 bên)	1,00	
4	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	UBND xã Quách Phẩm Bắc cũ	Hết ranh Trường mẫu giáo: 500m (Về hướng sông Cây Kè)	1,00	
5	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	UBND xã Quách Phẩm Bắc cũ	Về hướng Nhà Cũ - Lầu Quốc Gia: 500m	1,00	
6	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Cùng: 300m	1,00	
7	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Lầu Quốc Gia	Về hướng Bà Hính: 300m	1,00	
8	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Giữa: 300m	1,00	
9	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Lầu Quốc Gia + 300m	Cách UBND xã: 500m	1,00	
10	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Cầu Bà Hính	Về sông Bà Hính: 500m	1,00	
11	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Cầu Bà Hính	Về hướng Lầu Quốc Gia: 500m	1,00	
12	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Cầu Bà Hính	Giáp ranh xã Quách Phẩm	1,00	
13	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Giáp Trần Phán (Kênh Út Hà)	Cách Lầu Quốc Gia: 300m	1,00	
14	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo (Trung tâm chợ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_H)	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Trường Mẫu giáo	Về hướng ngã ba Cây Dương: 100m	1,00	
16	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Trường mẫu giáo + 100m	Ngã ba Cây Dương (Giáp Năm Căn)	1,00	
17	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Ngã ba Cây Dương	Về hướng sông Cái Nháp: 200m	1,00	
18	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Cấp II	1,00	
19	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Trường Cấp II	Hết ranh Trường THPT Liên Huyện	1,00	
20	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Hết ranh Trường THPT liên huyện	Cách cổng Bà Hính: 400m	1,00	
21	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Ngã tư chợ Bà Hính (cũ là: Bến tàu Bà Hính)	Về hướng chợ Bà Hính: 200m	1,00	
22	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Ngã tư chợ Bà Hính (cũ là: Bến tàu Bà Hính)	Về phía sông Bà Hính: 200m	1,00	
23	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo 1	Về hướng Cầu Cái Keo 2 (2 bên): 200m	1,00	
24	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo 2 + 200m	Về hướng sông Cái Keo (2 bên): 300m	1,00	
25	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cổng Bào Hàm	Về các hướng: 200m	1,00	
26	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Ngã ba Khạo Đỏ	Về các hướng: 200m	1,00	
27	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo 2 + 300m	Cách cổng Bào Hàm: 200m	1,00	
28	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Tuyến từ đường Phía Sông Bà Hính + 201m	Hết ranh Trường tiểu học An Lập	1,00	
29	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Cầu Cái Keo II	Bến phà Cây Dương	1,00	
30	Xã Quách Phẩm	Trung tâm hành chính xã	Bến phà Cây Dương	1,00	
31	Xã Quách Văn Phẩm cũ	Giáp lộ nội ô chợ Cái keo	Giáp ranh Chùa Hưng Thới Tự	1,00	
32	Đường số 3 ấp Cái Keo (cũ là: Đường số 2, 3, ấp Cái Keo)	Giáp đường số 10	Giáp đường số 8	1,00	
33	Đường số 5, ấp Cái Keo	Giáp đường số 11	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Đường số 6, ấp Cái Keo	Giáp đường số 14	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1,00	
35	Đường số 9, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,00	
36	Đường số 10, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,00	
37	Đường số 11, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,00	
38	Đường số 12, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp đường số 5	1,00	
39	Đường số 14, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Bến phà Cây Dương	1,00	
40	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp nhà ông Lý Văn Mến	Giáp đường số 5	1,00	
41	Đường số 4, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Giáp đường số 3	1,00	
42	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Đến phía Sông Bà Hính hết ranh Trường Tiểu Học An Lập	1,00	
43	Đường số 5, ấp bà Hính	Giáp lộ ô tô về trung tâm xã	Giáp đường số 2	1,00	
44	Tuyến trung tâm xã	Cầu Cái Keo II	Giáp lộ trung tâm xã	1,00	
45	Xã Quách Phẩm Bắc cũ	Cầu Cây Kè	Hết ranh đất ông Diệp Văn Vũ	1,00	
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
48	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

8. XÃ U MINH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Nam)	Ngã ba Kim Đài	Cổng Hương Mai	1,00	
2	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Bắc)	Ngã ba Đường Cuốc	đến bờ Đông kênh xáng đứng	1,00	
3	Kênh Kim Đài - Khánh Lâm	Ngã ba Kim Đài, bờ Đông	Giáp bờ Bắc kênh Biện Nhị	1,00	
4	Kênh Kim Đài - Khánh Lâm	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây	cầu Khánh Lâm (giáp bờ Bắc kênh Biện Nhị)	1,00	
5	Kênh Mũi Chùi (Bờ Bắc)	Đầu kênh Mũi Chùi (Kênh Công Nghiệp)	hết ranh đất ông Đỗ Văn Xua	1,00	
6	Kênh Mũi Chùi (Bờ Nam)	Đầu kênh Mũi Chùi	Giáp ranh đất ông Nguyễn Hữu Tình	1,00	
7	Kênh Khe Me lớn	Kênh Khe Me lớn, bờ Tây (Đầu cầu)	Hết ranh đất ông Danh Âm	1,00	
8	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây (UBND xã)	Ngã ba Lung Vườn	1,00	
9	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Đông (Trạm y tế xã)	Ngã ba Lung Vườn	1,00	
10	Kênh chữ Đinh (Bờ Nam)	Ngã ba Lung Vườn	Đầu kênh Sáu Nhiều	1,00	
11	Kênh chữ Đinh (Bờ bắc)	Kênh Lung Vườn (cũ là Đất ông Ngô Văn Bé)	Kênh Lung Ngay (cũ là: đất ông Nguyễn Hồng Phước)	1,00	
12	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Nam	sông Cái Tàu	1,00	
13	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Bắc	đến giáp ngã ba kênh Cùng, bờ Đông	1,00	
14	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	ngã ba kênh Cùng, bờ Bắc	sông Cái Tàu	1,00	
15	Kênh Lung Ngang	Đầu kênh Lung Nganh, bờ Tây	Ngã ba kênh xáng Đứng	1,00	
16	Kênh Cùng	Kênh Cùng, bờ Bắc (Giáp kênh Đường Cuốc)	Kênh xáng Đứng	1,00	
17	Kênh Khe Me Nhỏ (Bờ Tây)	Giáp kênh Công nghiệp	Hết ranh đất ông Hà Văn Sol	1,00	
18	Kênh Năm Đang (Bờ Bắc)	Đầu kênh Kim Đài, bờ Bắc	Kênh Hai Huỳnh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Kênh 3 Chinh (Bờ Tây)	Giáp lộ Khánh Lâm	Ngã 3 ngọn Kim Đài	1,00	
20	Kênh Sáng Đứng (Bờ Đông)	Đầu lộ Kênh Cùg	Trường Võ Văn Tần	1,00	
21	Kênh 12 hộ (Bờ Tây)	Ngã 4 Lung Ngang	Ngã 4 chữ Đinh	1,00	
22	Kênh Lung Vườn - Chánh Bảy (Bờ Bắc)	Ngã 4 Lung Vườn	Chánh Bảy	1,00	
23	Tuyến Lộ Khâu Bào	Ngã tư Kênh Lung Ngang	Giáp Bờ Đông Lung Khâu Bào	1,00	
24	Kênh Xáng Đứng	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp kênh Lung Ngang	1,00	
25	Tuyến 10 hộ Cái Nước	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Ngã ba kênh Chữ Đinh giáp hậu kênh xã Thìn	1,00	
26	Kênh Tuổi Trẻ	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp ranh đất ông Phạm Quốc Lil	1,00	
27	Kênh Xóm giữa Lung dày hang	Lộ Kênh Hương Mai	đất ông Lê Hiếu Kỳ	1,00	
28	Kênh Sáu Chờ (Bờ Nam)	Kênh Thầy Rổng (cũ là: Đất ông Thạch Na)	Kênh Hai Huỳnh (cũ là: đất ông Võ Quốc Lâm)	1,00	
29	Kênh Cùg (Bờ Nam)	Kênh Ranh (cũ là: Đầu Kênh Cùg)	kênh Đường Cuốc (cũ là: đất ông Trần Văn Liệp)	1,00	
30	Tuyến sông Hương Mai	Phía Bắc từ Cống Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Tây	1,00	
31	Tuyến sông Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Đông	đến giáp bờ Tây kênh xáng đứng	1,00	
32	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Tây	Ngã tư Tiểu Dừa	1,00	
33	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Đông	Ngã tư kênh Tiểu Dừa	1,00	
34	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã tư kênh Tiểu Dừa, bờ Nam	Cống Tiểu Dừa	1,00	
35	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	UBND xã Khánh Tiến cũ, hướng Tây	Ngã tư rạch Choại	1,00	
36	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	UBND xã Khánh Tiến cũ, hướng Đông	Ngã tư rạch Choại	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Tây	Ngã tư rạch Dinh	1,00	
38	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Đông	Ngã tư rạch Dinh	1,00	
39	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Hòa cũ	1,00	
40	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Giáp xã Khánh Hòa cũ	1,00	
41	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,00	
42	Ngã ba kênh Công Điền - Rạch Dinh	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,00	
43	Ngã tư rạch Dinh	Ngã tư rạch Dinh, bờ Tây	Ngã ba Lung Ranh	1,00	
44	Ngã tư rạch Dinh	Ngã tư rạch Dinh, bờ Đông	Ngã ba Lung Ranh	1,00	
45	Ngã tư rạch Dinh	Ngã ba Lung Ranh, bờ Bắc	Cổng Lung Ranh	1,00	
46	Ngã tư rạch Dinh	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,00	
47	Ngã tư rạch Dinh	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,00	
48	kênh 3 Thước bờ Đông	Ngã tư rạch Dinh	bờ Bắc kênh Biện Nhị	1,00	
49	Ngã tư rạch Dinh	Ngã tư rạch Dinh	bờ Bắc kênh Biện Nhị	1,00	
50	Kênh Mười Hậu	Đầu kênh Mười hậu, bờ Đông	Cuối kênh	1,00	
51	Kênh Mười Hậu	Đầu kênh Mười Hậu, bờ Tây	Cuối kênh	1,00	
52	Kênh Cựa Gà	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Nam	Ngọn Cựa Gà, bờ Tây	1,00	
53	Kênh Cựa Gà	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Bắc	Ngọn Cựa Gà, bờ Đông	1,00	
54	Kênh 6 Mậu (Bờ Bắc)	Kênh 3 Thước	Cuối kênh	1,00	
55	Bờ Nam Rạch Dinh	Ngã ba Xóm Mới	Kinh Út Nhuận	1,00	
56	Kênh Tuổi Trẻ (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh xáng Đứng	1,00	
57	Kênh tuyến II (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh xáng Đứng	1,00	
58	Kênh tuyến III (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh xáng Đứng	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
59	Kênh Xáng Ganh (phía Tây)	Kênh Hương Mai	Kênh Lung Ngang	1,00	
60	Đê Biển Tây	Cổng Hương Mai	Cổng Tiểu Dừa	1,00	
61	Đường nội bộ Khu dân cư Hương Mai			1,00	
62	Lộ kênh Lung Sen	Cầu kênh Lung Sen	Giáp lộ bê tông kênh Kim Đài (Bờ Đông)	1,00	
63	Kênh Lung Bình Bát	Cầu Lung Bình Bát	Ngã Ba Kênh Hai Môn	1,00	
64	Kênh Công nghiệp (Bờ Tây)	Đầu kênh Công Nghiệp	Giáp ranh đất ông Võ Văn Thắng	1,00	
65	Kênh Công nghiệp (Bờ Đông)	Đầu kênh Công Nghiệp	Giáp ranh đất ông Lê Quốc Hội	1,00	
66	Kênh Lung Ngang (Bờ Đông)	Đầu cầu kênh Lung Ngang	Ngã tư Lung Ngang	1,00	
67	Kênh Tuyến II (Bờ Bắc)	Cầu kênh tuyến II	Giáp lộ bê tông Tây Lung Ngang (Bờ Tây)	1,00	
68	Kênh Tuyến II (Bờ Nam)	Cầu kênh tuyến II	Giáp lộ bê tông Tây Lung Ngang (Bờ Tây)	1,00	
69	Kênh Nam Đàng (Bờ Nam)	Đầu kênh Kim Đài	Cầu Lung Bình Bát	1,00	
70	Kênh Lung Thầy Rồng	Ranh đất ông Trương Thành Đồng	Ngã tư kênh Chữ Đình	1,00	
71	Kênh 6 Chờ (Bờ Bắc)	Ngã tư kênh Lung Thầy Rồng	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Năng	1,00	
72	Kênh Chệt Buối (Bờ Bắc)	Cầu kênh Chệt Buối	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	1,00	
73	Kênh Chệt Buối (Bờ Nam)	Cầu kênh Hai Huỳnh	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	1,00	
74	Kênh Mương Chùa	Đầu cầu bắc ngang kênh Lung Ngang	Giáp bờ bao	1,00	
75	Kênh Tuổi Trẻ (Bờ Bắc)	Ranh đất hộ ông Phạm Quốc Lil	Giáp lộ bê tông Tây Lung Ngang (Bờ Tây)	1,00	
76	Đường nội bộ xã Khánh tiến cũ, nay là ấp 17, xã U Minh	Khu dân cư ấp 17		1,00	
77	Kênh Hai Bửu (Bờ Đông)	Đầu kênh	Cuối kênh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
78	Kênh Ranh ấp 8 (Bờ Tây)	Từ đê biển Tây	Lộ Chà Là – Tiểu Dừa	1,00	
79	Kênh Giồng Cát (Bờ Bắc)	Lộ Chà Là – Tiểu Dừa	Hết ranh đất ông Thái Hoàng Hên	1,00	
80	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	Kênh Xã Thìn, bờ Nam	1,00	
81	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa cũ	1,00	
82	Kênh xã Thìn	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp bờ Đông Kênh Bảy Kiềm	1,00	
83	Kênh xã Thìn	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Nam	Đến ranh đất ông Hồng Văn Vững	1,00	
84	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Kênh 30/4, bờ Tây	Kênh Chệt Lèm, bờ Đông	1,00	
85	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Kênh Chệt Lèm, bờ Tây	Cầu ngang Khánh Lâm	1,00	
86	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Cầu ngang Khánh Lâm	Cầu Ván, bờ Đông (Giáp xã Khánh Hội cũ)	1,00	
87	Kênh Kim Đài	Đầu kênh Kim Đài, bờ Đông	(Giáp ranh xã Khánh Hòa cũ) Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Bằng	1,00	
88	Kênh Cầu Ván	Đầu kênh Cầu Ván, bờ Đông	Giáp bờ Nam kênh 6 Thước	1,00	
89	Kênh Lung Ranh	Từ bờ Đông Cầu Ván	Bờ Tây kênh 6 Thước	1,00	
90	Kênh Bộ Bích (Bờ Nam)	Bờ Đông kênh Chệt Lèm	Bờ Tây, kênh 3 Nhỏ	1,00	
91	Tuyến Bờ Nam Kênh Hai Hôn	Giáp kênh Kim Đài (Bờ tây)	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hứa	1,00	
92	Tuyến Bờ Nam Kênh Mũi Đước	Ranh đất bà Ngô Thị Hồng	Giáp kênh Cầu Ván (bờ Đông)	1,00	
93	Tuyến Bờ Bắc Kênh Mũi Đước	Ranh đất ông Dương Văn Chốt	Giáp kênh Cầu Ván (bờ Đông)	1,00	
94	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
95	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
96	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

9. XÃ NGUYỄN PHÍCH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Cây Khô	Bờ Nam rạch Làng	1,05	
2	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Làng	Bờ Nam rạch Chùa	1,05	
3	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Chùa	Bờ Nam rạch Cỏ	1,05	
4	Đỗ Thừa Luông	Bờ Bắc rạch Cỏ	Bờ Nam Kênh 12	1,05	
5	Đỗ Thừa Luông	Bờ Bắc Kênh 12	Ngang ngã ba Kênh Tràm Soát	1,05	
6	Đỗ Thừa Luông	Ngang ngã ba kênh Tràm Soái	Cầu Kênh 14 (Giáp ranh ấp 5, Nguyễn Phích)	1,05	
7	Rạch Làng	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,05	
8	Rạch Làng	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,05	
9	Rạch chùa	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,05	
10	Rạch chùa	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,05	
11	Rạch Cỏ	Rạch Cỏ (Hai bờ Nam, Bắc)	Cuối rạch	1,05	
12	Kênh 12	Đầu kênh 12 (Hai bờ Nam, Bắc)	Kênh Giữa (cũ là: Hết ranh đất ông Bảy Lập (Kênh Giữa))	1,05	
13	Kênh 12 (cũ là Kênh 13)	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Bờ Nam)	Kênh Tư (LT2)	1,05	
14	Kênh Tư	Bờ bao kênh 12	Bờ bao Kênh 15 (Kênh 16 cũ)	1,05	
15	Kênh Giữa	Kênh Giữa (Hai bờ Đông, Tây)	Kênh 15	1,05	
16	Phía Tây sông Cái Tàu	Ranh Nguyễn Phích	Kênh Hai Chu	1,05	
17	Đường 30 tháng 4	Kênh Hai Chu	Cầu sông Cái Tàu (cũ là: Hết đất ông Sáu Thuận (Cầu sông Cái Tàu))	1,05	
18	Đường 30 tháng 4	Cầu sông Cái Tàu (cũ là: Hết ranh đất ông Sáu Thuận)	Ngã 3 Chi Cục Thuế	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Phía Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc kênh Tràm Soái	Kênh Sáu Nhiều (Giáp Khánh Thuận)	1,05	
20	Kênh Hai Chu	Bờ Nam (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,05	
21	Kênh Hai Chu	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,05	
22	Kênh Biện Nhị	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Ngang ngã ba Kênh Công Nông	1,05	
23	Kênh Biện Nhị	Ngang ngã ba Kênh Công Nông	Kênh 30/4 (Giáp Khánh Lâm)	1,05	
24	Kênh Biện Nhị	Bờ Nam (Đầu kênh Công Nông)	Kênh Cây Bàng (Bờ Đông)	1,05	
25	Kênh Biện Nhị	Ngã ba Biện Nhị (Bờ Nam)	Cầu Công Nông	1,05	
26	Đường Huỳnh Quảng	Bên phải bến xe U Minh, ấp 3, Nguyễn Phích	Phía Tây liên quan cơ quan, ấp 3, Nguyễn Phích	1,2	
27	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Ngã 3 Bưu điện	Cầu Hai Chu (Bờ Bắc)	1,2	
28	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Cầu Hai Chu (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,05	
29	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Bờ Tây cầu Công Nông (Kênh Xáng)	Cầu B4	1,05	
30	Lộ xe U Minh - Khánh Hội	Cầu Kênh Công Nông	Cổng Cây Bàng	1,05	
31	Tuyến lộ bao ấp 1, ấp 3	Cầu B4	Đông Cây Bàng (Giáp Khánh Lâm)	1,05	
32	Đường Nguyễn Trung Thành (cũ là: Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu Sông Cái Tàu))	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Làng	1,2	
33	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu kênh Biện Nhị)	Giáp cầu kênh Biện Nhị	Trung tâm y tế khu vực U Minh	1,05	
34	Khu dân cư Ấp 3	Đường dẫn cầu Biện Nhị	Bờ Nam kênh Tràm Soát (cũ là: Bờ Nam kênh Tràm Soái)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
35	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 1)	Giáp ranh bưu điện (cũ là: Ranh đất ông Khởi)	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,05	
36	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 2)	Ranh đất ông Tài	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,05	
37	Kênh Chệt Buổi (2 bờ) (cũ là: Kinh Chệt Buổi (Bờ Bắc))	Đầu kinh Chệt Buổi	Kênh 30/4 (Giáp xã Khánh Lâm)	1,05	
38	Đồ Thừa Tự	Ngã 3 Toà án	Ngã 3 liên cơ quan	1,05	
39	Đường vào Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũ	Đường 30/4	Giáp phần đất của Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũ	1,05	
40	Đường vào khu nhà ở trường Chính trị cũ	Đường 30/4	Giáp phần đất của Ban Chỉ huy Quân sự huyện cũ	1,05	
41	Kênh Sáu Nhiều	Từ đầu kênh	Kênh 30/4 (Bờ Nam)	1,05	
42	Kênh Tràm Soái (hai bờ) (cũ là: Kênh Tràm Soái)	Từ đầu kênh	Kênh 30/4 (Hai Bờ Nam Bắc)	1,05	
43	Tuyến đường bê tông 4m nội ô Khu dân cư ấp 3	Nhà bà Tiêu Ngọc Ấn	Nhà ông Nguyễn Minh Khái	1,05	
44	Tuyến đường số 2 (2 bên) (cũ là: Tuyến đường số 2)	Huỳnh Quảng	Nguyễn Trung Thành	1,05	
45	Tuyến đường phía Nam kênh 16 (cũ là: Tuyến đường phía Tây Kênh 16)	Đoạn đường Đồ Thừa Luông	kênh Giữa	1,05	
46	Tuyến đường phía tây kênh Hậu (cũ là: Tuyến đường phía Tây Kênh Giữa)	Kênh 16	Kênh 12	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47	Tuyến đường kênh Tư	Kênh 12 (cũ là: Rạch Chùa)	Rạch Làng	1,05	
48	Tuyến đường U Minh - Khánh Hội (đoạn nâng cấp, mở rộng thuộc xã Nguyễn Phích)	Đường Trịnh Minh Hường (vòng xoay)	U Minh - Khánh Hội (điểm đầu nối thuộc ấp 3, Nguyễn Phích)	1,05	
49	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Giáp ranh Ấp 4 xã Nguyễn Phích	Bờ Nam Kênh 18	1,05	
50	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Kênh 18, bờ Bắc	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1,05	
51	Kênh 5 đất Sét: Bờ nam	Đầu kênh	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1,05	
52	Kênh 11	Bờ Bắc (Giáp Ấp 4 xã Nguyễn Phích)	Giáp ranh xã Thới Bình	1,05	
53	Kênh 11	Bờ Nam (Giáp Ấp 4 xã Nguyễn Phích)	Giáp ranh xã Thới Bình	1,05	
54	Bờ bao Ba Quý	Bờ Đông (Giáp lộ bắc kênh 11)	Kênh 25, bờ Bắc	1,05	
55	Kênh 18	Kênh 18, bờ Bắc(Giáp xã Thới Bình)	Lộ nhựa 7 Kênh	1,05	
56	Kênh 18	Đầu kênh 18, bờ Nam	Bờ bao kênh Tư	1,05	
57	Lộ nhựa 7 Kênh	Đầu lộ (Bờ Bắc kênh 11)	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1	
58	Kênh 3	Kênh 18	Kênh 21	1,05	
59	Kênh 26 (hai bờ) (tên cũ: Kênh 27 (Bờ Bắc))	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
60	Kênh 27 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
61	Kênh 28 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
62	Kênh 28 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
63	Kênh 29 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
64	Kênh 25 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
65	Kênh 25 rưỡi (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
66	Kênh 4	Giáp ranh Ấp 4 xã Nguyễn Phích	Bờ Nam Kênh 18	1,05	
67	Kênh 26 (Hai bờ)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,05	
68	Tuyến Rạch Mới	Từ đầu kênh Rạch Mới	Bờ bao kênh Tư	1,05	
69	Tuyến Kênh Tư	Từ kênh 18 bờ Bắc	Bờ Nam Kênh 29	1,05	
70	Tuyến Tây Kênh 8	Từ kênh 27 bờ Bắc	Bờ Nam Kênh 29	1,05	
71	Tuyến Kênh 14	Từ kênh 25	Kênh 29	1,05	
72	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc Đội Tâm	Bờ Nam Cây Khô (Giáp ấp 4 Nguyễn Phích)	1,05	
73	Kênh Zero	Đầu kênh Zero, bờ Bắc	Giáp xã Thới Bình	1,05	
74	Đông Nồng Ông Sâu	Bắc Kênh Zero (Bờ Đông)	Nam Ông Sâu	1,05	
75	Đông Nồng Ông Sâu	Bắc Kênh Zero (Bờ Tây)	Nam Ông Sâu	1,05	
76	Rạch Ông Sâu	Đầu rạch Ông Sâu, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,05	
77	Rạch Ông Sâu	Đầu rạch Ông Sâu, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,05	
78	Rạch Tênh	Đầu rạch Tênh, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,05	
79	Rạch Tênh	Đầu rạch Tênh, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,05	
80	Rạch Sộp	Đầu rạch Sộp, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,05	
81	Rạch Sộp	Đầu rạch Sộp, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,05	
82	Rạch Chệt	Đầu rạch Chệt, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,05	
83	Rạch Chệt	Đầu rạch Chệt, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1,05	
84	Kênh số 3	Kênh 4 (Bờ Nam kênh số 3)	Bờ bao ba Quý	1,05	
85	Kênh số 3	Kênh 4 (Bờ Bắc kênh số 3)	Bờ bao ba Quý (Có đường bê tông)	1,05	
86	Rạch Tắc	Đầu rạch Tắc, bờ Nam	Giáp kênh Tư (Có đường bê tông)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
87	Rạch Tắc	Đầu rạch Tắc, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,05	
88	Kênh Đội Tâm	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Nam)	Giáp Kênh 4	1,05	
89	Kênh Đội Tâm	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Bắc)	Giáp Kênh 4	1,05	
90	Kênh Ba Tây (Bờ Đông)	Đầu kênh Ba Tây	Rạch Tền	1,05	
91	Rạch Chuôi (Bờ Nam)	Đầu Rạch Chuôi	Kênh Tư	1,05	
92	Rạch Giồng Ông (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,05	
93	Rạch Ngã Bấc (Bờ Tây)	Rạch Giồng Ông	Kênh Tư	1,05	
94	Kênh 4 (Bờ Đông)	Ngon Rạch Tền	Kênh Zero (Bờ Đông)	1,05	
95	Bắc kênh số 1	Kênh Tư	Kênh Ba Quí	1,05	
96	Bắc kênh số 2	Kênh Tư	Kênh Ba Quí	1,05	
97	Nam số 5	Kênh Tư	Kênh Ba Quí	1,05	
98	Nam Rạch Bà Thầy	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,05	
99	Nam Rạch Cây Khô	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,05	
100	Nam Ranh Phó Quém	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,05	
101	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,05	
102	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
103	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

10. XÃ KHÁNH LÂM

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến lộ U Minh-Khánh Hội	Kênh Chệt Tưng	Đê Biển Tây	1,20	
2	Tuyến sông kênh Hội	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Nam)	Kênh Chệt Tưng	1,05	
3	Tuyến sông Khánh Hội	Đê biển Tây (Kênh Hội, Bờ Bắc)	Kênh Cầu Ván	1,05	
4	Kênh Chệt Tưng	Đầu kênh Chệt Tưng, bờ Tây	Ngã ba cầu Tư Đại	1,05	
5	Kênh Chệt Tưng	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thống	1,05	
6	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Đông)	Giáp huyện Trần Văn Thời	1,05	
7	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Tây)	Kênh 92	1,05	
8	Kênh xáng Mới	Kênh 92, bờ Tây	Giáp huyện Trần Văn Thời	1,05	
9	Đê Biển Tây, hướng Đông	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Giáp Trần Văn Thời (Kéo dài)	1,05	
10	Tuyến T29 (Bờ Bắc)	Đê Biển Tây	Cầu Khai Hoang	1,05	
11	Kênh đê Biển Tây, bờ Đông	Đồn Biên Phòng	Cổng Lung Ranh	1,05	
12	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	1,05	
13	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Ngã ba Mũi Đước	Cổng Lung Ranh	1,05	
14	Tuyến Lung Lá - Mũi Đước	Đất nhà ông Năm Ân	Hết ranh đất nhà ông Tám Thống	1,05	
15	Dớn Dài (Bờ Bắc) - Kênh tập đoàn (Bờ Nam)	Đầu kênh Dớn Dài	Hết kênh Dớn Dài	1,05	
16	Tuyến Lung Lá - Lung Ranh	Ranh đất nhà ông 8 Thống (Kênh 26/3 bờ Tây)	Đất bà Nguyễn Thị Hà	1,05	
17	Tuyến Kênh giữa 500	Tuyến T29	Tuyến T25	1,05	
18	Tuyến tái định cư Lung Ranh			1,05	
19	Bờ Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc bà Y	Giáp ranh thị trấn	1,05	
20	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Bà Y	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Nàng Chăng (Sửa lại Cầu Khai Hoang)	Kênh Năm Làng	1,30	
22	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Kênh Năm Làng	Giáp thị trấn	1,20	
23	Kênh Khai Hoang	Bờ Bắc Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
24	Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu	1,05	
25	Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Nam	Sông Cái Tàu	1,05	
26	Rạch Hàng (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
27	Kênh 35 (Bờ Bắc)	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp lộ kênh 96	1,05	
28	Bắc kênh ông Mụn	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
29	Nam Kênh Ông Quảng	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
30	Nam Chệt Tái	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
31	Bắc Rạch Ổ Ó	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,05	
32	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội	Kênh Cây Bàng	Kênh Chệt Tùng	1,20	
33	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Đông	Đập Chín Thống	1,05	
34	Bờ Đông kênh Sáu Tiền - Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiền)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,05	
35	Bờ Đông kênh Sáu Tiền - Đội 1	Đầu kênh Dón Hàng Gòn	Đội 1	1,05	
36	Bờ Đông kênh Sáu Tiền - Đội 1	Đầu lộ xe (Cổng kênh Sáu Tiền)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,05	
37	Bờ tây kênh Sáu Tiền – Đội 1	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	Đội 1	1,05	
38	Tuyến kênh 89	Bờ Tây (Đội 1 -đầu lộ nhựa)	Giáp tuyến kênh 29	1,05	
39	Tuyến kênh 89	Bờ Đông (Đội 1 - đầu lộ đất)	Giáp tuyến kênh 29	1,05	
40	Bờ nam kênh 29	Tuyến 93 (Giáp xã Khánh An)	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu 6 Kham, bờ Nam	Kênh Đứng, bờ Tây	1,05	
42	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu Dón Hàng Gòn, bờ Bắc	Kênh Đứng, bờ Tây	1,05	
43	Kênh Mười Quân	Đầu kênh Mười Quân, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,05	
44	Kênh Bà Mụ	Đầu kênh Bà Mụ, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,05	
45	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,05	
46	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,05	
47	Kênh Biện Nhị (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,05	
48	Kênh 8 Đức (Bờ Nam)	Ranh đất ông Lư Hoàng Bi	Giáp kênh Chệt Tùng (Bờ Đông)	1,05	
49	Kênh bờ bao (Bờ Nam)	Kênh 93	Kênh 90	1,05	
50	Kênh bờ bao (Bờ Bắc)	Kênh Đứng (Bờ Tây)	Cổng 2 Mây	1,05	
51	Đê quay cống Biện Nhị (Bờ Nam)	Cổng Biện Nhị	Đê Biển Tây	1,05	
52	Tuyến Bờ đông Kênh Dón Dài	Kênh Chệt Tùng	Kênh Thủy Lợi	1,05	
53	Tuyến Bờ Nam Kênh Tư Đại - Bờ Nam kênh Cựa Gà	Kênh Chệt Tùng	kênh 92	1,05	
54	Tuyến Bờ Đông kênh Cựa Gà 500	Kênh T29	Kênh T25	1,05	
55	Tuyến Bờ Bắc Kênh 8 Đức	Ranh đất ông Kiều Dồn Tuấn	Kênh Chệt Tùng (bờ Đông)	1,05	
56	Tuyến Bờ Nam Kênh Lung Chùa	Bờ Tây kênh 6 Tiếng	Bờ đông kênh Chệt Tùng	1,05	
57	Tuyến Bờ Bắc Kênh Lung Chùa	Bờ Tây kênh 6 Tiếng	Bờ đông kênh Chệt Tùng	1,05	
58	Tuyến kênh 29	kênh 29 (bờ bắc)	kênh 500 (bờ nam)	1,05	
59	Ngã 3 cầu Khánh Lâm	Đầu lộ U Minh - Khánh Hội (bờ bắc)	kênh Biện Nhị (bờ nam)	1,05	
60	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
61	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			1,05	
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3\text{m}$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

11. XÃ KHÁNH AN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Rạch Ông Diễm	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu (Lộ nhựa)	1,25	
2	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Buru điện	Cổng Hương Thành	1,25	
3	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Cổng Hương Thành	Trụ điện vượt sông	1,25	
4	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Trụ điện vượt sông	Bờ Tây rạch Xẻo Dài (Đầu rạch)	1,25	
5	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bờ Đông rạch Xẻo Dài (Đầu rạch)	Bờ Nam rạch Cây Phú (Giáp Thới Bình)	1,25	
6	Kênh Xẻo Dài	Bờ Tây kênh Xẻo Dài (Đầu vàm)	Hết ranh đất ông Kiệt	1,25	
7	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Ngã ba vàm Cái Tàu	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	1,25	
8	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	Hết ranh đất ông Chín Yên	1,25	
9	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Chín Yên	Bờ Nam Xẻo Mác	1,25	
10	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Bờ Bắc Xẻo Mác	Bờ Nam Xẻo Tre	1,25	
11	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Bờ Bắc Xẻo Tre	Giáp Nguyễn Phích	1,25	
12	Kênh Xẻo Tre (2 bờ)	Bờ Nam (Đầu kênh)	Hết lộ bê tông (Kênh Giữa)	1,25	
13	Kênh Xẻo Tre (2 bờ)	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh xáng Bình Minh	1,25	
14	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ Tây)	Từ nhà máy điện 1	Bờ Nam kênh Đào Trà tuyến 21	1,25	
15	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ Tây)	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Kênh Nam Dương	1,25	
16	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ	Bờ Bắc rạch Rô	Bờ Nam ông Diễm (Giáp Nguyễn Phích)	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tây)				
17	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,25	
18	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Nam (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,25	
19	Rạch Rô (2 bờ)	Rạch Rô (Đầu kênh)	Giáp ranh đất Trại giam Cái Tàu	1,25	
20	Kênh Đào Trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Cầu kênh Thủy Lợi	1,25	
21	Kênh Đào Trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Cầu kênh Thủy Lợi	Hết ranh Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần	1,25	
22	Kênh Đào trả tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần (Bờ Bắc)	Hết ranh đất nhà ông Thư	1,25	
23	Kênh Đào trả tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Hết ranh đất nhà ông Thư	Hết ranh đất ông Lai Chí Thống	1,25	
24	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Ngọn rạch Ông Điểm	Tuyến 23	1,29	
25	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Tuyến 23	Tuyến 21	1,26	
26	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Tuyến 21	Giáp cống bờ bao lộ Minh Hà (Kéo dài thêm)	1,26	
27	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Cầu Tắc Thủ	1,25	
28	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Tuyến T19 (Giáp Trần Văn Thời)	1,25	
29	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Trạm phân phối khí 2 bên (Theo ống dẫn khí)	Trục lộ xe Cà Mau – U Minh	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Đầu kênh xáng Minh Hà	Hết ranh đất ông Chín Bảo	1,25	
31	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Hết ranh đất ông Chín Bảo	Ngọn Rạch Nhum	1,25	
32	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Ngọn Rạch Nhum	Giáp Trần Văn Thời	1,25	
33	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Bờ Tây lộ nhựa (Đầu tuyến 21 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	1,25	
34	Ngã ba Vàm Cái Tàu (giáp huyện Trần Văn Thời)	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu kênh xáng Minh Hà	1,2	
35	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Cầu kênh xáng Minh Hà	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,25	
36	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Bờ Đông lộ nhựa (Đầu tuyến T21 cũ)	Hết ranh đất ông Kỷ	1,25	
37	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Từ ranh đất ông Chiến (Hướng Đông)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,25	
38	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Lộ lá)	Cầu Tắc Thủ	1,25	
39	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Cầu Tắc Thủ (Bờ sông Ông Đốc)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,25	
40	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Đông	Cổng 9 Thái	1,2	
41	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Tây	Cổng 9 Thái	1,2	
42	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng 9 Thái	Kênh Lũy	1,2	
43	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh Lũy	Cầu Khánh An	1,0	
44	Bờ Tây Lô 1	Lộ xe Minh Hà	Đường ống dẫn khí	1,25	
45	Lô 2 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
46	Lô 3 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà + 500m	Trại giam Cái Tàu	1,25	
47	Rạch Gián 2 bờ	Đầu Vàm	Hết lô 3	1,25	
48	Rạch Nhum Bờ Nam	Đầu Vàm	Giáp lộ Minh Hà	1,25	
49	Tuyến kênh 29	Đông kênh 93	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1,25	
	Khu Tái định cư				
50	Đường số 1	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
51	Đường số 1A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,25	
52	Đường số 2	Từ đường số 1	Đường số 11	1,25	
53	Đường số 3	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
54	Đường số 4	Từ đường số 1	Đường số 11	1,25	
55	Đường số 5	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
56	Đường số 6	Từ đường số 1	Đường số 11	1,25	
57	Đường số 7	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
58	Đường số 8	Từ đường số 1	Đường số 11	1,25	
59	Đường số 9	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
60	Đường số 11	Từ đường số 2	Đường số 8	1,25	
61	Đường số 11A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,25	
62	Rạch Giếng (Bờ Nam)	Đầu Rạch	Hết lộ bê tông	1,25	
63	Kinh Cây Phú (Bờ Nam)	Kinh xáng Lộ Xe	Hết lộ bê tông	1,25	
64	Tuyến lộ T23	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Vùng Đệm Vườn Quốc Gia	1,25	
	Khu Tái định cư giai đoạn đầu tại ấp 01, xã Khánh An				
65	Đường số 1	Đường số 2	Đường số 4	1,25	
66	Đường số 3	Đường số 2	Đường số 4	1,25	
67	Đường số 5	Đường số 2	Đường số 4	1,25	
68	Đường số 7A	Đường số 2	Giáp ranh đất trường trung cấp Kinh tế kỹ thuật	1,25	
69	Đường số 7B	Đường số 2	Đường số 4	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
70	Đường số 4	Trung tâm lao động giáo dục	Giáp ranh đường số 1	1,25	
71	Đường nối Võ Văn Kiệt và Lộ Tắc Thủ - Đá Bạc	Võ Văn Kiệt	Lộ Tắc Thủ - Đá Bạc	1,25	
72	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc Bảy Hộ	Bờ Nam Ông Khện	1,25	
73	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc ông Khện	Kênh Zero (Nguyễn Phích)	1,25	
74	Kênh Zero	Đầu kênh Zero, bờ Nam	Cầu Bình Minh	1,25	
75	Kênh xáng Bình Minh	Bờ Nam kênh Zero	Cầu Bình Minh (Xẻo Dài)	1,25	
76	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Lung Diễm, bờ Bắc	Rạch Rọi, bờ Nam	1,25	
77	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Khai Hoang	1,25	
78	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Ông Diễm, bờ Bắc	Rạch Nàng Chăng	1,29	
79	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Nàng Chăng	Bờ Nam Khai Hoang	1,29	
80	Kênh Khai Hoang	Bờ Nam Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,25	
81	Kênh Ba Tinh (Bờ Nam)	Đầu kênh Ba Tinh	Kênh xáng Bình Minh	1,25	
82	Rạch Nàng Chăng (Bờ Nam)	Đầu Rạch Nàng Chăng	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,25	
83	Rạch Bà Án (Bờ Nam)	Đầu Rạch Bà Án	Kinh Hai Khện	1,25	
84	Lộ U Minh - Thới Bình	Lộ U Minh - Cà Mau (Ngã tư Khai Hoang)	Cầu BOT (Bờ Tây sông Cái Tàu)	1,25	
85	Lộ U Minh - Thới Bình	Cầu BOT (Bờ Đông sông Cái Tàu)	Lộ kênh sáng Bình Minh	1,25	
86	Nam Rạch Cả Bông Lớn	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,25	
87	Bắc Kênh Hai Quén	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,25	
88	Kênh Lung Sinh	Cầu Lung Sinh	Kênh 6 Vân	1,25	
89	Kênh Lung Diễm (Bờ Nam)	Từ lộ xe U Minh - Cà Mau	Đầu nối lộ Tây Cái Tàu	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
90	Tuyến đường ống dẫn Khí MP3 (2 bờ)	Từ lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp đường Võ Văn Kiệt	1,25	
91	Đường Bờ Nam kênh 23	Kênh 23D	Kênh 22C	1,25	
92	Đường Bờ Bắc kênh 23B	Kênh 23D	Kênh 22C	1,25	
93	Đường Bờ Nam kênh 22A	Kênh 23D	Kênh 22C	1,25	
94	Đường Bờ Tây kênh 22C	Kênh 23	Kênh 21	1,25	
95	Đường Bờ Đông kênh 23D	Kênh 23	Kênh 21	1,25	
96	Tuyến đường D6	Cổng vào cổng Rạch Nhung	Đường N1	1,0	
97	Tuyến đường N1	Võ Văn Kiệt	Sông Ông Đốc	1,0	
98	Đường Bờ Bắc kênh 21	Kênh 23D	Kênh 22C	1,25	
99	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,25	
100	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,25	
101	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,25	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	

12. XÃ PHAN NGỌC HIỂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường Nguyễn Văn Cứng	Cầu sắt cũ (hết ranh quy hoạch)	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	1,00	
2	Đường Nguyễn Văn Cứng (đường số 1 trong Dự án)	Bến xếp dỡ hàng hóa 2 Bình	Đồn Biên Phòng Rạch Gốc (hết ranh quy hoạch)	1,00	
3	Đường Nguyễn Văn Cứng (đường số 6C trong Dự án)	Ngã 3 Trạm y tế TT Rạch Gốc	Ngã 3 Cổng chào (Đường HCM)	1,00	
4	Đường Bông Văn Dĩa	Cầu Rạch Gốc	Cầu Đầu Đước	1,00	
5	Bông Văn Dĩa	Cầu Cần Đước	Cầu Ông Định	1,00	
6	Đường 13/12	Cầu Kênh Ba mới	Bến phà sông Đường Kéo	1,00	
7	Đường 13/12	Ngã 4 Đường Hồ chí Minh	Cầu Kênh Ba mới	1,00	
8	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu sắt củ	1,00	
9	Lộ bê tông (đường số 2 trong dự án)	Đường số 6C	Ngã 3 trước cổng trường Mẫu giáo TT Rạch Gốc cũ	1,00	
10	Lộ bê tông (đường số 6 trong Dự án)	Ngã 3 trước cổng trường Mẫu giáo TT Rạch Gốc	Đường Nguyễn Văn Cứng	1,00	
11	Đường số 6A	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Cứng	1,00	
12	Đường số 6B	Đường số 2	Đường Nguyễn Văn Cứng	1,00	
13	Đường số 2A	Đường số 6	Đường số 6A	1,00	
14	Đường số 2B	Đường số 6B	Đường số 6C	1,00	
15	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Cầu kênh Ngang	1,00	
16	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Đường 962 (ngã 3 nhà ông Hòa)	1,00	
17	Đường 962	Ngã 4 Bưu điện	Đường 13/12	1,00	
18	Lộ bê tông	Đường 13/12	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ Chí Minh)	1,00	
19	Lộ bê tông	Cầu Rạch Lùm (Đường Hồ chí	Kênh nước Lộn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Minh)			
20	Lộ bê tông	Cầu Thu Phí	Kênh Cả Tháp	1,00	
21	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Cầu Thu Phí	Kênh Ông Nam	1,00	
22	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	1,00	
23	Lộ bê tông (Lộ giữa)	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,00	
24	Lộ bê tông	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Dậm	1,00	
25	Lộ bê tông	Cầu Kênh Ngang	Cầu kênh Cóc	1,00	
26	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Thu Phí	Ngã ba Nhà ông Châu Văn Đẩu	1,00	
27	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh ông Nam	Kênh Huế	1,00	
28	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh Huế	Vàm đầu đước	1,00	
29	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xóm Lò (giáp ranh xã Tân Ân Tây)	Cầu Rạch Lùm	1,00	
30	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Rạch Lùm	Đường 13 tháng 12	1,00	
31	Đường Hồ Chí Minh	Đường 13 tháng 12	Đường số 11	1,00	
32	Đường Hồ Chí Minh	Đường số 11	Cầu Công Dân Kiều	1,00	
33	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Công Dân Kiều	Cầu Kênh Hồ (Giáp ranh xã Viên An Đông)	1,00	
34	Tuyến đường số 11	Đường Hồ Chí Minh	Ngã 4 Trụ sở Khóm 1	1,00	
35	Lộ bê tông	Cầu Kênh Một (Đường cấp VI)	Ngọn Kênh Một	1,00	
36	Lộ bê tông	Cầu Ông Định (Đường cấp VI)	Vàm Trại Xiêm	1,00	
37	Lộ bê tông	Cầu Kênh Năm (Đường Hồ Chí Minh)	Cầu Kênh Cóc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
38	Đường 962	Ngã tư Trụ sở khóm 1	Ngã tư Bưu Điện	1,00	
39	Đường bê tông	Đường 13/12	Đường số 3 (kênh ông Nam, khóm 4)	1,00	
40	Đường cấp VI	Đường 13/12 (TT Văn hóa)	Cầu đường kéo	1,00	
41	Đường số 962 (nối dài)	Đường số 11	Đất ông Thua	1,00	
42	Đường cấp VI	Đường Hồ Chí Minh	Trạm Biên phòng Rạch Gốc	1,00	
43	Lộ bê tông mé sông	Cầu Lão Nhựt	Cầu Nhung Miên	1,00	
44	Lộ bê tông mé sông	Cầu Nhung Miên	Hết ranh Trường trung học cơ sở	1,00	
45	Lộ bê tông mé sông	Hết ranh Trường trung học cơ sở	Hết ranh quy hoạch Trung tâm Hành Chính xã	1,00	
46	Lộ bê tông tuyến Nhà Bia	Cầu Lão Nhựt (mé bên nhà bia cũ)	Ngã ba vào chợ Nhung Miên	1,00	
47	Lộ bê tông mé sông	Cầu Lão Nhựt	Hết ranh Trường Mẫu Giáo (Trường THCS cũ)	1,00	
48	Lộ bê tông mé sông	Hết ranh trường Mẫu giáo	Vàm Đốc Neo	1,00	
49	Lộ bê tông	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiền Phúc	Vàm Nhung Miên	1,00	
50	Lộ bê tông	Vàm Biện Nhạn	Vàm Ông Miếu	1,00	
51	Lộ bê tông	Vàm Xảo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	1,00	
52	Lộ bê tông	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đèn từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		1,00	
53	Lộ bê tông	Cụm ngã ba So Đũa		1,00	
54	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Năm Căn	Cầu Ông Nhựt	1,00	
55	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Kênh Hồ	Cầu So Đũa	1,00	
56	Lộ Bê Tông	Rạch Ô Rô	Cầu Nhà Phiếu	1,00	
57	Lộ Bê Tông	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diêu	1,00	
58	Lộ cấp VI Đồng Bằng	Cầu Nhà Diêu	Cầu Rạch Gốc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
59	Lộ Bê Tông	Cầu Rạch Gốc	Cửa Hóc Năng (Hết ranh đất dự án CWPD)	1,00	
60	Lộ Bê Tông Mé Sông	Rạch Ô rô	Bến phà Gốc Me	1,00	
61	Lộ Bê Tông Mé Sông	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hạm	1,00	
62	Lộ Bê Tông Mé Sông	Cầu Nhà Phiêu	Cầu Nhà Diệu	1,00	
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
64	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
65	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

13. XÃ ĐẤT MŨI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lộ GTNT dưới mé sông chợ Ông Trang	Vàm Ông Trang	Trạm Y Tế (Cầu Dân sinh)	1,10	
2	Lộ GTNT ấp Ông Trang	Ngã ba Trụ Sở Ông Trang	Hết ranh Nhà Đền cũ	1,10	
3	Lộ GTNT ấp Ông Trang A	Ranh đất Trường Tiểu Học 1	Hết ranh khu Nghĩa Mộ	1,10	
4	Lộ GTNT đường ô tô vào UBND xã	Cầu Ông Đồi (theo lộ Cấp VI đồng bằng)	Vàm Ông Trang	1,10	
5	Lộ GTNT dưới mé sông Ông Trang	Hết ranh Trạm y tế xã	Ranh BQL Rừng Phòng Hộ Đất Mũi	1,10	
6	Lộ GTNT ấp Xóm Biển	Ranh đất đền thờ Bác Hồ	Rạch Xẻo Bè	1,10	
7	Lộ GTNT ấp Tắc Góc, Vịnh Nước Sôi A	Chợ Tắc Góc	Ngã ba Tắc Góc	1,10	
8	Lộ GTNT ấp So Đũa	Chợ So Đũa	Ngã ba So Đũa	1,10	
9	Lộ GTNT ấp Sắc Cò - Ông Linh	Vàm Ông Linh (Sắc Cò)	Ngã ba Sắc Cò	1,10	
10	Lộ GTNT khu dân cư	Khu cán bộ		1,10	
11	Lộ GTNT khu dân cư	Khu giáo viên		1,10	
12	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Vàm Ông Thuộc	Cầu Ông Đồi Lớn	1,10	
13	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Ông Đồi Lớn	Ranh BQL Rừng Phòng Hộ Đất Mũi	1,10	
14	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Ranh BQL Rừng Phòng Hộ Đất Mũi	Giáp ranh xã Đất Mũi	1,10	
15	Lộ GTNT khu dân cư Ông Linh	Cầu Ông Linh	Ranh nghĩa địa ấp Ông Linh	1,10	
16	Đường Hồ Chí Minh	Cầu So Đũa	Cầu Kênh Năm (Hòn Khoai)	1,25	
17	Lộ Bê Tông chợ xã	Khu quy hoạch Trung tâm chợ xã		1,00	
18	Lộ Bê Tông Trung Tâm Xã	Cầu Rạch Tàu	Cầu Lạch Vàm	1,00	
19	Lộ Bê Tông Mé Sông	Giáp Ranh khu quy hoạch trung tâm	Vàm Kênh Năm	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Chợ xã			
20	Lộ Bê tông	Ranh Trụ sở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Hết ranh đồn Biên Phòng Đất Mũi	1,10	
21	Lộ Bê Tông	Ranh đồn Biên Phòng Đất Mũi	Cửa Vàm Xoáy	1,10	
22	Lộ Bê Tông	Cầu Kênh Đào Tây	Cửa Vàm Xoáy	1,10	
23	Lộ bê tông	Khu tái định cư kinh năm		1,10	
24	Lộ bê tông	Cầu Khảo Thị	Cầu Kinh Cụt	1,10	
25	Tuyến đường cấp VI	Giáp ranh với xã Viên An	Cầu sập Kinh Năm	1,10	
26	Tuyến đường cấp VI	Cầu sập Kinh Năm	Đường Hồ Chí Minh	1,10	
27	Tuyến đường cấp VI	Cầu Khảo Thị	Giáp Ranh Vườn Quốc Gia	1,10	
28	Tuyến Hồ Chí Minh	Cầu Kinh 5 Hòn Khoai	Giáp Ranh Vườn Quốc Gia (cổng Trương Phi)	1,25	
29	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Rạch Tàu	Cầu Lạch Vàm	1,25	
30	Lộ bê tông	Tuyến giáp ranh Trung tâm chợ (Đội thuế cũ)	Cầu Lạch Vàm	1,10	
31	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
32	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
33	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

14. XÃ TÂN ÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lộ bê tông	Cầu Tàu	Hết ranh Trạm y tế xã	1,10	
2	Lộ bê tông	Cầu Tàu	Hết ranh UBND xã	1,10	
3	Lộ bê tông	Ranh đất khu liên doanh 02 bên		1,10	
4	Lộ bê tông	Ngã tư Chợ	Đồn Biên Phòng	1,10	
5	Lộ bê tông	Đồn Biên Phòng	Cầu Bào Công (Chợ Thủ A)	1,10	
6	Lộ bê tông	Ranh đất Bưu điện	Hết trường THCS	1,10	
7	Lộ bê tông	Ngã ba Trạm Điện Lực	Trạm Y Tế	1,10	
8	Lộ bê tông	Cầu Bào Công	Vàm Bà Bường	1,10	
9	Lộ bê tông	Ranh đất Trạm biên phòng	Vàm Xẻo Đứng	1,10	
10	Lộ cấp VI đồng bằng	Từ Trạm Y Tế	Cầu Bảo Vĩ (Lộ cấp VI)	1,10	
11	Lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Bảo Vĩ	Cầu Võ Hào Thuật (Lộ cấp VI)	1,10	
12	Lộ bê tông	Cầu bà Khệt (Khu TĐC)	Cầu Xẻo Ngang	1,10	
13	Các tuyến trong khu TĐC ấp Chợ Thủ			1,10	
14	Lộ Bê Tông	Giáp đường Hồ Chí Minh	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	1,10	
15	Xã Tân Ân Tây cũ	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung Tâm xã)	Giáp Thị trấn	1,10	
16	Xã Tân Ân Tây cũ	Cầu Đường Kéo	Cầu Kênh Ranh	1,10	
17	Xã Tân Ân Tây cũ	Cầu Kênh Ranh	Cầu kênh Võ Hào Thuật	1,10	
18	Xã Tân Ân Tây cũ	Bến phà sông Cửa Lớn	Đường Hồ Chí Minh	1,10	
19	Xã Tân Ân Tây cũ	Vàm Ông Như	Vàm Ông Định	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
20	Lộ Bê Tông Ven Sông	Ngã ba Trường Tiểu học 3	Hết lộ bê tông ven sông (Dọc sông Đường Kéo đến rạch Chà Là 100m và rạch Giáp Nước 400m)	1,10	
21	Xã Tân Ân Tây cũ	Vàm Ông Định	Vàm Bà Bường	1,10	
22	Lộ Bê Tông (Mé sông)	Cầu Tắc Ông Như	Trạm Y Tế	1,10	
23	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Ông Như	Cầu Xóm Lò	1,10	
24	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
25	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
26	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

15. XÃ KHÁNH BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Giáp huyện U Minh	Kinh Hội (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hiền)	1,10	
2	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Từ Kinh Hội (đất ông Dương Thành Phụng)	19/5 (Hết ranh đất Tạ Bích Thủy)	1,10	
3	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Từ 19/5 (Đất bà Mai Kim Chung)	Cống Rạch Bào	1,10	
4	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Từ Rạch Bào (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Giáp xã Khánh Bình Đông	1,10	
5	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Giáp huyện U Minh	Kinh Hội (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hiền)	1,10	
6	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Từ Kinh Hội (đất ông Dương Thành Phụng)	19/5 (Hết ranh đất Tạ Bích Thủy)	1,10	
7	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Từ 19/5 (Đất bà Mai Kim Chung)	Cống Rạch Bào	1,10	
8	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Từ Rạch Bào (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Giáp xã Khánh Bình Đông	1,10	
9	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Bình Đông (Bờ Tây)	Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp xã Khánh Bình Đông	1,00	
10	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Bình Đông (Bờ Đông)	Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc	Ngã ba Bảy Triệu	1,00	
11	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Cống Kinh Hội	Sông Ông Đốc (2 bờ)	1,00	
12	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Từ Cổng Chồn Gầm	Sông Ông Đốc (02 bờ)	1,00	
13	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Cống Kênh Ranh (Từ giáp Lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	1,00	
14	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Từ Cổng Kênh Hội	Cầu Rạch Bào (Bờ Nam, lộ 3m)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(trong đề)				
15	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Cống Kinh Hội	Giáp xã Khánh Bình Đông, Bờ Bắc	1,00	
16	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Cống Đường Ranh (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Chồn Gầm (Hết ranh đất ông Trương Văn Triều, bờ Bắc)	1,00	
17	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Cống Đường Ranh (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Chồn Gầm (Trụ sở ấp 19/5, bờ Nam)	1,00	
18	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Kênh Cựa Gà (Từ giáp lộ Tắc Thủ - Sông Đốc)	Hết ranh đất ông Lê Văn Toàn (Lê Văn Bang)	1,00	
19	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Kênh Cựa Gà (Từ giáp lộ Tắc Thủ - Sông Đốc)	Hết ranh đất ông Lê Văn Lương (bờ Đông)	1,00	
20	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Cống Chồn Gầm (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Chồn Gầm (Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phích, Bờ Tây)	1,00	
21	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Cống Chồn Gầm (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Chồn Gầm (Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sạ, bờ Đông)	1,00	
22	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Vàm Rạch Bào (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Rạch Bào (Trụ sở ấp Rạch Bào, bờ Đông)	1,00	
23	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Vàm Rạch Bào (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Rạch Bào (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tăng, bờ Tây)	1,00	
24	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Vàm Ông Bích (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Ông Bích (Trụ sở văn hóa ấp ông Bích, bờ Tây)	1,00	
25	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Vàm Ông Bích (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Ông Bích (hết ranh đất bà Nguyễn Thị Hai, bờ Đông)	1,00	
26	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đề)	Từ Vàm Cả Giữa (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Cầu ngã ba Cả Giữa (Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Văn, 2 bờ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
27	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đê)	Từ Kênh Ông Kiệt (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Kênh 2 Lưu, 2 bờ	1,00	
28	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đê)	Từ Kinh Giữa (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Út Bình (Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lũng)	1,00	
29	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (trong đê)	Từ Kinh Giữa (Từ giáp lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc)	Ngã ba Kênh Mới (Hết ranh đất bà Phạm Thị Phăng)	1,00	
30	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Đất bà Lê Thị Liên (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất Dương Hoàng Nhân	1,00	
31	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Ranh đất ông Dương Hoàng Nhân	Hết ranh đất ông Lý Văn Huế (Bờ Nam) (ngã 4 kiểu mẫu bờ tây)	1,00	
32	Bờ Đông Bắc kênh Lòng Ông	Hết ranh đất ông Đặng Trung Lưu (Giáp xã Khánh Bình)	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Văn Diệp)	1,00	
33	Bờ Bắc kênh Dân Quân (bờ đông)	Ngã tư phố Rạch Cui (Ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Thị Quyên	1,00	
34	Bờ Tây Bắc Kênh Tạm Cấp	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp Bờ Tây (ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Hồng Sáu	1,00	
35	Bờ Đông Bắc kênh Tạm Cấp	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp (Bờ Đông, ranh đất ông Trần Văn Tài)	Hết ranh đất ông Trần Văn Tấn	1,00	
36	Phía Tây Xóm Nhà Ngói	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Tây, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Sáu (Nguyễn Văn Phò)	1,00	
37	Bờ Đông Xóm Nhà Ngói - Rạch Nhum	Ranh đất ông Lê Hoàng Thạch	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (nhà ông Chính Bình)	1,00	
38	Bờ Đông Nam Kênh Tám Chánh	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Đông, Chùa Rạch Cui)	Ranh đất ông Trần Tấn Tài (ngã 3 8 chánh)	1,00	
39	Bờ Tây Bắc Kênh Tám Chánh	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Tây, đất bà Đặng	Hết ranh đất ông Từ Văn Vĩnh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thị Vàng)			
40	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Đất ông Trương Văn Khoẻ (Giáp ranh xã Khánh Bình)	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Trong đê) (giáp ô Giang)	1,10	
41	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Từ cống Rạch Bào (đất ông Nguyễn Văn Thám)	Vàm Ông Bích	1,00	
42	Kênh Mương Củi (Bờ Đông, Bờ Tây)	Ranh đất bà Lê Thị Bé và ông Trần Quốc Đáo	Hết ranh đất ông Dương Văn Lân và ông Mai Văn Kinh	1,00	
43	Kênh Lung Bạ (Bờ Đông, bờ Tây)	Ranh đất ông Ngô Khánh Lâm và Nhà văn hóa ấp Lung Bạ (giáp cống lung ba)	Hết ranh đất ông Lai Văn Chiến và ông Lê Văn Lâm	1,00	
44	Bờ Tây Kênh Tham Trơi	Ranh đất ông Nguyễn Sinh Cung	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đạt	1,00	
45	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trơi, Bờ Đông)	Đất ông Trần Thanh Phong	Ranh đất ông Võ Duy Nghi	1,00	
46	Bờ Tây Kênh Rạch Nhum	Đất ông Trần Văn Tiền	Hết ranh đất UBND xã quản lý	1,00	
47	Bờ Tây Kênh Rạch Nhum	Đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn So	1,00	
48	Bờ Đông Kênh Đường Cuốc	Đất ông Trần Văn Tài	Ranh đất ông Kiều Văn Phát	1,00	
49	Bờ Nam Kênh Bà Kẹo	Đất ông Quách Văn Nhơn (Bờ Nam kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chính	1,00	
50	Ngã Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Ranh đất ông Lê Văn Vui (Ngoài đê)	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Ngoài đê)	1,10	
51	Ngã ba Tám Chánh	Đất ông Võ Văn Luận, hướng về đường Cuốc (Bờ Tây kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Cao Văn Phán	1,00	
52	Bờ Tây Kênh Đường Cuốc	Hết ranh đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Tây kênh Đường Cuốc)	Giáp kênh Bà Kẹo	1,00	
53	Bờ Đông Kênh Ngay	Trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp 4 (Bờ Bắc)	Đất ông Trần Văn Út (Về hướng Sole)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(ngã 4 sole)		
54	Bờ Tây Kênh Ngay	Đất ông Trần Văn Phén (Bờ Nam)	Hết ranh đất bà Đoàn Thị Thứ	1,00	
55	Ngã ba Tám Chánh	Đất Trường Tiểu học 3	Hết ranh đất ông Trần Văn Quân	1,00	
56	Ngã ba Tám Chánh	Cầu ngã 3 Tám Chánh	giáp ranh xã TVT đx	1,00	
57	Bờ Bắc Kênh Kiểu Mẫu	Đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Giáp xã Trần Hợi)	1,00	
58	Bờ Nam Kênh Kiểu Mẫu	Đất Trường cấp I (Bờ Đông, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Trần Văn Út	1,00	
59	Bờ Bắc Kênh Kiểu Mẫu	Đất ông Tiêu Văn Phong (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Thôn	1,00	
60	Bờ Nam Kênh Cơi Tư - Giáp xã Khánh Bình	Đất ông Trần Thành	Giáp ranh xã Khánh Bình	1,00	
61	Bờ Bắc Kênh Kiểu Mẫu - Kênh Hội Đồng Thành	Đất Nghĩa trang cũ (Về hướng ngã 3 Lò Đường)	Giáp ranh xã Khánh Bình	1,00	
62	Bờ Bắc Kênh Kiểu Mẫu - Kênh Hội Đồng Thành	Ranh đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây kênh Dân Quân)	Hết ranh đất ông Quách Kim (Đầu kênh Công nghiệp)	1,00	
63	Bờ Bắc Kênh Công Nghiệp	Đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Đặng Văn Tòng	1,00	
64	Ngã ba Lò Đường	Ranh đất ông Bùi Văn Đục	Hết ranh đất Trường Tiểu học IV	1,00	
65	Ngã Tư Sole	Ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Bờ Đông kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (Giáp kênh xáng Vô Dơi)	1,00	
66	Bờ Tây kênh 1/5	Đất UBND xã quản lý (Bờ Tây Kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Đình Văn Mẫn (Giáp kênh xáng Vô Dơi)	1,00	
67	Kênh Kiểm Lâm	Ranh đất ông Hồng Thanh Tâm	Ranh đất bà Phạm Thị Liên	1,00	
68	Kênh Cơi Tư 14	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Khôn	Hết ranh đất ông Trịnh Thái Sơn (Mên)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
69	Kênh Già Đông	Ranh đất trường tiểu học 3	Hết ranh đất bà Dương Hồng Uyển (Giáp ranh xã Trần Hợi)	1,00	
70	Kênh Tăng Mốc (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Tứ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn	1,00	
71	Kênh Tăng Mốc (Bờ Tây)	Ranh đất ông Lê Minh Lý	Hết ranh đất bà Danh Thị Ân	1,00	
72	Bờ tây Bắc Kênh Tạm Cấp	Giáp ranh đất bà Lê Hồng Sáu hướng về kênh Tạm Cấp	Giáp xã Khánh Bình cũ	1,00	
73	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
74	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
75	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

16. XÃ ĐÁ BẠC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến bờ Đông kênh xáng Giữa	Ngã tư Ba Tinh (Đất ông Lê Văn Cang)	Đường ống dẫn khí PM3	1,00	
2	Tuyến bờ Đông kênh xáng Giữa	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chót	Hết ranh đất ông Huỳnh Thượng Hải	1,35	
3	Tuyến bờ Tây kênh xáng Giữa	UBND xã	Đường ống dẫn khí PM3	1,00	
4	Tuyến bờ Tây kênh xáng Giữa	Ranh đất ông Lê Văn Hiền	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,35	
5	Tuyến bờ Bắc kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Phan Việt Thanh	Hết ranh Trường Tiểu học 1 Khánh Bình Tây Bắc	1,35	
6	Tuyến bờ Bắc kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quang	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Xiếu	1,35	
7	Tuyến bờ Nam kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Lê Văn Vinh	Đầu Kênh 16	1,35	
8	Tuyến bờ Nam kênh Ba Tinh	Đầu kênh 16	Hết ranh đất Trường THCS	1,35	
9	Tuyến bờ Đông kênh 16	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	1,35	
10	Tuyến bờ Đông kênh 16	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	Hết ranh đất ông Phạm Văn Minh	1,35	
11	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Mai Văn Thắng	1,35	
12	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	1,00	
13	Tuyến bờ Tây kênh 16	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	Hết ranh đất ông Bùi Văn Ri	1,35	
14	Tuyến bờ Đông kênh Xóm Huế	Ranh đất ông Huỳnh Xuân Tới	Hết ranh đất ông Lâm Văn Triều	1,35	
15	Tuyến bờ Tây kênh Xóm Huế	Ranh đất bà Lê Thị Bút	Hết ranh đất ông Ngô Văn Đèo	1,35	
16	Tuyến bờ Bắc kênh Sào Lưới	Ranh đất ông Nguyễn Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Học	1,35	
17	Tuyến bờ Nam kênh Sào Lưới	Ranh đất ông Trần Văn Nhân	Hết ranh đất ông Hồng Đông Châu (Giáp đê Trung ương)	1,35	
18	Tuyến bờ Tây kênh 84	Từ kênh 25	Ranh đất ông Phạm Thanh Hiền	1,35	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Tuyến bờ Tây kênh Dón	Ngã ba tuyến 21 - kênh Dón	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lúa (Ngã 3 kênh Mười Lươn)	1,35	
20	Tuyến bờ Đông kênh 88	Nhà ông Trịnh Văn Liêm	Ngã tư tuyến 88 - 21	1,20	
21	Tuyến đường cứu hộ cứu nạn đê biển Tây phòng cháy chữa cháy rừng Quốc gia U Minh Hạ	Ranh đất bà Bùi Thị Thắm	Hết đất ông Nguyễn Văn Nễ	1,00	
22	Tuyến đường ô tô về trung tâm xã	Ranh đường ông PM3	Hết ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	1,00	
23	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất ông Năm Thạnh	1,30	
24	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Năm Thạnh	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	1,35	
25	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	Ranh Trường Tiểu học A	Hết ranh đất bà Út Em	1,35	
26	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	Ranh đất ông Hai Ngọc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	1,35	
27	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Cầu Coi 5 (đất ông Trương Văn Tám)	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi)	1,15	
28	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi)	1,10	
29	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Hết ranh Trường Tiểu học A	Đầu kênh Cựa Gà Bảy Báo	1,35	
30	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	Kênh Cựa Gà Bảy Báo (Hết ranh đất bà Sáu Chuông)	1,35	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
31	Tuyến Cơi 5 - Hòn Đá Bạc	Ranh đất ông Huỳnh Việt Hùng	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	1,35	
32	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam)	Đầu Kênh Cơi 5	Đầu kênh Tám Kênh	1,35	
33	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam)	Đầu kênh Tám Kênh	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Tư Gương)	1,35	
34	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam) (Phía dưới sông)	Cầu Kênh Đứng	Hết ranh đất ông Lê Tấn Đạt	1,10	
35	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam)	Ranh đất ông Lê Tấn Đạt	Hết ranh đất bà Mười Thị	1,10	
36	Tuyến lộ nội ô chợ (Phía dưới sông)	Nhà ông Tư Gương	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Phượng	1,20	
37	Tuyến kênh cửa gà 402 (Bờ Tây)	Cầu Nông Trường	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc	1,35	
38	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây)	Ranh đất ông Phạm Hải Đăng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thơm	1,35	
39	Kênh Cơi 4	Cầu Cơi 4	Hết ranh đất ông Út On	1,35	
40	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20N	1,30	
41	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20K	1,35	
42	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 22A	1,35	
43	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20L	1,30	
44	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20M	1,30	
45	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20 F	1,35	
46	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20E	1,35	
47	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 23C	1,35	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
48	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 23D	1,35	
49	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 20D	1,35	
50	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 22L	1,35	
51	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 20B	1,35	
52	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 23A	1,35	
53	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 20A	1,35	
54	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 22M	1,35	
55	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 20N	1,35	
56	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 23B	1,35	
57	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 22N	1,35	
58	Kênh Tám Khệnh	Kênh Tám Khệnh (Bờ Đông, bờ Tây)	Giáp ranh xã Khánh Hưng, Khánh Hải	1,35	
59	Tuyến trong đê Quốc Phòng	Cổng kênh Mới	Hết ranh đất ông Lê Minh Hùng	1,35	
60	Tuyến trong đê Quốc Phòng	Đất bà Trần Thị Tám	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Mừng	1,35	
61	Kênh Còi 6A + Còi 6B	Từ cầu Co Xáng	Hết ranh đất Nhà ông Kiệt (Nông trường 402)	1,35	
62	Tuyến đầu Kênh Còi 5	Cầu Còi 5	Cầu Còi 4	1,35	
63	Tuyến đầu Kênh Còi 5	Cầu Còi 5	Cầu Còi 6	1,35	
64	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông)	Ranh đất ông Lê Văn Quý	Hết ranh đất ông Nguyễn Bình An giáp xã Khánh Hải	1,10	
65	Tuyến kênh Tám	Cầu Đê Biển Tây (Nhà ông Việt)	Hết ranh đất ông Nghiệu	1,35	
66	Tuyến kênh Thống Nhất ấp Thời Hưng	Ranh đất ông Nghiệu	Hết ranh đất ông Trường	1,35	
67	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Minh	Cổng kênh Mới Đê Biển Tây	1,35	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
68	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng	1,35	
69	Tuyến kênh Tám	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hoa	Hết ranh đất Phạm Trung Kiên	1,35	
70	Tuyến kênh Cửa Gà ấp Đá Bạc B (Bờ Đông)	Ranh đất ông Phan Chí Tâm	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc	1,35	
71	Tuyến kênh Cửa Gà ấp Đá Bạc B (Bờ Tây)	Ranh đất ông Đặng Văn Hùng	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc (Nhà ông Trung) (2 bên)	1,35	
72	Tuyến kênh Ông Lão	Đất ông Nguyễn Văn Chênh	Hết ranh đất ông Lý Hong Ân	1,35	
73	Tuyến kênh Tám	Đất ông Đoàn Văn Yên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiệm	1,35	
74	Tuyến kênh Tám	Đất ông Trương Văn Đứng	Hết ranh đất bà Trương Thị Nhật	1,35	
75	Tuyến kênh Tám	Đất ông Lê Văn Ty	Hết ranh đất trụ sở ấp Thời Hưng	1,35	
76	Tuyến kênh Công Điền	Đất ông Phạm Văn Đạt (Bờ Tây)	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,35	
77	Tuyến kênh Hậu	Đất ông Lê Văn O	Hết ranh đất bà Trần Thị Tuyết	1,35	
78	Tuyến kênh Hai Quờn	Từ ranh đất bà Lê Thị Thơm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	1,35	
79	Tuyến kênh Thông Nhất ấp Thời Hưng	Từ ranh đất ông Trần Văn Cánh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	1,35	
80	Kênh Cơi 4	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Hoa	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Đèo	1,35	
81	Tuyến lộ mới mở Khánh Bình Tây đi xã Khánh Bình Tây Bắc	Từ nhà ông Nguyễn Thành Nhơn	Hết phần đất ông Mai Thanh Bạch	1,10	
82	Tuyến lộ cứu nạn, cứu hộ đi Hòn Đá Bạc	Từ đất ông Phạm Toàn thắng ấp Đá Bạc	Hết đất ông Trần Văn Sai ấp Kinh Hòn Bắc	1,10	
83	Lộ bê tông 33m	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nô	Hết ranh đất ông Trịnh Văn Tám	1,35	
84	Tuyến qua cổng Đá Bạc	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quýt	Ranh đất bà Lê Diệu Cầm	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(bờ Bắc)				
85	Tuyến Thới Hưng (Bờ Đông)	Đất Đoàn Thị Phượng	Đất ông Phạm Văn Hải	1,35	
86	Tuyến Kênh Tám	Đất Nguyễn Văn Út Nhỏ	Đất ông Nguyễn Văn Lâm	1,35	
87	Cầu Cựa Gà (Bờ Tây)	Đất ông Lý Văn Linh	Đất ông Lê Giá Kính	1,35	
88	Tuyến Kinh Hòn (Bờ Đông) tiếp giáp khu xen ghép	Trạm Quản Lý Đê Điều	Đất ông Trần Văn Vũ	1,35	
89	Tuyến Đá Bạc B (Bờ Đông) Đá Bạc B - Bờ Tây Kinh Hòn Bắc)	Đầu kênh 16	Đầu kênh rạch Nhum	1,35	
90	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Cầu kênh Đứng (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	1,10	
91	Cầu Kênh Đứng - Co Xáng	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	1,10	
92	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	1,10	
93	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	Cầu Co Xáng	1,10	
94	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Cầu Co Xáng	Cầu về Vồ Dơi	1,10	
95	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Khu thực nghiệm (Hướng Đông)	Cống T19	1,10	
96	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Ranh đất bà Trần Thị Sa	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	1,10	
97	Tuyến T19 áp Vồ Dơi	Ranh đất ông Lâm Văn Quên	Kinh T21	1,10	
98	Tuyến đường hẻm chợ Cơi 5 ấp 2	Ranh đất Bà Cao Hồng Mãnh	Hết đất ông Nguyễn Hoang Việt	1,10	
99	Tuyến vòng xuyên Cầu Cơi 5 (2 bên)	Nhà bà Trần Thị Thanh Sợi	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hùng	1,00	
100	Khu tái định cư Vàm kênh Sào Lưới	Các lộ bê tông thuộc dự án		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
101	Đường vào Trung tâm Văn Hoá Xã	Ranh đất ông Hồ Trung Trục	Trụ sở Trung tâm văn hoá xã	1,30	
102	Tuyến Vòng Xoay chợ Cơi Năm	Ranh đất ông Nguyễn Quang Ân	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hùng	1,30	
103	Tuyến về cầu Cơi Năm Cũ	Từ ranh đất bà Lê Kim Chi	Hết ranh đất ông Thi Văn Dũng	1,30	
104	Khu tái định cư xen ghép Đá Bạc	Ranh Mai Vũ Tâm	Hết đất Nguyễn Thanh Tuấn	1,00	
105	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,35	
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
107	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thuỷ, bộ		1,35	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thuỷ, bộ		1,35	

17. XÃ KHÁNH HƯNG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khu vực Trung tâm	Ngã ba Nhà Máy, hướng Nam (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Trung Tính	1,00	
2	Khu vực Trung tâm	Ranh đất ông Lê Trung Tính	Hết ranh đất ông Lê Văn Đoàn	1,00	
3	Khu vực Trung tâm	Từ đầu cầu bên chợ (Hướng Tây)	Hết ranh đất trường THPT	1,00	
4	Khu vực Trung tâm	Hết ranh đất trường THPT	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Văn	1,00	
5	Khu vực Trung tâm	Ranh đất ông Phạm Hùng Văn	Đầu kênh Dân Quân	1,00	
6	Khu vực Trung tâm	Đầu kênh Dân Quân	Giáp ấp Nhà Máy A	1,00	
7	Khu vực Trung tâm	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	1,00	
8	Khu vực Trung tâm	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	Đầu kênh Dân Quân	1,00	
9	Khu vực Trung tâm	Đầu kênh Dân Quân	Giáp ranh ấp Nhà Máy A	1,00	
10	Khu vực Trung tâm	Đầu cầu bên chợ (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,00	
11	Khu vực Trung tâm	Trạm y tế xã (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,00	
12	Khu vực Trung tâm	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư Miếu Ông Tà (Bờ Đông)	1,00	
13	Khu vực Trung tâm	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư miếu Ông Tà (Bờ Tây)	1,00	
14	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu Kênh Đứng (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,00	
15	Ngã ba Kênh Đứng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bàu (Bình Minh II)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,00	
16	Ngã ba Kênh Đứng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bàu	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	1,00	
17	Ngã ba Kênh Đứng	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,00	
18	Ngã ba Kênh Đứng	Ngã ba Kênh Đứng (Hướng Bắc)	Coi 3	1,00	
19	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu kênh Cơi Nhi bờ Nam	Giáp ranh ấp Kính Đứng A	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
20	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Bắc	Giáp ranh ấp Liên Hòa	1,00	
21	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu kênh Cơi 3 bờ Nam	Giáp ranh xã Đá Bạc	1,00	
22	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu kênh Cơi 3 bờ Bắc	Giáp ranh xã Đá Bạc	1,00	
23	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu kênh Cơi Tư (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Đá Bạc	1,00	
24	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Đầu cầu Công Nghiep (Bờ Đông hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	1,00	
25	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh	1,00	
26	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Cầu chữ Y (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh	1,00	
27	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Cầu chữ Y (Hướng đông bờ Nam)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	1,00	
28	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	1,00	
29	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Đông)	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,00	
30	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Tây)	Đầu cầu công nghiệp (Bờ Tây hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thành	1,00	
31	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Tây)	Ranh đất ông Võ Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận	1,00	
32	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Tây)	Cầu Chữ Y (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận	1,00	
33	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Tây)	Cầu Chữ Y (Bờ Bắc)	Ngã ba Năm Trì	1,00	
34	Lộ dọc kênh Công Nghiep (Bờ Tây)	Cầu Chữ Y (Bờ Nam)	Ngã ba Năm Trì	1,00	
35	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Cầu Chữ Y (Hướng Đông)	Ngã ba về hướng Bắc (Bờ Bắc)	1,00	
36	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Ngã ba kênh Ngang (Bờ Tây)	Hết ranh đất trường cấp II	1,00	
37	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Ranh đất trường cấp II	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	1,00	
38	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	1,00	
39	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	1,00	
40	Trung tâm cầu Chữ Y	Ranh đất ông Phạm Văn Đoàn	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân (Bờ Bắc)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Trung tâm cầu Chữ Y	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân	Giáp ranh xã Trần Văn Thờ	1,00	
42	Trung tâm cầu Chữ Y	Ngã tư Nghĩa trang Ba Cô	Đầu kênh Hai Cải (2 bờ)	1,00	
43	Trung tâm cầu Chữ Y	Đầu kênh Bà Xum	Kênh Hai Cải (2 bờ)	1,00	
44	Công Nghiệp A	Đầu kênh cua Le Le (2 bờ)	Ngã ba Năm Trĩ	1,00	
45	Vàm Cống Đá	Đầu vàm Cống Đá (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	1,00	
46	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	Ngã tư Út Cùi	1,00	
47	Vàm Cống Đá	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	1,00	
48	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	Ngã tư Út Cùi	1,00	
49	Vàm Cống Đá	Ngã tư Út Cùi (Bờ Đông)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,00	
50	Vàm Cống Đá	Ngã tư Út Cùi (Bờ Tây)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,00	
51	Vàm Cống Đá	Ngã tư Út Cùi (Bờ Bắc)	Giáp ấp Rạch Lùm C	1,00	
52	Ấp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	1,00	
53	Ấp kênh Hăng C	Ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	Giáp ấp kênh Hăng B	1,00	
54	Ấp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	1,00	
55	Ấp kênh Hăng C	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	Giáp ấp kênh Hăng B	1,00	
56	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Ranh kênh Giữa Bìa	Cầu Rạch Lùm A	1,00	
57	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cầu Rạch Lùm	Giáp ấp kênh Hăng C	1,00	
58	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ấp kênh Hăng C	Cống kênh Hăng C	1,00	
59	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cống kênh Hăng C	Giáp ranh đất ấp Công Nghiệp A	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
60	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ranh đất ấp Công Nghiệp A	Cầu Công Nghiệp	1,00	
61	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cầu Công Nghiệp A	Giáp xã Trần Văn Thời	1,00	
62	Vàm Rạch Lùm	Cầu Vàm Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	1,00	
63	Vàm Rạch Lùm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	1,00	
64	Vàm Rạch Lùm	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	Giáp ranh ấp Chủ Mía	1,00	
65	Vàm Rạch Lùm	Cầu Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em (Bờ Tây)	1,00	
66	Vàm Rạch Lùm	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	1,00	
67	Vàm Rạch Lùm	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	Giáp ranh ấp Chủ Mía	1,00	
68	Vàm Rạch Lùm	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Đông	Giáp ranh ấp Liên Hòa	1,00	
69	Vàm Rạch Lùm	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Tây	Giáp ranh ấp Liên Hòa	1,00	
70	Kênh Hăng B	Đầu kênh Xóm Miên (2 bờ)	Giáp ranh ấp Rạch Lùm C	1,00	
71	Kênh Hăng B	Đầu kênh Sáu U (2 bờ)	Ngã tư miếu Ông Tà	1,00	
72	Kênh Hăng B	Ngã ba Năm Tri (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Đông)	1,00	
73	Kênh Hăng B	Ngã ba Năm Tri (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Tây)	1,00	
74	Kênh Tám Khệnh	Cầu Tám Khệnh (Bờ Đông, hướng bắc)	Giáp ranh xã Đá Bạc	1,00	
75	Kênh Dân quân	Đầu Kênh Hai Tường (02 Bờ, hướng Bắc)	Kênh Cơi Tư	1,00	
76	Kênh Dân quân	Giáp lộ Ô tô về xã (Phía sau chợ, 02 Bờ hướng Bắc)	Kênh Cơi Nhì	1,00	
77	Kênh Đứng	Đầu Kênh Cơi Ba (Bờ Tây, hướng Bắc)	Đầu Kinh Cơi Tư	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
78	Lộ Ô tô về xã	Từ ranh đất ông Trần Thanh Hữu (02 bên)	Trụ sở UBND xã Khánh Hưng (Củ)	1,00	
79	Kênh Cựa Gà	Đầu Kênh Cựa Gà Xanh (02 Bờ)	Cuối Kênh Cựa Gà Xanh	1,00	
80	Kênh Bảy Huề	Đầu Kênh Bảy Huề (02 Bờ)	Giáp ranh ấp Liên Hòa	1,00	
81	Kênh Ba Trước	Đầu Kênh Ba Trước (02 Bờ)	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,00	
82	Kênh Bảy Gà Mỏ	Đầu Kênh Bảy Gà Mỏ (02 Bờ)	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,00	
83	Ngã Tư Út Cùi	Ngã Ba Hai Trầm (Bờ Bắc, hướng Tây)	Ngã Tư Út Cùi	1,00	
84	Ngã Tư Út Cùi	Ngã Ba Hai Trầm (Bờ Nam, hướng Tây)	Đầu Kênh Chổng Mỹ (Rạch Lùm C)	1,00	
85	Cổng bia đỏ	Đầu Kênh Chổng Mỹ (Rạch Lùm C, hướng Tây, 02 Bờ)	Cổng Bia Đỏ Rạch Lùm B	1,00	
86	Cổng sườn 4	Đầu Kênh Hai Thà (02 bờ)	Giáp ranh ấp Trùm Thuật B	1,00	
87	Cổng sườn 2	Đầu Kênh Cua Le Le (Cổng Sườn 2, hướng Tây, 02 Bờ)	Cuối Kênh Cua Le Le	1,00	
88	Kênh đê	Giáp ranh ấp Kênh Giữa, hướng Đông, Bờ Nam	Giáp ranh ấp Kinh Hảng C	1,00	
89	Kênh đê	Ranh ấp Kinh Hảng A (Bờ Nam)	Ranh ấp Kinh Hảng C (Bờ Nam)	1,00	
90	Kênh đê	Ranh ấp Kinh Hảng A (Bờ Nam)	Giáp ranh ấp Công Nghiệp A	1,00	
91	Kênh đê	Ranh ấp Công Nghiệp A (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,00	
92	Khu trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở 1 Khánh Hải	1,00	
93	Khu trung tâm xã	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Nam)	Ngã ba Kênh Giữa	1,00	
94	Khu trung tâm xã	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m (Bờ Bắc)	1,00	
95	Khu trung tâm xã	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m - Bờ Nam	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
96	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	UBND xã	Khu di tích Bác Ba Phi (Hết ranh đất ông Hận)	1,00	
97	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	Ranh đất ông Trương Văn Pha	Hết ranh đất bà Trương Thị Tươi	1,00	
98	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	Ranh đất ông Hồ Văn Chiêu	Cầu Thành Trung (tên cũ: Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh)	1,00	
99	Lộ dọc kênh Lung Tràm	Tuyến kênh Lung Tràm (Bờ Nam)		1,00	
100	Lộ dọc kênh Trung Tâm	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		1,00	
101	Khu Chợ Mới	Chợ Mới về các hướng 400m (Riêng hướng Đông hết ranh đất ông Hai Nguyên)		1,00	
102	Vàm kênh Mới	Vàm kênh Mới (Về hướng Đông)	Giáp ranh đất ông Phan Ngọc Hoàng	1,00	
103	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ranh Kênh Giữa Bìa	Cổng kênh Giữa	1,00	
104	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cổng kênh Giữa	Hết ranh đất ông Năm Hòa	1,00	
105	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Hết ranh đất ông Năm Hòa	Cổng Trùm Thuật	1,00	
106	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cổng Trùm Thuật	Giáp ranh xã Sông Đốc	1,00	
107	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Cổng Trùm Thuật	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	1,00	
108	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	1,00	
109	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	1,00	
110	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1,00	
111	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m (Bờ Đông)	1,00	
112	Tuyến kênh Bờ Tre	Hết đoạn 300m kênh Bờ Tre (Bờ Đông)	Về hướng Bắc hết kênh Bờ Tre (Ranh đất ông Hồ Quốc Cường)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
113	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m Bờ Tây	1,00	
114	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Tây)	Về hướng Nam 300m	1,00	
115	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Giáp ranh đất ông Lương Văn Nhiễm	1,00	
116	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hành lang lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Về hướng Bắc 500m	1,00	
117	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hết đoạn 500m	Hết kênh Ranh	1,00	
118	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Giáp ấp Chủ Mía	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,00	
119	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Tây)	Về các hướng 300m	1,00	
120	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Hết đoạn 200m (Ngã tư Chín Bộ)	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,00	
121	Ngã tư Chín Bộ	Ngã tư Chín Bộ	Về các hướng 200m	1,00	
122	Ngã tư Chủ Mía	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Đông)	Về các hướng (Nam, Bắc) 300m	1,00	
123	Kênh Chủ Mía (Về hướng Tây)	Từ hết đoạn 300m	Hết kênh Chủ Mía (Bờ Nam)	1,00	
124	Khu Làng Cá	Làng Cá kênh Tư	Hết khu đất Làng Cá kênh Tư (2 bên)	1,00	
125	Vàm Bảy Ghe	Cổng Bảy Ghe	Về hướng Đông 300m (2 bên)	1,00	
126	Kênh Bảy Ghe (Bờ Bắc)	Hết đoạn 500m (Trường Tiểu học 1 đi về kênh Bảy Ghe 500m)	Hết đoạn 300m (Vàm Bảy Ghe về hướng Đông 300m)	1,00	
127	Kênh Mới (Bờ Nam)	Kênh Tư Tửu (Kênh Cây Gòn)	Giáp ranh đất ông Hai Nguyên	1,00	
128	Tuyến kênh Cây Sộp	Ranh đất ông Hồ Quốc Khánh	Hết kênh Cây Sộp	1,00	
129	Tuyến kênh Ngang	Ranh đất ông Lê Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn To	1,00	
130	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9a	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
131	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9b	1,00	
132	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9c	1,00	
133	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L10a	1,00	
134	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L10b	1,00	
135	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Bắc	Lô L9d	1,00	
136	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Bắc	Lô L9e	1,00	
137	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Bắc	Lô L9f	1,00	
138	Tuyến Kênh Ấp Huê (Bờ Bắc)	Từ Giáp kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Giáp Phân Trại số 2 Trại Giam Cái Tàu	1,00	
139	Lộ dọc kênh Rạch Lùm (Bờ Đông)	Giáp ranh ấp Liên Hòa	Giáp đoạn 300m Ngã Tư Chủ Mía	1,00	
140	Lộ dọc kênh Rạch Lùm (Bờ Đông)	Giáp đoạn 300m Ngã Tư Chủ Mía	Giáp đoạn 200m Ngã Tư Chín Bộ	1,00	
141	Tuyến Kênh Đê Trong (Bờ Đông)	Từ Cổng Kênh Mới về hướng Nam 300m		1,00	
142	Tuyến Kênh Đê Trong (Bờ Đông)	Từ giáp đoạn Kênh Mới 300m	Kênh Lung Tràm	1,00	
143	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (bờ Đông)	Giáp ranh đất nhà ông Đỗ Văn Bé	1,00	
144	Tuyến Kênh ngang (bờ Đông)	Ranh đất ông Võ Thành Trung	Ngã tư Chủ Mía (hết lộ 3m)	1,00	
145	Tuyến đầu nối dọc kênh Rạch Lùm và kênh Chín Bộ	Bờ Đông kênh Rạch Lùm (giáp tuyến ngã tư Chín bộ về các hướng 200m)	Bờ Nam kênh Chín Bộ (giáp tuyến ngã tư Chín bộ về các hướng 200m)	1,00	
146	Tuyến Kênh Mới (bờ Bắc)	Giáp ranh xã Đá Bạc	Hết ranh đất bà Trần Thị Thâm	1,00	
147	Tuyến lộ dọc kênh Chín Bộ (bờ Bắc)	Hết đoạn 200m ngã tư Chín Bộ	Giáp Kênh Bụi Tre	1,00	
148	Tuyến ngã tư Chín Bộ về Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây (bờ Đông)	Hết đoạn 200m ngã tư Chín Bộ	Giáp ranh xã Đá Bạc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
149	Tuyến Kênh Tư (bờ Bắc)	Giáp tuyến lộ ô tô về Trung tâm xã đến khu di tích Bắc Ba Phi	Hết ranh đất ông Nguyễn Liêm Chính	1,00	
150	Tuyến Kênh Đường Ranh Lớn	Ranh đất ông Đinh Hữu Trí	Giáp kênh Đê Trong	1,00	
151	Tuyến Kênh Mới (bờ Bắc)	Từ giáp ranh đất bà Trần Thị Thâm	Giáp tuyến Ngã tư Chín bộ về các hướng 200m	1,00	
152	Tuyến Kênh Chín bộ (bờ Nam)	Giáp tuyến Ngã Tư Chín bộ về các hướng 200m	Giáp ranh ấp Chủ Mía	1,00	
153	Tuyến kênh Trùm Thuật (bờ Tây)	Giáp tuyến Rạch Ráng	Sông Đốc đến hết ranh đất ông Lương Văn Nhiễm (khoảng 800m)	1,00	
154	Tuyến Kênh Giữa (bờ Đông)	Giáp tuyến Rạch Ráng	Sông Đốc đến Hết ranh đất bà Võ Hồng An (khoảng 500m)	1,00	
155	Tuyến Kênh Giữa (bờ Tây)	Giáp tuyến Rạch Ráng	Sông Đốc đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Phấn (khoảng 500m)	1,00	
156	Bờ Đông Kênh Ngang			1,00	
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
158	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
159	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

18. XÃ SÔNG ĐỐC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Trạm kiểm soát Biên Phòng Sông Đốc, Ấp 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu, Ấp 1	1,00	
2	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Đất Khu xăng dầu Năm Châu, Ấp 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân, Ấp 1	1,00	
3	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Hăng nước đá Đồn Biên phòng Sông Đốc, Ấp 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4	1,00	
4	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Chi nhánh Bảo hiểm, Ấp 1	Hết ranh đất Chùa Thiên Hậu, ấp 1 (tên cũ: hết ranh đất Chùa bả K1)	1,00	
5	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Trần Thị Thủy, Ấp 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiệp, Ấp 1	1,00	
6	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Tạ Thị Liễu, Ấp 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang, Ấp 2	1,00	
7	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng, Ấp 2	Đầu Voi Rạch Băng Ky	1,00	
8	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Tiệm Cầm Đồ Hương Lan	Nhà bà Võ Thị Xuyên	1,00	
9	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm chùa Bà Thiên Hậu, Ấp 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Anh Tài	1,00	
10	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ao cá Hội nông dân, Ấp 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước, Ấp 1	1,00	
11	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Thanh Xuân, Ấp 1	Hẻm nhà ông Trần Văn Thơ, Ấp 1	1,00	
12	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan, Ấp 2	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm, Ấp 2	1,00	
13	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt, Ấp 2	Hết ranh dây Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình, Ấp 2	1,00	
14	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên, Ấp 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân, Ấp 2	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng, Ấp 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng, Ấp 2	1,00	
16	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình, Ấp 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt, Ấp 2	1,00	
17	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh, Ấp 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng, Ấp 2	1,00	
18	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng, Ấp 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành, Ấp 2	1,00	
19	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí, Ấp 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân, Ấp 2	1,00	
20	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi, Ấp 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình, Ấp 2	1,00	
21	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình, Ấp 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa, Ấp 2	1,00	
22	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền, Ấp 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ, Ấp 2	1,00	
23	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng, Ấp 2	hết ranh đất Nguyễn Hồng Thắm	1,00	
24	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng, Ấp 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lược, Ấp 2	1,00	
25	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi, Ấp 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống, Ấp 2	1,00	
26	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Cầu bê tông kênh Kiểm Lâm, Ấp 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng, Ấp 3	1,00	
27	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Cống rạch Băng Ky, Ấp 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	1,00	
28	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhị, Ấp 3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Huỳnh Tuyền	1,00	
29	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân, Ấp 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế, Ấp 3	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy, Ấp 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh, Ấp 3	1,00	
31	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Trụ sở UBND xã Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà, Ấp 7	1,00	
32	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lê Việt Hùng, Ấp 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng, Ấp 7	1,00	
33	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ, Ấp 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu, Ấp 7	1,00	
34	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Võ Thanh Sang, ấp 7 (tên cũ: hẻm nhà ông Phạm Thanh Bình, ấp 7)	Hết ranh đất bà Lý Kim Lợi (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Quốc Việt)	1,00	
35	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Trần Văn Khánh, ấp 7 (tên cũ: ranh đất ông Đặng Văn Đăng, ấp 7)	Hết ranh đất bà Triệu Thị Phụng, ấp 7 (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng, ấp 7)	1,00	
36	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy, Ấp 7	Hết ranh Hải Đội 2, Ấp 7	1,00	
37	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Cao Văn Bình, Ấp 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang, Ấp 7	1,00	
38	Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Ranh đất ông Phan Minh Dương	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ, Ấp 7	1,00	
39	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hàng rào bên trong Xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc (tên cũ: Phạm Thanh Diệu, ấp 7)	1,00	
40	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc, Ấp 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan, Ấp 8	1,00	
41	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương, Ấp 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân, Ấp 8	1,00	
42	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bồ, Ấp 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm, Ấp 8	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng, Ấp 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân, Ấp 8	1,00	
44	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến, Ấp 8	Hết ranh đất ông Hiên, Ấp 8	1,00	
45	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Võ Ánh Nguyệt, ấp 7	Hết ranh đất ông Phan Hùng Phi, ấp 7	1,00	
46	Kênh Ông Lan (2 bên)	Nhà ông Trần Ngọc Lan, Ấp 8.	Về hướng Bắc: 250m	1,00	
47	Kênh xáng Nông Trường (bờ Nam)	Ranh đất ông Phạm Văn Nam	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1,00	
48	Kênh xáng Nông Trường (bờ Bắc)	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành, Ấp 8	1,00	
49	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	1,00	
50	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hết ranh đất ông Trần Văn Tinh	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1,00	
51	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Lã Mai Thùy, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1,00	
52	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1,00	
53	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Việt Cường	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1,00	
54	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Đặng Văn Vinh, Ấp 8	Kênh xáng Nông trường, Ấp 8	1,00	
55	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Kênh Cầu Dừa, Ấp 8	Về hướng Bắc 250m	1,00	
56	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Kiều Minh Thành, Ấp 10	Hết ranh đất ông Trần Quang Tân, ấp 10 (tên cũ: Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc)	1,00	
57	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Trần Văn Khấp, Ấp 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên, Ấp 10	1,00	
58	Kênh xáng Nông Trường (2 bên)	Đất ông Trần Ngọc Minh, Ấp 10	Giáp kênh Nhiêu Đáo, ấp 12 (tên cũ: Giáp kênh Phủ Lý, Ấp 12)	1,00	
59	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà Ông Trần Văn Việt, Ấp 10	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
60	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền, Ấp 10	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,00	
61	Kênh Xã Thuận (2 bên)	Cổng xã Thuận	Về hướng Bắc: 250m	1,00	
62	Kênh Nhiêu Đáo (2 bên)	Tiếp giáp tuyến lộ Sông Đốc - Tắc Thủ	Về hướng Bắc: 250m	1,00	
63	Kênh Phủ Lý (2 bên)	Cổng Phủ Lý	Về hướng Bắc: 250m	1,00	
64	Kênh Cựa Gà	Tiếp giáp tuyến lộ Sông Đốc - Tắc Thủ	Về hướng Bắc: 250m	1,00	
65	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tiến, Ấp 9	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	1,00	
66	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Từ, Ấp 9	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	1,00	
67	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm giáp ranh đất ấp 8,9 (bà Đoàn Thị Len), ấp 9 (tên cũ: Hẻm nhà bà Đoàn Thị Loan, Ấp 9)	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	1,00	
68	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Phạm Hoàng Tấn, Ấp 7	Dãy tập thể giáo viên, Ấp 7	1,00	
69	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà bà Lê Kiều Nương, Ấp 7	Nhà ông Phan Hoàng Phi, Ấp 7	1,00	
70	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cầu sắt kênh Rạch Ruộng, Ấp 10	Cổng Xã Thuận	1,00	
71	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 bên)	Cổng xã Thuận	Kênh Nhiêu Đáo	1,00	
72	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng- Sông Đốc (2 bên)	Kênh Nhiêu Đáo	Kênh Phủ Lý	1,00	
73	Lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Kênh Phủ Lý	Giáp xã Khánh Hưng	1,00	
74	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Kênh Bảy Thanh	Hãng nước đá Hiệp Thành, Ấp 5	1,00	
75	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Đất ông Lê Hùng Anh, Ấp 5	Đất bà Tạ Mỹ Hen, Ấp 5	1,00	
76	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Hãng nước đá Hiệp Thành, Ấp 5	Kênh Rạch Vinh, Ấp 5	1,00	
77	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Công Ty KTDV Sông Đốc K4 (mặt sông)	Đầu vàm kênh Thầy Tư, Ấp 4	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
78	Sông Ông Đốc (bờ Nam)	Kênh Xáng cùng, Ấp 6A	Kênh Xáng Mới	1,00	
79	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vinh, Ấp 4 (Tuyến lộ)	Cầu kênh Thầy Tư, Ấp 4	1,00	
80	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư, Ấp 4 (tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng, Ấp 4	1,00	
81	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Kênh Rạch Vinh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả, Ấp 5	1,00	
82	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Miếu (Bờ tây Kênh Rạch Vinh)	Đê Tả, Ấp 4	1,00	
83	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây), Ấp 4	Đê Tả, Ấp 4	1,00	
84	Bờ Nam Sông Ông Đốc	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông), Ấp 4	Đê Tả, Ấp 4	1,00	
85	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xáng cùng, Ấp 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1,00	
86	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiền (Bờ Đông)	Đê Tả, Ấp 6A	1,00	
87	Bờ Nam Sông ông Đốc	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1,00	
88	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh Xẻo Quao, Ấp 6A (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả, Ấp 6A	1,00	
89	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Tươi, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1,00	
90	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt, Ấp 6A	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thủy, Ấp 6A	1,00	
91	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất bà Lê Thị Nhanh (Thửa 65, tờ 36), Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	1,00	
92	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên), Ấp 6A	1,00	
93	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Ấp 6A	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên), Ấp 6A	1,00	
94	Bờ Nam Sông ông Đốc	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hải	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
95	Bờ Nam Sông ông Đốc	Nhà ông Đặng Văn Sang, Ấp 6A	Cầu Thủy Lợi	1,00	
96	Bờ Nam Sông ông Đốc	Nhà ông Huỳnh Thanh Hùng	Nhà ông Võ Khánh Duy	1,00	
97	Bờ Nam Sông ông Đốc	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng, Ấp 6A	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng, Ấp 6A	1,00	
98	Bờ Nam Sông ông Đốc	Khu dân cư Xẻo Quao, Ấp 6B (Khu A)		1,00	
99	Bờ Nam Sông ông Đốc	Cầu kênh thủy lợi, ấp 6B	Hết ranh đất bà Võ Thị Thi, ấp 6B	1,00	
100	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Lê Chí Nguyên, Ấp 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm, Ấp 7	1,00	
101	Hẻm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1,00	
102	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND TT. Sông Đốc (cũ), Ấp 7	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc, Ấp 10 (Tiếp giáp lộ Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc)	1,00	
103	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất nhà bà Lê Chúc Mừng, Ấp 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang, Ấp 7	1,00	
104	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều, Ấp 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chờ, Ấp 7	1,00	
105	Hẻm	Ranh đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chơn, Ấp 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa, Ấp 8	1,00	
106	Hẻm	Nhà bà Phạm Thị Cúc	Nhà ông Phạm Văn Chiến	1,00	
107	Hẻm	Nhà ông Phan Văn Hội	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng, Ấp 8	1,00	
108	Hẻm	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái, Ấp 8	Hết ranh đất Phan Văn Toại	1,00	
109	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc, Ấp 6B	Ranh đất ông Dương Văn Rót	Ranh đất Đỗ Thành Phước	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
110	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc, Ấp 6A	Ranh đất ông Trần Văn Sinh	Ranh đất ông Bạch Trung Đáng	1,00	
111	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn có dải phân cách)	Kênh 7 Thanh	Cầu kênh Rạch Vinh	1,00	
112	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn có dải phân cách)	Cầu kênh Rạch Vinh	Cổng Thầy Tư	1,00	
113	Lộ Bờ Nam Sông Đốc (Đoạn không có dải phân cách)	Cổng Thầy Tư	Đê Biển Tây	1,00	
114	Hẻm, Ấp 7	Nhà ông Lê Văn Thanh	Nhà ông Lê Văn Tỷ	1,00	
115	Hẻm, Ấp 7	Nhà ông Nguyễn Văn Tất	Trường THCS 1 Sông Đốc	1,00	
116	Kênh Đê Tả	Đất ông Nguyễn Tuấn	Hết phần đất ông Trần Văn Ngọc (giáp Đê trung ương, Ấp 6B)	1,00	
117	Tuyến lộ nhựa	Cầu Sông Ông Đốc	Đầu nối lộ Bờ Nam Sông Đốc	1,00	
118	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Ranh đất ông Trịnh Văn Nguyễn	Kênh Dầu Xây (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)	1,00	
119	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Kênh Bảy Thanh	Kênh Dầu Xây (tuyến ven sông)	1,00	
120	Tuyến trung tâm xã Phong Điền (cũ)	Kênh Dầu Xây	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu	1,00	
121	Lộ Bờ Nam Sông Đốc	Kênh Sáng Bà Kẹo	Kênh Lựu Đạn (Hết ranh đất ông Dương Việt Sử)	1,00	
122	Lộ Bờ Nam Sông Đốc	Kênh Lựu Đạn (Ranh đất ông Dương Việt Sử)	Kênh Bảy Thanh (Cầu Bảy Thanh)	1,00	
123	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín	Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều	1,00	
124	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Đầu Sáu (Ấp Mỹ Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
125	Khu tái định cư xen ghép Sông Đốc thuộc Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đê biển Tây			1,00	
	Khu đô thị dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (khu dân cư Quang Tiên)			1,00	
126	Đường số 35	Đường số 29	Đường số 26	1,00	
127	Đường số 36	Đường số 58	Đường số 26	1,00	
128	Đường D1	Đường số 58	Đường số 26	1,00	
129	Đường D2	Đường số 58	Đường N1	1,00	
130	Đường D3	Đường số 58	Đường N1	1,00	
131	Đường N1	Đường D1	Đường số 32	1,00	
132	Đường số 26	Đường số 36	Đường số 32	1,00	
133	Đường số 29	Đường số 35	Đường số 32	1,00	
134	Đường số 32	Đường số 58	Đường số 26	1,00	
135	Đường số 58	Đường số 36	Đường số 32	1,00	
	Khu tái định cư ấp 6B			1,00	
136	Đường số 01	Toàn tuyến		1,00	
137	Đường số 02	Toàn tuyến		1,00	
	Khu tái định cư Xẻo Quao			1,00	
138	Đường số 11	Đường số 8	Đường số 9	1,00	
139	Đường số 35	Vòng xoay cầu Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Hết ranh đất khu dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (khu dân cư Quang Tiên) (tên cũ: Ranh dự án khu đô thị, dân cư nhóm 9)	1,00	
140	Đường số 8 (Ấp 9)	Cầu qua kênh Quảng Thép	Trụ sở UBND xã Sông Đốc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
141	Tuyến bờ Nam Sông Đốc	Kênh Sáng Bà Kẹo	Giáp ranh Xã Phong Lạc	1,00	
142	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đẹt)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1,00	
143	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các, Ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6A, 6B, 7, 8, 9, 10			1,00	
144	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các ấp còn lại của TT. Sông Đốc (cũ)			1,00	
145	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng Có chiều rộng từ trên 3m -5m, thuộc các ấp còn lại của xã Phong Điền (cũ)			1,00	
146	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
147	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng 'Có chiều rộng từ >2m đến $\leq 3m$, thuộc TT. Sông Đốc (cũ)			1,00	
148	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

19. XÃ TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Giáp ranh xã Khánh Bình	Cổng Ông Bích Nhỏ (phía Đông) trong đê	1,10	
2	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cổng Ông Bích Nhỏ (phía Tây)	Cầu Rạch Ráng (Phía Đông)	1,10	
3	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cầu Rạch Ruộng A (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Tư Hùng	1,00	
4	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cầu Trảng Cò (Phía Tây trong đê)	Giáp cầu Rạch Ruộng	1,30	
5	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Cầu Rạch Ruộng (Hướng Tây)	Đầu cống Suối Mênh (Nhập tuyến)	1,10	
6	Đường 30 tháng 4 (Bờ Bắc)	Đầu cống Suối Mênh	Giáp xã Khánh Hưng	1,10	
7	Đường 30 tháng 4 (2 bên)	Cầu Rạch Ráng (Phía Tây)	Đến hết đoạn cuối tuyến thuộc Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (tên cũ: Giao với đường 11, ấp 9)	1,20	
8	Đường 30 tháng 4 (2 bên)	Đến hết đoạn cuối tuyến thuộc Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (tên cũ: Giao với đường 11, ấp 9)	Cầu Trảng Cò (Phía Đông)	1,10	
9	Đường 19 tháng 5 (2 Bên)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp ranh BVĐK Trần Văn Thời	1,20	
10	Đường 19 tháng 5 (2 Bên)	Từ BVĐK Trần Văn Thời (2 bên)	Cổng Ngăn mặn cũ (Nhà ông Nguyễn Hoàng Việt (Phía Đông))	1,20	
11	Đường 19 tháng 5 (bờ Đông)	Cổng Ngăn mặn cũ (Giáp nhà ông Nguyễn Hoàng Việt (Phía Đông))	Cầu Tám Ánh (Phía Nam)	1,30	
12	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Cổng Rạch Ráng (Phía Tây)	Hết ranh Đầm Tập Kết Rác ấp 9	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Cổng Rạch Ráng (Phía Đông)	Giao với đường số 10	1,20	
14	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (bờ Bắc)	Giao với đường số 10	Đầu tuyến (Giáp ranh đất ông Võ Minh Hòa)	1,10	
15	Đường Trần Văn Đại (2 Bên)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30 tháng 4 (Phía Nam) (2 bên)	1,10	
16	Đường Trần Văn Đại (2 bên)	Giao đường 30 tháng 4 (Phía Bắc) (2 bên)	Đến Cổng Tư Sự (Phía Nam)	1,00	
17	Đường Trần Văn Đại (Bờ Tây)	Cổng Tư Sự (Phía Bắc)	Cầu Trảng Cò (Phía Đông)	1,20	
18	Đường Trần Văn Đại (Bờ Tây)	Cầu Trảng Cò (Phía Tây)	Giáp ranh xã Trần Hội	1,20	
19	Ngô Thị Hườn	Đường 19 tháng 5	Đường Nguyễn Trung Thành	1,10	
20	Võ Hoành	Đường 19 tháng 5	Đường Nguyễn Trung Thành	1,00	
21	Lý Tự Trọng	Đường số 8	Đường số 12	1,20	
22	Đường số 4A ấp 1 (2 bên)	Giao với đường Nguyễn Long Phi	Đường Nguyễn Trung Thành	1,30	
23	Đường số 4A ấp 1 (2 bên)	Đường Nguyễn Trung Thành	Đường số 9	1,20	
24	Đường số 4A ấp 1 (1 bên) phía Bắc	Đường số 9	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	1,20	
25	Đường số 5 (2 bên) ấp 1	Giao với đường Võ Hoành	Giao với đường số 4A	1,20	
26	Đường Nguyễn Trung Thành (2 bên)	Giao với đường 30 tháng 4 (Phía Nam)	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	1,20	
27	Nguyễn Long Phi	Ngô Thị Hườn	Đường Nguyễn Long Phi	1,00	
28	Đường số 7A (2 bên) (Đường nội bộ Khu Phố Chợ	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 4A (Phía Nam)	1,00	
29	Đường số 8 (2 bên) ấp 1	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 4A (Phía Nam)	1,00	
30	Đoàn Văn Xã	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Đường số 4A	1,20	
31	Đường số 10 (2 bên) ấp 1	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường số 3A	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Lộ Giao Thông 2,5m Bờ Nam đường 30 tháng 4	Ranh đất ông Dương Văn Tải	Nguyễn Trung Thành	1,00	
33	Lộ Giao thông 2,5m cặp sông Ông Đốc và Vàm Ông Bích Nhỏ	Từ nhà ông Võ Minh Hòa	Hết ranh đất ông Dương Văn Tải (Ngay mỏ cầu bê tông bắc qua kênh đê)	1,00	
34	Đường Nguyễn Thị Nho (2 bên) ấp 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,20	
35	Đường Dương Văn Thà (2 bên) ấp 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,10	
36	Đường số 2 ấp 9	Giao với đường Trần Văn Đại	Cống Rạch Ráng (Phía Tây) (Cấp kênh Rạch Ráng), đường 1 chiều	1,10	
37	Đường Phạm Chí Hiền ấp 9	Giao với đường Nguyễn Thị Nho	Giao với đường Huỳnh Phi Hùng	1,10	
38	Đường Huỳnh Phi Hùng ấp 9	Giao đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30/4	1,20	
39	Trần Hợi	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Đường Nguyễn Thị Nho	1,10	
40	Đường Danh Thị Tươi ấp 9	Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giao với đường 30 tháng 4	1,20	
41	Võ Thị Hồng	Đường Trần Văn Đại	Danh Thị Tươi	1,40	
42	Các tuyến lộ trong nội ô trung tâm xã	Các tuyến đường khu dân cư (Có cơ sở hạ tầng) thuộc ấp 1, ấp 7, ấp 9		1,30	
43	Đường giao thông 3m, ấp 7	Cầu kênh Cũ (cầu EC)	đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Nam ấp 3 (phía Tây kênh Chủ Kịch)	1,00	
44	Đường giao thông 3m ấp 3,4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nam ấp 3 (phía Tây kênh chủ Kịch, kênh chùa)	Giáp cầu kênh Chủ Kịch	1,00	
45	Đường số 11 (hai bên)	Giao đường 3A	Giao đường 30/4	1,00	
46	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cổng ông Bích Nhỏ	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(Ngoài đê)				
47	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Cầu Trảng Cò	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,00	
48	Tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc	Tuyến đường đầu nối từ tuyến Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc đến chợ nông sản Rạch Ráng (2 bên)		1,30	
49	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Tây)	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	1,00	
50	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước) hướng Tây	Hết ranh đất ông Đỗ Quốc Thiện	1,00	
51	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Hồ Văn Út	1,00	
52	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất bà Út Quý (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	1,00	
53	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	Hết ranh đất ông Tám Tài	1,00	
54	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất bà Nhiễn (Bờ Đông)	Hết ranh đất Chùa Nhẫn Hòa	1,00	
55	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Hết ranh đất Chùa Nhẫn Hòa	Hết ranh đất ông Sáu Mùm	1,00	
56	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Giáp ấp Công Nghiep	Cầu Rạch Bàn	1,00	
57	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Cầu Rạch Bàn (Nhà ông Trương Tấn Đạt)	Cầu kênh Chống Mỹ - Giáp ranh xã Phong Điền (Nhà ông Phan Văn Thảo)	1,00	
58	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Đất Trường THCS Phong Lạc	Hết ranh đất ông Trần Văn Công	1,00	
59	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Ngoài đê)	Cầu Rạch Bàn (Ranh đất ông Trần Văn Hón)	Hết ranh đất ông Phạm Ngọc Mừng	1,00	
	Tuyến lộ trung tâm xã Phong Điền cũ	Lộ nhựa tiếp giáp sông Ông Đốc	ngã ba tuyến lộ Phong Lạc - Phong Điền	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
61	Ấp Công Bình	Ranh đất ông Phan Văn Ân	Hết ranh đất ông Tạ Văn Trện	1,00	
62	Lộ bờ Nam Sông Đốc (2 bên)	Giáp ranh xã Sông Đốc (Tên cũ: Giáp ranh xã Phong Điền)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ (Tên cũ: Cầu Rạch Bần)	1,00	
63	Tuyến ô tô về trung tâm xã Trần Hợi cũ	Ngã tư UBND xã Trần Hợi cũ (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Tấn Kiệt (tên cũ: Hết ranh đất ông Phạm Văn Điền)	1,00	
64	Tuyến ô tô về trung tâm xã Trần Hợi cũ	Ranh đất ông Phạm Tấn Kiệt (tên cũ: Ranh đất ông Phạm Văn Điền)	Ngã ba kênh Chùa hết đất ông Tiến	1,00	
65	Tuyến ô tô về trung tâm xã Trần Hợi cũ	Ngã tư UBND xã Trần Hợi cũ (Bờ Tây)	Hết Ranh ông Trương Quốc Khởi (Tên cũ: Hết Ranh ông Phạm Văn Đoàn)	1,00	
66	Tuyến ô tô về trung tâm xã Trần Hợi cũ	Hết Ranh ông Trương Quốc Khởi (Tên cũ: Ranh ông Phạm Văn Đoàn)	Hết ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	1,00	
67	Tuyến ô tô về trung tâm xã Trần Hợi cũ	Ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	Giáp trụ sở ấp 2	1,00	
68	Tuyến kênh Sole	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Đông)	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	1,00	
69	Tuyến kênh Sole	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	1,00	
70	Tuyến kênh Sole	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Đông)	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	1,00	
71	Tuyến kênh Sole	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	Giáp xã Khánh Bình	1,00	
72	Tuyến kênh Sole	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	Ngã tư Sole	1,00	
73	Tuyến kênh Đứng	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	1,00	
74	Tuyến kênh Đứng	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	Hết ranh đất ông Bùi Văn Tài	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
75	Tuyến kênh Đứng	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Tây)	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	1,00	
76	Tuyến kênh Đứng	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	Cầu kênh Đứng	1,00	
77	Đường Kênh Sole (bờ đông)	Nhà bà Trần Thị Lệ	Nhà ông Dương Quốc Tỹ	1,00	
78	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Ngoài đê)	Ranh đất bà Lê Thị Sang	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bảo	1,00	
79	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Bảo	Giáp ranh Nghĩa Trang Liệt sĩ (Ngoài đê)	1,00	
80	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Ngoài đê)	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lăng	1,00	
81	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lăng	Giáp ranh xã Phong Lạc	1,00	
82	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Trong đê)	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ (Trong đê)	1,00	
83	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Trong đê)	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lăng	1,00	
84	Tuyến Lộ về Trung tâm xã Lợi An cũ (Trong đê)	Vàm Rạch Lăng	Giáp ranh xã Phong Lạc cũ (lộ nhựa trong đê)	1,00	
85	Tuyến mé sông Ông Đốc	Bến phà nghĩa trang ấp Công Nghị	Đến trụ sở điện lực	1,00	
86	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Cửa hàng tự chọn Thanh Thúy	Hết Ranh cửa hàng xăng dầu số 12	1,00	
87	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Ranh cửa hàng xăng dầu số 12	Cầu Rạch Lăng	1,00	
88	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Mầm non	1,00	
89	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Nhà Bia ghi danh về hướng Nam	Hết ranh đất Hăng nước đá Trường Sơn 6	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
90	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Trần Văn Leo	Kênh Công Điền Giữa	1,00	
91	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Phan Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Lý Văn Duyên (Bờ Đông)	1,00	
92	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Dương Văn Thành	Kênh Chổng Mỹ	1,00	
93	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Trần Văn Đắc	Hết ranh đất ông Trương Thanh Giang	1,00	
94	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Nguyễn Văn Được	Giáp ranh xã Phong Lạc cũ (Trong đê)	1,00	
95	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Phan Văn Sơn	1,00	
96	Tuyến lộ giao thông ấp Tân Tiến, Tân Phong, Công Điền	Ranh đất ông Trần Văn Mật	Hết ranh đất ông Phan Văn Linh	1,00	
97	Tuyến nối Lộ Bờ nam sông đóc	Đầu lộ tiếp giáp lộ bờ Nam Sông Đóc	Đầu lộ tiếp giáp đường ô tô về Trung tâm xã	1,00	
98	Tuyến kênh đê (ngoài đê)	Giáp ranh cầu Rạch Ruộng	Đến giáp ranh xã Khánh Hưng	1,00	
99	Tuyến lộ ô tô về ấp Trần Hợi (2 bên)	Trạm Y tế xã	Cầu Trần Hợi	1,00	
100	Tuyến kênh Sáu Thước Cùng (bờ Đông)	Ranh đất ông Lê Văn Viễn	Hết ranh đất ông Phạm Việt Mỹ	1,00	
101	Tuyến kênh Chổng Mỹ (bờ Bắc)	Ranh đất ông Nguyễn Chí Công	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Út	1,00	
102	Khu vực có tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
103	Tuyến lộ 3m	Nhà bà Nguyễn Thị Hận	Nhà ông Phan Văn Bản	1,00	
104	Tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đàm Thị Tường			1,00	
105	Khu thương nghiệp - Dân cư (Khu tái định cư), ấp 1	Đường số 12	đường số 13	1,00	
	Khu dân cư ấp Rạch Bần (01 đoạn, tuyến đường)				
106	Đường số D7 (2 bên)	Đường N4a	Đường N3	1,00	
107	Nguyễn Văn Biên			1,00	
108	Các tuyến đường trong khu dân cư	Mặt lộ 3-5m (có vía hè)		1,00	
109	Các tuyến đường trong khu dân cư	Mặt lộ 3-5m (không có vỉa hè)		1,00	
110	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
112	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

20. XÃ THỚI BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường 3 tháng 2	Ngã ba bưu điện huyện	Ngã tư Quỹ tín dụng	1,50	
2	Đường 3 tháng 2	Ngã tư Quỹ tín dụng	Đường 30/4	1,50	
3	Đường 3 tháng 2	Đường 30/04	Cổng kênh Tám Thước	2,00	
4	Đường 30 tháng 4	Hồ Thị Kỳ	Đường 3/2	1,70	
5	Đường 30 tháng 4	đường 3/2	Cầu Bà Đặng Trong	1,43	
6	Đường 30 tháng 4	Cầu Bà Đặng Trong	Đường Hành lang ven biển phía Nam	1,19	
7	Các tuyến khác	Ngã tư Quỹ tín dụng	Mậu Thân	1,18	
8	Đường Hồ Thị Kỳ	Ngã ba bưu điện huyện	Đường 30/04	1,70	
9	Đường Hồ Thị Kỳ	Đường 30/04	Đầu kênh Láng Trâm	1,22	
10	Đường Hồ Thị Kỳ	Đầu kênh xáng Láng Trâm (Theo bờ Sông Trẹm)	Hết ranh bến tàu Thới Bình	1,27	
11	Đường Hồ Thị Kỳ	Hết ranh bến tàu Thới Bình	Rạch Bà Hội	1,30	
12	Đường Lê Duẩn	Ngã ba bưu điện huyện	Cầu Bà Đặng ngoài	1,15	
13	Đường Lê Duẩn	Cầu Bà Đặng	Trung tâm phục vụ hành chính công	1,18	
14	Đường Lê Duẩn	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phòng Giáo dục (cũ)	1,18	
15	Tuyến nhánh đường Hồ Thị Kỳ	Giáp đường Hồ Thị Kỳ	Giáp đường 3/2	1,70	
16	Kênh Láng Trâm – Cầu Bà Hội (Đoạn giáp tuyến lộ Thới Bình - U Minh)	Kênh Láng Trâm	Cầu Bà Hội	1,30	
17	Các tuyến khác	Sông Trẹm (Theo bờ Bắc kênh Láng Trâm)	Lộ Thới Bình - Tân Lộc (Giao lộ nhà ông Trí)	1,22	
18	Tuyến kênh xáng thuộc khu dân cư ấp 18, xã Thới Bình	Giáp đường 30 tháng 4	Kênh Tám Thước	1,35	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Các tuyến thuộc khu dân cư Bệnh viện đa khoa Thới Bình			1,22	
20	Các tuyến thuộc khu dân cư khóm 1, thị trấn Thới Bình (cũ)			1,22	
21	Đường 19 tháng 5	Đình Thần	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	1,50	
22	Đường 1 tháng 5	Giáp Đường 19 tháng 5	Giáp đường Lê Hoàng Thá (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Đường Hành lang ven biển phía Nam cũ)</i>)	1,50	
23	Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Ngã 3 sông Trẹm	1,40	
24	Đường 13/12 (Tên cũ: <i>Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề</i>)	Giáp ranh Trụ sở văn hoá ấp 12	Trung tâm Thể dục thể thao	1,40	
25	Đường 13/12 (Tên cũ: <i>Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề</i>)	Hết ranh Trung tâm Thể dục thể thao	Hết ranh Trung tâm giáo dục thường xuyên (Giáp xã Thới Bình)	1,30	
26	Đường Mậu Thân	Cầu bà Đặng (Bờ Nam)	Đường 30 tháng 4	1,27	
27	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu bà Đặng (Bờ Bắc)	Đường 30 tháng 4	1,27	
28	Đường Mậu Thân	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Bảy Nguyên)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân)	1,00	
29	Lộ Rạch Bà Đặng	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Thắng)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười)	1,20	
30	Đường Mậu Thân	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân) bờ Nam	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,00	
31	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười) bờ Bắc	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,30	
32	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ thị trấn</i>)	Cổng kênh Tám Thước	Cách cầu Bà Hội: 500m	1,27	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thới Bình - Tân Lộc)				
33	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cách cầu Bà Hội: 500m	Cầu Bà Hội + 100m	1,27	
34	Đường DH 08 (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Kênh Zê Rô (Ranh đất ông Thề)	Rạch Giồng Nhỏ	1,20	
35	Bờ Tây Sông Trẹm	Rạch Giồng Nhỏ	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,20	
36	Đường DH 08 (Tên cũ: Bờ Tây Sông Trẹm)	Kênh Zê Rô (Bờ Tây sông Trẹm)	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	1,00	
37	Đường lộ tuyến kênh Zê Rô (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Đầu kênh Zê Rô (Giáp sông Trẹm)	Đi U Minh (Hết ranh đất ông Bảy Cần)	1,20	
38	Đường bờ Đông Sông Trẹm	Ngã ba sông Trẹm Trẹm	Đình Thần	1,30	
39	Đường bờ Đông Sông Trẹm	Đình Thần	Rạch Ông	1,30	
40	Đường bờ Đông Sông Trẹm	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1,30	
41	Lộ bê tông qua đất ông Sáu Đạt	Đường DH 04 (Tên cũ: <i>Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch</i>)	Giáp Đường Lê Hoàng Thá (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhữ Thới Bình - Tân Bằng</i>)	1,30	
42	Bờ Tây sông Trẹm	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	Kênh số 1	1,20	
43	Tuyến kênh số 1 (2 bên)	Đầu kênh số 1	Bờ bao (Tiểu khu 14)	1,20	
44	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Sửa thành đường Hành lang VBPN)	1,30	
45	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Sửa thành đường Hành lang VBPN)	Kênh Dân Quân (Xã Thới Bình)	1,30	
46	Đường Lê Hoàng	Trụ sở Công an xã (Giáp kênh Chắc	Rạch Ông	1,40	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thá	Băng)			
47	Đường ĐH 07 (Tên cũ: <i>Kinh Chắc Băng (Bờ Tây)</i>)	Từ Cầu Lộ xe	Giáp xã Thới Bình (cũ)	1,30	
48	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Bà Hội	Cầu Láng Trâm	1,30	
49	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Láng Trâm	Cầu Bà Đặng	1,35	
50	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Bà Đặng	Cầu Thới Bình (Kênh xáng Chắc Băng)	1,22	
51	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Thới Bình (Kênh xáng Chắc Băng)	Kênh Ba Chùa	1,30	
52	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh, thị trấn Thới Bình</i>)	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu treo qua Sông Trẹm	1,27	
53	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh, thị trấn Thới Bình</i>)	Cầu treo qua Sông Trẹm	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,10	
54	Kênh số 2 (2 bên) (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Lộ bờ tây Sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Nguyễn Phích, huyện U Minh (Tên cũ: <i>xã Nguyễn Phích - U Minh</i>)	1,20	
55	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh</i>)	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Cầu Bình Minh (Tên cũ: <i>Giáp ranh huyện U Minh</i>)	1,30	
56	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Kênh số 1	Kênh số 3	1,20	
57	Các tuyến khác	Đầu Vàm Bà Hội	Cầu Bà Hội (đường Láng Trâm)	1,30	
58	Các tuyến khác	Giáp đường 3/2 (nhà ông Doan)	Kênh xáng (bãi tập kết rác)	1,50	
59	Kênh 8 Thước	Đường hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
60	Bờ Nam Kênh Láng Trâm (tên cũ: Bờ Nam Kênh 8 thuốt)	Cầu Kênh Láng Trâm giáp đường Hồ Thị Kỷ	Giáp ranh xã Thới Bình (cũ)	1,30	
61	Lộ Huyện Đội	Nhà ông Phan Minh Tiến	Giáp đường 30/4	1,22	
62	Lộ giáp cầu Thới Bình	Lê Phú Thọ	Quán cà Phê Điểm Hẹn	1,22	
63	Đường 2 bên Nhà lồng Thới Bình	Giáp đường Hồ Thị Kỷ	Giáp đường 3/2	2,00	
64	Lộ Rạch Bà Đặng	Hết ranh Thị trấn Thới Bình (Bờ Nam)	Kênh Tân Phong (Ngã tư Ngọn Cại)	1,10	
65	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cầu Bà Hội +100m	Cổng Thới Hòa	1,30	
66	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cổng Thới Hòa	Giáp ranh xã Tân Lộc	1,50	
67	Đường ĐT.983 (tên cũ: Tuyến lộ TT Thới Bình - Trí Phải)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Cổng xã Thới Bình	1,27	
68	Đường ĐT.983 (tên cũ: <i>Tuyến lộ TT Thới Bình - Trí Phải</i>)	Cổng xã Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	1,30	
69	Tuyến Kênh Hai Ngó	Đầu kênh Hai Ngó	Ngã tư Đồng Sậy	1,20	
70	Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh TT Thới Bình (cũ)	Rạch Ông Bường	1,30	
71	Bờ Nam Kênh Công An	Cổng xã Thới Bình	Rạch Bà Đặng	1,10	
72	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh (cầu Bà Hội)	Giáp ranh xã Hồ Thị kỷ (Cầu Ông Hương)	1,05	
73	Đường ĐH 07 (Tên cũ: <i>Đường Đê Tây sông Chấn Bông</i>)	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cũ)	Giáp ranh xã Trí Phải	1,30	
74	Đường Bờ Đông Sông Trẹm	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Rạch Ông Hương	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
75	Lộ về Trung tâm xã Thới Bình (cũ)	Đường DT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Trụ sở UBND xã Thới Bình (cũ)	1,40	
76	Bờ Tây sông trẹm	Vàm Biện Triệu (2 bên lộ)	Kênh số 2	1,20	
77	Bờ Tây sông trẹm	Kênh Cựa Gà (2 bên lộ)	Kênh số 2	1,20	
78	Bờ Tây sông trẹm	Đầu vàm rạch Giồng lớn (giáp lộ kênh Zê rô, 2 bên lộ)	Kênh số 1	1,20	
79	Lộ Rạch ông (bờ Bắc)	Đầu kênh ngang bờ Đông	Kênh 3 chùa	1,30	
80	Bờ Tây sông trẹm	Giáp đường Thới Bình - U minh (lộ rạch Giồng nhỏ)	Cầu Rạch Giồng	1,20	
81	Lộ kênh 3 Chùa	Giáp lộ Thới Bình- Biễn Bạch	đường Hành lang ven biển phía nam	1,40	
82	Lộ rạch Ông	Đầu kênh ngang (bờ đông)	Kênh 3 chùa	1,30	
83	Tuyến đường bê tông	Giáp đường Lê Hoàng Thá	Nhà Thờ	1,30	
84	Tuyến đường bê tông	Giáp đường Lê Hoàng Thá (nhà thầy Quý)	Hết ranh nhà Thờ	1,30	
Khu tái định cư khóm 2, TT.Thới Bình (cũ)					
85	Đường N1	Ranh khu tái định cư khóm 2 (Hướng Bắc)	Ranh khu tái định cư khóm 2 (Hướng Nam)	1,00	
86	Đường N2	Đường D2	Đường D5	1,00	
87	Đường D2	Lê Hoàng Thá	Đường N1	1,00	
88	Đường D2	Đường N1	Đường N2	1,00	
89	Đường D3	Đường N1	Đường N2	1,00	
90	Đường D5	Ranh khu tái định cư khóm 2 (Hướng Đông)	Ranh khu tái định cư khóm 2 (Hướng Tây)	1,00	
91	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
92	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ 2m đến ≤ 3 m			1,00	
93	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
94	Lộ Rạch Bà Đặng (Bờ Bắc)	Ranh thị trấn Thới Bình cũ	Kênh Tân Phong (ngã tư Ngọn Cại)	1,00	

21. XÃ TRÍ PHẢI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến kênh 30 đến tuyến kênh 7	Kênh 8 (Bờ Đông), ấp Phú Thờ	Hết ranh chợ Trí Lực	1,00	
2	Tuyến kênh 30	Phú Thờ Bắc (Bờ Đông)	Hết ranh Trường trung học cơ sở Trí Lực	1,00	
3	Tuyến kênh 30	Kênh 7, ấp 9 (Bờ Bắc)	Kênh 8 (Bờ Bắc)	1,00	
4	Tuyến kênh 7	Ranh chợ Trí Lực	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	1,00	
5	Tuyến kênh 7	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	Kênh Đầu Ngàn (Giáp ranh xã Trí Phải)	1,00	
6	Kênh 7	Giáp kênh 30, ấp 9 (Bờ Đông)	Hết ranh Trạm y tế xã Trí Lực (cũ)	1,00	
7	Lộ nhựa Trí Lực đi Biển Bạch Đông	Đầu cầu bờ Tây kênh 30	Kênh 9 giáp ranh Biển Bạch	1,00	
8	Đường ĐT.983	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Lầu	1,30	
9	Đường ĐT.983	Kênh Lầu	Cầu Thầy	1,30	
10	Đường ĐT.983	Cầu Thầy	Quốc lộ 63 (Bao gồm cả khu chợ)	1,30	
11	Quốc lộ 63	Ranh Hạt (Giáp tỉnh An Giang)	Cổng Nam Đông	1,00	
12	Quốc lộ 63	Cổng Nam Đông	Cầu Trí Phải + 500m	1,00	
13	Quốc lộ 63	Cầu Trí Phải + 500m	Cầu Trí Phải	1,00	
14	Quốc lộ 63	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Chợ Hội)	1,00	
15	Quốc lộ 63	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Chợ Hội)	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải + 100m	1,00	
16	Quốc lộ 63	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải +100m	Cổng Kinh 5	1,00	
17	Cầu Trí Phải (Kênh xáng Chợ Hội, bờ Bắc)	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 1000m	1,00	
18	Kênh xáng Chắc Băng, bờ Bắc	Kênh Kiểm	Cầu Thầy + 100m (Về hướng xã Thới Bình)	1,00	
19	Kênh xáng Chắc Băng, bờ Bắc	Cầu Thầy + 100m (Về hướng xã Thới	Kinh 7 Hóa (giáp ranh xã Thới	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Bình)	Bình)		
20	Quốc lộ 63	Cổng Kinh 5	Kinh 3 Huệ	1,00	
21	Quốc lộ 63	Kinh 3 Huệ	Cầu Chợ Hội + 500m	1,00	
22	Quốc lộ 63	Cầu Chợ Hội + 500m	Cổng Ban Lì (Giáp ranh Tân Lộc)	1,00	
23	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú (cũ)	Bạch Ngưu + 100m (Về hướng Tràm Thè)	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Phú (cũ)	1,00	
24	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú (cũ)	Lộ bê tông từ ranh UBND xã Tân Phú (cũ)	UBND xã Tân Phú (cũ) + 300 m (Về hướng Chủ Chí)	1,00	
25	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú (cũ)	Cách cầu Chợ Hội: 50 m (Đọc 2 bờ kênh xáng Bạch Ngưu)	Kênh xáng Huyện Sứ - Chợ Hội	1,00	
26	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú (cũ)	Ngã tư Chợ Hội (Về hướng Tràm Thè)	Ngã tư Chợ Hội + 500m	1,00	
27	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt - Tràm Thè	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt	Lộ Tràm Thè	1,00	
28	Lộ Trời Mộc - Chủ Chí	UBND xã Tân Phú (cũ) + 300m	Giáp ranh xã Phong Hiệp	1,00	
29	Tuyến lộ Tapasa	Vàm Nhà Máy A	Ranh Hạt, giáp xã Vĩnh Phong	1,00	
30	Lộ Chợ Hội - 7000	Trạm Y tế cũ	Kênh 7000	1,00	
31	Lộ kênh 30 ấp Phú Thờ	Hết ranh Trường THCS Trí Phải Tây	Cầu Kênh 6	1,00	
32	Lộ kênh 30 ấp 5	Cầu kênh 8	Cầu kênh 9	1,00	
33	Lộ kênh 7	Hết ranh Trạm y tế xã Trí Lực (cũ)	Đầu kênh 8000 giáp ranh xã Biển Bạch Đông	1,00	
34	Lộ kênh 30 ấp 9	Cầu kênh 8	Cầu kênh 9	1,00	
35	Tuyến Kênh 30 bờ Đông	Kênh 6	Kênh kiểm	1,00	
36	Tuyến Kênh Kiểm	Từ 30 Kênh kiểm	Kênh Đầu ngàn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Đường vào trường Mầm non Hoa Sen	Toàn tuyến		1,00	
38	Đường vào khu trưng đài	Từ nhà ông Mai Văn Thành	Hết đất bà Triệu Thị Quế	1,00	
39	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
40	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
41	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

22. XÃ TÂN LỘC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường ĐH 02	Cầu Đầu Xấu	Bến phà Đầu Xấu (Giáp kinh xáng Phụng Hiệp)	1,00	
2	Tuyến lộ dọc Kinh xáng Phụng Hiệp	Kênh Nhà Thờ (Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu)	Cách Vàm Bướm: 500m	1,00	
3	Tuyến Vàm Bướm - kênh Láng Trâm	Vàm Bướm	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	1,00	
4	Tuyến Vàm Bướm - kênh Láng Trâm	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	Giáp ranh Kênh C4	1,00	
5	Tuyến kênh C3, ấp Tân Long	Lộ Tân Phong	Lộ Bê tông kênh xáng Láng Trâm	1,00	
6	Tuyến kênh C4, Tân Long	Lộ Tân Phong	Lộ Láng Trâm	1,00	
7	Tuyến kênh Nông Trường, (Bờ Bắc và Bờ Nam)	Kênh xáng Phụng Hiệp	Kênh C3	1,00	
8	Tuyến lộ kênh Tân Phong, ấp 5	Kênh xáng Phụng Hiệp	Kênh Lung Trâm	1,00	
9	Tuyến lộ kênh Tân Phong, ấp 6	Kênh Lung Trâm	Kênh Ban Can	1,00	
10	Tuyến lộ Ban Can, ấp Ban Can - ấp Trâm Một	Giáp ranh xã Phong Hiệp	Nhà ông Lâm Quốc Huy	1,00	
11	Tuyến lộ Nông Trường Giữa, ấp Phong Tiến	Lộ Tân Phong	Kênh Nông trường ấp Phong Tiến	1,00	
12	Quốc lộ 63	Cổng Ban Lì (Giáp ranh xã Trí Phải)	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	1,00	
13	Quốc lộ 63	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Cầu số 3)	Cầu Số 5	1,00	
14	Đường ĐH 02	Cầu Tân Bình	Kênh xáng Phụng Hiệp	1,00	
15	Lộ phía sau UBND xã Tân Lộc	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc	Giáp Quốc lộ 63	1,00	
16	Tây Bạch Ngưu	Giáp ấp 5 (Kênh Hòn Tre)	Cầu Bào Chà	1,00	
17	Đường ĐT 983B	Giáp ranh xã Thới Bình	Cầu Bạch Ngưu	1,24	
18	Đường ĐT 983B	Cầu Bạch Ngưu	Quốc lộ 63	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Quốc Lộ 63	Cầu số 5	Cầu số 4	1,00	
20	Quốc Lộ 63	Cầu số 4	Cầu số 3	1,00	
21	Lộ bê tông Chợ Tân Lộc	Tiệm vàng Đức Thiệu	Hết ranh đất ông Đơ	1,00	
22	Lộ bê tông Chợ Tân Lộc	Hết ranh nhà ông Đơ	Hết ranh Trường mầm non Tuổi Ngọc	1,00	
23	Các tuyến lộ thuộc xã Tân Lộc	Cầu số 4	Chùa Phước Linh (Phía Nam, ấp 2)	1,00	
24	Đường ĐT 983B	Cầu số 4 (Bờ Bắc, ấp 3)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Ấp 3)	1,00	
25	Đường ĐT 983B	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Bờ Bắc, ấp 3)	Giáp ranh xã Kênh C4	1,00	
26	Đường ĐT 983B	Cầu số 4 (Bờ Nam)	Ngang nhà ông Ba Nhuận	1,00	
27	Xã Tân Lộc (lộ bê tông 3m)	Nhà ông Lâm Hoàng Quý	Cầu Bạch Ngưu	1,00	
28	Tuyến Tây Bạch Ngưu	Cầu Bào Chà	Giáp ranh xã Trí Phai	1,00	
29	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Cầu Bạch Ngưu + 50m	Giáp Kênh Hòn Tre	1,00	
30	Tuyến lộ Nhà Nghệ (bờ Đông)	Cầu 9 Dữ + 50m	Cầu Trắng	1,00	
31	Tuyến lộ Nhà Nghệ (bờ Tây)	Cầu 9 Dữ + 50m	Cầu số 3 + 50m	1,00	
32	Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm	Ngang nhà ông Ba Nhuận	Giáp xã An Xuyên	1,00	
33	Tuyến lộ Ô Rô	Cầu Trắng	Ngã 3 (307)	1,00	
34	Tuyến Ngọn Cái (Lão Thứ)	Cổng số 5 + 50m	Cổng số 6 + 50m	1,00	
35	Tuyến Trâu Trắng	Cổng số 6 + 50m	Lộ Tân Phong + 50m	1,00	
36	Tuyến lộ kênh C4	Kênh Láng Trâm	Lộ Tân Phong + 50m	1,00	
37	Tuyến lộ Láng Trâm (ấp 4)	Ngã tư cầu số 4	Giáp xã Hồ Thị Kỷ	1,00	
38	Tuyến lộ Bạch Ngưu (ấp 4)	Ngã tư Cầu số 4	Giáp xã Hồ Thị Kỷ	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
39	Tuyến lộ ấp 2 Tân Lộc	Cầu số 3	Hết đất ông 8 Sứ	1,00	
40	Tuyến lộ ấp 2 Tân Lộc	Hết ranh đất ông 8 Sứ	Chùa Phước Linh	1,00	
41	Tuyến lộ ấp 3, xã Tân Lộc	Từ trường Mầm non Tuổi Ngọc	Giáp Lộ Láng Trâm	1,00	
42	Tuyến lộ Hòn Tre (ấp 5, ấp 9)	Từ cầu 3 Dền	Lộ Láng Trâm (Cổng 8 Sĩ)	1,00	
43	Tuyến lộ Hòn Tre (bờ Đông)	Đất ông Việt	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
44	Tuyến lộ Hòn Tre (bờ Tây)	Đất ông Đăng	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
45	Tuyến lộ đập 2 đạo (bờ Đông) ấp 9	Lộ Láng Trâm	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
46	Tuyến lộ đập 2 đạo (bờ Tây) ấp 9	Lộ Láng Trâm	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
47	Tuyến lộ Rạch Gián (bờ Đông) ấp 9	Lộ Láng Trâm	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
48	Tuyến lộ Rạch Gián (bờ Tây) ấp 9	Lộ Láng Trâm	Giáp xã Tân Lộc Bắc	1,00	
49	Tuyến lộ Ngõ cái - Lão Thứ	Cổng số 5	Lộ bê tông Láng Trâm	1,00	
50	Tuyến lộ 16 hộ, ấp 6	Cầu kênh ngăn mặn	Láng Trâm, An Xuyên	1,00	
51	Tuyến lộ kênh ngăn mặn - Ô Rô	Lộ bê tông Láng Trâm	Ngã 3 (307)	1,00	
52	Tuyến lộ đê bao	Trạm bơm	Lộ Kênh nhà Nghệ	1,00	
53	Tuyến lộ Cựa Gà (bờ Đông) ấp 8	Cầu Treo	Lộ Kênh nhà Nghệ	1,00	
54	Tuyến lộ Cựa Gà (bờ Tây) ấp 8	Cầu Treo	Miêu Thần Nông	1,00	
55	Tuyến lộ kênh Nhà Thờ (ấp Tân Lộc Đông)	Cầu Kênh nhà Thờ (giáp xã Phong Hiệp)	Cầu Liên Hoa (bắt qua ấp Ban Can)	1,00	
56	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
57	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
58	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

23. XÃ BIÊN BẠCH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường ĐH 04	Từ nhà ông Đặng Văn Nghiêm (Thửa 377)	Kênh 12 + 500m	1,36	
2	Đường ĐH 04	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	1,36	
3	Đường ĐH 04	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	1,36	
4	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Tân Bằng (Từ đất ông Đặng Văn Giang thửa 373)	Rạch Ngã Bát	1,36	
5	Đường ĐH 08	Kinh 14	Kinh 25	1,20	
6	Lộ Kênh 11	Sông Trẹm (Vàm kênh 11)	Ranh Hạt (Kênh xáng cùng Kênh 11)	1,20	
7	Lộ Ngã Bát	Sông Trẹm (Vàm Rạch Ngã Bát)	Ranh hạt (Ngã 5 Miếu Ông Hoàng)	1,20	
8	Lộ giao thông từ Đường hành lang ven biển Phía Nam đến KDL Sinh Thái Sông Trẹm	Đầu nối hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Khánh Thuận	1,36	
9	Lộ Kênh 12	Sông Trẹm (Vàm Kênh 12)	Ranh Hạt (Kênh xáng cùng kênh 12)	1,20	
10	Đường ĐH 04	Kinh hàng Mít	Kênh Năm	1,00	
11	Đường ĐH 04	Kênh Năm	Kênh Sáu	1,40	
12	Đường ĐH 04	Kênh Sáu	Kênh Bảy	1,00	
13	Đường ĐH 04	Kênh Bảy	Kênh Chín	1,20	
14	Bờ Đông sông Trẹm	Kênh Chín	Nhà ông Đặng Văn Nghiêm (Thửa 377)	1,00	
15	Khu tiêu thủ công nghiệp thuộc bờ Tây Sông Trẹm	Kênh 11	Hết ranh Chùa Hưng Hạnh Tự	1,00	
16	Lộ Kênh 6 - Rạch Giữa	Cầu treo	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	1,20	
17	Lộ Vàm Thiệt (bờ Bắc)	Sông Trẹm	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Lộ Kênh Trường học	Đình thần Tân Bằng	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	1,20	
19	Lộ Kênh 11 lớn	Đầu kênh 11 lớn (giáp Sông Trẹm)	Giáp ranh huyện U Minh cũ	1,36	
20	Đường ĐH 08	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn	1,20	
21	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Hết ranh chùa Hưng Hạnh Tự	Kinh 14	1,20	
22	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 3+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh 5	1,50	
23	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 5	Kênh 7	1,50	
24	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 7	đất ông Đặng Văn Giang (Thửa 373)	1,40	
25	Lộ Bờ Nam Kênh 7	Đầu Kênh 7 (giáp sông Trẹm)	Giáp lộ Hành lang ven biển phía Nam	1,36	
26	Đường ĐH 04	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m	1,20	
27	Đường ĐH 04	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ	1,20	
28	Đường ĐH 04	Hết ranh Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ	Cách Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ: 300m (Về hướng xã Biển Bạch)	1,20	
29	Đường ĐH 04	Cách Bưu điện văn hóa xã Biển Bạch Đông cũ: 300m (Về hướng xã Biển Bạch)	Kinh hàng Mít	1,20	
30	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Đường ĐH 04	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	1,36	
31	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Cầu Kinh xáng lộ xe	Cầu Kinh 9	1,36	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Đường ĐH 08	Kênh số 3	Kênh số 9 giáp ranh xã Tân Bằng cũ	1,20	
33	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ba Chùa (Giáp ranh thị trấn Thới Bình)	Cầu số 6 La Cua	1,36	
34	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu số 6 La Cua	Cầu Kinh 1	1,36	
35	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Kênh 1	Kênh Hàng Mít	1,26	
36	Lộ bờ bắc kênh 4	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	1,00	
37	Lộ bờ nam kênh 4	Giáp Đường HLVB phía Nam	Kênh Hạt	1,00	
38	Lộ bờ nam kênh 5	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	1,00	
39	Lộ Rạch Trường Vũng	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	1,00	
40	Lộ bờ nam kênh 6	Sông Trẹm	Kênh Hạt	1,00	
41	Lộ bờ nam kênh 7	Giáp Đường HLVB phía Nam	Kênh Hạt	1,00	
42	Lộ bờ nam kênh 8	Sông Trẹm	Kênh Hạt	1,00	
43	Lộ bờ nam kênh 9	Sông Trẹm	Kênh Hạt	1,00	
44	Lộ bờ nam kênh Vàm Thiệt	Sông Trẹm	Giáp Đường HLVB phía Nam	1,00	
45	Tuyến lộ kênh 10	Lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	1,00	
46	Tuyến lộ Kênh 13	Lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	1,00	
47	Tuyến lộ Kênh 14	lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	1,00	
48	Tuyến lộ Kênh 15	lộ Bờ Đông Sông Trẹm	Kênh Ranh Hạt	1,00	
49	Tuyến lộ Kênh 16	Kênh xáng lộ xe	Điểm cuối Kênh Ngọn kênh 16	1,00	
50	Tuyến lộ kênh ranh hạt	Kênh xáng Cùng kênh 12	Ranh hạt (Ngã năm miếu ông Hoàng)	1,00	
51	Lộ bờ Bắc kênh 10	Đường hành lang ven biển phía	Kênh Ranh Hạt giáp Kiên Giang	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Nam			
52	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			1,20	
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			1,20	
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			1,20	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,20	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

24. XÃ HỒ THỊ KỶ

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bờ Tây Sông Trẹm	Rạch Ông Bường (Ông Bườn)	Rạch (Kênh) Cai Phú	1,25	
2	Đường về UBND xã Hồ Thị Kỷ (cũ)	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Bạch Ngưu + 250m (Về hướng Tắc Thủ)	1,20	
3	Đường về UBND xã Hồ Thị Kỷ (cũ)	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (phía Nam)	1,20	
4	Đường về UBND xã Hồ Thị Kỷ (cũ)	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (phía Bắc)	1,20	
5	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Vàm Bạch Ngưu	Kênh bà Mười Bánh Cam	1,25	
6	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Kênh bà Mười Bánh Cam	Vàm Rạch Giồng	1,25	
7	Tuyến lộ ven sông Tắc Thủ	Bạch Ngưu	Hết ranh đất bà Lén	1,25	
8	Tuyến lộ ven sông Tắc Thủ	Hết ranh nhà bà Lén	Cầu Tắc Thủ (Khu chợ)	1,25	
9	Tuyến lộ Đường Xuông	Cầu Chữ Y	Cầu Rạch Bần Nhỏ	1,25	
10	Tuyến lộ Đường Xuông	Cầu Rạch Bần Nhỏ	Cổng Đường Xuông	1,25	
11	Lộ nhựa đi Bào Nhàn	Cầu Khánh An	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	1,25	
12	Lộ nhựa đi Bào Nhàn	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	Kênh Rạch Giồng (Sông Bạch Ngưu)	1,25	
13	Võ Văn Kiệt	Cầu Bạch Ngưu	Kênh Đường Giữa	1,20	
14	Võ Văn Kiệt	Kênh Đường Giữa	Giáp ranh cây xăng Tắc Thủ	1,20	
15	Võ Văn Kiệt	Từ giáp ranh cây xăng Tắc Thủ	Cầu Khánh An (Sông Ông Đốc)	1,20	
16	Lộ ven sông Trẹm (Phía Đông)	Cầu kênh Thị Phụng	Rạch Ông Hương	1,25	
17	Tuyến lộ bê tông kênh Thị Phụng (Bờ Nam)	Sông Trẹm	Cầu trước nhà ông Quách Dũng	1,25	
18	Lộ Bê tông (Tắc Thủ - Khánh An)	Cầu Tắc Thủ	Cầu Khánh An	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Đường Hành Lang ven biển phía Nam	Giáp lộ Võ Văn Kiệt	Giáp lộ Võ Văn Kiệt + 500m (về Cầu Bến Gỗ)	1,20	
20	Đường Hành Lang ven biển phía Nam	Giáp lộ Võ Văn Kiệt	Đến sông Tắc Thủ	1,20	
21	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Từ Giáp lộ Võ Văn Kiệt + 500m	Cầu Bến Gỗ	1,20	
22	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Bến Gỗ	Cầu Chín Hổ	1,20	
23	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Chín Hổ	Cầu giáp ranh xã Thới Bình	1,25	
24	Đường về khu căn cứ huyện uỷ cũ	Toàn tuyến		1,25	
25	Đoạn lộ nối Võ Văn Kiệt đến lộ Cà Mau - U Minh	Lộ Võ Văn Kiệt (cấp cây xăng 49)	Lộ Cà Mau - U Minh	1,20	
26	Tuyến lộ kênh xáng Đường Xuồng (Phía Đông)	Lộ Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Thới Bình	1,25	
27	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,25	
28	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,25	
29	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,25	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	

25. XÃ ĐẤT MỚI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp Ông Do	Vàm Ông Do	Hết ranh đất ông Nhân	1,00	
2	Ấp Ông Do	Ranh đất ông Trúc	Hết ranh đất ông Hai Sang	1,00	
3	Ấp Ông Do	Ranh đất ông Thăng Đen	Sông Bảy Háp	1,00	
4	Ấp Ông Do	Vàm Ông Do	Kênh Bảy Thạnh	1,00	
5	Ấp Ông Do	Ranh đất ông Trần Văn Nhất	Vàm kênh Cạn	1,00	
6	Ấp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Cổng Ông Tà	1,00	
7	Ấp Ông Chùng	Trường mẫu giáo	Trường tiểu học 2	1,00	
8	Ấp Ông Chùng	Trường tiểu học 2	Ngã tư Xẻo Ốt	1,00	
9	Ấp Xóm Mới	Vàm kênh Nước Lên	Kênh Tùng Dện	1,00	
10	Ấp Phòng Hộ	Vàm kênh Tùng Dện	Hết ranh đất ông Chiến Sò	1,00	
11	Ấp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Đường ô tô về xã Lâm Hải	1,00	
12	Ấp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Ngọn Kênh Đào	1,00	
13	Ấp Trại Lưới A	Vàm Kênh Đào	Ngã ba Kênh Năm	1,00	
14	Ấp Trại Lưới A	Vàm Trại Lưới	Hết ranh trại giống ông Hùng Cường	1,00	
15	Ấp Cây Thơ	Ngã tư Cây Thơ	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1,00	
16	Ấp Cây Thơ	Ngã tư Cây Thơ	Ngã tư Bùi Mắc	1,00	
17	Ấp Ông Chùng	Trường Trung học cơ sở Đất Mới	hết ranh bà Lâm Thị Thỏ	1,00	
18	Ấp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Vàm Xẻo Ốt	1,00	
19	Ấp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Kênh Xáng quốc phòng (giáp thị trấn)	1,00	
20	Đường Hồ Chí Minh	Hết ranh thị trấn Năm Căn cũ	Cầu Trại Lưới	1,00	
21	Lộ ô tô về trung tâm xã Lâm Hải	Ranh thị trấn Năm Căn cũ	Cầu Chà Là	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Ấp Xẻo Sao	Cầu Chà Là	Trụ sở Hợp tác xã Tân Hiệp Phát	1,00	
23	Ấp Xẻo Sao	Vàm Xẻo Sao	Cầu Vàm Lỗ (Ông Quang)	1,00	
24	Ấp Xẻo Sao	Cầu Vàm Lỗ	Cầu Tình Thương	1,00	
25	Ấp Xẻo Sao	Cầu Tình Thương	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Thủy	1,00	
26	Ấp Xẻo Sao	Hết ranh đất nhà ông Tô Trung Đa	Hết ranh đất ông Mai Thành Khăng	1,00	
27	Ấp Trường Đức	Cầu vàm rạch ông Gầy	Kênh 1038	1,00	
28	Ấp Trại Lưới B	Rạch Vàm Lỗ	Rạch Nà Nước	1,00	
29	Ấp Biện Trượng	Ngã ba Đầu Chà	Đổi diện Vàm Nà Chim	1,00	
30	Ấp Biện Trượng	Vàm Ông Nguơn	Vàm Ba Nguyễn	1,00	
31	Ấp Trại Lưới B	Vàm Lỗ	Hết ranh đất ông Nam	1,00	
32	Ấp Trại Lưới B	Vàm Nà Nước	Kênh Trồn Sóng	1,00	
33	Ấp Xẻo Lớn + Ấp Ông Nguơn	Vàm Ông Nguơn	Hết ranh đất ông Hai Xệ (2 bên)	1,00	
34	Ấp Ông Nguơn	Ranh đất ông Mận	Vàm Chủng	1,00	
35	Ấp Chà Là	Ranh đất ông Chia	Hết ranh đất ông Hạ	1,00	
36	Ấp Chà Là	Ranh đất ông Hạ	Hết ranh đất ông Hùng	1,00	
37	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Trại Lưới	Cầu Năm Căn	1,00	
38	Đường WB9	Cầu Năm Căn (đất ông Quân)	Rạch Xẻo Đôi	1,00	
39	Ấp Sa Phô	Giáp Ấp 5	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Khanh	1,00	
40	Ấp Sa Phô	Ranh đất ông Lê Anh Kiệt	Hết ranh đất ông Huỳnh Đen	1,00	
41	Ấp Sa Phô	Ranh đất ông Trần Hón Lén	Hết ranh đất ông Nguyễn Việt Tri	1,00	
42	Ấp Sa Phô	Ranh đất ông Đinh Văn Thơ	Hết ranh đất ông Trần Văn Đầu	1,00	
43	Ấp Sa Phô	Vàm Xẻo Nạn	Vàm Xẻo Cáp (Ngoài đất Lâm Trường)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
44	Ấp Sa Phô	Trại giống 202	Cầu Xẻo Nạn	1,00	
45	Ấp Sa Phô	Ranh đất Huỳnh Văn Đen	Vàm Xẻo Cặp	1,00	
46	Ấp Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Nguyễn Bé Bảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Có	1,00	
47	Ấp Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Hoàng Anh Đức	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,00	
48	Kênh Cạn	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùng	1,00	
49	Kênh Tắc	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh Trụ sở văn hoá ấp Cái Nai	1,00	
50	Sông Bảy Háp	Vàm kênh Tắc	Vàm Xẻo Chồn	1,00	
51	Kênh Tắc	Ranh đất Phạm Việt Dũng	Vàm Kênh Tắc	1,00	
52	Đường Hùng Vương	Đường gom cầu Kênh tắc	Cầu qua khu tái định cư đường Hồ Chí Minh	1,00	
53	Đường Hùng Vương	Đường gom cầu Kênh Tắc	Cầu Xẻo Nạn	1,00	
54	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh thị trấn cũ	1,00	
55	Đường Ô tô về xã Lâm Hải	Đoạn đầu nối đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	1,00	
56	Đường ô tô về xã Lâm Hải	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh thị trấn cũ	1,00	
57	Ấp 5	Đầu lộ Trạm y tế	Ranh đất ông Hồ Văn Hải	1,00	
58	Ấp 5	Ranh đất ông Hồ Văn Hải	Trụ sở SaLaTen	1,00	
59	Ấp 5	Ngã ba SaLaTen	Ranh đất ông Hứa Thành Thiện	1,00	
60	Ấp 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Phượng	1,00	
61	Ấp 5	Cầu Xẻo Thùng	Cầu Kênh Cùng	1,00	
62	Ấp 5	Cầu Kênh Cùng	Hết ranh đất ông Trịnh Hên	1,00	
63	Ấp 5	Đầu lộ Trạm y tế	Trụ sở SaLaTen	1,00	
64	Ấp 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc	Hết ranh đất ông	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Khome	Châu Phên		
65	Ấp 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Giáp sông Xẻo Nạn	1,00	
66	Ấp 5	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quốc	Hết ranh đất ông Trần Minh Phụng	1,00	
67	Ấp 5	Các tuyến còn lại trong khóm 5		1,00	
68	Ấp 5	Đầu Vàm kênh xáng Quốc phòng	Hết ranh đất ông Tô Văn Kiệt	1,00	
69	Ấp 5	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Cầu Ngọn Phi Xăng	1,00	
70	Ấp 5	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chính	Hết ranh đất ông Lý Hoàng Diệu	1,00	
71	Ấp 3	Đường gom 02 bên cầu Kênh Tắc		1,00	
72	Ấp 3	Nhà ông Vũ Trọng Hội	Nhà ông Nguyễn Hữu Hùng	1,00	
73	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Đường Hùng Vương	Huyện đội	1,00	
74	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3	1,00	
75	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1,00	
76	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3	1,00	
77	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Hết khu vực dãy 19 căn		1,00	
	Khu tái định cư phục vụ Dự án đường Hồ Chí Minh trên địa bàn ấp 3, ấp Sa Phô của xã Đất Mới				
78	Đường số 1			1,00	
79	Đường số 2			1,00	
80	Đường số 3			1,00	
81	Đường số 4			1,00	
82	Đường số 5			1,00	
83	Đường H1			1,00	
84	Đường H2			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
85	Đường H3			1,00	
86	Đường H4			1,00	
87	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
88	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
89	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

26. XÃ NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp Xóm Lớn Trong	Cầu Ông Do	Cầu Xi Tẹt	1,26	
2	Ấp Xóm Lớn Trong	Cầu Kênh Lò	Cầu Xi Tẹt (phía Nam lộ)	1,26	
3	Ấp Xóm Lớn Trong	Cầu Xi Tẹt	Rạch Ông Do (2 bên)	1,30	
4	Ấp Xóm Lớn Trong	Ranh đất ông Nguyễn Tấn Hòa	Hết ranh đất ông Ngô Văn Hồ (2 bên)	1,30	
5	Ấp Xóm Lớn trong	Ranh đất ông Ngô Văn Mía	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hóa	1,30	
6	Ấp Xóm Lớn trong	Ranh đất ông Lê Thanh Phú	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lập	1,30	
7	Ấp Xóm Lớn trong	Ranh đất ông Lê Văn Mừng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Buôn	1,30	
8	Ấp Xóm Lớn trong	Ranh đất ông Dương Văn Cáo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lê	1,30	
9	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Ngã Tư Cái Trắng	Đến ranh đất của ông Thái Văn Hòa	1,30	
10	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Cầu Xi Tẹt	Hết ranh trại giống ông Lê Đức Chính (Dọc theo tuyến sông)	1,30	
11	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Ranh đất ông Cao Trung Tính	Ngã tư Cả Trắng	1,30	
12	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Ranh đất ông Huỳnh Văn Điều	Ngã Tư Cái Trắng	1,30	
13	Ấp Xóm Lớn Ngoài	Ranh đất ông Tư Lạc	Cầu Thanh Long	1,30	
14	Ấp Xóm Lớn	Đập ông Hai Sang	Cầu Kênh Lò	1,26	
15	Ấp Xóm Lớn	Ranh đất ông Trần Sang	Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc theo tuyến sông)	1,30	
16	Ấp Xóm Lớn	Hết ranh đất ông Lê Văn Chon	Hết ranh đất bà Lý Thị Loan (Dãy nhà ngang)	1,30	
17	Ấp Xóm Lớn	Đập Hai Sang	cầu Trung Đoàn	1,23	
18	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vĩnh (cũ)	Cầu Xi Tẹt	Cầu Kênh Lò (phía bắc lộ)	1,30	
19	Ấp Cái Nảy	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm (Dọc theo tuyến sông)	1,30	
20	Ấp Cái Nảy	Cầu Chệt Còm	Cầu Lương Thực	1,23	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Ấp Cái Nậy	Cầu Chệt Còm	Hết ranh đất ông Mai Xuân Dễ	1,30	
22	Ấp Cái Nậy	Cầu Công An	Sân bóng Hoài Nhơn	1,26	
23	Ấp Cái Nậy	Cầu Công An	Nhà ông Nguyễn Huy Đình	1,30	
24	Ấp Cái Nậy	Vàm kênh Lương Thực	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	1,30	
25	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Cầu ông Tư Lạc	1,30	
26	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Hết ranh đất ông Bùi Minh Đức	1,30	
27	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Hẻm Sơn Suong (Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Hải)	1,30	
28	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Hết ranh đất ông Lê Công Lượng	1,30	
29	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Nhà ông Huỳnh Văn Hùng (Hẻm chợ mới)	1,23	
30	Ấp Cái Nậy	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vỉnh (cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tinh	1,30	
31	Ấp Cái Nậy	Ranh đất ông Đỗ Văn Thật	Hết ranh đất ông Tuyết Thanh Thum	1,30	
32	Ấp Cái Nậy	Ranh đất ông Hòa Hồng Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm	1,30	
33	Ấp Cái Nậy	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Cường	1,30	
34	Ấp Cái Nậy	Ranh đất ông Mã Thanh Huỳnh	Hết ranh đất ông Đặng Quang Sang	1,30	
35	Ấp Hàm Rồng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất ông Lê Thiện Trí	1,30	
36	Ấp Hàm Rồng	Trại giống ông Thái Thanh Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng	1,30	
37	Ấp Hàm Rồng	Giáp ranh ấp 3 (cũ)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Vinh	1,30	
38	Ấp Hàm Rồng	Ranh đất ông Trương Văn Kỳ	Giáp ấp Kênh Mới	1,30	
39	Ấp Hàm Rồng	Ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông An	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Ấp Hàm Rồng	Ranh đất ông Dũng	Hết ranh đất ông Bình	1,30	
41	Trục chính Khu Kinh tế	Cầu Ông Do	Hết đường	1,26	
42	Trục chính Bắc Nam	Giáp ranh thị trấn (cũ)	Giáp lộ xã Hàng Vịnh (cũ)	1,26	
43	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tinh	Châu Văn Đặng (ấp Cái Nai)	1,15	
44	Đường Nguyễn Tất Thành	Châu Văn Đặng (ấp Cái Nai)	Nguyễn Việt Khái (ấp 6; ấp 8)	1,15	
45	Đường Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Việt Khái	Ngã Tư Bưu Điện (ấp 4; ấp 2)	1,15	
46	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư bưu điện	Bến phà sông Cửa Lớn	1,15	
47	Đường Hùng Vương	Ngã tư bưu điện (đường Nguyễn Tất Thành)	Đầu đường gom Cầu Kênh Tắc	1,15	
48	Đường Hùng Vương	Từ Ngã tư Bưu điện (đường Nguyễn Tất Thành)	Đường Lê Văn Tám	1,15	
49	Đường Hùng Vương	Đường Lê Văn Tám	Cầu Kênh Xáng	1,15	
50	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến		1,23	
51	Đường Châu Văn Đặng	Toàn tuyến		1,23	
52	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất nhà may Hào	Đường Nguyễn Tất Thành	1,15	
53	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trung	1,15	
54	Đường Lý Nam Đế	Ngã ba nhà ông Trung	Đê ngăn triều cường	1,23	
55	Đường An Dương Vương	Nguyễn Tất Thành	Đường số 6 (Tiệm vàng Hữu Há)	1,15	
56	Đường An Dương Vương nối dài (Khu vực chợ Đầu Mối)	Toàn tuyến		1,15	
57	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,15	
58	Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		1,15	
59	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
60	Đường Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	Kim Đồng	1,15	
61	Đường Võ Thị Sáu	Kim Đồng	Kênh Xáng	1,15	
62	Kim Đồng	Toàn tuyến		1,15	
63	Đường Nguyễn Việt Khái	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,15	
64	Đường 13/12	Toàn tuyến		1,23	
65	Ấp 1	Đường 13/12	Đường Nguyễn Tất Thành	1,23	
66	Ấp 1	Đường 13/12 cặp phòng giáo dục và đào tạo huyện Năm Căn cũ	Đường Nguyễn Tất Thành (xuống bên phả Sông Cửa Lớn)	1,23	
67	Ấp 1 (lộ bê tông giáp Trụ sở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Tuyền	1,23	
68	Ấp 1	Hết khu vực I ấp 1 (Sau khu hành chính huyện)		1,26	
69	Ấp 2	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	1,15	
70	Ấp 2	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	Đầu đường Lý Nam Đế	1,15	
71	Ấp 2	Đường Lý Nam Đế	Cầu kênh Tắc	1,23	
72	Ấp 2	Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà (phía Trung tâm thương mại)		1,23	
73	Ấp 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Lâm (Hẻm nhà ông Ba Châu)	1,26	
74	Ấp 4	Nhà ông Phan Bá Đường	Đê ngăn triều cường	1,26	
75	Ấp 4	Ngã ba khu tập thể giáo viên trường THCS Phan Ngọc Hiền	Đường Lý Nam Đế	1,23	
76	Ấp 4	Đường Hùng Vương	Khu nhà tình nghĩa (Cấp UBND thị trấn Năm Căn cũ)	1,26	
77	Ấp 4	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông	1,26	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Nguyễn Minh Hoàng		
78	Ấp 4	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Lê Chí Khách	1,26	
79	Ấp 4	Các tuyến còn lại trong ấp 4		1,26	
80	Ấp 4, Ấp 6	Cầu Kênh Xáng	Đường Châu Văn Đăng	1,23	
81	Ấp 6	Khu tái định cư kênh xáng Nhà đèn		1,26	
82	Ấp 6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,23	
83	Ấp 6	Đường Nguyễn Việt Khái	Hết ranh đất ông Đặng Hoàng Tiền	1,30	
84	Ấp 6	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Trần Hậu Sơn (Đầu nổi ra hẻm Bắc sỹ Sơn)	1,30	
85	Ấp 6	Các tuyến lộ bê tông còn lại thuộc ấp 6 có chiều rộng 1,5 mét		1,30	
86	Ấp 7	Đường Nguyễn Tất Thành (Bến phà sông Cửa Lớn)	Hết ranh đất ông Tô Hoàng Cương	1,26	
87	Ấp 7	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,23	
88	Ấp 7	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Trọng	1,23	
89	Ấp 7	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh đất Thái Hồng Lam	1,26	
90	Ấp 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Dẹo	Giáp trại giống ông Nguyễn Tương Phùng	1,30	
91	Ấp 8	Lộ mé sông Hát Kiểm Lâm	Cầu Công an	1,23	
92	Ấp 8	Cầu Công an	Hết ranh đất Trường Mầm Non	1,23	
93	Ấp 8	Cầu Công an	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1,23	
94	Ấp 8	Đường xuống cầu Bệnh viện		1,23	
95	Ấp Hàng Vính	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (trừ đoạn qua khu tái định cư khu kinh tế Năm Căn) (tên cũ: cầu ông Do)	1,23	
96	Ấp Hàng Vính	Cầu Ông Do	Vàm Ông Do	1,30	
97	Ấp Hàng Vính	Ranh đất bà Lê Thị Hoa	Hết ranh đất ông Lê Văn Phước	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
98	Ấp Hàng Vịnh	Ranh đất ông Trịnh Hoàng Chiến	Hết ranh đất ông Diệp Văn Kênh	1,30	
99	Ấp Hàng Vịnh	Ranh đất Phan Hồng Phúc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngạn	1,30	
100	Ấp Hàng Vịnh	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tý	Hết ranh đất ông Cao Thanh Bình	1,30	
101	Ấp Cái Nai	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tinh 2	1,30	
102	Ấp Cái Nai	Cầu Ông Tinh	Hết ranh đất ông Đinh Văn Thế	1,30	
103	Ấp 1, Ấp 2	Đường gom 02 bên cầu Kênh Tắc		1,15	
104	Ấp 4 và Ấp 7	Đường gom hai bên cầu Kênh Xáng		1,15	
105	Trục chính Khu Kinh tế	Giáp Nguyễn Tất Thành	Kênh Xáng Nhà Đền	1,23	
106	Trục chính Khu Kinh tế	Kênh Xáng Nhà Đền	Cầu Ông Do (Hết ranh thị trấn cũ)	1,23	
107	Trục chính Bắc Nam	Giáp ranh Hàm Rồng (đất ông Trần Kiên Cường)	Hết ranh thị trấn (cũ)	1,26	
108	Quốc lộ 1A	Bến phà Đầm Cùng	Ngã ba cầu Đầm Cùng	1,30	
109	Quốc lộ 1A	Mố cầu Đầm Cùng	Mố cầu Lòng Tong	1,23	
110	Quốc lộ 1A	Mố cầu Lòng Tong	Mố cầu Ông Tinh	1,23	
111	Tuyến Lộ 19/5	Quốc lộ 1A (nhà ông Nhanh)	Mố cầu 19/5	1,30	
112	Sông Bảy Háp	Hết ranh bến phà Đầm Cùng cũ	Hết ranh bến phà Đầm Cùng mới	1,30	
113	Lộ Cây Dương	Ranh UBND xã Hàm Rồng cũ	Mố cầu Cái Trắng Lá (Tuyến Cây Dương)	1,30	
114	Lộ Cây Dương	Mố cầu Cái Trắng Lá	Bến phà Cây Dương	1,30	
115	Sông Bảy Háp	Trụ sở Quân sự xã Hàm Rồng cũ	Trại giống Hoà Lợi	1,30	
116	Sông Bảy Háp	Cầu Cái Trắng Lá	Bến phà Cây Dương	1,30	
117	Kênh Truyền Huấn	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Phạm Văn Liệu (Hướng Tây)	1,30	
118	Kênh Truyền Huấn	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Lê Văn Ngôi (Hướng Đông)	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
119	Kênh Truyền Huấn	Ranh đất ông Lương Văn Có	Hết ranh đất bà Phạm Thị Cấn	1,30	
120	Kênh Chổng Mỹ	Ranh đất ông Danh Hong Hậu	Hết ranh đất ông Trần Thanh Bình (Hướng Bắc)	1,30	
121	Kênh Năm Cái Trắng	Cầu Cái Trắng	Đầu kênh Năm, cầu Sập (2 bên)	1,30	
122	Kênh 5 Cùng	Cầu 19/5	Hết ranh đất ông Tô Công Luận	1,30	
123	Kênh 5 Cùng	Cầu 19/5	Vàm kênh 3 Trà	1,30	
124	Kênh ba chà	Mố cầu kênh Năm	Hết ranh đất ông Trương Văn Hộ (Hướng Nam)	1,30	
125	Kênh Tư	Ranh đất ông Tiết Văn Góp	Hết ranh đất ông Dương Văn Sanh	1,30	
126	Kênh Tư	Vàm kênh Ngang	Vàm kênh Tư (Hướng Nam)	1,30	
127	Kênh 5 Cùng	Cầu 19/5	Hết ranh đất bà Lâm Hong Lán	1,30	
128	Kênh ba	Ranh đất bà Lâm Hong Huệ	Vàm Tắc Ông Nghệ (2 bên)	1,30	
129	Kênh Ông Nghệ	Ranh đất ông Nguyễn Văn Que	Hết ranh đất ông Phạm Phi Long (2 bên)	1,30	
130	Rạch ông Bún	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Thị Phiếm (Hướng Nam)	1,30	
131	Rạch Lòng Tong	Ranh đất ông Lai Hoàng Văn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy (Hướng Nam)	1,30	
132	Kênh Ngang	Ranh đất ông Trần Hữu Hiệp	Hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	1,30	
133	Kênh Năm Cùng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Ty	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	1,30	
134	Kênh Truyền Huấn	Từ đất ông Huỳnh Tự Dụng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1,30	
135	Kênh Mới	Ranh đất ông Phạm Phi Long	Cầu Kênh Mới (2 bên)	1,30	
136	Kênh Mới	Cầu kênh Mới	Hết ranh đất ông Thái Ngọc Tự (2 bên)	1,30	
137	Kênh Mới	Ranh đất ông Thái Ngọc Tự	Vàm Kênh xáng Cái Ngay	1,30	
138	Kênh Mới	ông Bùi Quang Được	ông Ngô Vĩnh Khương	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
139	Kênh Chổng Mỹ	Vàm Kênh ông Nghệ	Vàm Kênh xáng Cái Ngay (hướng nam)	1,30	
140	Tuyến lộ thuộc Dự án Khu dân cư ấp 7	Kim Đồng	Lộ bê tông (Lộ đầu nối giữa đường Hùng Vương và đường Võ Thị Sáu)	1,23	
141	Rạch Cái Trắng lá	Ranh đất ông Huỳnh Thanh Hồng	Hết ranh đất ông Tạ Văn Tám	1,30	
142	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,30	
143	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,30	
144	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,30	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	
145	Ấp Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (đoạn qua khu tái định cư khu kinh tế Năm Căn)	1,00	
146	Ấp Cả Nảy	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chiệt Còm	1,00	
147	Ấp Cả Nảy	Cầu Lương thực	Cầu Công an	1,00	
148	Ấp Cả Nảy	Cầu Chiệt Còm	Hẻm nhà ông Bảy Phái (đọc theo tuyến sông)	1,00	
149	Ấp Cả Nảy	Hẻm nhà ông Bảy Phái (đọc theo tuyến sông)	Hẻm Cổng chợ (đọc theo tuyến sông)	1,00	
150	Ấp Cả Nảy	Cầu Tàu	Trước UBND xã Hàng Vịnh cũ	1,00	
151	Ấp Cả Nảy	Hẻm cổng chợ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (đọc theo tuyến sông)	1,00	
152	Ấp Cả Nảy	nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm cổng chợ)	lộ Liên xã	1,00	
153	Ấp Cả Nảy	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	lộ Liên xã	1,00	
154	Ấp Cả Nảy	Sân bóng Hoài Nhơn	Kênh xáng Cái Ngay	1,00	
155	Ấp Cả Nảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài	đầu tuyến tránh	1,00	
156	Ấp Cả Nảy	đầu tuyến tránh	Kênh xáng Điển Hình	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
157	Áp Cả Nảy	Kênh xáng Diên Hinh	Giáp ranh đất Hàm Rồng	1,00	
158	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vịnh cũ	Cầu Lương thực	Cầu Công an	1,00	
Khu TĐC khu kinh tế Năm Căn					
159	Đường số 2	Toàn tuyến		1,00	
160	Đường số 3	Toàn tuyến		1,00	
161	Đường số 4	Toàn tuyến		1,00	
162	Đường số 8-3	Đường số 2	Đường số 3	1,00	
163	Đường số 17	Toàn tuyến		1,00	
164	Đường số 18	Toàn tuyến		1,00	
165	Đường số 19	Toàn tuyến		1,00	

27. XÃ TAM GIANG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Út Huỳnh	1,00	
2	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất ông Vịnh	Cầu nhà bà Chín Thành	1,00	
3	Ấp Kinh Ba	Khu dân cư	Hết ranh đất ông Phên (Kênh Ba)	1,00	
4	Ấp Kinh Ba	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước (Hết ranh đất ông Sáu Nghĩa)	1,00	
5	Ấp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phên	Rạch Xẻo Bá (Hết ranh đất ông Út Hâu)	1,00	
6	Ấp Hố Gù	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hố Gù 1,2		1,00	
7	Ấp Hố Gù	Cụm quy hoạch - tái định cư khu 1 ấp Hố Gù		1,00	
8	Ấp Bỏ Hủ	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPĐ	1,00	
9	Ấp Bỏ Hủ	Khu tái định cư Bỏ Hủ Lớn	Bỏ Hủ	1,00	
10	Ấp Kinh Ba	Rạch Xẻo Bá (Ranh đất ông Lung)	Hết ranh đất ông Luyến	1,00	
11	Ấp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	1,00	
12	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	1,00	
13	Xã Tam Giang	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	1,00	
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	1,00	
15	Xã Tam Giang	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	1,00	
16	Xã Tam Giang	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	1,00	
17	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hụi	1,00	
18	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Khản	Hết ranh đất ông Thành	1,00	
19	Xã Tam Giang	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bỏ Bàu (Lộ sau UBND xã)	1,00	
20	Xã Tam Giang	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	1,00	
21	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Xã Tam Giang	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phân Trường 184	1,00	
23	Xã Tam Giang	Hết ranh Phân trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	1,00	
24	Xã Tam Giang	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	1,00	
25	Xã Tam Giang	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,00	
26	Xã Tam Giang	Bến phà Kinh 17	Cầu Bỏ Bàu	1,00	
27	Xã Tam Giang	Kênh Ông Đơn	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,00	
28	Xã Tam Giang	Cầu Bỏ Bàu	Bến phà Tam Giang III	1,00	
29	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Cây xăng Xuân Thao	1,00	
30	Xã Hiệp Tùng	Cây xăng Xuân Thao	Hết ranh hàng đày ông Bảy Hoài (Số 1)	1,00	
31	Xã Hiệp Tùng	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	1,00	
32	Xã Hiệp Tùng	Vàm kênh Năm Sâu	Hết ranh trụ sở UBND xã	1,00	
33	Xã Hiệp Tùng	Vàm kênh Năm Sâu	Trường THCS Hiệp Tùng	1,00	
34	Xã Hiệp Tùng	Hết ranh Trường THCS Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Cạn	1,00	
35	Kênh Năm Cạn	Cầu Kênh Năm Cạn	Cầu Nàng Kèo	1,00	
36	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận	1,00	
37	Xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng ông Bảy Hoài (số 1)	Cầu Kênh Xào Lũy	1,00	
38	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh Xào Lũy	Hàng đàu Út Ngoan	1,00	
39	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Nhà ông Mười Tài	1,00	
40	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Rạch Nàng Kèo	1,00	
41	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Cự chiến binh	1,00	
42	Xã Hiệp Tùng	Đầu K3	Nhà ông Đỗ Hoàng Ngon	1,00	
43	Ấp 7B, ấp Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Kênh 3	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
44	Ấp 7B	Cầu Kênh 5	Cầu Kênh 3	1,00	
45	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			1,00	
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			1,00	
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

28. XÃ PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Đông)	Hết ranh trường tiểu học Kim Đồng (Ranh đất ông Mười Bốn)	1,00	
2	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Tây)	Ngã 3 chợ cũ	1,00	
3	Đường số 1	Ngã 4 Cầu Chợ Mới	Ngã ba dốc cầu chợ mới	1,00	
4	Đường số 1	Trường tiểu học Phú Tân (vòng qua bên chợ mới)	Ngã 4 cầu chợ Mới	1,00	
5	Đường số 1	Hết ranh đất ông Dũng - Thúy	Hết ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1,00	
6	Đường số 1	Trụ điện số 61	Ngã 3 cầu Miếu ông Cò	1,00	
7	Đường số 01	Trường tiểu học Phú Tân	hết ranh trường tiểu học Kim Đồng	1,00	
8	Đường số 2	Ngã 4 cầu chợ mới	Ngã 3 lộ kênh chiến lược	1,00	
9	Đường số 2	Ngã 3 Cầu ngang UBND xã	Cầu trường PTTH Nguyễn Thị Minh Khai	1,25	
10	Đường số 2	Cầu Miếu ông Cò vòng mép sông	Cầu trường PTTH Nguyễn Thị Minh Khai	1,00	
11	Đường số 3	Ngã 4 kênh Cùng	Cầu Bưu Điện	1,00	
12	Đường số 3	Ngã 4 kênh cùng	Đầu kênh Tân Điền	1,00	
13	Đường số 3	Ngã 3 đầu cầu Bưu Điện	Ngã 3 vào kênh cùng Tân Điền A	1,00	
14	Đường số 3	Ngã 3 vào kênh cùng Tân Điền A	Đầu Kênh Đứng	1,00	
15	Đường số 4	Cầu Bưu Điện	Cầu Ngang UBND xã	1,00	
16	Đường số 4	Cầu ngang UBND xã	Ngã 3 lộ quy hoạch mới	1,00	
17	Đường số 4	Cầu ngang UBND xã	Ngã ba kênh Xáng	1,00	
18	Đường số 4	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	Đường vào kênh Xáng (Giáp ranh đất nhà ông Sáu Báo)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Đường số 4	Ngã 3 lộ quy hoạch mới	Đối diện ngã 3 kênh Đứng	1,00	
20	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu Chợ Mới (bờ nam)	Ngã 3 Miếu ông Cò	1,00	
21	Các tuyến lộ khác	Ngã 4 cầu chợ mới	Cầu Miếu ông Cò	1,00	
22	Các tuyến lộ khác	Ngã 3 kênh Xáng	Đối diện ngã 3 kênh Cây Sộp	1,00	
23	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Thê	Ngã 3 lộ kênh cùng	1,00	
24	Các tuyến lộ khác	Cầu Chợ Mới	Ngã 3 lộ kênh cùng	1,00	
25	Các tuyến lộ khác	Ngã 3 kênh Cây Sộp – Kênh Miếu ông Cò	Ngã 3 kênh Cây Sộp – Kênh Cùng	1,00	
26	Các tuyến lộ khác	Ngã 3 lộ vòng xuống Sông Đường Cày trước Khu vực UBND xã	Trước cổng Trường Trung học cơ sở Phú Tân (hướng sông)	1,00	
27	Các tuyến lộ khác	Cầu Tân Điền	Ngã 3 lộ về cầu Bưư Điện	1,00	
28	Các tuyến lộ khác	UBND xã Phú Tân vòng theo lộ nhựa	Cầu Chợ Mới	1,00	
29	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên sông	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1,00	
30	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên UBND xã	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1,00	
31	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Bắc)	Kênh Mới	Kênh 90	1,00	
32	Phía UBND xã	Đầu kênh Đầu Sáu	Hết khu Bình Hưng	1,00	
33	Phía UBND xã	Đầu kênh Đầu Sáu	Đầu Kênh Tư	1,00	
34	Tuyến lộ ven sông Cái Đôi	Hết khu Bình Hưng	Kênh 90	1,00	
35	Đối diện UBND xã (Hướng Tây)	Đầu cầu Kênh Mỹ Hưng	Đầu cầu Kênh Tân Điền	1,00	
36	Bến Đìa	Vàm Bến Đìa	Hết ranh Trường Cấp II (2 bên)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Kênh Mới	Đầu Kinh Mới	Đầu lộ huyện (2 bên)	1,00	
38	Kênh Công Nghị	Đầu kênh Công Nghị	Cuối kênh Công Nghị	1,00	
39	Tân Phong	Đầu kênh Cái Cắm	Cuối kênh Cái Cắm	1,00	
40	Tân Điền	Đầu kênh Tân Điền	Cuối kênh Tân Điền	1,00	
41	Kênh Thanh Bình	Đầu Sỏi Cạn	Lô hai Thanh Bình	1,00	
42	Tuyến kênh Mỹ	Đầu Kênh Mỹ	Giáp khu Bình Hưng (bờ Bắc)	1,00	
43	Các tuyến lộ khác	Ngã ba Kênh Xáng (hãng nước đá Hoàng Thiện)	Lộ nhựa cấp VI (đi theo tuyến đường giáp ranh đất ông Hảo)	1,00	
44	Các tuyến lộ khác	Cầu bắt qua khu dân cư Mỹ Bình	Cầu Kênh Ông Tà	1,00	
45	Các tuyến lộ khác	Kênh Cù (nhà ông Chúc)	Ngã 4 Kênh Xáng (nhà ông Tiến)	1,00	
46	Các tuyến lộ khác	Ngã tư Kênh Xáng (nhà ông Tiến)	Giáp Kênh Lung Môn (nhà ông Hoàng)	1,00	
47	Các tuyến lộ khác	Cầu Chòi Mòi	Cầu Công Mỹ Bình	1,00	
48	Đường kênh Dân Quân – kênh Chông Mỹ	Cầu kênh Dân Quân	Hết ranh đất bà Phạm Thị Út (2 bên)	1,00	
49	Đường bê tông	Cầu kênh Tân Điền	Đầu Kênh Cái	1,00	
50	Đường bê tông	Đầu kênh Cái	Cống Mỹ Bình	1,00	
51	Đường bê tông	Cống Mỹ Bình	Cầu trường TH Mỹ Bình	1,00	
52	Đường bê tông	Cầu cống Mỹ Bình	Nhà văn hoá ấp Láng Cháo	1,00	
53	Đường bê tông	Nhà văn hoá ấp Láng Cháo	Cống Ngã tư số 1	1,00	
54	Đường bê tông	Đầu kênh Đứng	Cống Ngã tư số 1	1,00	
55	Đường bê tông	Đối diện Ngã ba Kênh Đứng	Cầu Ngã tư số 1	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
56	Đường bê tông	Đầu Kênh Đứng (dọc theo lộ Lê Duẩn)	Cầu Kênh Đứng (dọc theo lộ Lê Duẩn)	1,00	
57	Đường bê tông	Đổi diện Ngã ba Kênh Cây Sộp	Cầu Cổng Đá lớn (bắt qua xã Tân Hưng Tây)	1,00	
58	Các tuyến hẻm trong khu vực ấp Cái Đôi Vàm có chiều rộng mặt lộ từ 1,5m đến 3,0m			1,00	
59	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
60	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
61	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $>$ 3m			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

29. XÃ NGUYỄN VIỆT KHÁI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến Lộ Cả Đài	UBND xã Việt Thắng cũ	Hết ranh đất ông Ba Be (Về hướng cầu Bào Châu, 2 bên)	1,00	
2	Tuyến Lộ Cả Đài	Hết ranh đất ông Ba Be	Cầu Bào Châu	1,00	
3	Tuyến Lộ Cả Đài	Cầu Bào Châu	Cầu Cả Đài	1,00	
4	Lộ về UBND xã Việt Thắng cũ (Lộ nhựa)	Cầu Đâu Lợi	Cổng Tư Điểm	1,00	
5	Lộ về UBND xã Việt Thắng cũ (Lộ nhựa)	Cổng Tư Điểm	Cầu Dân Quân	1,00	
6	Lộ về UBND xã Việt Thắng cũ (Lộ nhựa)	Cầu Dân Quân	Cầu Kiểm Lâm	1,00	
7	Khu Chợ Mới xã Việt Thắng cũ	Cầu Đâu Lợi	Khu Chợ Mới xã Việt Thắng cũ	1,00	
8	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới (Hướng Đông)	Về hướng chợ Cái Bát: 200m	1,00	
9	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	1,00	
10	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	Cầu trạm y tế xã	1,00	
11	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Tô Thành Khương	1,00	
12	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát 2 bên (Khu vực chợ)	Rẽ qua cầu Kênh Ông Xe đến hết trường cấp I, II, trường mẫu giáo Hướng Dương; trở lại đường vào trụ sở UBND xã Nguyễn Việt Khái mới về đến ngã tư chợ qua cầu Kênh Ông Xe	1,00	
13	Trung tâm chợ Cái Bát	Kênh Ông Xe Bờ Bắc	Đường về trụ sở UBND xã mới	1,00	
14	Trung tâm chợ Cái Bát	Kênh Ông Xe Bờ Nam	Đến hết đất Trung tâm văn hoá xã Nguyễn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Việt Khái (Chợ Cái Bát)		
15	Trung tâm chợ cái Bát (tên cũ: Các tuyến khác)	Đường về trụ sở UBND xã mới (Hướng Bắc)	Đến ngã ba giáp lộ Tiểu vùng X	1,00	
16	Các tuyến khác	Ranh đất ông Lý Thạnh	Về cầu Trung ương Đoàn: 200m	1,00	
17	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Đứng (2 bên)	1,00	
18	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu kênh Đứng	Cầu Bào Láng (2 bên)	1,00	
19	Tuyến Trạm Y tế xã Nguyễn Việt Khái (Tân Hưng Tây cũ)	Cầu Trạm Y tế xã Tân Hưng Tây cũ	Hết bãi Vật Liệu ông Nguyễn Minh Tiềm	1,00	
20	Lộ về UBND xã Việt Thắng cũ (Lộ nhựa)	Ngã 3 về UBND xã Việt Thắng cũ	Cầu Kiểm Lâm	1,00	
21	Tuyến lộ phía bờ sông Bảy Háp	Đầu vàm Kênh Năm	Đầu Vàm Rạch Chèo (2 bên)	1,00	
22	Tuyến lộ Chợ Rạch Chèo	Vàm Rạch Chèo	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo cũ (2 bên)	1,00	
23	Tuyến lộ Chợ Rạch Chèo	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo cũ (2 bên)	Cầu Ba Lan (2 bên)	1,00	
24	Tuyến lộ Chợ Rạch Chèo (giáp sông bảy háp)	Cầu Ba Lan (2 bên)	Đầu kênh 90	1,00	
25	Tuyến lộ Chợ Rạch Chèo	Trụ sở Văn Hóa ấp Rạch Chèo	Cầu Kinh Cùng	1,00	
26	Tuyến lộ bờ kè Chợ Rạch Chèo (giáp sông bảy háp)	Đầu Vàm Rạch Chèo	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo cũ (2 bên)	1,00	
27	Tuyến sông Kênh 90	Ngã ba Đường Ven (Phía Đông)	Cầu Kênh 90	1,00	
28	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	1,00	
29	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng (tên cũ: Cổng Mới)	1,00	
30	Tuyến Kênh Năm về chợ Cái Bát	Cầu Kênh 5	Cầu Cổng Mới (tên cũ: không có)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
31	Tuyến Kênh Cống Mới	Cầu Cống Mới	Bùng bình Cái Bát	1,00	
32	Tuyến lộ vào chùa Vạn Phước	Cầu Cống Mới	Chùa Vạn Phước	1,00	
33	Tuyến lộ xóm 14 chủ	Vàm Kênh 5	Đầu kênh Tư Gà	1,00	
34	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Đầu Vàm Kênh Năm (2 bên)	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	1,00	
35	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	1,00	
36	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	Cầu Đê Tây (2 bên)	1,00	
37	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Cầu Đê Tây (2 bên)	Cầu Bào Thùng (2 bên)	1,00	
38	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Cầu Bào Thùng (2 bên)	Cầu Đường Ven (2 bên)	1,00	
39	Tuyến lộ Trung tâm chợ Rạch Chèo (lộ nhựa)	Cầu Đường Ven (2 bên)	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	1,00	
40	Tuyến lộ tiểu vùng X	Cống Bào Châu	Trung tâm chợ Cái Bát (ngã ba đất ông Tăng Văn Tết)	1,00	
41	Tuyến lộ tiểu vùng X	Trung tâm chợ Cái Bát (ngã ba đất ông Tăng Văn Tết)	Cống Lung Bồn	1,00	
42	Tuyến lộ tiểu vùng X	Cống Lung Bồn	Cầu Vàm Đình	1,00	
43	Đường vào trụ sở xã Nguyễn Việt Khái	Ngã ba lộ cấp IV	Ngã ba lộ tiểu vùng X	1,00	
44	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
45	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

30. XÃ CÁI ĐÔI VÀM

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nguyễn Việt Khái	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Đầu đường 13/12	1,00	
2	Nguyễn Việt Khái	Đầu đường 13/12	Hẻm chợ	1,00	
3	Nguyễn Việt Khái	Đầu đường 13/12	Hẻm chợ	1,00	
4	Nguyễn Việt Khái	Hẻm chợ	Hẻm nhà May Mỹ	1,00	
5	Nguyễn Việt Khái	Hẻm nhà May Mỹ	Đường Cách Mạng Tháng 8	1,00	
6	Nguyễn Việt Khái	Đường Cách Mạng Tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	1,00	
7	Nguyễn Việt Khái	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	1,00	
8	Nguyễn Việt Khái	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1,00	
9	Nguyễn Việt Khái	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1,00	
10	Nguyễn Việt Khái	cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1,00	
11	Nguyễn Việt Khái	Hạt Kiểm Lâm	hết Ranh Cái Đôi Nhỏ	1,00	
12	Hẻm Nhà Lồng Chợ	Ranh đất ông Phạm Văn Hải	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Khá	1,00	
13	Hẻm	Hẻm trường Tiểu học Cái Đôi Vàm I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,00	
14	Hẻm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	1,00	
15	Tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	cách đường Phan Ngọc Hiên 30m	1,00	
16	Lý Văn Lâm	Cách Mạng Tháng Tám	Đường 13/12	1,00	
17	Lý Văn Lâm	Đường 13/12	Bờ Tây Kênh Kiểm Lâm	1,00	
18	Hẻm Khu chữ U	Cách Đường Nguyễn Việt Khái 30m	Cầu Cơi 5	1,00	
19	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa xóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Mĩnh		
20	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi vằm	Kênh Làng Cá	Đồn Biên phòng Cái Đôi Vằm (Phía sau)	1,00	
21	Khu tiểu thủ công nghiệp			1,00	
22	Đường Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sứ	Đầu Kênh Lô 2	1,00	
23	Đầu kênh Bảy Sứ - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sứ	Cây ăng teng (Đê Tây)	1,00	
24	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	1,00	
25	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu Dự án	1,00	
26	Đường Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu kênh Lô 1	1,00	
27	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	1,00	
28	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	1,00	
29	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	1,00	
30	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	1,00	
31	Kênh Lô 1	Cách Đường Trần Văn Thời 30m	Cầu JAPA	1,00	
32	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	1,00	
33	Kênh lô 2	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	1,00	
34	Kênh lô 2	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	1,00	
35	Cách Mạng Tháng Tám	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Phan Ngọc Hiển	1,00	
36	Phan Ngọc Hiển	Cầu dự án	Cách Mạng Tháng Tám	1,00	
37	Phan Ngọc Hiển	Cách Mạng Tháng Tám	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	1,00	
38	Phan Ngọc Hiển	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	Kênh Năm Nhưng	1,00	
39	Phan Ngọc Hiển	Kênh Năm Nhưng	Đầu lộ chùa	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Nguyệt Cảnh		
40	Phan Ngọc Hiển	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu kênh 90	1,00	
41	Đường Nguyễn Trung Trực	đầu cầu Kiểm Lâm cũ phía Đông 30m	cách đầu cầu Kiểm Lâm mới phía Đông 30m	1,00	
42	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Cầu Kiểm Lâm cũ	Kênh Năm Nhưng	1,00	
43	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Cầu Kiểm Lâm cũ	Kênh Năm Nhưng	1,00	
44	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Kênh Năm Nhưng	Đầu Kênh 90	1,00	
45	Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiển	1,00	
46	Tuyến kênh Kiểm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,00	
47	Khu dân cư khóm 2	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Trụ sở khóm II	1,00	
48	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,00	
49	Khu dân cư khóm 2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Kênh Làng Cá	1,00	
50	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài)	Đường Hồ Thị Kỷ (nối dài)	1,00	
51	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,00	
52	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,00	
53	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,00	
54	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,00	
55	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Làng Cá	Cầu Dự án	1,00	
56	Khu dân cư Khóm 3	Cầu Dự án (phía tây)	Kênh Cơi 5	1,00	
57	Đường 1/5	Đầu đường Phan Ngọc Hiển	Hết đất ông Nguyễn Minh Sỹ	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Đường 13/12	Đầu đường Nguyễn Việt Khái	Đầu đường Phan Ngọc Hiển	1,00	
59	Hồ Thị Kỳ	Đầu đường 13/12	cách tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm 30m	1,00	
60	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	1,00	
61	Đường bê tông	Cách đường Lý Văn Lâm 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (Khóm 1)	1,00	
62	Kênh Lô 2 (Chợ cũ)	Cách đường Trần Văn Thời 30m	Kênh Tập Đoàn 34 (Khóm 7)	1,00	
63	Đường Phan Ngọc Hiển nối dài	Cầu coi 5	Nhà bà Trần Thị E (Khóm 4)	1,00	
64	Đường bê tông	Đầu Cầu Coi 5 (Huỳnh Thị Tươi)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (Khóm 3)	1,00	
65	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (bờ Tây)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (áp Cái Đôi Vàm)	1,00	
66	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (đường bờ Tây Kênh 90)	Rạch Cái Đôi Nhỏ (áp Cái Đôi Vàm)	1,00	
67	Tuyến Đầu đường 1/5 (khóm 1) đến đầu đường Lý Văn Lâm			1,00	
68	Kênh Lô 1 (phía Tây)	Cầu JAPA	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	1,00	
69	Hồ Thị Kỳ	Đầu đường Cách Mạng Tháng Tám	Đầu đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,00	
70	Kênh Mỹ Hưng	Đất ông Phan Văn Sang	Đất ông Diệp Văn Tươi	1,00	
71	Kênh Công Nghiệp	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	Cầu Kênh Lô 2	1,00	
72	Kênh Lô 2 (phía Đông)	Hết đất ông Lê Minh Nửa	Cầu Kênh Lô 2	1,00	
73	Kênh Lô 1 (phía Đông)	Cầu Kênh Lô 1	Hết đất Ông Phan Văn Sang	1,00	
74	Đường số 25 (lộ kênh Năm Nhung)	Cách đường Nguyễn Việt Khái (nối dài) 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
75	Đường số 25 (lộ kênh Năm Nhung)	Cách đường Nguyễn Việt Khái (nổi dài) 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	1,00	
76	Khu trung tâm xã cũ	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	1,00	
77	Khu trung tâm xã cũ	Cầu UBND xã cũ	Cầu Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	1,00	
78	Khu trung tâm xã cũ	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	1,00	
79	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			1,00	
80	Khu tái định cư Gò Công			1,00	
81	Tuyến Rạch Cái Đôi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Kinh Cờ Trắng	1,00	
82	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,00	
83	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào cổng huyện đội	1,00	
84	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Đường vào cổng Huyện đội	Cầu Kiểm Lâm	1,00	
85	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu	1,00	
86	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,00	
87	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,00	
88	Khu hành chính xã mới	Khu hành chính thuộc ấp 2 (các đoạn còn lại)		1,00	
89	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng	1,00	
90	Kênh 6 Hậu	Đầu cầu Kênh 6 Hậu	Giáp Kênh 50	1,00	
91	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuôi	1,00	
92	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Phan Ngọc Hiển (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,00	
93	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh Huyện ủy	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
94	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Cầu Kênh huyện ủy cũ	Tuyến lộ về trung tâm xã (Cũ)	1,00	
95	Tuyến lộ trong khu tái định cư			1,00	
96	Tuyến Kênh Rạch Dơi	Đầu cầu Rạch Dơi	Cầu lộ cấp VI	1,00	
97	Tuyến đường 26/3	Phan Ngọc Hiến	Dương Thị Cẩm Vân	1,20	
98	Lý Tự Trọng	Tuyến đường 26/3	Đường 30/04	1,00	
99	Lý Tự Trọng	Tuyến đường 26/3	Đường 30/04	1,00	
100	Dương Thị Cẩm Vân	Kinh Năm Nhung	Đường 26/03	1,00	
101	Tuyến đường 30/04	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	1,00	
102	Tuyến đường 3/2	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	1,00	
103	Tuyến đường 2/9	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	1,00	
104	Đường Hải thượng lăng ông	Đầu nối đường Phan Ngọc Hiến	hết đất ông Nguyễn Minh Sỹ	1,00	
105	Đường Phan Ngọc Hiển	Từ Cầu dự án	Kênh coi 5	1,00	
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
107	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
108	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

31. XÃ PHÚ MỸ

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khu trung tâm xã (Tuyến đường số 7) (2 bên)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cường	Hết ranh đất bà Nguyễn Mỹ Nhưng	1,00	
2	Khu trung tâm xã (Tuyến chợ Nhà lồng Vàm Đình) (2 bên)	Ranh đất ông Phước	Trạm y tế xã	1,00	
3	Khu trung tâm xã (Tuyến đường số 10) (2 bên)	Ranh đất ông Phước	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Phương	1,00	
4	Khu trung tâm xã (Tuyến đường số 5) (2 bên)	Ranh đất ông Võ Văn Đèo	Hết ranh đất ông Phan Minh Kiệt	1,00	
5	Tuyến đường ĐT.986(đoạn từ cầu Vàm Đình - Cống Mây Dóc) (2 bên)	Cầu Vàm Đình	Cống Mây Dóc	1,00	
6	Tuyến đường ĐT.986(đoạn từ Cống Mây Dóc đến Cống Cái Chim) (2 bên)	Cống Mây Dóc	Cống Cái Chim	1,00	
7	Khu trung tâm xã (Tuyến đường 12)	Cầu Thu Phí Vàm Đình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đăng	1,00	
8	Tuyến lộ cầu Mây Dóc đến lộ kênh 4 (đoạn Khu vực dân cư Giáp Nước) (2 bên)	Cống Giáp Nước (Cống Đá)	Trường Tiểu Học Phú Thuận	1,00	
9	Khu vực dân cư Giáp Nước (2 bên)	Cầu Đập Rạch Láng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sỹ	1,00	
10	Tuyến Cầu Đập Rạch Láng đến lộ kênh 4 (2 bên)	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng	Đàm Thị Tường, 2 bên (Hết ranh đất ông Trung)	1,00	
11	Tuyến kênh Bến Đìa	Nhà văn hoá ấp Giáp Nước	Cầu Tình Thương 9	1,00	
12	Tuyến lộ Cống đá- kênh 4 (đoạn cầu Bến Đìa -đến cầu Đòn Dong	Cầu Bến Đìa	cầu Đòn Dong	1,00	
13	Tuyến kênh Thọ Mai (cầu bãi cát đến nhà bà Lưu Hồng Miên)	Cầu Bãi cát	Hết ranh đất bà Lưu Hồng Miên	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
14	Tuyến kênh xáng Vàm Đình - Cái Nước	Cầu Bãi cát	Hết ranh đất ông Nguyễn Lữ Hiền	1,00	
15	Khu Trung tâm xã (Tuyến đường số 10)	Ranh đất ông Mai Thanh Phương	Cầu Vàm Đình	1,00	
16	Tuyến đường Vàm Đình- Phú Mỹ (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Đăng đến nhà ông Nguyễn Hoàng Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đăng	phần đất ông Nguyễn Hoàng Trung	1,00	
17	Khu vực trung tâm xã (Tuyến đường số 5) (2 bên)	Cầu Thu phí Vàm Đình	Tuyến đường ĐT 986	1,00	
18	Tuyến lộ cầu Mây Dốc đến lộ kênh 4 (đoạn Trường TH Phú Thuận đến lộ kênh 4) (2 bên)	Trường TH Phú Thuận	Lộ kênh 4	1,00	
19	Tuyến lộ cầu Mây Dốc đến lộ kênh 4 (đoạn cầu Mây Dốc đến Cống Giáp Nước) (2 bên)	Cầu Mây Dốc	Đập Giáp Nước (Cống Đá)	1,00	
20	Tuyến Trống Vàm - Rạch Láng	Cầu nhà văn hoá Trống Vàm	Phần đất ông Nguyễn Minh Đương	1,00	
21	Khu vực Vàm Xáng - Ba Tiệm	Hết ranh đất bà Nghê Mỹ Châu	Hết ranh đất ông Tô Văn Sến	1,00	
22	Kênh xáng Thọ Mai	Ngã Ba Kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất bà Tám Nguyệt Lệ	1,00	
23	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Cầu Bà Ký	Về vàm kênh xáng Thọ Mai	1,00	
24	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Cầu Bà Ký	Cầu Đòn Dong	1,00	
25	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Cầu Đòn Dong	Cổng chào xã Phú Mỹ (cũ)	1,00	
26	Tuyến kênh Bà Ký	Ngã tư kênh Bà Ký	Trường tiểu học Phú Mỹ 3	1,00	
27	Tuyến kênh Bà Ký	Đầu ngã tư kênh Bà Ký	Kênh Đòn Dong	1,00	
28	Khu vực Ba Tiệm - Lung Môn	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Trung	Đầu cầu sắt (Giáp ranh xã Phú Thuận cũ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
29	Tuyến Ngã ba kênh Bà Ký đến Kênh Ba Pha	Ngã ba kênh Bà Ký	Kênh Ba Pha	1,00	
30	Tuyến kênh Đê Quốc Phòng	Kênh đê Quốc Phòng	Đến ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,00	
31	Tuyến kênh Quốc Phòng đến Lung Cắn Thơ	Cuối Kênh đê Quốc Phòng	Lung Cắn Thơ	1,00	
32	Tuyến Ngã tư số 1 đến Cống Ba Tiệm	Ngã tư số 1	Cống Ba Tiệm	1,00	
33	Tuyến Lung Chim	Ranh đất ông Trần Văn Chánh	Cầu rạch Lung Chim	1,00	
34	Tuyến ngã tư kênh Bà Ký đến Cầu Bà Ký	Ngã tư kênh Bà Ký	Cầu Bà Ký	1,00	
35	Tuyến bà Ký nghĩa	Đầu kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Chánh	1,00	
36	Tuyến kênh 5	Ngã tư Bà Ký	Kênh Phủ Thạch (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1,00	
37	Tuyến Kênh 6 Giàu	Đầu Kênh 6 Giàu	Cuối Kênh 6 Giàu	1,00	
38	Tuyến Kênh Phủ Thạch	Đầu Kênh Phủ Thạch	Cuối Kênh Phủ Thạch	1,00	
39	Tuyến Cầu Sắt-cầu Thứ Vải (2 bên)	Đầu Cầu sắt	Cầu Thứ Vải (Giáp xã Phú Tân)	1,00	
40	Tuyến Kênh Nội Đồng 1	Đầu Kênh Nội Đồng 1	Cuối Kênh Nội Đồng 1	1,00	
41	Tuyến Kênh Nội Đồng	Đầu Kênh Nội Đồng 2	Cuối Kênh Nội Đồng 2	1,00	
42	Tuyến Kênh Nội Đồng	Đầu Kênh Nội Đồng 3	Cuối Kênh Nội Đồng 3	1,00	
43	Tuyến Mỹ Thành – Năm Luông	Ranh đất ông Đỗ Văn Trạng	Hết ranh đất ông Lữ Văn Việt	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
44	Tuyến lộ Cầu Ván	Từ Cổng Giáp Nước (nhà ông Trần Thanh Hoà)	Ngã 3 cầu Ván (nhà ông Tô Hoàng Chuyện)	1,00	
45	Tuyến ngã tư kênh Bà Ký đến Cầu Bà Ký	Ngã tư kênh Bà Ký	Cầu Bà Ký	1,00	
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
48	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

32. XÃ CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường 19-5	Nghĩa trang (Mé sông Lô Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1,23	
2	Đường 19-5	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự (huyện Cái Nước cũ)	1,20	
3	Đường 19-5	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự (huyện Cái Nước cũ)	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	1,23	
4	Đường 19-5	Hết ranh Trung Tâm Dạy Nghề (cũ)	Đầu lộ Phú Mỹ	1,23	
5	Đổi diện đường 19 tháng 5	Đổi diện hết ranh Nghĩa Trang	Cầu Tài Chính	1,25	
6	Đường Hồ Thị Kỷ	Cầu Tài chính	Đoạn Văn hóa (Bia tưởng niệm)	1,23	
7	Khu Kiôt	Khu Kiôt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiôt	1,20	
8	Đường 30 - 4	Lộ Tân Duyệt	Hẻm số 2	1,20	
9	Đường 30 - 4	Hẻm số 2	Cầu Văn hóa	1,20	
10	Đường 30 - 4	Cầu Văn Hóa	Cầu Cây Hương	1,20	
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5	Đường 30-4	1,20	
12	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt	Nhà ông Út Anh	1,20	
13	Đường 2-9 (nối dài)	Nhà ông Chiến	Cầu Cây Hương	1,20	
14	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt	Đường 30-4	1,20	
15	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết đất ông 10 Ôn	Lộ Tân Duyệt	1,20	
16	Đường Phan Ngọc Hiển	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	1,20	
17	Đường Phan Ngọc Hiển	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến	1,25	
18	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 30-4	Đường 2-9	1,23	
19	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 2-9	Đường 1-5	1,23	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
20	Hẻm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	1,20	
21	Hẻm số 3	Đường 1-5	Cuối Hẻm số 3	1,23	
22	Hẻm số 3	Cuối hẻm số 3	Cầu Cây Hương	1,25	
23	Hẻm số 3	Cuối Hẻm số 3	Đường 2-9	1,25	
24	Lộ Tân Duyệt	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	1,20	
25	Lộ Tân Duyệt	Phan Ngọc Hiển	Đường 1/5	1,20	
26	Lộ Tân Duyệt	Đường 1-5	Cổng Cây Hương	1,20	
27	Lộ Tân Duyệt	Cổng Cây Hương	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	1,23	
28	Lộ Tân Duyệt	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Giáp ranh xã Đông Thới	1,25	
29	Lộ Tân Duyệt	Lộ Tân Duyệt	Đường 3-2	1,20	
30	Đối diện lộ Tân Duyệt	Đối diện Cổng Cây Hương	Đối diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đối diện Đường Vành Đai đối diện)	1,25	
31	Đối diện lộ Tân Duyệt	Đối diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đối diện Đường Vành Đai)	Đối diện Đập Ông Phụng	1,25	
32	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc lộ 1A	Đầu kinh Láng Tượng	1,25	
33	Đường Phạm Ngọc Thạch (Tên cũ: Đường Cách Mạng tháng 8)	Quốc Lộ 1A	Đường 19/5	1,20	
34	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Đường Hồ Thị Kỷ (Tên cũ: Cầu Tài chính)	Cầu Vành Đai	1,23	
35	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	1,23	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(Tên cũ: Đường Vành Đai)				
36	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Tài chính	Cầu Lộ Hãn	1,25	
37	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	1,25	
38	Hai bên bờ sông Cái Nước	Hai bên bờ sông từ Đền thờ Bác	Đầu kênh Sur Thông	1,25	
39	Hai bên bờ sông Cái Nước	Đầu kênh Sur Thông	Đầu kênh Láng Tượng	1,25	
40	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương giai đoạn 1	Hết khu dân cư Cây Hương	1,25	
41	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 1, đường số 4)			1,23	
42	Khu dân cư Lương Thực (Đường số 2, đường số 3)			1,23	
43	Đường Võ Thị Sáu	Tượng đài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	1,23	
44	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh Trường THPT Cái Nước	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	1,23	
45	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh ấp Đồng Tâm	Cầu Vành Đai	1,25	
46	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sur Thông	1,20	
47	Lộ Cái Nước - Phú Tân	Đầu kênh Sur Thông	Đập Cây Dương	1,20	
48	Lộ Cái Nước - Phú Tân	Đập Cây Dương	Giáp ranh xã Phú Mỹ	1,20	
49	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	Giáp ranh Nghĩa trang	1,23	
50	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa Trang	Đầu đường Phạm Ngọc Thạch	1,20	
51	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Đầu đường Phạm Ngọc Thạch	Hết ranh cây xăng Kim Minh	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Quốc lộ 1A hướng Cà Mau đi Năm Căn	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Đầu lộ Phú Mỹ +200m	1,20	
53	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Đầu lộ Phú Mỹ + 200m	Nhà nghỉ Tuấn Anh	1,23	
54	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Nhà nghỉ Tuấn Anh	Giáp ranh xã Trần Thới cũ	1,23	
55	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Trần Thới cũ	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	1,23	
56	Quốc lộ 1A	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	1,23	
57	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	Dốc cầu Đầm Cùng	1,23	
58	Đường Khu tập thể bệnh viện			1,25	
59	Khu dân cư Tân Duyệt			1,25	
60	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	1,25	
61	Lộ bê tông	Lộ Tân Duyệt	Hết ranh ấp 1	1,25	
62	Lộ bê tông	Hết ranh ấp 1	Cầu 5 Bương	1,25	
63	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), thị trấn Cái Nước cũ (tên cũ: Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), xã Trần Thới cũ)	Lương Định Của (tên cũ: Đường 2 tháng 9)	Hẻm số 2	1,23	
64	Đường vào UBND xã Trần Thới cũ	Chùa Hưng Vy Tự	Hết ranh UBND xã Trần Thới (cũ)	1,20	
65	Khu vực chợ xã Trần Thới cũ	Hết ranh UBND xã Trần Thới (Cũ)	Hết ranh Trạm Y Tế xã Trần Thới (Cũ)	1,23	
66	Khu vực chợ xã Trần Thới cũ	Hết ranh Trạm Y Tế xã Trần Thới (Cũ)	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tấn Đạt	1,25	
67	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế xã Trần Thới (Cũ)	1,23	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
68	Lộ trung tâm xã	Lộ Trung tâm xã Trần Thới (Cũ)	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới (Cũ)	1,23	
69	Khu Tái định cư cầu Đàm Cùg	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới cũ (Đoạn từ UBND xã cũ đến trạm Y tế)		1,23	
70	Khu Tái định cư cầu Đàm Cùg	Những dãy còn lại phía trong		1,23	
71	Đường Công Bào Chầu	Quốc lộ 1A	Cổng Bào Chầu	1,25	
72	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đàm Cùg (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xăng Bào Chầu	1,25	
73	Đường Công Vụ	Quốc Lộ 1A	Kênh Lộ Xe	1,25	
74	Quốc Lộ 1A cũ	Đường vào Ngã 3 Trạm Y Tế	Hết ranh Chùa Hưng Vy Tự	1,23	
75	Tuyến Đê Đông	Đập Giáo Hồ	Giáp ranh xã Tân Hưng	1,25	
76	Hẻm số 2 nối dài	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 3	1,20	
77	Lộ bê tông rộng 3m kênh Giá	Quốc lộ 1A	Lộ Cái Nước - Phú Tân	1,25	
78	Lộ bê tông rộng 3m kênh xáng Lộ Xe	Hết ranh đất ông Phan Văn Chiến	Đầu kênh Trùm Gộc	1,25	
79	Lộ bê tông rộng 3m kênh Sư Thông	Đầu kênh Sư Thông	Cuối kênh Sư Thông	1,25	
80	Đường vào Khu dân cư Lương Thực ấp 1	Từ Bách hóa xanh	Cuối đường	1,18	
81	Đường Lương Định Cửa	Hồ Thị Kỳ	Đường 2/9	1,20	
82	Đường vào khu tập thể sau bệnh viện	Đường 19/5	Đường khu tập thể bệnh viện	1,25	
83	Tuyến đường về Trung tâm xã Đông Thới cũ	Cầu 19/5	tới kênh Hoà Đồ	1,25	
84	Tuyến lộ Rạch Nhà Thính, ấp Nhà Thính A	Đập Nhà Thính A	Kênh Tân Duyệt (cổng Bầu Tròn)	1,25	
85	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
86	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			1,25	
87	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			1,25	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	

33. XÃ HƯNG MỸ

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khu chợ Rau Dừa cũ	Khu chợ phía Bắc (Chợ Rau Dừa cũ)	Hết khu	1,25	
2	Khu chợ Rau Dừa	Khu chợ phía Nam	Hết Khu trừ Khu C	1,22	
3	Khu dân cư	Khu dân cư (Khu C)	Hết Khu	1,00	
4	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Cầu Biện Trảng	1,25	
5	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Cầu Biện Trảng	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,25	
6	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Quốc lộ 1A	Trường Mẫu Giáo Hòa Mi	1,28	
7	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Trường Mẫu Giáo Hòa Mi	Cổng Cái Giếng	1,28	
8	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Hết ranh Trạm cấp nước Hưng Mỹ	1,25	
9	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Hết ranh Trạm cấp nước Hưng Mỹ	Cầu Rau Dừa	1,25	
10	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Rau Dừa	Đường về Trường Tiểu Học Hưng Mỹ I	1,25	
11	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Đường về Trường tiểu học Hưng Mỹ I	Cổng Sư Liệu	1,22	
12	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Sư Liệu	Cổng Đá	1,25	
13	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Đá	Hết ranh Trường mẫu giáo Tân Hưng Đông	1,22	
14	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà	Hết ranh Trường mẫu giáo Tân Hưng Đông	Giáp ranh xã Cái Nước	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Mau - Năm Căn				
15	Đường ô tô về trung tâm xã Hưng Mỹ	Cầu Cái Bần	Hết ranh UBND xã Hưng Mỹ	1,25	
16	Xã Hưng Mỹ	Đường ô tô về trung tâm xã Hưng Mỹ	Cầu Ba Vinh	1,28	
17	Xã Hưng Mỹ	Cầu Ba Vinh	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,28	
18	Tuyến bờ bao sông Thị Tuồng	Đường ô tô về trung tâm xã Hưng Mỹ	Giáp ranh xã Trần Văn Thời	1,28	
19	Bờ Nam Sông Đốc	Quốc lộ 1A	Cầu Rau Dừa	1,28	
20	Bờ Nam Sông Đốc	Cầu Rau Dừa	Cầu Quang Đàm	1,28	
21	Bờ Nam Sông Đốc	Cầu Quang Đàm	Cầu Ngò Ôm	1,22	
22	Cổng Cái Giếng - Bùng Binh	Cổng Cái Giếng	Ngã 3 Bùng Binh	1,28	
23	Lộ cống đá Kênh Tư	Quốc lộ 1A	Cầu kênh Láng Tượng	1,25	
24	Lộ cống đá Kênh Tư	Cầu kênh Láng Tượng	Đầu kênh Bến Đĩa	1,28	
25	Đường vào UBND xã cũ	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lộ Xe	1,25	
26	Đường kênh Ráng	Từ trạm y tế	Giáp ranh trường Tân Tạo	1,28	
27	Đường ô tô về xã Hòa Mỹ	Cầu Hòa Mỹ	Hết khu thiết chế văn hóa xã	1,28	
28	Bờ Nam Sông Đốc	Cầu Ngò Ôm	Cầu Chổng Mỹ	1,22	
29	Tuyến trục Đông - Tây	Giáp Quốc lộ 1A	Cổng Ông Sur	1,25	
30	Tuyến trục Đông - Tây	Cổng Ông Sur	Cầu Cái Giếng	1,25	
31	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,28	
32	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,28	
33	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 3m$			1,28	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,28	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,28	

34. XÃ TÂN HƯNG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lộ ấp Phong Lưu	Cầu kênh xáng Đông Hưng	Cầu Tân Hưng	1,25	
2	Lộ ấp Phong Lưu	Giáp đường ô tô về trung tâm xã (Trụ sở UBND xã Tân Hưng)	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	1,25	
3	Lộ ấp Tân Hòa	Cầu Tân Bửu	Trạm Y Tế xã	1,25	
4	Lộ ấp Tân Hòa	Trạm Y Tế xã	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	1,25	
5	Khu dân cư phía sau chợ Tân Hưng	Cổng Bộ Máo 1	Cầu Tân Bửu	1,25	
6	Khu chợ xã Tân Hưng	Đường ô tô về trung tâm xã	Cổng Bộ Máo 1	1,22	
7	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	Cầu Tân Bửu	1,25	
8	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	Cầu Tân Bửu	Cầu Cựa Gà	1,22	
9	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Hưng	Cầu Cựa Gà	Cầu Tân Bửu (tên cũ: Cầu Nhà Phấn)	1,25	
10	Lộ Cái Giếng (3,5m)	Cầu kênh xáng Tân Hưng	Cầu Cái Giếng	1,25	
11	Tuyến sông Cái Cắm (Bên nhà thờ)	Cầu Hiệp Thông	Cầu Kinh Huế	1,25	
12	Cụm dân cư Tân Phong	Cụm dân cư Tân Phong	Hết Cụm	1,25	
13	Tuyến Đê Đông	Giáp lộ Tân Duyệt	Giáp xã Lương Thế Trân	1,25	
14	Lộ nhựa Tân Phong	Tuyến Đê Đông	Cầu Kênh Tắt	1,25	
15	Đường vào UBND xã	Giáp đường ô tô về trung tâm xã	Giáp Sân Chim Chà Là	1,25	
16	Lộ Tân Duyệt	Đập Ông Phụng	Cầu BOT Chà Là	1,25	
17	Tuyến lộ Lung Mướp. Ấp Cái Giếng	Nhà văn hóa ấp Cái Giếng	Giáp xã Tân Hưng	1,25	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Tuyến lộ vườn chim Chà Là, ấp Tân Phong	UBND xã Đông Hưng cũ	Giáp đường ô tô về Trung tâm xã Đông Hưng cũ	1,25	
19	Tuyến trục Đông - Tây	Cầu Cái Giếng	Sông Bảy Háp	1,25	
20	Đường UBND xã - Trục Đông Tây	UBND xã	Giáp trục Đông - Tây	1,25	
21	Đường HTX - Trục Đông Tây	Đường hợp tác xã	Giáp trục Đông - Tây	1,25	
22	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,25	
23	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,25	
24	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,25	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,25	

35. XÃ LƯƠNG THẾ TRÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Trung tâm xã	UBND xã (Vàm Ông Tự)	Trụ sở ấp Tắc Thủ	1,28	
2	Trung tâm xã	Cầu lớn Vàm Ông Tự	Kênh Biện Đề (Hết đất ông Kiều Văn Tài) (Tên cũ: Kênh Biện Đề (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa))	1,28	
3	Trung tâm xã	Hết ranh đất ông Cao Hoàng Định	Trụ sở ấp Tân Hiệp	1,28	
4	Trung tâm xã	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Cầu Phát Thạnh (Tên cũ: Hết ranh đất bà Lê Thị Sang)	1,28	
5	Trung tâm xã	Cầu vàm về hướng Tây (Trong đê)	Cầu Phát Thạnh	1,28	
6	Trung tâm xã	Đất ông Lê Hữu Phước (Phía hướng Nam lộ nhựa)	Hết ranh đất ông Huỳnh Hữu Thuận	1,28	
7	Trung tâm xã	Đất ông Lê Hữu Phước (Phía hướng Bắc, lộ nhựa)	Hết ranh đất ông Huỳnh Hữu Thuận	1,28	
8	Trung tâm xã	Cầu mới Vàm Ông Tự (Đi hướng sông Ông Đốc)	Giáp lộ đê bê tông 3m (Hai bên)	1,28	
9	KX Lương Thế Trân	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Tây)	Giáp ranh huyện Cái Nước	1,28	
10	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Ranh đất bà Lê Thị Sang	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bảo	1,28	
11	Lộ mới	Kênh Biện Đề (hết nhà ông Nguyễn Minh Hòa)	Nhà ông Huỳnh Văn Tánh	1,28	
12	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	1,20	
13	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	Đập ông Buồi	1,20	
14	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Đập ông Buồi	Hết ranh Khu công nghiệp	1,28	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Hết ranh Khu công nghiệp	Cầu Hoà Trung 1	1,22	
16	Tuyến Đê Đông Cái Nước	Cầu Hòa Trung 1	Cổng Giải Phóng (Đê Đông)	1,28	
17	Kênh Hai Mai	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Ngã ba đường Gạo	1,28	
18	Kênh Hai Mai	Ngã ba đường Gạo	Ngã ba Tư Kía	1,28	
19	Kênh Cây Bôm	Ngã ba đường Gạo	Cầu Nhà Thờ Cây Bôm	1,28	
20	Tuyến kênh Bào Kè	Quốc lộ 1A	Ngã Ba Láng	1,28	
21	Tuyến kênh Bào Kè	Ngã Ba Láng	Cầu Tư Đức	1,28	
22	Tuyến kênh Bào Kè	Cầu Tư Đức	Ngã ba Út Đeo	1,28	
23	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1,18	
24	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cổng Kinh Giữa	1,20	
25	Lộ Lung lá Nhà Thế	Quốc lộ 1A	Giáp ranh trường mẫu giáo	1,20	
26	Lộ Lung lá Nhà Thế	Giáp ranh trường mẫu giáo	Cầu Trần Quốc Toản	1,22	
27	Lộ Lung lá Nhà Thế	Cầu Trần Quốc Toản	Trường Trần Quốc Toản	1,22	
28	Lộ Lung lá Nhà Thế	Trường Trần Quốc Toản	Hết ranh khu di tích Lung lá - Nhà Thế	1,28	
29	Kênh xáng Lương Thế Trân	Quốc lộ 1A	Giáp ranh huyện Trần Văn Thời	1,28	
30	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp (điểm cuối cao tốc Bắc - Nam)	1,18	
31	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ quy hoạch khu công nghiệp (điểm cuối cao tốc Bắc - Nam)	Cổng Cả Giữa	1,18	
32	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Cả Giữa	Cổng Cái Nhum	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Cái Nhum	Cổng Vĩnh Gáo	1,20	
34	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Vĩnh Gáo	Cổng Nhà Phán	1,20	
35	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Nhà Phán	Cổng Nhà Phán + 300m	1,20	
36	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Nhà Phán + 300m	Cầu Tân Đức	1,20	
37	Xã Thạnh Phú (Lộ bê tông)	Quốc lộ 1A	Chùa Hưng Nhơn	1,22	
38	Xã Thạnh Phú (Lộ bê tông)	Phía sau trụ sở UBND xã Thạnh Phú (cũ)		1,22	
39	Lộ bê tông	Phía sau nhà lồng chợ xã Thạnh Phú	Giáp ranh đất ông Tám Vĩnh	1,22	
40	Chợ Đức An	Quốc lộ 1A	Cầu 6 Hiệp	1,28	
41	Khu Dân cư ấp Cái Rắn A	Hết khu		1,28	
42	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Tân Đức	Ngã 3 về Tân Hưng	1,22	
43	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Ngã 3 về Tân Hưng	Cây xăng Phú Hưng	1,20	
44	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cây xăng Phú Hưng	Hết ranh trường cấp III Phú Hưng	1,20	
45	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Hết trường cấp III Phú Hưng	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	1,22	
46	Đối diện lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1,28	
47	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Quốc lộ 1A	Cầu Đức An + 300m	1,22	
48	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Cầu Đức An + 300m	Ranh xã Tân Hưng	1,28	
49	Lộ nhà thờ Cái Rắn	Quốc lộ 1A	Nhà thờ Cái Rắn	1,28	
50	Tuyến Kênh Hai Mai	Ngã ba Tư Kía	Ngã ba Út Đeo	1,28	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
51	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Cầu Gành Hào	Quốc lộ 1A	1,22	
52	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2\text{m}$			1,28	
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2\text{m}$ đến $\leq 3\text{m}$			1,28	
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3\text{m}$			1,28	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,28	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,28	

36. XÃ NINH QUỚI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Phương	Đến cầu 30 tháng 4	1,00	
2	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu 30 tháng 4	Đến cầu Mười Thời (tên cũ: Đến cầu Bà Âu)	1,00	
3	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Sách	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Tạo	1,00	
4	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ngã tư chợ Ninh Quới (Nguyễn Ngọc Ân)	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Ty	1,00	
5	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ cầu chợ Ninh Quới	Đến hết ranh đất công	1,20	
6	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sử Văn Khuyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quận	1,00	
7	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đình thần Nguyễn Trung Trực	1,00	
8	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Khanh	Đến 1/2 ranh đất ông Danh Chanh	1,00	
9	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Em	1,00	
10	Ấp Phú Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Thị Hai (cầu giáp ranh Ninh Hòa)	Đến hết ranh Thái Đức Hồng	1,00	
11	Ấp Ninh Phú	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Giới	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	1,00	
12	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuyết Dương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thế (Cầu giáp Ninh Quới A)	1,00	
13	Ấp Ninh Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thép	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Dọt	1,00	
14	Ấp Ninh Bình	Hà Văn Hận	Lâm Văn Tám	1,00	
15	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Còn	Đến hết ranh ông Đặng Văn Thạch	1,00	
16	Ấp Vàm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Thạch	Đến cầu Bà Âu	1,00	
17	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Diệp Văn Út	Đến hết ranh đất ông Phan Văn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Còn		
18	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Thắng	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Lô	1,00	
19	Ấp Ninh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Be	Đến hết ranh đất ông Chiến	1,00	
20	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Quận	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần	1,00	
21	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Sơn	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thuần	1,00	
22	Kênh Trà Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Ngự	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Văn	1,00	
23	Tuyến Lung Phèn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Thu	Đến hết ranh đất ông 6 Chem	1,00	
24	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	1,00	
25	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn Tư (Tư Rút)	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Trung Liên	1,00	
26	Ấp Ngọn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Trà	Đến hết ranh đất ông Trần Hoàng Thọ	1,00	
27	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Nghị (Bờ Tây)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	1,00	
28	Ấp Ninh Tân	Bắt đầu từ cầu 2 Ân	Hết ranh thửa đất ông Nguyễn Văn Cuối	1,00	
29	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hùng Dũng	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Hương	1,00	
30	Ấp Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Lạc	Đến hết ranh đất ông 7 Nỹ	1,00	
31	Tuyến Kênh Ngan Kè	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Chí Nguyên	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Giới	1,00	
32	Ấp Xóm Tre	Bắt đầu từ cầu 7 Cẩm	Hết ranh thửa đất ông 6 Tiến	1,00	
33	Tuyến Cây Me	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 4 Ngàn	Kênh Cây Me	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Ấp Ninh Thành	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Trứ	Đến ranh đất ông Lâm Mười Lớn	1,00	
35	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Vinh (ông 7 Chánh)	Đến hết ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	1,20	
36	Bờ bắc Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh đất Bà Nguyễn Thị Lan	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến ấp Phước Hoà Tiên - Thị trần Phước Long)	1,20	
37	Đường bờ bắc Kênh Quản lộ	Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy khu vực Hồng Dân (tên cũ: Bắt đầu từ trạm giao thông đường thủy huyện Hồng Dân)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Ri (ấp Ninh Lợi)	1,00	
38	Đường bờ nam Kênh QL (Chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Tài	Đến cầu Rạch Cũ (ông Lý Ích)	1,20	
39	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ chùa Hưng Thiên Tự	Đến hết ranh đất ông Lưu Minh Trung	1,00	
40	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Minh Trung	Đến hết ranh đất kho lương thực	1,00	
41	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ hết ranh đất kho lương thực	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	1,00	
42	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Xiếu	Hướng Cầu Sập giáp cầu 3 Đê	1,00	
43	Kênh Phụng Hiệp - Cà Mau (bến chợ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hòn	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	1,00	
44	Kênh xóm Chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Châu	Đến Quản Lộ Phụng Hiệp	1,00	
45	Đường lộ hậu sau chợ	Bắt đầu từ trụ Sở xã Ninh Quới A (Trụ Sở cũ)	Đến đường Cầu Mới Ninh Quới	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
46	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phái	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Luôn	1,20	
47	Đường Phía Tây Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Liệt	Đến cầu Chín Tôn (giáp xã Phước Long) (tên cũ: Đến cầu Chín Tôn (giáp huyện Phước Long))	1,00	
48	Đường Phía Tây Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiệp)	Đến cầu 3 Gió	1,00	
49	Đường Phía Tây Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Ủ	Đến Ninh Thạnh 2 xã Hồng Dân (cầu 3.000)	1,20	
50	Đường Phía Đông Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Phiếng	Đến hết ranh đất ông Lê Thanh Hải	1,00	
51	Đường phía Bắc Ninh Quới - Vĩnh Quới - Sóc Trăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Biểu	Đến giáp ranh Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh phường 3, TX. Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng)	1,00	
52	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Vân	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Đức	1,00	
53	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Điện	Đến hết ranh đất ông Trương Văn Hải	1,00	
54	Đường phía Đông Ninh Quới -Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mai Thị Vân	giáp xã Hồng Dân (tên cũ:Kênh Mười Sộp)	1,00	
55	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Dân (ấp Ninh Tiến)	1,00	
56	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Sắc	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(tên cũ: Đền Nhị tỳ Ninh Hiệp (giáp ranh xã Mỹ Quới))		
57	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Lệ	Đến giáp ranh phường Mỹ Quới (tên cũ: Đền Chùa Chệt Sĩa (giáp ranh xã Mỹ Quới))	1,00	
58	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hùng (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đỗ Thị Sáng)	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Diêu (ấp Ninh Hiệp)	1,00	
59	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Đăng Thêm	Đến hết ranh đất ông Hồng Văn Khởi (Vàm tư Tảo)	1,00	
60	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ cầu Chín Điệu	Đến hết ranh đất ông Danh Thượng (Ninh Chùa)	1,00	
61	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (cầu 3 Tài)	1,00	
62	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mai Văn Sanh	Đến hết ranh đất ông Lê Bửu Trang	1,00	
63	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ngan Dừa - Ninh Quới (Lộ 63)	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép Lộ 63)	Đến hết ranh đất Miếu ông Bồn	1,20	
64	Đường cầu mới Ninh Quới, đoạn nối giữa đường Ninh Quới - Cầu sập	Bắt đầu từ 0m (tính từ mép lộ đường Ninh Quới - Cầu sập)	Đến cầu Mới Ninh Quới	1,00	
65	Phía Tây Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Ta	Đến cổng Hai Quan	1,00	
66	Phía đông quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh của bà Lê Thị The (cầu Ngan Dừa)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Năm (Cầu Hai	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Quan)		
67	Đường Dẫn Cống âu thuyền	Bắt đầu từ cống Âu Thuyền	Đến cống phân ranh mặn ngọt: Cầu Sập - Ninh Quới	1,20	
68	Đường Lộ Mới trụ sở xã Ninh Quới	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Ninh Quới (từ ranh nhà ông Thọ)	Đến đường Cầu Sập - Ninh Quới (chợ mới)	1,20	
69	Kênh 3/2	Bắt đầu từ cầu 3/2	Đến hết ranh đất nhà bà Cao Thị Ngân	1,00	
70	Kênh ba Đồng	Bắt đầu từ cầu 3 Tài	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngọc	1,00	
71	Cầu 7 Mai	Bắt đầu từ ranh đất bà Võ Thị Anh Đào	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn On	1,00	
72	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Thanh Hải	Đến hết ranh đất ông Đặng Thành Việt	1,00	
73	Kênh Le Le (đường phía Bắc)	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Tú Em	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Phên	1,00	
74	Kênh Le Le (đường phía Nam)	Bắt đầu từ ranh đất ông Phạm Văn Nghiệp	Đến hết ranh đất ông Trần Thanh Hải	1,00	
75	Tuyến lộ nhựa 2m	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Đăng	Đến hết ranh đất ông Cao Trung Đương	1,00	
76	Kênh 6 Tào	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Nhuận	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Thức	1,00	
77	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tur Tào (đường phía Đông))	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phấn (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phường)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem	1,00	
78	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tur Tào (đường phía Đông))	Cầu Bà Âu (tên cũ: Từ cầu nhà Bà Âu)	hết ranh đất ông Tám Thay (tên cũ: Nhà ông Tám Thay)	1,00	
79	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tur Tào (đường	Ranh đất ông Cọp (tên cũ: Từ nhà ông Cọp)	Gáp ranh đất ấp Ninh An xã Hồng Dân	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	phía Đông))				
80	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Ranh đất ông Trần Văn Bon (tên cũ: Từ đất nhà ông Trần Văn Bon)	hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng (tên cũ: Nhà Nguyễn Văn Dũng)	1,00	
81	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Nhà Lý Hùng	Giáp ranh phường Mỹ Quới	1,00	
82	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Cầu Ba Gió	Giáp ranh đất ấp Tà Ốc (tên cũ: Giáp ranh ấp Tà Ốc)	1,00	
83	Kênh Cô Cai (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Từ cầu sắt	Hết ranh đất ông Trần Văn Hải	1,00	
84	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
85	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
86	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

37. XÃ HỒNG DÂN

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu 1A				
1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	1,00	
2	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,00	
3	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thông Nhất)	1,00	
4	Khu 1B	Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại cửa Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1,00	
5	Khu 1B	Bắt đầu từ nhà ông Trần Phước Nam (giáp đường Chu Văn An)	Đến giáp Lộ trước (đến nhà ông Trịnh Văn Y)	1,00	
6	Khu 1B	Bắt đầu từ giáp ranh Trại cửa Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gòong (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	1,00	
	Khu 2				
7	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trung Trực	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00	
8	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đến đường Trần Hưng Đạo	1,00	
9	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đế (Chùa ông Bồn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	1,00	
10	Khu III	Bắt đầu từ nhà ông Trịnh Văn Hải (cầu Trọng Điều)	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	1,00	
11	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu cầu Trọng Điều	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	1,00	
12	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tén	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	1,00	
13	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu	Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III	Đến chùa Hưng Kiến Tự	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	kinh nhỏ	(theo kênh nhỏ)			
14	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	1,00	
15	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	1,00	
16	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,00	
17	Đường Trèm Trèm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trục	1,00	
18	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh Tái định cư	Đến nhà ông Danh Khiêm	1,00	
19	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng	Đến Miếu Bà Hiên	1,00	
20	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gòong (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)	1,00	
21	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	1,00	
22	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	1,00	
23	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1,00	
25	Bờ đông, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	1,00	
26	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	1,00	
27	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miếu Rạch Chùa	1,00	
28	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bên đò ông bảy Đực)	1,00	
29	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	1,00	
30	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Đực	1,00	
31	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	1,00	
32	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thế	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	1,00	
33	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	1,00	
34	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến hết ranh đất bà Hương (giáp cầu Xẻo Vệt)	1,00	
35	Đường Trần Hưng Đạo	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Cầu Xẻo Vệt	1,00	
36	Ấp Bà Gòong	Bắt đầu từ ngã tư Bà Gòong (từ ranh đất ông Trương Kim Nám)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	1,00	
37	Ấp Bà Gòong	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gòong (đến ranh đất ông Quách Văn	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Siêu)		
38	Ấp Bà Gông	Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gông (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	1,00	
39	Ấp Bà Gông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tình	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)	1,00	
40	Ấp Bà Gông	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa (cũ)	1,00	
41	Cầu Bụi Dứa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dứa	1,00	
42	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	1,00	
43	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gông, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1,00	
44	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gông, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến giáp lộ Thống Nhất II)	1,00	
45	Ấp Thống Nhất, đoạn từ bên phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gông, đoạn từ bên phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu Xéo Vệt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Búi	1,00	
46	Ấp Thống Nhất, đoạn từ bên phà Ngan Dừa đến	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Búi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tông	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gông, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)				
47	Ấp Thống Nhất, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gông, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	1,00	
	Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)				
48	Đường Lê Duẩn	Cầu số 01	Đường Lộc Ninh (xem lại giới hạn)	1,00	
49	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,00	
50	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	1,00	
51	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	1,00	
52	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Bùi Thị Trường	1,00	
53	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Gia Viễn	1,00	
54	Đường Lê Thị Riêng	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	1,00	
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,00	
56	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Lộc Ninh	1,00	
57	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	1,00	
58	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Bảy	1,00	
59	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
60	Đường Thị Chậm	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	1,00	
61	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Phùng Ngọc Liên	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,00	
62	Đường Trần Văn Tất	Đường Bùi Thị Trưởng	Đường Lộc Ninh	1,00	
63	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tất	1,00	
64	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	1,00	
65	Đường B12	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,00	
66	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	1,00	
67	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	1,00	
68	Khu III, đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	1,00	
69	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	1,00	
70	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)				
71	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1,00	
72	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	1,00	
73	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	1,00	
74	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	1,00	
75	Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II)	Đến cầu Mới Bà Gồng	1,00	
76	Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gồng	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	1,00	
77	Khu III, đoạn nối giữa dốc cầu Gia Diễn với đường Ngô Quyền (tên cũ: Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới)	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	1,00	
78	Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được	Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
79	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến cổng Chèo	1,00	
80	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cổng Chèo	Đến hết ranh đất Cây xáng Hoàng Quân	1,00	
81	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ ranh đất Cây xáng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	1,00	
82	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	cầu Bà Hiên (tên cũ: Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên))	1,00	
83	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	1,00	
84	Áp Đàu Sáu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bồn	Đến rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	1,00	
85	Áp Đàu Sáu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng Ông Cọn)	Đến Cầu chùa Đàu Sáu	1,00	
86	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hăng Nước đá Trần Tấn	1,00	
87	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ hết ranh đất Hăng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tan	1,00	
88	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụ	Đến giáp xã Vĩnh Lộc cũ (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	1,00	
89	Kênh Xáng Đàu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	1,00	
90	Đường dẫn Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	1,00	
91	Áp Đàu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	cầu Lung Nĩa (tên cũ: Đến giáp ranh xã Ninh Hòa)	1,00	
92	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
93	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	1,00	
94	Ấp Bà Ai I, Tà Suôl	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sóm	Đến hết cầu nhà Năm Hiền	1,00	
95	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Phôn (giáp xã NTL)	1,00	
96	Ấp Bà Ai I, II, Cai Giăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thất	1,00	
97	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đình)	Đến hết ranh ông Danh Khum	1,00	
98	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	1,00	
99	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	1,00	
100	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000	Đến hết ranh đất ông Dện	1,00	
101	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	1,00	
102	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông Phôn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)	1,00	
103	Ấp Tà Suôl, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suôl (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	1,00	
104	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phên	Đến giáp cầu Bà Ai 1 (Cầu Sắt)	1,00	
105	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Sua	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cửa	1,00	
106	Ấp Bình Dân, Tà Suôl, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quel (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	1,00	
107	Ấp Cai Giăng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	1,00	
108	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả	Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa	1,00	
109	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		ông Tân)	Cai)		
110	Ấp Tà Suối	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên(rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Sura)	1,00	
111	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	1,00	
112	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	1,00	
113	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Cầu 6.000 (Trạm Y tế) (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế)	Giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000))	1,00	
114	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	1,00	
115	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	1,00	
116	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đức	1,00	
117	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa cũ	1,00	
118	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	1,00	
119	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	1,00	
120	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	1,00	
121	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Đông)		
122	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đức (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	1,00	
123	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xẻo Tràm	1,00	
124	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bảy Ú	1,00	
125	Tuyến Ninh Thạnh 2 - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh 2, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	1,00	
126	Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	1,00	
127	Đường DH.04 - phía đông kênh Ngan Dừa (tên cũ: Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 3)	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Giáp ranh ấp bà Hiên (tên cũ: Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa)	1,00	
128	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh 1)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	1,00	
129	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	1,00	
130	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	1,00	
131	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	1,00	
132	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường	Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai	1,00	
133	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít	Đến Cống Lá Viết	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
134	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	1,00	
135	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	1,00	
136	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nỡ)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	1,00	
137	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	1,00	
138	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh 1)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	1,00	
139	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	1,00	
140	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh 2)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	1,00	
141	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiên (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Danh Phan	1,00	
142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (đất ông Trần Văn Chánh (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh))	1,00	
143	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khải (Vĩnh An)	1,00	
144	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng (bờ đông) (tên cũ: Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	1,00	
146	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A cũ)	1,00	
147	Tuyến kênh Xẻo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)	Đến cống Xẻo Tràm	1,00	
148	Ấp Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	1,00	
149	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vũ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	1,00	
150	Ấp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bòn	1,00	
151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huỳnh	kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (tên cũ: Đến kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh)	1,00	
152	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định -Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	1,00	
153	Tuyến 9.000	ranh đất Công An huyện cũ (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện)	Đến nhà ông Phan Út Lớn	1,00	
154	Tuyến đường bê tông 2,5 m, ấp Tà Ben	Bắt đầu từ đất ông Danh Sen	Đến đất ông Trương Văn Tính	1,00	
155	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
156	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

38. XÃ NINH THẠNH LỢI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông - Cây Méc - Cai Giăng - Ngô Kim - Cây Cui - Xẻo Gừa)	Bắt đầu từ Ranh đất ông Trần Văn Cang (kênh 6000) giáp xã Vĩnh Phước	Đến hết ranh đất ông Trương Quang Ba, giáp cầu kênh ranh, ấp Ngô Kim	1,00	
2	Tuyến Kênh Cộng hoà (ấp Ninh Thạnh Đông - Cây Méc - Cai Giăng - Ngô Kim - Cây Cui - Xẻo Gừa)	Từ giáp cầu kênh ranh (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (nhà ông Tư Hoá)	1,00	
3	Tuyến Vành đai Khu căn cứ Tỉnh uỷ đặc biệt Cái Chanh (ấp Xẻo Gừa - Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ cầu Xẻo Gừa (từ ranh đất ông Trần Bách Chiến)	Đến giáp Cầu treo Vĩnh Phong (ấp Xẻo Dừng)	1,00	
4	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giăng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ đất ông Danh Hoàng Phel (kênh 6000), ấp Ninh Thạnh Đông	Đến kênh 10000 (nhà Danh Cáo) ấp KosThum	1,00	
5	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giăng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ giáp cầu 10000 (nhà ông Danh Cáo), ấp KosThum	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn, ấp Ninh Thạnh Tây	1,00	
6	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp Ninh Thạnh Đông - Cai Giăng - KosThum - Ninh Thạnh Tây - Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Toàn	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	1,00	
7	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thạnh Lợi - xã Thoàn (ấp	Đến hết ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	- Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Ninh Thanh Đông – Cai Giăng – KosThum – Ninh Thanh Tây – Xẻo Gừa)		Thanh Tùng)		
8	Tuyến Bờ Đông kênh Ninh Thanh Lợi – xã Thoàn (ấp Ninh Thanh Đông – Cai Giăng – KosThum – Ninh Thanh Tây – Xẻo Gừa)	Đến hết ranh đất Trường Mầm Non Sen Hồng (Phạm Thanh Tùng)	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (nhà ông Tư Hóa)	1,00	
9	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thanh Lợi – xã Thoàn	Từ kênh 6000 (nhà ông Vũ Thanh Tòng) ấp Thống Nhất	Đến Cầu Kênh 12000, ấp Chòm Cao	1,00	
10	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thanh Lợi – xã Thoàn	Từ đất ông Lê Hồng Dân (cầu kênh 12000), ấp Chòm Cao	Đến hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thanh Tây	1,00	
11	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thanh Lợi – xã Thoàn	Từ hết ranh đất ông Quách Văn Đoàn, ấp Ninh Thanh Tây	Đến giáp cầu kênh 14 (hết ranh đất ông Phạm Văn Thuận)	1,00	
12	Tuyến Bờ Tây kênh Ninh Thanh Lợi – xã Thoàn	Bắt đầu từ đất ông Phạm Văn Thuận, ấp Xẻo Gừa	Đến cầu Vàm Xẻo Gừa (hết ranh đất ông Trần Bách Chiến)	1,00	
13	Tuyến kênh 6000 (ấp Ninh Thanh Đông) giáp xã Vĩnh Phước	Từ hết ranh đất ông Trần Văn Cang, ấp Ninh Thanh Đông	Đến hết ranh đất ông Danh Hoàng Phel	1,00	
14	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cai Giăng)	Bờ Nam từ hết ranh đất ông Trần Ngọc Hiển, ấp Ninh Thanh Đông	Đến hết ranh đất ông Phan Văn Lập	1,00	
15	Tuyến kênh 7000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cai Giăng)	Bờ Bắc từ đất ông Trần Văn Quân, ấp Ninh Thanh Đông	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	1,00	
16	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh Thanh Đông- Cai Giăng – KosThum)	Bờ Đông từ giáp kênh 7000, ấp Ninh Thanh Đông	Đến giáp ranh đất Chùa KosThum	1,00	
17	Tuyến kênh Tà Hong (ấp Ninh	Bờ Tây từ giáp ranh đất ông Nguyễn	Đến giáp kênh xã Sang (nhà ông	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thanh Đông- Cai Giăng – KosThum)	Hoàng Khải, ấp Ninh Thanh Đông	<i>Danh Hoàng Anh)</i> ấp KosThum		
18	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cai Giăng)	Bờ Nam từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Quân, ấp Ninh Thanh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Vân ấp Cai Giăng	1,00	
19	Tuyến kênh 8000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cai Giăng)	Bờ Bắc từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Lời, ấp Ninh Thanh Đông	Đến giáp ranh đất bà Võ Thị Diệu, ấp Cai Giăng	1,00	
20	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cây Méc – Cai Giăng - KosThum)	Từ giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Thuý, ấp Cây Méc (<i>bờ tây</i>)	Đến giáp ranh đất ông Tăng Bình, ấp KosThum	1,00	
21	Tuyến kênh 9000 (ấp Ninh Thanh Đông – Cây Méc – Cai Giăng - KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Châu Văn Hội (<i>bờ đông</i>)	Đến hết ranh đất bà Trần Thị Luối	1,00	
22	Tuyến kênh Cây Méc	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự	Đến giáp ranh đất Bà Ly kênh Cai Giăng	1,00	
23	Tuyến kênh Cây Méc	Từ đất ông Nguyễn Văn Út	Đến ranh đất bà Nguyễn Bé Năm	1,00	
24	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giăng – KosThum)	Từ hết ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Danh Mộ, ấp KosThum	1,00	
25	Tuyến kênh 10000 (ấp Cây Méc – Cai Giăng – KosThum)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Xuân Hồng, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Tăng Đờ Ra, ấp KosThum	1,00	
26	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông giáp xã Hồng Dân (Cầu 3/2)	Đến cầu kênh Xã Sang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	1,00	
27	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Tây Từ giáp ranh đất ông Phạm Văn Hường, ấp Cây Méc	Đến hết ranh đất ông Quách Há gần kênh Xã Sang	1,00	
28	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai Giăng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Bờ Đông Cầu Kênh Xã Xang (hết ranh đất Trần Kim Chi)	Đến cầu Út Oanh (kênh Ranh)	1,00	
29	Tuyến kênh 3/2 (ấp Cây Méc – Cai	ờ Tây từ ranh đất ông Trần Văn Múa giáp	Đến hết ra đất ông Đặng Hữu Tâm	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Giảng - Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	kênh Xã Sang			
30	Tuyến kênh Cai Giảng	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Thành ấp Cây Méc	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Việt, ấp Cai Giảng	1,00	
31	Tuyến kênh Cai Giảng	Từ hết ranh đất ông Phan Văn Quân, ấp Cai Giảng	Đến giáp ranh đất ông Trần Xón, ấp KosThum	1,00	
32	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Bắc Từ hết ranh đất của ông Trần Quốc Lâm, ấp Ngô Kim	Đến ranh đất ông Danh Cáo, ấp KosThum	1,00	
33	Tuyến kênh xã Sang (ấp Ngô Kim – KosThum)	Bờ Nam Từ hết ranh đất ông Trần Quốc Thống, ấp Ngô Kim	Đến cầu 10000 (nhà Hué Cón), ấp KosThum	1,00	
34	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Từ hết ranh đất ông Trương Quang Ba, ấp Ngô Kim	Đến giáp ranh đất bà Trần Mỹ Ân (cầu kênh Ranh)	1,00	
35	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ly, ấp Ngô Kim	Đến cầu Bùng Binh	1,00	
36	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Từ cầu Bùng Binh	Đến hết ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	1,00	
37	Tuyến kênh Ranh (ấp Ngô Kim – Ninh Thanh Tây)	Từ giáp ranh đất ông Ngô Thanh Hiền	Đến giáp ranh đất ông Tăng Thanh Binh	1,00	
38	Tuyến kênh Hai Phi (ấp Ngô Kim hai bên)	Từ ranh đất ông Lâm Văn On, ấp Ngô Kim	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Vui, ấp Xẻo Gừa	1,00	
39	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ hết ranh đất ông Lê Văn Tú, Vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Khoa	1,00	
40	Tuyến kênh Bùng Binh (ấp Ngô Kim - ấp Xẻo Gừa)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Đèo, vàm Xẻo Gừa	Đến hết ranh đất bà 6 Sài (cầu Bùng Binh)	1,00	
41	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất Miếu bà Chúa Xứ	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Châu	1,00	
42	Tuyến kênh Tập đoàn ấp Xẻo Gừa	Từ ranh đất bà Ngô Thị Ten	Đến hết ranh đất ông Trần văn Kiệt	1,00	
43	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thanh Lợi	Từ ranh đất ông Phạm Xu Ly (giáp lộ nội bộ)	Đến hết ranh đất ông Tăng Thanh Binh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
44	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Khá	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Kén (<i>cầu kinh Ranh</i>)	1,00	
45	Khu trung tâm Chợ Mới Ninh Thạnh Lợi	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Thị Lạc	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Hoàng Tân	1,00	
46	Tuyến nội bộ xã	Từ ngã ba lộ nội bộ (<i>giáp ranh đất ông Phạm Xu Ly</i>)	Đến ngã ba giáp đất ông Bảy Đạm	1,00	
47	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ giáp đất ông Quách Văn Bình	Đến ranh đất ông Danh Xương (<i>chùa KosThum</i>)	1,00	
48	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Quách Kía	Đến cầu Giác Đạo (<i>nhà ông Tăng Bạch</i>)	1,00	
49	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Lý Văn Liếp (<i>dọc theo xóm 3</i>)	Đến ranh đất ông Danh Nhi	1,00	
50	Tuyến vành đai KosThum – Ninh Thạnh Tây	Từ ranh đất ông Trần Khêl	Đến hết ranh đất ông Danh Thol	1,00	
51	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Nguyễn Văn Tạo, ấp Xẻo Gừa (<i>bờ đông</i>)	Đến giáp ranh đất ông Lê Văn Biểu, ấp Xẻo Dừng	1,00	
52	Tuyến kênh 14 (ấp Xẻo Gừa – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Trần Thanh Hoá (<i>bờ tây</i>)	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Lâm	1,00	
53	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Lê Văn Sĩ (<i>bờ đông</i>), ấp Xẻo Gừa	Đến ranh đất ông Trương Văn Chính, ấp Xẻo Dừng	1,00	
54	Tuyến kênh 15 (ấp Xẻo Gừa – Cây Cui - Xẻo Dừng)	Từ ranh đất bà Đào Ngọc Thu (<i>bờ tây</i>)	Đến ranh đất ông Trần Văn Nghĩa	1,00	
55	Tuyến kênh Hào Xĩa (ấp Xẻo Dừng)	Từ đất ông Ba Em (<i>đầu kênh</i>)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trang (<i>cuối Kênh giáp lộ Vành đai</i>)	1,00	
56	Tuyến kênh Hào Xĩa (ấp Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hơn (<i>đầu kênh</i>)	Đến hết ranh đất ông Thu (<i>cuối kênh</i>)	1,00	
57	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Thịnh	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Tuyến kênh Đồn (ấp Cây Cui)	Từ đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Hiên	1,00	
59	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ ranh đất ông Quách Văn Nam	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	1,00	
60	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Nguyễn Bình Luận	Đến giáp ranh đất ông Bảy Nhờ	1,00	
61	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Thừa	Đến hết ranh đất ông Từ Văn Lầu	1,00	
62	Tuyến kênh Dân Quân (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao – Xẻo Dừng)	Từ đất ông Từ Hoàng Thao	Đến giáp ranh đất ông Lâm Hoàng Vinh	1,00	
63	Tuyến kênh Ông Yêm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ giáp ranh đất ông Từ Văn Lầu	Đến hết ranh đất ông Tăng Quốc Kha	1,00	
64	Tuyến kênh Ông Yêm (ấp Ninh Thạnh Tây – Chòm Cao)	Từ đất ông Phạm Văn Hậu	Đến giáp đất ông Danh Đạm	1,00	
65	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Trò (<i>Cầu treo Vĩnh Phong</i>), ấp Xẻo Dừng	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều (<i>cầu treo</i>)	1,00	
66	Tuyến Bờ đông kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Xẻo Dừng – Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Đến hết ranh đất ông Trương Quốc Chiều (<i>cầu treo</i>)	Đến hết ranh đất ông Vũ Văn Khánh, ấp Chủ Chọt Đến cổng trào Phước Long	1,00	
67	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ đất ông Nguyễn Thanh Hà, ấp Nhà Lầu 2	Đến giáp cầu kênh Dân Quân đất bà Mát	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
68	Tuyến Bờ Tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh (ấp Nhà Lầu 2 - Nhà Lầu 1 – Chủ Chọt)	Bắt đầu từ cầu kênh Dân Quân đất ông Lâm Hoàng Vinh	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của, ấp Chủ Chọt giáp xã Vĩnh Phước	1,00	
69	Tuyến kênh 6000 (ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Quách Văn Chen, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Vũ Thanh Tòng, ấp Thống Nhất	1,00	
70	Tuyến kênh 7000(ấp Chủ Chọt – Thống Nhất)	Từ giáp ranh đất ông Trần Văn Thiên, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trần văn Quanh, ấp Thống Nhất	1,00	
71	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Nam từ ranh đất ông Lê Văn Đình, ấp Chủ Chọt	Đến giáp ranh đất ông Trương Quang Tư, ấp Thống Nhất	1,00	
72	Tuyến kênh 20 (8000) (ấp Thống Nhất – Nhà Lầu)	Bờ Bắc từ ranh đất ông Nguyễn Văn Năm, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất Trưởng TH Trần Kim Túc	1,00	
73	Tuyến kênh 9000 (ấp Nhà Lầu 1 – Thống Nhất)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Ni	Đến giáp ranh đất ông Danh Phi Rum, ấp Thống Nhất	1,00	
74	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất Bưu điện Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Kết, ấp Chòm Cao	1,00	
75	Tuyến kênh 10000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ Cầu kênh ngang	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Việt Hải, ấp Thống Nhất	1,00	
76	Tuyến kênh 11000 (ấp Nhà Lầu 1 – Chòm Cao)	Từ ranh đất ông Mai Thanh Phong, ấp Nhà Lầu 1	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	1,00	
77	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lại Văn Vô	Đến hết ranh đất ông Huỳnh Vàng, ấp Chòm Cao	1,00	
78	Tuyến kênh 12000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh Thạnh Tây)	Từ ranh đất ông Lê Văn Liễu	Đến giáp ranh đất ông Võ Văn Út, ấp Ninh Thạnh Tây	1,00	
79	Tuyến kênh 13000 (ấp Nhà Lầu 2 – Chòm Cao – Ninh	Từ ranh đất ông Huỳnh Vạng	Đến giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Bảo, ấp Ninh	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thanh Tây)		Thanh Tây		
80	Tuyến kênh 6000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Thanh Bình, ấp Chủ Chọt	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Loan	1,00	
81	Tuyến kênh 7000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lương Văn Ngọt	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Thương	1,00	
82	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất Miếu Bà	Đến hết ranh đất ông Võ Thanh Nghiêm	1,00	
83	Tuyến kênh xã Tư (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Lê Văn Ly	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Liêm	1,00	
84	Tuyến kênh 9000 (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Ngô Thị Tạng, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1,00	
85	Tuyến kênh ông Tà (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Nguyễn Văn Út, ấp Nhà Lầu 1	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Quốc	1,00	
86	Tuyến kênh Bà Quơ	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Trinh	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Hải	1,00	
87	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất ông Trần Văn Á	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	1,00	
88	Tuyến kênh Dân quân (phía bờ tây kênh Cạnh Đền – Phó Sinh)	Từ ranh đất bà Nguyễn Thị Mát	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Biểu	1,00	
89	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ ngã 4 Cạnh Đền (từ ranh đất ông Huỳnh Văn Hà)	Đến giáp cầu kênh Dân Quân (giáp nông trường)	1,00	
90	Tuyến Vành đai Sông cũ	Từ cầu kênh Dân Quân (giáp nông trường)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Của (kênh 6000)	1,00	
91	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
92	Tuyến đường ĐT.979 Phước Long - Ba Đình	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	1,00	
93	Tuyến đường ĐT.780 (ĐT.980) Phó Sinh - Cạnh Đền (hai bên)	Bờ Đông giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	1,00	
94	Tuyến đường ĐT.780 (ĐT.980) Phó Sinh - Cạnh Đền (hai bên)	Bờ Tây giáp xã Vĩnh Phước	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phong	1,00	
95	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
96	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
97	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

39. XÃ VĨNH LỘC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đinh Thị Tuyết	Đến hết ranh đất ông Bùi Văn Minh	1,15	
2	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Mùi	Đến cầu Trạm Y Tế	1,22	
3	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ đội Thuế (từ ranh đất đội thuế xã)	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Nhan	1,15	
4	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Hoàng Nay	Đến ranh Trạm y tế xã (Tên cũ: Đến hết ranh đất bà Nguyễn Hồng Tươi)	1,22	
5	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Út Ba	Đến hết ranh đất nhà bà Hoàng Kim Oanh (tính cả 2 bên)	1,22	
6	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đinh Văn Tâm	Cầu Ngan Dọp	1,22	
7	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Chợ Cầu Đỏ)	Bắt đầu từ cầu Ngan Dọp	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	1,22	
8	Chợ Cầu Đỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Thanh Giáp	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung (khu chữ U)	1,15	
9	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	1,22	
10	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	1,22	
11	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh	Bắt đầu từ cầu Chùa Sơn Trắng	Đến Giáp xã Hồng Dân (Tên	1,22	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Quối - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Đường Liên xã)		cũ: <i>Lộc Ninh</i>)		
12	Tuyến đường Trèm Trèm	Bắt đầu từ trụ sở ấp Sơn Trắng	Đến hết ranh đất ông Đồng Văn Xuyên (cuối lộ)	1,30	
13	Tuyến Lung Chích	Bắt đầu từ cầu Lung Chích	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Lực - Kênh Xáng Hoà Bình	1,30	
14	Tuyến kênh Tây Ký	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	1,22	
15	Tuyến kênh Tây Ký	Đến hết ranh đất ông Lê Văn Định	Đến hết ranh đất ông Tượng	1,30	
16	Bờ Tây kênh Tây Ký (hướng Đông)	Bắt đầu từ ranh đất nhà máy xay xát lúa gạo ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Sáu Lùng	1,30	
17	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kênh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chín Đức	Đến ngã tư Sóc Sáp	1,30	
18	Kênh Chín Cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Nhi (Kênh Xáng Hoà Bình)	Đến hết ranh đất trường tiểu học Nhụy Cầm	1,30	
19	Kênh Lộ xe	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Nững	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Thắng	1,22	
20	Tuyến rạch Bà AI	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Lùng	Đến giáp ranh xã Hồng Dân (Tên cũ: <i>Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xuân</i>)	1,30	
21	Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Mung	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	1,22	
22	Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ Đất ông Đơ	Đến hết ranh đất ông Hà Văn Vện (tính hai bên kênh Xáng)	1,30	
23	Kênh Ngang	Bắt đầu từ lộ Chín Cò ranh đất ông Nguyễn Quốc Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Ông Được	1,30	
24	Kênh Tư Bời	Bắt đầu từ kênh Xáng Hoà Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Phong	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	Kênh Vĩnh Ninh (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông HỒ Văn Nhân	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Phương - giáp xã Hong Dân (<i>Tên cũ: giáp xã Lộc Ninh</i>)	1,30	
26	Kênh Ba Quy (tính 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Hòa	Cầu Ba Quy	1,30	
27	Tuyến Lộ Xe - Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Công Định	Đến giáp móng cầu Võ Thị Á (giáp xã Vĩnh Lộc A)	1,30	
28	Tuyến Hai Thiệu	Bắt đầu từ cầu Hai Cát	Đến kênh Xáng Hòa Bình (đất ông Phong)	1,30	
29	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng	1,22	
30	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	1,22	
31	Tuyến đường Cột	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Nền	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Thị	1,30	
32	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Ba Thắng (ngã ba vào chợ)	Đến Cầu Chùa	1,13	
33	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ trụ sở ấp Ba Đình	Đến hết ranh đất Buru điện	1,13	
34	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nhứt	Đến hết ranh đất ông Hòa Cuội	1,13	
35	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất Ông Siêu	Đến hết ranh đất Quán nước ông Tỷ	1,13	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
36	Tuyến khu vực chợ (xã Vĩnh Lộc A cũ)	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Ràng	Đến hết ranh đất ông Mười Hề	1,15	
37	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (Tên cũ: Tuyến Bến Bào về Ba Đình)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	1,22	
38	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc A cũ	Đến cầu nhà Võ Thị A (Tên cũ: Đến Giáp xã Vĩnh Lộc)	1,22	
39	Tuyến kênh lộ xe (Bờ đông)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kìa	Đến hết ranh đất ông Lâm Ngọc Thị	1,30	
40	Tuyến kênh lộ xe (Bờ Tây)	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín To	Đến hết ranh đất nền đồn cũ	1,30	
41	Sông Cái Chanh(tên cũ: Sông Cá Chanh)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	1,30	
42	Tuyến đầu Kênh Mới	Bắt đầu từ ranh đất ông Chín Kìa	Đến hết ranh đất ông Nguyễn	1,30	
43	Kênh Sóc Sáp (tính hai bên kinh)	Bắt đầu từ trường TH Nguyễn Trường Tộ	Hết ranh ông Trần Văn Chương	1,30	
44	Tuyến đầu Kênh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Hào	Đến hết ranh đất ông Chanh	1,30	
45	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Văn Ba	Đến hết ranh đất Bến Luông	1,30	
46	Lộ Bình Lộc	Bắt đầu từ ranh đất ông Hó	Đến hết ranh đất ông Hồ Văn Bảy	1,30	
47	Tuyến kênh 8 Lang	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Kịch	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Sĩ	1,30	
48	Tuyến kênh Giữa	Bắt đầu từ ranh đất ông Bảy Hớn	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Ba (Tên cũ: Đến hết ranh đất điểm	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			<i>Trường Nguyễn Trường Tộ</i>		
49	Kênh Chuối	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đỗ Hoàng Hên	Đến giáp đất ông Đình Văn Nguyễn	1,30	
50	Kênh Tám	Bắt đầu từ cầu Kênh Tám	Đến giáp Kênh giữa	1,30	
51	Kênh Bà Từ	Bắt đầu từ cầu Út Nhỏ	Đến giáp Kênh Bến Bào	1,30	
52	Kênh Mười	Bắt đầu từ cầu Cây Khô	Đến giáp Kênh giữa	1,30	
53	Sông Cái Tàu	Bắt đầu từ cầu Kênh 7	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Khoa	1,30	
54	Kênh Lô	Bắt đầu từ cầu kênh Lô	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Kiệt	1,30	
55	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất bà Phan Kim Dol	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Đèo	1,30	
56	Ô Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất ông Ngô Văn Sáng	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Bền	1,30	
57	Kênh Chín Hý	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Lâm	Đến ranh đất ông Đình Văn Nguyễn	1,30	
58	Đường hoàn trả ĐT.978	Bắt đầu từ ranh đất ông Huỳnh Văn Lăn	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Liên	1,22	
59	Tuyến Nông Trường (tính cả 2 bên)	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Mẫn	Đến kinh Xáng Hòa Bình	1,30	
60	Tuyến Nông Trường 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Tám	Đến hết ranh đất nhà ông Lương Văn Xinh	1,30	
61	Tuyến Nông Trường 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đồng Văn Gon	Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Mân	1,30	
62	Tuyến Kênh Mười Hai	Bắt đầu từ cầu 2 Thiệu	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hoàng Vẹn	1,30	
63	Tuyến Vôi Lớn	Bắt đầu từ ranh đất bà Lê Thị Liên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Được	1,30	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
64	Tuyến Đất Sét	Bắt đầu từ đất ông Đình Văn Triều	Đến hết ranh đất nhà Trần Văn Núi	1,30	
65	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,30	
66	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,30	
67	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,30	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,30	

40. XÃ GÀNH HÀO

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	cầu Rạch Cóc (gần bến xe Gành Hào) (tên cũ: Đền bến phà Rạch Cóc)	1,00	
2	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu giáp Đường Lê Thị Riêng (tuyến trụ sở ấp I)	Đến cầu Rạch Dược Giữa	1,20	
3	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Rạch Dược Giữa	Đến ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5)	1,20	
4	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ ngã ba cây xăng (giáp đường 19/5) (Nhà ông Tô Văn Bé)	Đến cầu Chà Là	1,20	
5	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	cầu Rạch Cóc (gần bến xe Gành Hào) (tên cũ: Đền bến phà Rạch Cóc)	1,00	
6	Đường Ngọc Điền	Bắt đầu từ giáp Lê Thị Riêng (Biên Phòng Gành Hào)	Đến ngã 4 huyện ủy	1,20	
7	Đường Ngọc Điền	Bắt đầu từ ngã 4 huyện ủy	Đến sông Gành Hào	1,20	
8	Đường Lê Thị Riêng	Bắt đầu từ ngã 3 Mũi Dùi	Đến Bờ Kè (giáp nhà ông Nguyễn Văn Cây)	1,20	
9	Đường 19 tháng 5	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (ngã ba cây xăng Kim Tiến)	Đến đường Lê Thị Riêng (Ngã 3 Mũi Dùi)	1,20	
10	Đường 1 tháng 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiển (ngã ba Cảng Cá)	Đến giáp đường Ngọc Điền (cấp nhà ông Phạm Văn Đà)	1,20	
11	Đường số 2	Bắt đầu từ ngã ba (Sáu Thoảng)	Đến ngã ba (nhà may Duy Phan)	1,20	
12	Đường số 3	Bắt đầu từ ngã ba (nhà may Duy Phan)	Đến giáp đường Ngọc Điền (nhà Sơn hớt tóc)	1,20	
13	Đường số 4	Đường hai bên nhà lồng chợ thị trấn		1,20	
14	Đường số 8 (Hương Lộ)	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Ngã	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (mé	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		3 Mũi Dùi)	bên bờ kênh lộ làng)		
15	Đường số 10 (lò heo)	Bắt đầu từ giáp đường Ngọc Điền	Đến Kênh Liên Doanh	1,20	
16	Khu Trung tâm Thương mại thị trấn Gành Hào	Hai bên dãy nhà đối diện Lồng chợ Trung tâm Thương mại Gành Hào		1,15	
17	Đường giáp ranh trụ sở UBND huyện	Bắt đầu từ giáp đường Phan Ngọc Hiển (Quán nước Điểm Hẹn)	Đến giáp đường bê tông	1,20	
18	Đường đối diện nhà các hộ dân	Bắt đầu từ giáp Đường Phan Ngọc Hiển (Nhà May Thị)	Đến giáp đường bê tông	1,20	
19	Đường đối diện nhà các hộ dân	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Thúy	Đến hết ranh đất nhà bà Huỳnh Thị Bích	1,20	
20	Đường ấp 4	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Chạy (Đốc Cầu Liên Doanh)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Sáu	1,10	
21	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất Chùa Hải Tịnh	Đến ngã tư Trụ sở cũ	1,10	
22	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ngã tư Trụ sở cũ	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Chu Văn An	1,10	
23	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Lựa	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Tuấn	1,10	
24	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Hoàng Mến	Đến hết ranh đất nhà bà Văn Thị Bắc	1,10	
25	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đọt	Đến hết ranh đất nhà ông Tiêu Phong Kim	1,10	
26	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Hết	1,10	
27	Đường số 5	Bắt đầu từ cầu Rạch Dước ngoài	Đến đường Phan Ngọc Hiển (ngã 3 cầu Rạch Dước Giữa)	1,20	
28	Đường ông Säck (ấp 2)	Bắt đầu cách đường Ngọc Điền	Đến ranh đất nhà ông Lê Văn Hải	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		30 m			
29	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trần Ngọc Bích	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Thất	1,10	
30	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Phú	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Sáu	1,10	
31	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Bằng	Đến ranh đất nhà bà Mai Thị Chi	1,10	
32	Đường ấp 3 (dãy trước)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến ngã 4 huyện ủy	1,10	
33	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến giáp tuyến đường ấp 3 (dãy trước), (tên cũ: Đến ngã huyện ủy)	1,00	
34	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ nhà ông Toán (Sửa xe), (tên cũ: Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ)	Đến sông Gành Hào	1,00	
35	Đường ấp 1 đến ấp 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Cây (đường Lê Thị Riêng, điểm bờ kè tiếp giáp sông Gành Hào)	Đến Xí nghiệp đông lạnh	1,10	
36	Đường ấp 5	Bắt đầu từ ngã ba Mũi Dùi	Đến giáp ranh xã Long Điền Tây (đường hương lộ 9)	1,10	
37	Đường ấp 3	Bắt đầu từ khu sản xuất tôm giống (giáp đồn biên phòng Gành Hào)	Đến kênh Liên Doanh	1,10	
38	Đường ấp 4	Khu tái định cư 2ha giáp ranh Chi cục Thi hành án, Công an huyện		1,10	
39	Đường 2	Bắt đầu từ Hai bên dãy nhà lồng cũ (nhà bà Nguyễn Thị Chạy và bà Trần Thị Dung)	Đến tiếp giáp bờ kè	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Đường ấp 4 (tiếp giáp sông Gành Hào)	Bắt đầu từ tiếp giáp bến phà Tân Thuận	Đến cầu Gạch Cóc	1,10	
41	Đường ấp 4 giáp đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ ngã 3 vật liệu xây dựng Hữu Lộc	Đến vòng xoay Cảng Cá Gành Hào	1,10	
42	Đường ấp 4 giáp đường 19/5	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hồng (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	1,10	
43	Đường ấp 4 giáp đường 19/5	Bắt đầu từ ranh đất bà Huỳnh Kim Hoa (giáp đường 19/5)	Đến hết ranh đất của ông Lê Văn Trắng	1,10	
44	Đường ấp 3 (01)	Bắt đầu từ đất ông Khuê Minh Luân (giáp đường Ngọc Điền)	Đến kênh Liên Doanh (đất ông Huỳnh Thanh Nguyên)	1,10	
45	Đường ấp 2 (tiếp giáp dãy nhà phía sau chợ Gành Hào)	Bắt đầu từ bà Huỳnh Ngọc Liên (ngã ba đường số 12)	Đến nhà bà Trịnh Ngọc Diệp (tiếp giáp đường kênh ông Sắt)	1,10	
46	Đường ấp 2 (02): 02 hẻm giáp 02 mặt hướng bắc và hướng nam của trụ sở UBND ấp 2	Bắt đầu Tiếp giáp đường số 13	Đến tiếp giáp bờ kè	1,10	
47	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trương Văn Lũy	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Minh Tâm	1,10	
48	Đường ấp 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Khuôn	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Dũng (tiếp giáp đường kênh Ông Sắt)	1,10	
49	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Phan (giáp bờ kè)	Hết ranh đất Trường tiểu học Chu Văn An	1,10	
50	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cội (giáp đường 23)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Minh Đức (giáp đường số 50, đường bộ sung)	1,10	
51	Đường ấp 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đợi	Đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Liên (giáp đường số 28)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Tuyến đường nhà ông Bền đồn biên phòng Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến giáp đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ	1,05	
53	Tuyến hẻm dẫy nhà khu dân cư Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến nhà ông Nguyễn Hồng Nhựt	1,05	
54	Tuyến đường nhà ông Nguyễn Ngọc Ân Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường từ nhà ông Huỳnh Văn Lụa đến nhà ông Trần Quốc Tuấn	Đến đường từ Chùa Hải Tịnh đến nhà Trụ sở Ấp 1 cũ	1,05	
55	Tuyến hẻm nhà ông Ba Đức, Ấp 1	Bắt đầu từ giáp đường lộ Làng (trụ sở ấp 1 cũ)	Đến nhà ông Phan Văn Đức	1,05	
56	Tuyến hẻm nhà Bà Quý, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến nhà ông Đỗ Kim Phụng	1,05	
57	Tuyến hẻm nhà Bé Sáu Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu rạch vượt Ngoài	Đến sau trường Chu Văn An	1,05	
58	Tuyến hẻm nhà bà Mỹ, Ấp 1	Bắt đầu từ đường từ nhà Cầu Rạch vượt giữa đến Cầu Rạch vượt ngoài	Đến sau trường Chu Văn An	1,05	
59	Tuyến hẻm giáp bờ kè Ấp 2	Bắt đầu từ đường bờ kè Cầu Rạch vượt ngoài đến bến phà Tân Thuận	Đến nhà ông Nguyễn Văn Định	1,05	
60	Tuyến đường nhà ông Lê Phước Dũng, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Mai Thị Kim Chi - Lê Văn Bàng	1,05	
61	Tuyến hẻm nhà ông Trần Lợi, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiền (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường 6 Thoàng - Duy Phan	1,05	
62	Tuyến hẻm nhà ông Nguyễn Văn Út, Ấp 2	Bắt đầu từ nhà ông Trần Lợi đến nhà ông Nguyễn Văn Mười Hai	Đến nhà ông Ngô Văn Cường	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
63	Tuyến hẻm nhà ông Huỳnh Văn Song, Ấp 2	Bắt đầu từ Đường Phan Ngọc Hiền (cầu rạch vượt giữa)	Đến đường Kênh Ông Sắc	1,05	
64	Tuyến hẻm nhà trọ Phú Xuân, ấp 2	Bắt đầu từ đường Trần Ngọc Bích đến đập ông Phạm Văn Thất	Đến đường từ kênh ông Sắc đến nhà ông 5 Cu Le	1,05	
65	Tuyến hẻm nhà ông Quyền, ấp 2	Bắt đầu từ đường Đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm	1,05	
66	Tuyến hẻm nhà ông 8 Mẫn, Ấp 2	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến đường Ngọc Điền	1,05	
67	Tuyến hẻm khu tập thể giáo viên, ấp 3	Bắt đầu từ đường Ngọc Điền	Đến cuối hẻm	1,05	
68	Tuyến hẻm, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Hồ nước cũ xí nghiệp Đông Lạnh đến ngã 4 huyện ủy	Đến giáp nhà ông Phan Minh Nhứt	1,05	
69	Tuyến hẻm cầu Liên Doanh, Ấp 3	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc	1,05	
70	Tuyến hẻm Xóm Đảo Lớn, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến nhà ông Lý Thanh Phương	1,05	
71	Tuyến hẻm Xóm Đảo Nhỏ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến nhà bà Hồ Kim Anh	1,05	
72	Tuyến hẻm trụ sở ấp 4 cũ, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Liên Doanh)	Đến đường bờ kè Gành Hào từ phà Tân Thuận - Rạch Cốc	1,05	
73	Tuyến hẻm nhà ông 6 Đáng, ấp 4	Bắt đầu từ đường Phan Ngọc Hiền (cầu Chà Là)	Đến giáp đường 1 tháng 3 (đối diện TAND)	1,05	
74	Tuyến hẻm nhà ông Đặng Văn Hải, ấp 4	Bắt đầu từ đường 1 tháng 3	Đến giáp nhà ông Đặng Văn Hải	1,05	
75	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường Huỳnh Kim Hoa đến Lê Văn Trắng	Đến đường nhà ông Quách Văn Túc	1,05	
76	Tuyến hẻm, ấp 4	Bắt đầu từ đường 19 tháng 5	Đến đường Phan Ngọc Hiền	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
77	Tuyến hẻm khu dân cư, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Lâm Văn Đông	1,05	
78	Tuyến đường Lô 8, ấp 5	Bắt đầu từ đường lộ 19 tháng 5	Đến giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ	1,05	
79	Tuyến đường Kênh Chệt, ấp 5	Bắt đầu từ cầu Kênh Chệt	Đến giáp nhà ông Phạm Văn Thiều	1,05	
80	Tuyến đường bờ Giá ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến giáp nhà ông Đoàn Văn Hồ	1,05	
81	Tuyến đường Kênh 3, ấp 5	Bắt đầu từ đường Lộ Làng đến Kênh 3, xã Long Điền Tây	Đến kênh Chệt	1,05	
<i>Các tuyến đường khu Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ thị trấn Gành Hào (đã hoàn thiện hạ tầng đường)</i>					
82	Đường số 14A	Toàn tuyến		1,20	
83	Đường số 13	Toàn tuyến		1,20	
84	Các tuyến đường còn lại			1,20	
<i>Các tuyến đường khu dân cư Gành Hào</i>					
85	Đường số 03			1,20	
86	Các tuyến đường còn lại			1,20	
87	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	1,10	
88	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất trường THCS Võ Thị Sáu	Đến giáp ranh xã Điền Hải	1,10	
89	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ lộ Long Hà (Cầu Khâu cũ)	Đến giáp ranh xã Điền Hải	1,10	
90	Ấp Thuận Điền	Bắt đầu từ giáp với lộ nhựa Khâu - Kinh Tư	Hết ranh đất nhà bà Lâm Thị Vân (Vịnh Hóc Ráng)	1,10	
91	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Vinh Cậ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
92	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Treo	Đến cầu Trung ương Đoàn	1,10	
93	Ấp An Điền - Bình Điền	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến kinh 3 (giáp ranh thị trấn Gành Hào)	1,10	
94	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ Phà Rạch Cóc (giáp ranh TT Gành Hào)	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1,10	
95	Ấp Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Vinh Cụt	Đến hết ranh đất trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	1,05	
96	Tuyến Kinh 2 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phạm Văn Mười	Đến hết ranh đất nhà Ông Võ Văn Viễn	1,05	
97	Tuyến Kinh 3 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Độ (Cầu TW Đoàn ấp Thanh Hải)	1,05	
98	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ cầu Kinh (ấp Bình Điền)	Đến hết ranh đất trường TH Kinh I (ấp Thanh Hải)	1,05	
99	Tuyến Hai Liêm (ấp An Điền)	Bắt đầu từ trường Tiểu Học Bình Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ Bình	1,05	
100	Tuyến Ông Nham (ấp An Điền)	Bắt đầu từ ranh đất trại Giồng Dương Hùng	Đến cầu TW Đoàn ấp An Điền	1,05	
101	Tuyến Nách Ông Tường	Bắt đầu từ cầu Khâu (Trạm Y Tế)	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Tòng	1,05	
102	Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Nghị	1,05	
103	Tuyến An Điền	Bắt đầu từ cầu Mười Chiến	Giáp ranh ấp Long Hà - Điền Hải	1,05	
104	Tuyến Xóm Rẫy	Bắt đầu từ cầu Xóm Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Sự	1,05	
105	Tuyến Lập Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Hai Dẫn	Đến hết ranh đất nhà ông Trí Cụt	1,05	
106	Tuyến Cây Mết	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Nhỏ	1,05	
107	Tuyến Kinh Giữa	Bắt đầu từ cầu Trung ương đoàn Canh Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Lực	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
108	Tuyến Kênh Ngang - Vườn Chim	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Nhật Nam	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Màu	1,05	
109	Tuyến Khai Hoang	Bắt đầu từ đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thái	1,05	
110	Tuyến Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Kinh 1 (ấp Thanh Hải)	Đến hết ranh đất nhà ông Tạ Văn Thiếu	1,05	
111	Tuyến Canh Điền	Bắt đầu từ cầu Trung ương Đoàn	Đến cầu Vinh Cậu (Xóm lá)	1,10	
112	Nách ông Tường (đoạn cuối)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông La Văn Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông La Văn Bá	1,05	
113	Tuyến Ô Rô	Bắt đầu từ cầu Trung Ương đoàn Canh Điền	Đến cầu Huyện Đoàn	1,05	
114	Gạch Cóc - Khâu Giòng	Bắt đầu từ cầu Gạch Cóc	Đến cầu Khâu Giòng	1,05	
115	Trường TH Trần Đại Nghĩa - BP Lam Điền	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Trần Đại Nghĩa	Đến bến phà Kênh Xáng	1,05	
116	Lô 6 - Tập đoàn dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hội	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đạt	1,05	
117	Cầu huyện Đoàn - BP Vàm Xáng	Bắt đầu từ cầu huyện Đoàn	Bến phà Vàm Xáng	1,05	
118	Đồng cóc, ấp Vinh Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông Vui	1,05	
119	Kênh Hội đồng Ty - Cầu Rau Muống	Bắt đầu từ kênh Hội đồng Ty	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Cứ	1,05	
120	Nách nhà ông Tường - Kênh thầy 5 Vi Rô	Bắt đầu từ cầu nách Ông Tường	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Minh Đầu	1,05	
121	Nhà ông 6 Màu - Nhà ông Sĩ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Màu	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sĩ	1,05	
122	Hóc Ráng - Huy Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Xuân	Đến Huy Điền	1,05	
123	Tuyến Bà Tham	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Hên	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hữu	1,05	
124	Tuyến Lập Điền - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tấn Đức	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Tặng	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
125	khu vực 11 nhà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng	Đến hết ranh đất nhà bà Vưu Thị Hương	1,05	
126	Tuyến 7 Tho - Hăng nước đá ông Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 7 Tho	Đến hết ranh đất Hăng nước đá ông Sơn	1,05	
127	Kinh Trà Côn	Bắt đầu từ cầu Trà Côn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	1,05	
128	Tuyến Vàm kinh Chệt - nhà ông Sơn	Bắt đầu từ Vàm kinh Chệt	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Văn Sơn	1,05	
129	Tuyến nhà ông 6 Sĩ - Kênh chùa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Sĩ	Đến bến phà Kênh Chùa	1,05	
130	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu kênh Chùa giáp ranh xã Long Điền	Đến phà Vàm Xáng (giáp ranh xã An Phúc)	1,10	
131	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,05	
132	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
133	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

41. XÃ ĐÔNG HẢI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Áp Bửu II	Bắt đầu từ ngã tư Chợ Cổng Xĩa	Đến 200m hướng về Cầu Trường Điền (hộ Mã Thanh Đoàn)	1,00	
2	Áp Bửu II	Bắt đầu từ ranh đất hộ Mã Thanh Đoàn	Đến hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm	1,00	
3	Áp Bửu II	Hết ranh đất hộ Trần Văn Tâm (Tên cũ: 200m hướng về Cầu Trường Điền (Hộ Trần Văn Tâm))	Đến cầu Trường Điền	1,00	
4	Áp Bửu II	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến cầu Phước Điền	1,00	
5	Áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến quý Điền (Bửu Đông)	1,00	
6	Áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cổng Tư Đàn	Đến đê Biển Đông	1,00	
7	Áp Bửu I, áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Hai Được	Đến giáp Lộ Xóm Lung Cái Cùng	1,00	
8	Áp Bửu I, áp Bửu Đông	Bắt đầu từ cầu Hai Được (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Lê Quý Đôn)	Đến trường THCS Lê Quý Đôn (Tên cũ: Đến giáp Lộ nhựa Bửu I)	1,00	
9	Đường Cổng Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ ngã tư Cổng Xĩa	Đến 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	1,00	
10	Đường Cổng Xĩa - Kinh Tư	Từ 200m hướng về Kinh Tư (Hộ Phạm Thanh Hải)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Điền Hải)	1,00	
11	Đường Cổng Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ cầu qua UBND xã	Đến ranh đất nhà Ông Nguyễn Thành Được	1,20	
12	Đường Cổng Xĩa - Kinh Tư	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Thành Được	Đến Đê Biển Đông	1,20	
13	Áp Bửu II, áp Trường Điền	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến cầu Đầu Bờ	1,00	
14	Áp Minh Điền, ấp Trung Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến cầu Lắm Thiết-cầu Trung Điền (cũ)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
15	Áp Cái Cùg- Vĩnh Điền, Bửu II, Trường Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Hậu (đê Biển Đông) (Tên cũ: Bắt đầu giáp ranh xã Vĩnh Thịnh (đê Biển Đông))	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Điền Hải)	1,20	
16	Áp Bửu I, Bửu II	Bắt đầu từ ngã 4 Chợ Cổng Xĩa	Đến cầu Hai Được	1,00	
17	Áp Bửu II	Bắt đầu từ ngã Tư Cổng Xĩa	Đến cầu qua Ủy ban xã	1,20	
18	Hòa Đông (ấp Trung Điền)	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền)	Đến giáp ranh xã Long Điền	1,00	
19	Lộ nhựa Xóm Lung - 2 Được	Bắt đầu từ Lộ Nhựa (Cầu chữ Y)	Đến đường Giòng Nhãn - Gò Cát (Tên cũ: Đến đê Trường Sơn)	1,00	
20	Đường Đào (ấp Cái Cùg - Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Tám Hồng (cấp lộ nhựa)	Đến đê Trường Sơn	1,00	
21	Tuyến đập đá Lầm Thiệt (ấp Bửu 1-Minh Điền)	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiệt	Đến cầu Trường Điền	1,00	
22	Đường Năm Lén (ấp Bửu Đông)	Bắt đầu từ cầu Năm Lén	Đến cống Tư Đàn (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiếu)	1,00	
23	Đường Kinh Giữa (ấp Bửu 1)	Bắt đầu từ cầu Kinh Giữa (ấp Bửu 1-Bửu 2)	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngô Văn Nững (Cầu nhà ông Nững)	1,30	
24	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ đường Giòng Nhãn - Gò Cát (Tên cũ: Bắt đầu từ đê Biển Đông)	Đến đê Biển Đông (Tên cũ: Đến cầu đê Trường Sơn)	1,00	
25	Đường Trại mới (ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ cầu Đầu bờ (lộ nhựa)	Đến đường Giòng Nhãn - Gò Cát (Tên cũ: Đến đê Trường Sơn)	1,00	
26	Đường Giòng Nhãn - Gò Cát (Tên cũ: đê Trường Sơn) (ấp Cái Cùg, Vĩnh Điền,	Bắt đầu Giáp ranh Kinh Xáng xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Vĩnh Thịnh)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Điền Hải)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Bửu 2, Trường Điền)				
27	Tuyến Trung Điền cũ - Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Phước Điền (ấp Trung Điền - Bửu Đông)	Đến cầu Bà Dịu (Tên cũ: Đến giáp đường đan nhà Ông Nguyễn Văn Chiêu)	1,00	
28	Đường Hai Vũ	Bắt đầu từ cầu Hai Vũ	Đến cầu Kinh Ngang Hòa Đông	1,00	
29	Tuyến Kênh Ngang - Hòa Đông	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang Lầm Thiệt (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Kênh Ngan)	Đến cầu kênh ngang Hòa Đông (Tên cũ: Đến lộ Hòa Đông)	1,00	
30	Tuyến Cầu Lầm Thiệt	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiệt	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến cầu Kênh Ngan)	1,00	
31	Tuyến Cầu Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Lầm Thiệt (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiêm)	Đến cầu Phước Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Văn Ký (ấp Trung Điền))	1,00	
32	Đường Đập đá - Lầm Thiệt (ấp Minh Điền - Trung Điền - ấp Bửu I)	Bắt đầu từ cầu Trường Điền	Đến hết ranh đất Trường THCS Lê Quý Đôn	1,00	
33	Tuyến đường Ao Lớn	Bắt đầu từ cầu Ao Lớn	Đến giáp Kênh Đập Đá	1,00	
34	Tuyến đường Kênh Giữa (2 Minh) ấp Vĩnh Điền	Bắt đầu từ cầu nhà Liễu ấp Bửu I	Đến lộ xóm Lung Cái Cùng (Tên cũ: Đến cầu Đường Đào (2 Lâm))	1,00	
35	Tuyến đường số 3 lớn ấp Bửu II	Bắt đầu từ đê Biên Đông	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thuận	1,00	
36	Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền - ấp Bửu 2 (Tên cũ: Tuyến đường ruộng muối ấp Trường Điền)	Bắt đầu từ cầu UBND xã (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Đầu Bờ (Nguyễn Sơn Lợi))	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà bà Lê Trúc Phương)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ ngã ba Ngân Điền	Đến cầu Mỹ Điền	1,00	
38	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến Trạm nước sạch (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út)	1,00	
39	Ấp Mỹ Điền	Từ Trạm nước sạch (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông Trần Văn Út)	Đến hết ranh đất Nhà mò	1,00	
40	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Mỹ Điền	Đến cầu ông Đốc	1,00	
41	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ ranh chợ Mỹ Điền	Đến Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu (Tên cũ: Đến Ba Ngựa áp 1)	1,00	
42	Ấp Mỹ Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Thắng	Đến Cầu nhà ông Sỹ	1,00	
43	Ấp Mỹ Điền	Cầu Miếu Ông Tà	Cầu ông Sáng	1,00	
44	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ cổng tư Đàn	Đến Đầu voi Xóm Lung	1,27	
45	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ Cảng Bà Cồng (Cầu Tư Tài)	Đến mũi Giá giáp Long Điền	1,00	
46	Ấp Hiệp Điền	Bắt đầu từ Cầu Tư Đàn (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đàn)	Đến giáp ranh xã Long Điền (Tên cũ: Đến Hòa Đông - Long Điền)	1,00	
47	Ấp 1	Bắt đầu từ Đầu voi Xóm Lung	Đến cầu Nguyễn Tri Phương (Tên cũ: Đến Rạch Bà Già)	1,00	
48	Ấp 1	Bắt đầu từ cầu nhà Thương	Đến cầu Đốc Béc	1,00	
49	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu ông Chiến	Đến cầu ông Nhài (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà máy Sáu Luôn)	1,00	
50	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu Đực Thinh	Đến cầu Hai Cầm	1,00	
51	Ấp 2	Bắt đầu từ Cầu Đực Thinh	Đến cầu Việt Trung	1,00	
52	Ấp 3	Bắt đầu từ Đầu lộ nhựa ấp III-bến phà	Đến lộ nhựa ngã 3 Ngân Điền	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Việt Trung			
53	Ấp 4	Bắt đầu từ ranh Trường Tiểu học 4A	Đến hết ranh Trụ sở ấp 4 - Cầu Mũi Giá (Tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học 4B-Trụ sở ấp 4)	1,00	
54	Ấp 4	Bắt đầu từ Cầu lộ cũ - đường Chín Tém	Đến cầu Nguyễn Tri Phương (Tên cũ: Đến Rạch Bà Già)	1,00	
55	Tuyến 2 Phụng - Trịnh Văn Tám	Bắt đầu từ cầu Ông Phụng (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 2 Phụng)	Đến cầu Láng Biển (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Trịnh Văn Tám)	1,00	
56	Ấp Châu Điền - Ngân Điền	Bắt đầu giáp ranh xã Long Điền	Đến ngã ba Ngân Điền	1,00	
57	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ Ngã ba Châu Điền	Đến cầu Phước Điền	1,00	
58	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Hai Hoàn (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàn)	Đến Chà Là-Long Điền, ra cầu 6 Nghiệp	1,00	
59	Ấp Châu Điền - Phước Điền	Bắt đầu từ cầu Ông Giao	Đến cầu ông Gần	1,00	
60	Tuyến Xóm Chùa (ấp Phước Điền)	Bắt đầu từ ranh đất Trường THCS Tạ Tài Lợi (Tên cũ: Trường THCS Long Điền Đông B)	Đến cầu Châu Điền (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông 5 Chơ)	1,00	
61	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

42. XÃ LONG ĐIỀN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khu vực chợ Cây Giang	Bắt đầu từ Trạm cấp nước sạch	Đến Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	1,15	
2	Cây Giang - Châu Điền	Bắt đầu từ Đình Thần (giáp Trường TH Nguyễn Bình Khiêm)	Đến đầu cầu Chín Bình	1,15	
3	Cây Giang - Châu Điền	Bắt đầu từ cầu Chín Bình	Đến giáp ranh xã Đông Hải	1,15	
4	Hương lộ Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Rạch Rắn (Giáp ranh Phường 1)	Đến cầu Rạch Giồng	1,15	
5	Hương lộ Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Rạch Giồng	Đến Cầu Tư Cồ	1,10	
6	Hương lộ Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Tư Cồ	Đến cổng chào (giáp đất nhà ông Tô Văn Tuấn)	1,15	
7	Cầu Rạch Rắn - Cầu Vĩnh	Bắt đầu từ cầu cầu Rạch Rắn	Đến Cầu Vĩnh	1,10	
8	Áp Rạch Rắn - Thanh Trị	Bắt đầu từ cầu Vĩnh	Đến kinh Xáng Hộ Phòng	1,10	
9	Thanh An - Cây Dương	Bắt đầu từ cầu Miếu Bà Thủy	Đến Cầu Đường Đào	1,10	
10	Đường Long Điền Tiền	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiền (giáp Giáp đường Giá Rai - Gành Hào) (tên cũ: Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiền (giáp Giáp Giá Rai Gành Hào)	Đến Cầu Ngã Tư	1,00	
11	Thanh 2 - Cây Dương (tên cũ: Thanh II - Cây Dương)	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	1,00	
12	Hòa 1 - Đại Điền (tên cũ: Hòa I - Đại Điền)	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào)	Đến Cầu Thanh Niên	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
13	Đại Điền - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	giáp Đường Long Điền Tiến (tên cũ: Đến Cầu Trường THCS Phan Ngọc Hiến)	1,10	
14	Đường lộ Cây Dương A - Kênh Tư Cồ	Bắt đầu từ cầu Cây Dương (tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Duyên)	Đến giáp lộ Gành Hào - Hộ Phòng	1,10	
15	Đường Giá Càn Bẫy	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường Giá Rai (tên cũ: Đến giáp ranh Phường 1)	1,00	
16	Đường lộ khóm 6	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Bà Thủy	Đến giáp phường Hộ Phòng	1,10	
17	Đường Chà Là	Bắt đầu từ giáp Lộ chợ Cây Giang	Đến đường cống Chín Tài	1,10	
18	Đường Chà Là	Bắt đầu từ đường cống Chín Tài	Đến giáp xã Đông Hải	1,10	
19	Đường lộ cũ Cây Giang (tên cũ: Đường lộ cũ Cây Gianng)	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Đông Hải	1,00	
20	Tuyến Thọ Điền	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp co nhà Ba Trường	1,10	
21	Đường GTNT Công Điền - Mười Xứ, xã Long Điền	Bắt đầu từ ngã ba 10 Xứ	Đến giáp ranh nhà Ông Bảy Xứ	1,10	
22	Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh 2, xã Long Điền (tên cũ: Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh II, xã Long Điền)	Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh	Đến Long Điền Tiến, lộ nhựa	1,00	
23	Tuyến Đan Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Châu Thanh Đồi	Đến Ngã 3 Sông Công Điền	1,10	
24	Đường Hộ Phòng- Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá (giáp ranh Phường Giá Rai) (tên cũ: Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá)	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ cổng chào (nhà ông Tô Văn Tuấn)	Hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng (hai bên)	1,10	
26	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh đất Cây xăng Phương Hùng	Đến hết ranh đất Trường mẫu Giáo	1,00	
27	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh đất Trường mẫu Giáo	Đến cầu Trại Sò	1,10	
28	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Long Điền (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điền Hải (Gò Cát))	1,10	
29	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Long Điền (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Bia tưởng niệm xã Điền Hải (Gò Cát))	Đến hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	1,10	
30	Tuyến Giá Rai- Gành Hào	Bắt đầu từ hết ranh khu đất Điện lực Đông Hải	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1,15	
31	Long Hà - Khâu (2 bên)	Bắt đầu từ đầu lộ HTX ấp Long Hà	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1,10	
32	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiếm	1,15	
33	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Tô Thị Khiếm	Đến tiếp giáp đường Tư Cồ- chùa Linh Ứng (tên cũ: Đến đầu lộ mới)	1,15	
34	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu tiếp giáp Lộ Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Diệp	1,15	
35	Kinh Tư - Khâu	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Lâm Hoàng Diệp	Đến tiếp giáp đường Tư Cồ- chùa Linh Ứng	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(tên cũ: Đến tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu)		
36	Kinh Tư - Khâu	Tiếp giáp lộ cũ Kinh Tư - Khâu	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1,15	
37	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai- Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ giáp Hương lộ)	Đến cầu Kinh Tư 2	1,15	
38	Kinh Tư - Long Điền Đông	Bắt đầu từ cầu Kinh Tư 2	Đến giáp ranh xã Đông Hải (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Đông)	1,15	
39	Áp Bờ Cảng - Doanh Điền	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến hết ranh đất nhà 5 Vinh	1,10	
40	Áp Bờ Cảng - Doanh Điền	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà 5 Vinh	Đến hết ranh đất nhà bà Hường	1,10	
41	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3 giáp đường Giồng Nhãn - Gò Cát (tên cũ: Đến trạm Bơm số 3)	1,00	
42	Đê Biển Đông (Áp Gò Cát)	Bắt đầu từ ngã 3 Chùa Linh Ứng (đê Biển Đông)	Đến giáp ranh xã Đông Hải	1,00	
43	Áp Gò Cát	Bắt đầu từ công ty Tôm giống số 1	Đến cầu Kênh Huyện Kê	1,10	
44	Đường dự án muối	Bắt đầu từ cầu Trại Sò	Đến chùa Linh Ứng	1,10	
45	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Từ giáp ranh xã Đông Hải	Đến kênh Huyện Kê (tên cũ: Đến giáp ranh xã Đông Hải)	1,00	
46	Đường Trước UBND xã Long Điền (mới)	Bắt đầu từ vòng xoay nhà ông Trục	Đến vòng xoay nhà bà Tuyết	1,10	
47	Đường vào khu dân cư xã Long Điền (tên cũ: Đường 2 dây nhà thu nhập thấp (nhà	Hết tuyến		1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	ở xã hội))				
48	Đường Cầu Cháy	Bắt đầu từ giáp ranh đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh xã Gành Hào (tên cũ: Đến giáp ranh xã Long Điền Tây)	1,10	
49	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ giáp đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Diêm Điền)	Đến sông Kênh Tư - Khâu	1,10	
50	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ giáp sông Kênh Tư - Khâu	Đến kênh Trại Sò	1,10	
51	Đường tránh Tư Cồ - chùa Linh Ứng	Bắt đầu từ kênh Trại Sò	Đến đường Giá Rai - Gành Hào (ấp Long Hà)	1,10	
52	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát (nhà ông Cao Văn An)	Giáp Đê Biền Đông (trạm Kiểm Lâm) (tên cũ: Giáp Đê Trường Sơn (Trạm kiểm lâm))	1,00	
53	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát	Đến nhà ông Nguyễn Văn Mười (đoạn dọc kênh Huyện Kệ)	1,10	
54	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu từ cầu Kênh Táo	Đến giáp đường Long Hà – Khâu (nhà ông Phùng Văn Tuấn)	1,10	
55	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu từ nhà ông Vũ Khánh Ninh	Đến nhà ông Trần Quang Sinh	1,10	
56	Đường ấp Long Hà	Bắt đầu tiếp giáp đường Giá Rai – Gành Hào (nhà ông Vũ Đức Tý)	Đến nhà ông Trần Quang Sinh	1,10	
57	Tuyến Đal Thanh An (đường nhà ông Dũng)	Giáp đường ông Trương Hùng Cừ	Đến nhà ông Cao Thanh Phong	1,10	
58	Tuyến Đal Cây Giang – Lộ cũ	Cầu giáp ấp 4 xã Đông Hải	Đến nhà ông Mã Thanh Nhân (giáp ấp Châu Điền, xã Đông Hải)	1,10	
59	Tuyến Đal Lung Củi – Thanh 2	Cầu ông Nguyễn Hùng Em giáp	Đến giáp lộ nhựa cầu Đường Đào	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		đường Lung Cúi	(đường Long Điền – An Trạch)		
60	Tuyến Đal Xóm Vịnh Thạnh Trị	Cầu Vịnh	Đến cầu từ thiện An Khang giáp ấp 4 phường Giá Rai	1,10	
61	Tuyến Khóm 6 – Đầu Lá	Cầu khóm 6 xóm Vườn Mía	Đến giáp cầu kênh Thổ Lác – giáp ranh phường Giá Rai	1,10	
62	Tuyến nhà ông Cao Thanh Phong – Đầu Lá	Giáp lộ đal khóm 6	Đường Hộ Phòng – Gành Hào	1,10	
63	Đường ấp Phiên – Thạnh 1	Giáp lộ nhựa Long Điền Tiên (Phạm Bảy Đen)	Đến nhà bà Huỳnh Như Liên	1,10	
64	Đường nhà ông Hai Cao – Thạnh 2	Giá đường Giá Rai – Gành Hào	Đến trường Tôn Đức Thắng	1,10	
65	Đường nhà ông Trương Văn Trọng	Giáp lộ nhựa Cây Dương (cầu Đường Đào)	Đến nhà ông Mười Danh	1,10	
66	Đường Lung Cây Xộp – Thạnh Trị	Giáp lộ nhựa Thạnh Trị	Giáp ấp Rạch Rắn	1,10	
67	Đường ngang nhà Bảy Bến	Đầu lộ nhựa Thạnh 2 (nhà ông Nguyễn)	Giáp Lung Cúi	1,10	
68	Đường nhà Ba Khía – Hòa 2	Nhà ông Ba Khía (đường Giá Rai – Gành Hào)	Đến nhà ông Hồ Văn Khởi – Thạnh 1	1,10	
69	Đường Kênh Bà Nguyệt – Rạch Rắn	Cầu Rạch Rắn (giáp đường Giá Rai – Gành Hào)	Giáp ấp Thạnh Trị	1,10	
70	Đường cống XiMon – Rạch Rắn	Cầu Rạch Rắn (giáp đường Giá Rai – Gành Hào)	Giáp khóm 4 phường Giá Rai	1,10	
71	Đường nhà ông Năm Máy Đèn	Giáp lộ nhựa Thạnh Trị	Giáp khóm 4 phường Giá Rai	1,10	
72	Đường nhà ông Tư Việt	Nhà ông Tư Việt	Đến cầu Bã Đầu	1,10	
73	Đường nhà ông Ngân – Thạnh Trị	Cầu Thạnh Trị	Đến giáp ấp Hòa Thạnh	1,10	
74	Đường 7 Túng – Hòa Thạnh	Cầu 7 Túng	Đến giáp đường nhà ông Ba Hữu ấp Cây Giang	1,10	
75	Đường nhà Sáu Công – Thạnh 1	Nhà ông Hồ Văn Khởi	Đến giáp lộ nhựa Long Điền – An	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Trạch		
76	Tuyến lộ đan dọc kênh Huyện Kệ	Từ cầu Kinh Tư 2	Đến cầu chợ Cây Giang	1,10	
77	Tuyến lộ đan Hoà Thạnh	Giáp đường Giá Rai - Gành Hào (cầu Hoà Trung)	Đến giáp ranh xã Đông Hải	1,10	
78	Tuyến đường dự án thành phần số 7	Giáp ranh xã Đông Hải	Đến cầu nhà ông Ru Y (kênh Dân Quân)	1,10	
79	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,05	
80	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
81	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

43. XÃ ĐỊNH THÀNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cầu Bà Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến cổng ông Thường (ấp Lung Chim)	1,10	
2	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cổng ông Thường (ấp Lung Chim)	Cổng Sáu Tiều	1,10	
3	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Cổng 6 Tiều	Đến cổng ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thề)	1,10	
4	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc	Bắt đầu từ cổng ngang lộ (giáp đất Hai Tài, ấp Cây Thề)	Đến cổng Sáu Chuẩn (Giáp ranh xã An Trạch)	1,10	
5	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu Giáp đường An Trạch - Định Thành -An Phúc	Đến cầu ngã Ba Miếu	1,10	
6	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu từ cầu ngã Ba Miếu	Đến cầu Tư Độ	1,00	
7	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Bắt đầu từ cầu Tư Độ	Đến ngã ba Long Phú	1,00	
8	Tuyến Lung Chim - Cây Giá	Từ cầu Tư Độ (tên cũ: Bắt đầu từ ngã ba Long Phú)	Đến nhà ông Út Dân (giáp xã An Trạch)	1,00	
9	Tuyến Lung Xinh	Bắt đầu từ Cổng Sáu Tiều	Đến cầu bà Xia (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Đầu)	1,00	
10	Tuyến Lung Xinh	Bắt đầu từ cổng chào ấp Lung Xinh	Đến Cổng chào ấp Cây Thề	1,00	
11	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ cầu ngã Ba Miếu (tên cũ: Bắt đầu từ Thánh tịnh Hắc Long Môn)	Đến Cầu Hai Sang ấp Cây Giá	1,00	
12	Tuyến Xóm Chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Toàn	Đến trụ sở Ấp Lung Chim	1,10	
13	Tuyến Kinh Xáng - Chòi Mòi	Bắt đầu từ Cầu Ba Tòa (giáp ranh xã An Phúc)	Đến Cầu xã Thành (Ngã ba Long Phú)	1,00	
14	Tuyến Trạm cấp nước - Xóm chùa - Lung Chim	Bắt đầu từ giáp đường An Trạch - Định Thành - An Phúc	Đến tiếp giáp tuyến Xóm chùa - Lung Chim (Nhà ông Lê Văn Toàn đến trụ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			sở ấp Lung Chim)		
15	Kinh Xáng Cống	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Nhạc-ấp Lung Rong (Giáp ấp 4, xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau)	Đến ngã 3 Đầu Xáng cống, ấp Kinh Xáng	1,00	
16	Đường Lung Lá - Cây Sộp, xã Định Thành A	Bắt đầu từ UBND xã Định Thành A	Đến cầu BT (Ngã 3 Cây Sộp)	1,00	
17	Tuyến Đầu Xáng Cống - Phan Mầu - Cái Xu	Bắt đầu kênh Xáng Cống	đến nhà ông Ba Nhạc	1,00	
18	Tuyến kênh Sáng - kênh Ngang	Bắt đầu từ Đầu Kênh Sáng	Đến hết Kênh Ngang	1,00	
19	Tuyến kênh Phan Mầu - Lung Lá	Bắt đầu từ đầu Cầu Phan Mầu	Đến rạch Lung Lá	1,00	
20	Tuyến rạch Láng Xéo	Bắt đầu từ Cầu Lung Rong	Đến Cầu Hùng Liễu	1,00	
21	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	1,00	
22	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phước	Đến Cầu Bà Tòa	1,00	
23	Tuyến An Trạch - Định Thành - An Phúc - Gành Hào (ĐT.982)	Bắt đầu từ Cầu Cái Keo	Đến Vàm Xáng	1,00	
24	Tuyến An Phúc - Định Thành ĐH.55	Bắt đầu từ cầu Cái Keo	Đến cầu Hai Miên	1,00	
25	Tuyến An Phúc - Định Thành ĐH.56	Bắt đầu từ cầu Hai Miên	Đến cầu Xã Thàng	1,00	
26	Tuyến Đông Cái Keo	Bắt đầu từ cầu Cái Keo (mới)	Đến hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
27	Tuyến Đông Cái Keo	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Tô Văn Giàu	Đến hết kênh Huyện Tịnh (tên cũ: Đến Nhà ông Trần Liên An)	1,00	
28	Tuyến Xã Thàng - Mười Chì	Bắt đầu từ cầu Xã Thàng	Đến ranh đất ông Trần Văn Sơn	1,00	
29	Tuyến Xã Thàng - Mười Chì	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sơn	Cầu Mười Chì	1,00	
30	Đường Kênh Đê xã An Phúc	Bắt đầu từ cầu Rạch Bần	Đến kinh 773 Phước Thắng	1,00	
31	Vàm Sáng - 6 Thước	Bắt đầu từ đường nhựa ĐT.982	Đến kênh Sáu Thước	1,30	
32	Kênh Hai Nhiệm	Bắt đầu từ Cầu Phước Thắng A	Đến hết ranh đất nhà ông Hà Hồng Thanh	1,00	
33	Kênh Hai Nhiệm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Năm	Đến ranh đất nhà ông Tống Văn Thái	1,00	
34	Kênh số 1	Bắt đầu từ ranh trường THCS Lương Thế Vinh (Điểm lẻ - ấp Minh Thìn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lực	1,00	
35	Cống Đá	Bắt đầu từ Cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Linh	1,00	
36	Cựa Gà (Đường An Phúc - An Trạch: ĐH.53)	Bắt đầu từ Cầu Cựa Gà	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thúc (giáp xã An Trạch)	1,00	
37	Tuyến Khúc Chéo - Giếng Sen - 5 Qườn	Bắt đầu từ Cầu Khúc Tréo	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Qườn	1,00	
38	Kênh Góc Khai	Bắt đầu từ Cầu Góc Khai	Đến Chùa Lá (Tên cũ: Đến Cầu Ba Hòa)	1,00	
39	Lung Su	Bắt đầu từ Cầu Lung Su	Đến kênh Nhà nước (giáp xã An Trạch)	1,00	
40	Ngã Tư Lung Su - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Hội Đồng Hương	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Khởi	1,00	
41	Lợi Điền	Bắt đầu từ Cầu Lợi Điền	Đến bến phà ông Trần Văn Hiền	1,00	
42	Ngã Tư Lợi Điền - Kênh số 1	Bắt đầu từ Cầu Bắc Lợi Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Quán	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
43	Tuyến Láng Xéo (ấp Lung Rong)	Bắt đầu từ cầu Miếu ông Tà	Đến nhà ông Nguyễn Văn Tài	1,00	
44	Tuyến ấp Lung Lá	Bắt đầu từ cầu Ba Chuôi	Đến nhà ông Chín Tươi (ấp Lung Lá)	1,00	
45	Ấp Phan Màu, Lung Lá	Bắt đầu cầu ông Bảy Tấn (ấp Phan Màu)	Đến nhà ông Cao Minh Chánh (ấp Lung Lá)	1,00	
46	Tuyến đường kênh Xáng	Bắt đầu cầu ánh sao (ấp kênh Xáng)	Đến nhà ông Phú Quốc Thới	1,00	
47	Tuyến đường ấp Hòa Phong	Bắt đầu từ nhà ông Phạm Thành Nhung (ấp Hòa Phong)	Đến nhà ông Nguyễn Thanh Hồng	1,00	
48	Đường Bà Tòa	Bắt đầu giáp đường nhựa ĐT 982	Đến cầu kênh Ngang	1,00	
49	Bảy An	Bắt đầu giáp đường nhựa ĐT 982	Đến nhà ông Nguyễn Văn Chiến	1,00	
50	Phạm Thế Hùng	Bắt đầu đất ông Huỳnh Văn Thum	Đến nhà bà Tạ Thị Lợi	1,00	
51	Tuyến Lung Chim- Chòi Mòi	Bắt đầu trụ sở ấp Lung Chim	Đến giáp lộ ĐT982	1,00	
52	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
53	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
54	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

44. XÃ AN TRẠCH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp Thành Thường-Thành Thường A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Luyến giáp lộ nhựa tuyến An Trạch - Định Thành	Đến cầu Vàm Bộ Buổi (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng (Vàm Bộ Buổi))	1,20	
2	Ấp Văn Đức A-Văn Đức B (tên cũ: Văn Đức A-Văn Đức B-Anh Dũng)	Từ kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tính	Đến cầu Chiêu Liêu (tên cũ: Đến hết ranh trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh)	1,00	
3	Ấp Văn Đức B - Anh Dũng	Từ cầu Chiêu Liêu	Đến kênh Chín Cắn	1,00	
4	Ấp Văn Đức B Hoàng Minh A-Hoàng Minh	Từ cầu Chiêu Liêu (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Dũng)	Đến cầu Bàu Chứa (Rạch Bàu Chứa) (tên cũ: Đến hết ranh trường Tiểu học Hiệp Thành (Hoàng Minh))	1,00	
5	Ấp Văn Đức A-Văn Đức B-Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ranh đất trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đến kênh Điền Cô Ba	1,00	
6	Ấp Hoàng Minh A	Bắt đầu từ cầu Chiu Liêu (tên cũ: Bắt đầu từ cầu nhà bà Tạ Thị Gấm)	Đến kênh Hiệp Thành	1,00	
7	Ấp Thành Thường-Văn Đức A	Bắt đầu từ đầu đường Thành Thường - Thành Thường A (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Ca Thị Bảnh)	Đến giáp ranh Cây Thề, xã Định Thành	1,20	
8	Ấp Hiệp Vinh	Bắt đầu từ ngã Ba ấp Anh Dũng	Giáp lộ nhựa 3,5m Thành Thường - Thành Thường A	1,00	
9	Đường GTNT Văn Đức A, xã An Trạch	Bắt đầu từ giáp lộ nhựa 3m5 (Nhà ông Tạ Văn Sáng)	Đến Ấp Lung Xinh	1,00	
10	Đường liên ấp Thành hướng B đến ấp Thành Thường C	Bắt đầu từ cầu Vàm Bộ Buổi (ấp Thành Thường B)	Đến cầu Kênh Bảy Gõ (ấp Thành Thường C)	1,20	
11	Đường liên Ấp Thành Thường B	Từ Đình Nguyễn Trung Trực (Thành	Đến cầu ngã ba Kênh Tây (Ba	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đến ấp Ba Mến	Thường B)	Mến)		
12	Ấp 1, Đường kênh Giáo Quang	Bắt đầu từ Trường Tiểu Học Giáo Quang	Đến Cầu 10 Nghĩa	1,00	
13	Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã	Đến kênh nhà nước	1,00	
14	Ấp 2, Kênh Nhà Nước	Bắt đầu từ kênh 6 Thước (Nhà ông Lý Văn Mến)	Đến cầu Láng Đước (Nhà ông Võ Văn Lén)	1,00	
15	Ấp Ba Mến đến ấp Quyết Chiến, Quyết thắng	Bắt đầu từ cầu Họa Đồ (tên cũ: Bắt đầu từ Đầu Họa Đồ)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến Xóm Trà Thê, Gạch ông qua Trường học Kênh Xáng)	1,00	
16	Tuyến Kênh Xáng Hộ Phòng - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh Khóm 3 - phường Giá Rai	Đến Cây Xăng Ấp 2	1,00	
17	Đường GTNT Vàm Bộ Buổi - Kênh Tây, xã An Trạch A	Bắt đầu từ Lộ nhựa	Đến cầu Kênh Tây	1,00	
18	Tuyến Kênh Giữa	Bắt đầu từ Lộ đan giáp đường bê tông 3,5 mét	Đến cầu Gạch Ong (tên cũ: Đến nhà ông Đường Văn Thừa)	1,00	
19	Chệt Khọt - Bùng Binh - Giá Rít	Bắt đầu từ Cầu Chệt Thọt	Đến cầu Giá Rít (tên cũ: Đến Ngã Ba nhà ông Lê Minh Đáng, nhà ông Huỳnh Văn Tánh)	1,00	
20	Đường Ấp Quyết Thắng	Bắt đầu từ Cầu Giá Rít	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào	1,00	
21	Tuyến Gạch Ong - Trà Thê	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Nghiệp	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	1,00	
22	Ấp Thành Thường B, kinh Lung Nhất	Từ đường liên ấp Thành hướng B đến ấp Thành Thường C	Đến hết đường kênh Lung Nhất (tên cũ: Đến nhà	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		(tên cũ: Bắt đầu từ nhà bà Trần Bé Hai)	ông Đào Văn Khởi)		
23	Ấp Ba Mến A, Phía Bắc Kinh Tây	Bắt đầu từ cầu kênh Tây (tên cũ: Bắt đầu từ Nhà ông Nguyễn Văn Khởi)	Đến cầu trước UBND xã (tên cũ: đến Nhà bà Nguyễn Thị Chín)	1,00	
24	Ấp 1, Kinh Sáu Thước Nhỏ	Bắt đầu từ cầu Mười Nghía (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Cuối)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà bà Lê Ngọc Thắm)	1,00	
25	Ấp 1, kinh Ba Tỉnh	Từ cầu Vàm Ba Tỉnh (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Đào Văn Út)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	1,00	
26	Ấp Quyết Chiến, Kinh Ba Tỉnh	Bắt đầu từ Đường liên ấp Ba Mến đến Ấp 2 (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Giáo Quan)	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Đến nhà ông Tạ Văn Ngọc)	1,00	
27	Ấp 2, kinh Trà Ké	Từ đường Hộ Phòng - Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Dương)	Đến nhà ông Lê Văn Chinh	1,00	
28	Ấp 2, Kinh Thanh Niên	Bắt đầu từ kênh Thanh Niên Lớn tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Cường	Đến hết kênh Thanh Niên Nhỏ (tên cũ: Đến nhà ông Võ Văn Cận)	1,00	
29	Ấp Ba Mến	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Nghét - sửa: Từ Cầu Họa Đồ	Đến nhà ông Huỳnh Văn Rợ nối dài ấp Thành Thưởng B	1,00	
30	Ấp Ba Mến, tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ cầu kênh Cùng	Đến nhà bà Giả Thị Ảnh	1,00	
31	Tuyến Văn Đức A- cầu Cây Ót	Ngã 3 Nguyễn Thanh Bình	Cầu Cây Ót	1,00	
32	Tuyến Kinh Cùng ấp Thành Thưởng A	Từ cầu Kênh Cùng	Đến hết đường	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
33	Tuyến Bào Chứa – Lung Lá	Từ cầu Bào Chứa	Đến giáp ranh xã Định Thành	1,00	
34	Tuyến Vườn Cò – Lung Lá	Từ cầu Bào Chứa	Đến giáp ranh xã Định Thành	1,00	
35	ấp Ba Mến A – Xóm Giữa	Từ cầu treo (kênh Điền Cô Ba)	Cầu Vàm Bộ Bưởi	1,00	
36	Tuyến kênh Láng Chảo	Từ cầu Láng Chảo	Đến kênh Máng Dơi	1,00	
37	Tuyến kênh Thà	Từ cầu Khúc Tréo	Đến cầu Hữu Nghị	1,00	
38	Ấp Ba Mến A, Phía Nam Kinh Tây	Từ UBND xã	Đến cầu Kinh Tây	1,00	
39	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
40	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
41	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,00	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,00	

45. XÃ HÒA BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)	Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến cầu Hoà Bình 2 (Phía TT thương mại)	1,10	
2	Đường Lê Thị Riêng (Trung tâm chợ)	Quốc lộ 1 (Chốt đèn đỏ)	Đến hết Cầu Hoà Bình 2 (Phía nhà 2 Nghiem)	1,10	
3	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Cái Tràm (Giáp ranh H. Vĩnh Lợi)</i>)	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hong Đông)	1,10	
4	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Trần Huỳnh (Nhà ông Hong Đông)	Đến đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	1,10	
5	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Trần Văn Lắm (Nhà ông Tôn Khoa)	Đến đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	1,10	
6	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ đường Lê Thị Riêng (Đèn xanh đèn đỏ)	Đến cầu Địa Chuối	1,10	
7	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ qua cầu Địa Chuối	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (<i>Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B</i>)	1,10	
8	Hẻm 1 (Đường nhà ông Đoàn Thanh Bắc)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu- Cà Mau	1,10	
9	Đường Nhạc Khi (đường vào Láng Giải)	Quốc lộ 1A lộ dưới	Đến cầu Láng Giải	1,10	
10	Đường Bàu Sen	Bắt đầu từ trụ sở ấp Láng Giải	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (xã Minh Diệu cũ)	1,10	
11	Đường Nguyễn Trung Trực (đường vào Láng Giải A)	Quốc lộ 1A lộ trên	Đến cầu Láng Giải	1,10	
12	Hẻm 3 (nhà ông Suốt)	Quốc lộ 1A	Bờ sông kênh Bạc Liêu - Cà Mau	1,10	
13	Đường 30/4 (đường Trại tạm)	Quốc lộ 1A	Đến trại tạm giam	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	giam)				
14	Đường Trần Huỳnh	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,10	
15	Đường Trần Huỳnh (Nội Ô Khu Dân Cư)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,10	
16	Đường cấp Huyện Ủy	Quốc lộ 1A	Đến chùa cũ	1,10	
17	Đường Lê Quý Đôn (Đường Trg. Tiểu học Hòa Bình A)	Quốc lộ 1A	Đến Bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,10	
18	Hẻm 2 (Lộ nhà ông Tư Thắng) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Kênh Chùa cũ- Hẻm nhà ông Thầy Ngô Hán Uý	1,10	
19	Đường Trần Văn Lắm - Đường Sân vận động (ấp thị trấn A)	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu- Cà Mau	1,10	
20	Hẻm 4 (Lộ tế cấp Buru Điện) ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Lợi	1,10	
21	Đường cấp Hội Đồng Y cũ ấp thị trấn A	Quốc lộ 1A	Đến bờ sông kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	1,10	
22	Hẻm 6 (Hẻm Phòng Tài chính cũ) Ấp thị trấn A1	Bắt đầu từ phòng Tài chính cũ	Đến hết ranh đất nhà ông Quận	1,10	
23	Hẻm 8 (Đường nhà ông Bùi Huy Chúc) Ấp thị trấn A1	Quốc lộ 1A	Đến kênh Chùa cũ	1,10	
24	Hẻm nhà bà Ky	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Trường	1,10	
25	Hẻm 10 (Đường Hoà Bình-Minh Diệu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Chấn	Đến giao lộ	1,10	
26	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Quốc lộ 1A (Đèn xanh đèn đỏ)	Đến giao lộ	1,10	
27	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình	Bắt đầu từ giao lộ (ngã ba nhà ông Hào)	Đến cầu Hàng Bản	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Minh Diệu)				
28	Đường Trần Văn Hộ (Lộ Hòa Bình - Minh Diệu)	Cầu Hàng Bần	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Minh Diệu)	1,10	
29	Đường 19/5 (Đường quây hàng Thanh niên)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng Cà Mau-Bạc Liêu	1,10	
30	Đường 1/5 (Đường chợ giữa)	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Quý (Quốc lộ 1)	Đến công chợ mới	1,10	
31	Hẻm 7 (Đường nhà Bác sĩ Lầu)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bác sĩ Lầu (Quốc lộ 1)	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Phước (lộ Kênh Xáng CM-BL)	1,10	
32	Hẻm 9 (Đường cấp Chùa Mới) Áp thị trấn B	Quốc lộ 1A	Đến kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau	1,10	
33	Đường cấp Bệnh Viện	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bùi Văn Tươi	1,10	
34	Hẻm 12 (Cầu Đĩa Chuối) Áp thị trấn B1	Quốc lộ 1A	Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B)	1,10	
35	Hẻm 16 (Đường nhà ông Bành Út)	Quốc lộ 1A	Đến hết ranh đất nhà bà Thạch Thị Phước	1,10	
36	Đường 3/2 (Đường cấp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến chùa Hòa Bình mới	1,10	
37	Đường 3/2 (Đường cấp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ cầu chợ Hoà Bình	Đến sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	1,10	
38	Đường 3/2 (Đường cấp Kênh Xáng)	Bắt đầu từ sân vận động (ngã ba đường Trần Văn Lắm)	Đến hết ranh Khu Dân Cư ven sông	1,10	
39	Đường 3/2 (Đường cấp Kênh Xáng)	Bắt đầu hết ranh Khu Dân Cư ven sông	Đến vựa cát đá ông Hiệp	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Đường Nhà Ba Công	Bắt đầu từ ranh đất trường mầm non Hoa Hồng	Đến đường Trần Huỳnh (Nhà Sáu Giáo)	1,10	
41	Lộ giáp đường Trần Huỳnh	Bắt đầu từ ranh đất nhà Hai Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Công Giả	1,10	
42	Đường nhà ông Liêu Tài Ngoánh	Bắt đầu từ sân vận động	Đầu lộ vào chợ Hòa Bình (nhà ông Bắc)	1,10	
43	Bảy Tập Kết	Bắt đầu từ sông kênh Xáng Bạc Liêu Cà Mau	Đến hết ranh đất nhà ông Cao Cừ	1,10	
44	Đường Đông Thắng	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Nhàn	1,10	
45	Đường Cựa Gà	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Vũ	1,10	
46	Lộ nhà ông Phước	Bắt đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đến hết ranh đất nhà ông Một	1,10	
47	Đường nhà ông Năm Thanh (DH15)	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến hết ranh đất Ấp thị trấn A1	1,10	
48	Đường nhà ông Năm Thanh (DH15)	Bắt đầu hết ranh đất Ấp thị trấn A1	Đến cầu Đoàn Thanh Niên Láng Giài	1,10	
49	Tuyến đường sau chùa cũ	Bắt đầu từ cầu Sơn Lợi	Đến chùa cũ	1,10	
50	Đường Chùa cũ-Láng Giài	Bắt đầu từ cầu Lâm Út	Đến đường Nhạc Khị (Láng Giài)	1,10	
51	Ấp Thị trấn B	Bắt đầu giáp đường 3/2	Đến hết ranh đất nhà ông Lượ (QL1)	1,10	
52	Đường vào trụ sở Ấp thị trấn B	Bắt đầu giáp đường Trần Văn Hộ	Đến trụ sở ấp thị trấn B	1,10	
53	Hẻm cặp nhà ông Hai Nghiêm	Bắt đầu giáp đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất nhà bà Điệp	1,10	
54	Đường bờ nam kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Bắt đầu từ giáp ranh xã Long Thạnh cũ (huyện Vĩnh Lợi)	Đến kênh 6 Tập (xã giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A)	1,10	
55	Đường kênh 30/4	Bắt đầu từ ranh đất Trại cây Năm Hiền	Đến Ấp Toàn Thắng - Vĩnh Hậu	1,10	
56	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu từ cầu Hoà Bình 2	Đến hết ranh đất điện lực	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
57	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Bắt đầu hết ranh đất Điện Lực	Đến Đập Cây Trương (<i>Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A</i>)	1,10	
58	Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A cũ)	Bắt đầu từ ngã ba đường Lê Thị Riêng	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	1,10	
59	Đường Phan Thị Tư (Lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A cũ)	Đến hết ranh đất trường Mầm Non Hoàng Oanh	Đến giáp ranh ấp Châu Phú (<i>Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ A</i>)	1,10	
60	Ấp Chùa Phật	Bắt đầu từ cầu Dương Châu	Đến kênh ông Bầu	1,10	
61	Tuyến Xóm Chạy	Bắt đầu từ lộ Hoà Bình - Vĩnh Mỹ A	Đến hết ranh đất nhà ông Sơn Xưa	1,10	
62	Rạch Miếu Bà	Bắt đầu từ cầu Cái Tràm	Đến kênh Cái Phóc	1,10	
63	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cô Hạnh	Đến hết ranh đất nhà Cô Ba	1,10	
64	Kênh 18 Thước (ấp Thị trấn A1 ấp Láng Giải)	Bắt đầu từ kênh 18 thước	Đến giáp ấp 21, xã Minh Diệu	1,10	
65	Tuyến đường Ấp Láng Giải A - giáp Long Thạnh (<i>Tên cũ: Tuyến đường Ấp Láng Giải A - giáp xã Long Thạnh</i>)	Bắt đầu từ nhà ông Sáu Nhỏ	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Quý	1,10	
<i>Khu Trung Tâm Thương Mại</i>					
66	Đường số 01	Quốc Lộ 1A	Cuối đường	1,10	
67	Đường số 02	Quốc Lộ 1A	Cuối đường	1,10	
<i>Khu dân cư lò gạch</i>					
68	Đường số 27	Giáp đường Trần Huỳnh	Cuối đường	1,10	
69	Đường số 28	Giáp đường Trần Huỳnh	Cuối đường	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
70	Các đường nội bộ trong dự án			1,10	
	Khu dân cư ven sông				
71	Đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Quốc Lộ 1A	Bờ sông Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,10	
72	Đường số 1	Giáp đường số 4	Hết ranh lô B15	1,10	
73	Đường số 2	Giáp đường số 4	Giáp đường số 3	1,10	
74	Đường số 3	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Giáp đường số 1	1,10	
75	Đường số 4	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Hết ranh lô C08	1,10	
76	Đường số 5	Giáp đường Lò gạch cũ (Đường Lò Gạch Đại Quảng)	Giáp đường 3/2	1,10	
77	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu ông Nghĩa	1,10	
78	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Bánh Bò	1,10	
79	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến hết ranh đất Trg. Tiểu học Vĩnh Mỹ A1	1,10	
80	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến cầu Miếu Thành Hoàng	1,10	
81	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến nghĩa địa Phước Hải	1,10	
82	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ cầu chợ	Đến Chùa Hưng Mỹ Tự	1,10	
83	Đoạn chợ Vĩnh Mỹ A (lộ giao thông nông thôn)	Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến ngã 3 hết ranh đất nhà ông Độ	1,10	
84	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Ông Sang	1,10	
85	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Sang	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)		
86	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu 6 Tập	Đến nghĩa địa Phước Hải	1,10	
87	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư nghĩa địa Phước Hải	Đến cầu Tào Lang	1,10	
88	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến cầu rạch Vinh	1,10	
89	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu rạch Vinh	Đến cảng cầu cảng Bà Cồng	1,10	
90	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu rạch Vinh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)	1,10	
91	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Sáu Tập (ấp 15a)	Đến ngã Ba Xóm Lung	1,10	
92	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ranh đất trường TH Vĩnh Mỹ A 2	Đến giáp ấp Vĩnh Bình- Xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ấp Vĩnh Bình- Xã Vĩnh Thịnh)	1,10	
93	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Thịnh)	1,10	
94	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã Ba Cầu treo (Tên cũ: Bắt đầu từ ngã Ba nhà ông Ruộng)	Đến nhà thờ ấp Châu Phú	1,10	
95	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh Bò (Tên cũ: Bắt đầu từ ngã 3 nhà ông Quân)	Đến nghĩa địa Đất Thánh (hết ranh đất ông Lê Văn Lâm)	1,10	
96	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu 5 Đẩu	Đến cầu Ngọc Thanh 2 (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến)	1,10	
97	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến Salaten Vĩnh Tân (Tên	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			<i>cũ: Đến ranh đất nhà ông Tăng Bảy)</i>		
98	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Rấn	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	1,10	
99	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Ông Vạn	Đến giáp kênh Vĩnh Thành	1,10	
100	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Kênh Ngang (ấp Vĩnh Tiến)	Đến cầu kênh Ngang (ấp Vĩnh Tân)	1,10	
101	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu Châu Phú	Đến cầu Ông Rấn (<i>Tên cũ: Đến giáp ngã ba kênh ông Liếm</i>)	1,10	
102	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ cầu ông Tuấn	Đến lộ Hòa Bình - Vĩnh Mỹ A	1,10	
103	Đường Vĩnh Mỹ A-Vĩnh Thịnh	Bắt đầu từ ngã tư Đình	Đến cầu ông Nghĩa	1,10	
104	Ấp Vĩnh Tiến	Bắt đầu từ ngã ba cầu Bánh bò (Châu Phú)	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Phần	1,10	
105	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu Một (cầu 5 Thanh) (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Thanh</i>)	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chiến	1,10	
106	Đường liên ấp xã Vĩnh Mỹ A	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu Một (cầu 5 Thanh) (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ cầu 5 Thanh</i>)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Hoàng Dũng	1,10	
107	Ấp Vĩnh Tân	Bắt đầu từ cầu Ông Rấn	Đến hết ranh đất nhà ông Tăng Bảy	1,10	
108	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Cái Hươu	Đến cầu 3 Chư	1,10	
109	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	1,10	
110	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ ngã 3 Xóm Lung (Tu muối cũ)	Đến cầu Cây Vong	1,10	
111	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Tào Lang	Đến giáp ngã 3 kênh Tào Lang - kênh 5 Đầu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
112	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Chư	Đến hết ranh đất của ông Nguyễn Công Khanh	1,10	
113	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Bà Thê	Đến cầu ông 5 An	1,10	
114	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 3 Bình	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Vui	1,10	
115	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Nghi	Đến cầu Đám Lá	1,10	
116	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Út Lác	Đến hết ranh đất ông Trần Quốc Thái	1,10	
117	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Bà Lan	Đến hết nhà ông Hùng	1,10	
118	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu 4 Chà	Đến hết ranh đất bà Nguyễn Thị Trang	1,10	
119	Đường Lê Thị Riêng (Đường đi Vĩnh Hậu)	Đập Cây Trương (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ ranh thị trấn Hòa Bình</i>)	Đến Cầu Lung Lớn	1,10	
120	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ cầu Sập (Cầu Dàn Xây)	Đến ngã 3 Huy Liệu	1,10	
121	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ ngã 3 Huy Liệu	Đến ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	1,10	
122	Quốc lộ 1 (đoạn đi qua Phường 7 đến hết Phường 8 trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu cũ)	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Nguyễn Du	Đến cầu Cái Tràm	1,10	
123	Đường ven Kênh Xáng Bạc Liêu - Cà Mau bên Quốc Lộ 1 (trừ các tuyến đường đã có giá)	Bắt đầu từ cầu Sập	Đến cầu Cái Tràm (giáp ranh huyện Hòa Bình)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
124	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến trạm Y tế xã Long Thành cũ (Tên cũ: Đến trạm Y tế xã Long Thạnh)	1,10	
125	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa (đoạn bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh đến giáp ranh huyện Hòa Bình cũ, theo địa giới hành chính xã Hòa Bình))	Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ trạm Y tế xã Long Thạnh)	Đến cầu Bảy Phát (Tên cũ: Đến đường vào trụ sở mới xã Vĩnh Hưng)	1,10	
126	Đường tỉnh 978 (Tên cũ: Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa (Lộ rẽ bờ sông Cầu Sập))	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Quý tín dụng)	Đến cây xăng Minh Hoàng	1,10	
127	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	1,10	
128	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ ranh nhà văn hóa ấp Trà Khứa	Đến hết đường hiện hữu (Tên cũ: Đến hết ấp Trà Khứa (Nhà ông Châu))	1,10	
129	Lộ ấp Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Trà Khứa	Đến cầu Bà Thuận	1,10	
130	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Tràm Một	Bắt đầu từ giáp ranh phường Bạc Liêu (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh phường 8, thành phố Bạc Liêu)	Đến cống Cầu Sập	1,10	
131	Lộ Béc Hen Lớn - Tân Long - Tràm Một	Bắt đầu từ cống Cầu Sập (ngã tư đường)	Đến giáp xã Châu Thới	1,10	
132	Lộ Béc Hen lớn- Cây Điều	Bắt đầu từ cống Cầu Sập	Đến cầu 5 Râu	1,10	
133	Đường Cái Tràm A2- P.Thạnh 2	Bắt đầu từ cái Tràm A2 (Miếu Bà)	Đến sông Dân Xây	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
134	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đình Tân Long	1,10	
135	Đường vào Đình Tân Long	Bắt đầu từ Đình Tân Long	Đến chùa Ông Bồn	1,10	
136	Lộ Bàu Rán	Bắt đầu từ cầu 7 Cung	Đến Chợ Cái Tràm (QL1)	1,10	
137	Lộ Bàu Rán	Bắt đầu từ cống 7 Phát	Đến ngã tư 7 Lốc	1,10	
138	Lộ Thới Chiến	Bắt đầu từ cầu Ông Khém	Đến cầu Thanh Niên	1,10	
139	Đường Béc Hen Nhỏ - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Nhà văn hóa ấp Béc Hen Nhỏ	1,10	
140	Đường Béc Hen Nhỏ - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ Nhà văn hóa ấp Béc Hen Nhỏ	Đến cầu Bà Thủy	1,10	
141	Lộ nhánh nhà ông Trương Văn Nói	Bắt đầu từ Lộ Năm Cua - Cầu Sập	Đến giáp lộ rẽ bờ sông Cầu Sập	1,10	
142	Lộ Cái Tràm A1 (song song QL1)	Bắt đầu từ trường Tiểu học	Đến chùa Ông Bồn	1,10	
143	Đường nhánh Cái Tràm A1- Phước Thạnh 1	Các Tuyến đường nhánh từ Quốc Lộ 1	Đến sông Bạc Liêu	1,10	
144	Đường Phước Thạnh 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà ông Nguyễn Thành Thiệt)	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Dứa	1,10	
145	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đặng Văn Phước	1,10	
146	Đường Cái Tràm A 2	Bắt đầu từ cầu Ông Phước	Đến kênh 8 Thước (PT2)	1,10	
147	Đường Long Hà (Cái Tràm 2)	Bắt đầu từ cầu Nguyễn Thành Ký	Đến giáp ranh Hòa Bình	1,10	
148	Đường Dân Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tho	Đến kênh 8 thước (đất ông Phan Thanh Bình)	1,10	
149	Đường kênh ông Cấn	Bắt đầu từ cầu ông Cấn	Đến kênh 8 Thước (Nhà bà Lê Thị Kim Ba)	1,10	
150	Đường Cây Điều Tràm Một (Tên cũ: Đường Cây Điều)	Bắt đầu từ cầu 5 Râu	Đến cầu Miếu Bà (Tên cũ: Đến nhà ông Lê Văn Ngừa)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
151	Đường Béc Hen Nhỏ - Trà Khứa	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu bà Thuận	1,10	
152	Đường Tân Long - Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu 6 Tùng	Đến hết đường hiện hữu (Đất nhà ông Trương Lý Thạnh) (<i>Tên cũ: Đến cầu ông Rê</i>)	1,10	
153	Đường Tân Long - Hòa Linh (2 bên) (<i>Tên cũ: Đường Tân Long - Hòa Linh</i>)	Bắt đầu từ cống 6 Lợi	Đến cầu 7 Cung	1,10	
154	Đường Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ ngã tư Bảy Lốc	Đến cầu 7 Cung	1,10	
155	Đường Hòa Linh	Bắt đầu từ chợ Cái Tràm	Đến cầu ông Huỳnh	1,10	
156	Đường Béc Hen Lớn	Bắt đầu từ cầu ông Rê	Đến cầu ông Hường	1,10	
157	Đường Béc Hen Nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bùi Văn Tách	Đến hết ranh đất nhà ông Mã Văn Hấu	1,10	
158	Lộ Kênh bà Hai Sinh	Bắt đầu từ Đường tỉnh 978 (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa</i>)	Đến nhà ông Ngô Hoàng Oanh	1,10	
159	Lộ Hòa Linh - Bàu Ráng	Bắt đầu từ cầu ông Huỳnh	Đến cầu Ông Hiền	1,10	
160	Lộ Cây Điều - Tràm Một	Bắt đầu từ Cầu Miếu (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ Cầu Út Đèo</i>)	Đến cầu ông Liêm	1,10	
161	Lộ kênh 8 Thước	Bắt đầu từ lộ Dàn Xây (nhà ông Phan Thanh Bình)	Đến đường Cái Tràm A2	1,10	
162	Kênh Hàng Bần	Nhà bà Son	Đầu kênh 18 thước	1,10	
163	Kênh hàng bần	Đầu kênh 18 thước	Đến giáp ranh ấp 21, xã Minh Diệu cũ	1,10	
164	Đường trụ sở Ấp thị trấn A1	Từ trụ sở Ấp thị trấn A1	Đến nhà ông Hải	1,10	
165	Đường nhà Ông Hiệp (vựa cát đá Ông Hiệp)	Quốc lộ 1A	Đến kênh xáng CM - BL	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
166	Đường kênh Chùa nhỏ (phía đông)	Giáp đường Phan Thị Tư	Đến Cầu Dương Châu (Kênh xáng CM - BL)	1,10	
167	Đường Cặp Chùa cũ	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Tươi)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Ông Rô Be	1,10	
168	Đường rạch miếu Bà	Đầu kênh Cái Phóc	Đến kênh cô tuyệt (giáp Vĩnh Hậu)	1,10	
169	Đường Trần Văn Lắm	Giáp đường Trần Văn Lắm (nhà bà Thu Ao làng)	Đến ranh đất nhà Ông Bao	1,10	
170	Đường 3/2 (gần Chợ Hoà Bình)	Giáp đường 3/2 (nhà Bà Hải)	Đến ranh đất nhà Ông Danh	1,10	
171	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Cô Sao Mai)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Ông Thuận)	1,10	
172	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Lâm Cường)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà bà Huôl)	1,10	
173	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Thạch Du)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Ông Lâm Thiên)	1,10	
174	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà Ông Thoang)	Đến giáp tuyến đường sau Chùa Cũ (Nhà Bà Jếp)	1,10	
175	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà Ông Lý Phường)	Giáp hẻm 10 (Nhà Ông Giang)	1,10	
176	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà Bà Loan	Giáp hẻm 10 (Nhà Bà Quêl)	1,10	
177	Quốc lộ 1A (ấp Thị Trấn B)	Giáp QL 1A (nhà Ông Danh)	Đến ranh đất nhà Ông Ngô Long	1,10	
178	Quốc lộ 1A (ấp Thị Trấn B)	Giáp QL 1A (nhà Ông Côn gần Bến xe Mỹ nhung)	Đến ranh đất nhà Ông Út Hiền	1,10	
179	Đường Trần Văn Hộ	Giáp đường Trần Văn Hộ (nhà ông Thắng)	Đến ranh đất nhà Ông Vững	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
180	Hẻm 9 (Cặp Chùa Mới)	Giáp Hẻm 9 (nhà Ông Hiếu)	Đến hết ranh đất nhà Ông Quang	1,10	
181	Quốc lộ 1 A (ấp Thị Trấn B1)	Giáp QL 1A (nhà Ông Chí Hùng)	Đến hết ranh đất bà Sậy	1,10	
182	Đường kênh hàng bàn (phía Bắc)	Từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà Ông Lai	1,10	
183	Đường kênh Chùa nhỏ	Giáp đường Phan Thị Tư (Cầu Ông ruộng)	Đến ranh đất Vĩnh Mỹ A cũ (nhà Tạ Việt Thái)	1,10	
184	Đường ông Cơ	Từ cầu ông Thạnh (giáp kênh 30/4)	Đến cầu Thanh Niên (kênh Quốc Trường)	1,10	
185	Đường lòng chảo	Đầu cầu nhà bà Hào	Ranh đất nhà ông Ái	1,10	
186	Đường Trường Trung học cơ sở	Giáp Đường Trần Văn Hộ	Đến Trường Trung học cơ sở	1,10	
187	Đường cặp nhà gỗ xưa	Giáp Đường Phan Thị Tư	Đến ranh đất nhà ông Phạm Văn Huôi	1,10	
188	Đường qua cầu nhà thờ Tin Lành	Giáp Đường Phan Thị Tư	Đến ranh đất nhà ông Dương Đức Thắng	1,10	
189	Đường nhà ông Lý Thanh Phúc	Bắt đầu ranh đất nhà ông Lý Thanh Hiếu	Đến hết ranh đất nhà ông Trang Chí Linh	1,10	
190	Đường kênh 5 Hùng (ấp Cái Tràm B)	Giáp đường kênh 30/4	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Chiến	1,10	
191	Đường kênh quốc trường (ấp Cái Tràm B)	Giáp đường kênh xáng Cà Mau- Bạc Liêu	Ngã tư đường ông Cơ	1,10	
192	Đường Cầu Lâm Út – Láng Giải	Giáp đường Cầu Lâm Út – Láng Giải (nhà bà Tám)	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Phách	1,10	
193	Đường giáp Hẻm 9 (ấp Thị Trấn B)	Bắt đầu giáp hẻm 9 ông Hiếu	Đến hết ranh đất nhà ông Quan	1,10	
194	Đường kênh giáp phường 8	Cống phường 8	Nhà ông Phạm Văn Dũng	1,10	
195	Lộ Béc Hen Nhỏ	Cầu ông Tách	Nhà bà Nguyễn Thị Nói	1,10	
196	Ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Quốc Thái	Cầu Miếu	1,10	
197	Kênh 6 Tây	Bắt đầu từ cầu 6 Tây	Cầu Hữu Nghị	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
198	Xóm Lớn B - 15A	Bắt đầu từ cầu Miếu	Đến hết đất ông Bình	1,10	
199	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
200	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
201	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

46. XÃ VĨNH MỸ

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Hoà Bình	Đến nhà ông Nghiêm	1,10	
2	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 22)	Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	1,00	
3	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 23)	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến chùa Địa Chuối đường đi xã Vĩnh Bình	1,00	
4	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Thông	Đến cầu Đoàn Thanh Niên	1,10	
5	Đường Trảng Bèo	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dương Văn Thạch	Đến hết ranh đất nhà Ngô Thị Út Hồng (giáp ranh xã Châu Thới) (Tên cũ: giáp ranh xã Vĩnh Hưng-Vĩnh Lợi)	1,10	
6	Tuyến đường ấp 21	Bắt đầu từ cầu giữa (nhà ông Nguyễn Văn Kỳ)	Đến cầu Thanh Niên (nhà ông Trang Văn Út)	1,10	
7	Tuyến đường ấp 22 (đường ấp 21)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm	Đến giáp ấp Thị trấn B-Thị trấn Hoà Bình	1,10	
8	Tuyến đường Ấp 33	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến cầu Cẩm Vân	1,10	
9	Tuyến xóm Trại	Đầu cầu nhà ông 3 Oai	Đến vàm Xã Xín (nhà ông Nhường)	1,10	
10	Lộ nhựa ấp Trà Co -Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hai Kia	Đến hết ranh đất nhà ông Thái Hoàng Giang	1,10	
11	Đường Cầu Miếu ấp 33, ấp 36	Bắt đầu từ cầu Miếu ấp 33	Đến cầu nhà bà Lù	1,10	
12	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Bảy Phát	Đến cống nhà ông Bảo (Giáp ranh xã Châu Thới)	1,10	
13	Tuyến ấp 36	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Được	Đến Ấp 38 giáp Láng Giải	1,10	
14	Tuyến ấp 33	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Kiều	Đến ngã tư Trà Co (nhà ông Kía)	1,10	
15	Tuyến cầu Ba Bồi	Bắt đầu từ cầu Bà Bồi	Đến hết ranh đất nhà bà Tú Anh	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Tuyến ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến đầu cầu Tư Quân	1,10	
17	Tuyến Ninh Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 3 Huy	Đến hết ranh đất nhà ông Chệt	1,10	
18	Tuyến ấp Cá rô - 37	Bắt đầu từ cầu ông Cảnh	Đến hết ranh đất nhà ông 3 Thiện	1,10	
19	Tuyến ấp Trà Co – Hậu Bồi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Huân	1,10	
20	Tuyến Hậu Bồi 1- Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà Sáu Lương	Đến đầu cầu ông Ngoắc (Tên cũ: Đến đầu cầu nhà ông Mạnh)	1,10	
21	Tuyến Hậu Bồi 2	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Mạnh	Đến đầu cầu nhà ông Trường	1,10	
22	Tuyến ấp 37	Bắt đầu từ cầu nhà Sơn Đình	Đến cầu nhà ông Tùng, Giáp xã Hoà Bình (tên cũ: Giáp xã Long Thạnh, Vĩnh Lợi)	1,10	
23	Tuyến ấp 38	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chót (Ngã tư Bàu Sen)	Đến hết ranh đất nhà ông Đèo	1,10	
24	Đường ấp Hậu Bồi I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà ông Út Chiến	1,10	
25	Đường ấp 37	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc	1,10	
26	Ấp Nam Hưng	Bắt đầu từ cầu nhà ông Oai	Đến hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Thanh	1,10	
27	Ấp Nam Hưng-ấp Cá rô	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hậu	Đến cầu ông Phạm Thanh Hải	1,10	
28	Ấp Hậu Bồi 1	Bắt đầu từ cầu Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Gọn	1,10	
29	Ấp 36	Bắt đầu từ Miếu ấp 36	Đến hết ranh đất nhà bà Chín Hiệm	1,10	
30	Ấp Cá rô-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Chùa	Đến cầu ông Ân	1,10	
31	Tuyến đường Củi, Ấp 37 - 38	Bắt đầu từ cầu ông Ba Thành	Đến nhà ông Long	1,10	
32	Ấp 37-ấp 36	Bắt đầu từ cầu Tư Khiêu	Đến cầu ông Sung	1,10	
33	Ấp Trà Co	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ứng	Đến hết ranh đất nhà ông Dũng	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Tuyến đường ấp Trà Co - Hậu Bồi II	Bắt đầu từ nhà Bà Mầu	Lộ mới mở (Tên cũ: Đến nhà Bà Út)	1,10	
35	Tuyến đường Cá Rô, Ấp Cá Rô	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tư Hanh	Đến nhà ông Khởi (cầu Từ Thiện)	1,10	
36	Tuyến đường ấp Trà Co - Cá Rô	Bắt đầu từ cầu Xà Nâu	Đến nhà ông Đường	1,10	
37	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh xã Hòa Bình	Đến hết ranh đất Nhà Thờ	1,10	
38	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 2)	Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	1,00	
39	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 3)	Bắt đầu từ cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	Đến cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	1,00	
40	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 4)	Bắt đầu từ cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	Đến cầu Xóm Lung	1,00	
41	Lộ rẽ tránh dốc cầu số 2	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (ngã 3)	1,10	
42	Lộ cũ (dốc cầu số 2)	Quốc lộ 1	Đến giao lộ (Ngã 3)	1,10	
43	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ giao lộ (Ngã 3)	Đến cổng Tư Lù	1,10	
44	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cổng Tư Lù	Đến giáp Cầu Cây Dương (xã Vĩnh Bình cũ)	1,10	
45	An Khoa – An Thành	Quốc lộ 1	Đến cầu ông Ớt	1,10	
46	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Ngươn	Đến cầu ông Khel (Tên cũ: Đến cầu ông Kim)	1,10	
47	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Kim	Đến giáp xã Hòa Bình	1,10	
48	An Khoa – An Thành	Bắt đầu từ cầu ông Ớt	Đến cầu Thanh Niên (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Tới)	1,10	
49	Đường xóm Lung- Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu xóm Lung	Đến cầu Tư Chứa	1,10	
50	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ cầu Chệt Niêu	Đến cầu Vĩnh Phong 21	1,10	
51	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chệt	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Niêu- Đồng Lớn 3)				
52	Đường Chết Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chết Niêu- Đồng Lớn 4)	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	1,00	
53	Đường Đài Loan	Quốc lộ 1	Đến kênh HB 24	1,10	
54	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Quốc lộ 1	Đến cống cầu số 2	1,10	
55	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cống cầu số 2	Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Bình)	1,10	
56	Bờ đông kinh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cống chào HB24	Đến cầu nhà ông Đời	1,10	
57	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu 3 Cuôi	Đến cầu Cây Dương	1,10	
58	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tùng	Đến cầu nhà ông Ngươn	1,10	
59	Đường Cày	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Việt	Đến hết ranh trụ sở HTX Vĩnh Cường	1,10	
60	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu từ cầu số 3	Đến cầu Út Duy	1,10	
61	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến cầu Cây Dương	1,10	
62	Tuyến Hàng Me	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Công Tiến	1,10	
63	Tuyến Hàng Me	Quốc lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Hải)	1,10	
64	Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Thuyền	Đến cầu nhà bà Sương	1,10	
65	Tuyến bờ kinh Vĩnh Phong 21	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hưng	Đến cầu Hàng Me	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
66	Tuyến đường cày	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Thất	Đến nhà ông Huỳnh Văn Khuôl	1,10	
67	Tuyến kênh Vĩnh Phong 21 (bờ Nam)	Bắt đầu từ cầu Út Duy	Đến nhà ông Lý Văn Chạy	1,10	
68	Tuyến sau nhà thờ	Bắt đầu từ giáp Quốc Lộ 1A (nhà Ông Chinh)	Đến giáp Quốc lộ 1A (nhà ông Tuấn)	1,10	
69	Tuyến An Khoa - An Thành	Bắt đầu giáp lộ An Khoa - An Thành	Đến nhà ông Võ Văn Nam	1,10	
70	Tuyến cây Dương - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu nhà ông Ngô Đồng Xia	Đến kênh 900	1,10	
71	Tuyến Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Thanh Sang	Đến nhà ông Huỳnh Minh Diên	1,10	
72	Tuyến Đồng Lớn 2	Bắt đầu từ Cầu Trường Học	Đến nhà ông Lý Văn Chạy (Tên cũ: Đến nhà bà Đặng Thị Lụa)	1,10	
73	Tuyến đường Xóm Lung - Đồng Lớn 1	Bắt đầu từ cầu Láng Tranh	Đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tĩnh	1,10	
74	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu Ba Châu	Đến kênh thủy nông nội đồng (Tên cũ: Đến kênh TNND)	1,10	
75	Tuyến Hàng Me	Bắt đầu giáp cầu Ông Te	Đến cầu nhà ông Thành	1,10	
76	Tuyến NT	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến giáp kênh Vĩnh Phong 17	1,10	
77	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Cây Dương (giáp ranh xã Vĩnh Mỹ B cũ)	Đến hết ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	1,10	
78	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ ranh đất nhà bà Dương Ánh Tuyết	Đến lộ tẻ 18-19	1,10	
79	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ lộ tẻ 18-19	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (huyện Phước Long cũ)	1,10	
80	Lộ tẻ (vào UBND xã)	Bắt đầu từ lộ Vĩnh Mỹ-Phước Long	Đến hết ranh đất nhà ông Cường	1,10	
81	Lộ tẻ (dốc cầu Bàu Sàng)	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng	Đến cống Bảy Quân	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
82	Lộ tè đi Minh Diệu	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến cầu Chùa Đìa Chuối	1,10	
83	Lộ Kế Phòng- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Bàu Sàng 2	Đến trụ sở ấp Mỹ Phú Nam	1,10	
84	Tuyến Kênh HB 16	Bắt đầu từ kênh HB 16 (đầu kênh)	Đến kênh HB 16 (cuối kênh)	1,10	
85	Tuyến Kênh HB 18	Bắt đầu từ cầu ông Minh (kênh HB 18)	Đến kênh HB 18 (cuối kênh)	1,10	
86	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu nhà ông Đây	Đến cầu Trung Uơng Đoàn	1,10	
87	Lộ Thanh Hưng II- Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Trung Uơng Đoàn	Đến giáp xã Vĩnh Thanh (Tên cũ: Đến giáp xã Hưng Phú)	1,10	
88	Đường Cây Đông (ấp Thanh Ninh 2)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà 2 Miên	Đến hết ranh đất nhà bà Nguyệt	1,10	
89	Tuyến Cây Đông Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mót	Đến hết ranh đất nhà bà Lài	1,10	
90	Lộ Minh Hòa	Bắt đầu từ cầu Trung Uơng Đoàn	Đến giáp kênh HB	1,10	
91	Lộ tè Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm (ranh trường THCS và THPT Trần Văn Lắm)	Đến kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp Vĩnh Mỹ B)	1,10	
92	Tuyến ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Chùa Đìa Chuối	Đến hết ranh đất nhà ông 4 Dứt (giáp Vĩnh Mỹ B cũ)	1,10	
93	Lộ tè ấp 17-20	Bắt đầu từ cầu Đình 17-20	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Tên cũ: Đến hết ấp 20 (giáp xã Phong Thanh Đông)	1,10	
94	Tuyến Kênh Vĩnh Phong ấp 17	Bắt đầu từ ranh đất kho đạn	Đến ngã 3 cầu Châu	1,10	
95	Tuyến đường ấp 17	Bắt đầu từ ngã 3 cầu Châu	Đến cầu Bàu Sàng	1,20	
96	Lộ tè ấp Thanh Sơn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lắm (ranh trường THCS và THPT Trần Văn Lắm)	Đến kênh HB20 (Tên cũ: Đến giáp Vĩnh Mỹ B)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
97	Đường 18-19	Bắt đầu từ cổng nhà 7 Quân	Giáp phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp xã Phong Thạnh Đông (Giá Rai)	1,10	
98	Lộ Ninh Lợi	Bắt đầu từ cầu Chùa Địa Chuối	Đến cầu Trung Ương Đoàn	1,10	
99	Đường Thanh Sơn	Bắt đầu từ cầu Trung Ương Đoàn	Đến hết ranh đất nhà ông Tuấn	1,10	
100	Lộ 19	Bắt đầu từ trụ sở ấp 19	Đến hết ranh đất nhà ông Linh	1,10	
101	Đường Mỹ Phú Nam	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Nghiệp	Đến kênh Thủy nông nội đồng	1,10	
102	Tuyến đường 17 - 19	Bắt đầu từ Cầu Trâu	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Đông	1,10	
103	Tuyến đường ấp Ninh Lợi	Bắt đầu từ nhà ông Khởi (Tên cũ: Bắt đầu từ nhà ông Khô)	Đến nhà ông Thạch Vệ (Tên cũ: Đến nhà ông Danh Vệ)	1,10	
104	Tuyến đường Ấp Kế Phòng - Minh Hòa	Bắt đầu từ nhà ông Đầy	Đến nhà ông Trưởng	1,10	
105	Tuyến đường 18 - 19	Bắt đầu từ chùa Ấp 18	Đến nhà ông Bét	1,10	
106	Lộ tè ấp Mỹ Phú Nam	Từ giáp xã Hưng Phú	Đến kênh Thủy nông nội đồng	1,10	
107	Tuyến đường kênh ông Cò	Từ đầu kênh	Đến cuối kênh	1,10	
108	Tuyến Thanh Hưng 2-Kế Phòng	Cầu bà Hai Huê	Đến tuyến kênh HB16	1,10	
109	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			1,10	
110	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			1,10	
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
112	Đường An Thành (rạch Địa Chuối - giáp ranh xã Minh Diệu cũ)			1,00	
113	Đường ấp 33 (phía bờ Tây)			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
114	Đường ấp Trà Co - Hậu Bồi I			1,00	

47. XÃ VĨNH HẬU

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến lộ Xóm Lung-Cái Cù	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Hội - Xã Vĩnh Mỹ A	1,10	
2	Chợ Cống Cái Cù	Bắt đầu từ đê Trường Sơn	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	1,10	
3	Lộ dưới ấp Vĩnh Lạc	Bắt đầu từ cầu qua sông Cái Cù	Đến cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: đến Nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	1,10	
4	Đường Trường An	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến đê Trường Sơn	1,10	
5	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới	1,10	
6	Đường Kinh Tế	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến đê Trường Sơn ấp Vĩnh Mới (phía bên sông)	1,10	
7	Đường Giồng Nhân-Gành Hào	Bắt đầu từ cầu Đê Trường Sơn- ấp Vĩnh Lạc	Đến giáp ấp Vĩnh Mẫu - Xã Vĩnh Hậu	1,90	
8	Tuyến Kênh Bảy Hồng	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	1,10	
9	Đường Kinh 4 ngang trụ sở xã cũ	Bắt đầu từ cầu ấp Vĩnh Lập	Đến cầu Vĩnh Hòa	1,10	
10	Tuyến 500	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc	Đến Ấp Vĩnh Mới	1,10	
11	Tuyến lộ nhựa	Bắt đầu từ cầu Chữ Thập Đỏ - sửa: Từ nhà văn hóa ấp Vĩnh Lạc	Đến Lộ Đê Đông	1,10	
12	Đường Vĩnh Hòa	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	1,10	
13	Tuyến đường Vĩnh Hòa (phía bên sông)	Bắt đầu từ cầu kênh Ông Tà	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	1,10	
14	Tuyến Đê Đông	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Thịnh	Đến Cầu Mương I	1,10	
15	Tuyến lộ Vĩnh Hòa - Vĩnh Kiều	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hòa giáp ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	Đến cầu Lung Lớn ấp Vĩnh Thạnh- xã Vĩnh Hậu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Tuyến đường Kim Em	Bắt đầu từ kênh áp Vĩnh Hòa	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	1,10	
17	Tuyến Ông Tà	Bắt đầu từ áp Vĩnh Mới	Đến mương I (giáp xã Vĩnh Hậu)	1,10	
18	Đường Bình Tiến	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Tiến	Đến giáp cầu Vĩnh Thành- xã Vĩnh Mỹ A	1,10	
19	Đường hậu cơ quan	Đê Trường Sơn	Đến hạt Kiểm lâm liên huyện (ấp Vĩnh Lạc)	1,10	
20	Đường Cống Đá	Bắt đầu từ áp Vĩnh Lập	Đến kênh 7 Hồng (ấp Vĩnh Bình)	1,10	
21	Tuyến đường kênh Đốc Thiện	Bắt đầu từ áp Vĩnh Bình	Đến Ấp Vĩnh Hòa	1,10	
22	Tuyến cấp kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Lạc	Đến đến lộ sau hậu - sửa : đến đường Hậu cơ quan	1,10	
23	Tuyến cầu thừa	Bắt đầu từ áp Vĩnh Lập	Đến đường Bình Tiến	1,10	
24	Tuyến kênh cận	Bắt đầu từ đường Bình Tiến	đến cầu Hải Triều Âm	1,10	
25	Tuyến đường mương 4	Bắt đầu từ áp Vĩnh Mới (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Mới)	1,10	
26	Tuyến đường mương 7	Bắt đầu từ áp Vĩnh Tiến (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến đê Đông (Vĩnh Tiến)	1,10	
27	Tuyến đường Lái Hai	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh 500 (ấp Vĩnh Mới)	1,10	
28	Tuyến đường Nông Trường	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Đến kênh Hộc Máu (ấp Vĩnh Mới)	1,10	
29	Tuyến đường Mương I	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào (ấp Vĩnh Mới)- sửa : Từ đường kênh Ông Tà	Đến cầu nhà ông Trần Hòa Bình (ấp Vĩnh Kiều) - sửa : đến cầu Lung Lớn	1,10	
30	Tuyến đường Sua Đũa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thạch Minh	Đến tuyến đường Kim Em	1,10	
31	Tuyến Đường điện gió	Bắt đầu từ đường Đê Đông	Đến Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Mỹ A	1,10	
32	Tuyến đường mương 6	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	1,10	
33	Tuyến đường Hữu Tính	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	đến đường Kênh 500	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Đường Giồng Nhãn - Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Phường nhà Mát	1,10	
35	Đường Đê Đông (Đê Biển)	Bắt đầu từ giáp ranh Phường nhà Mát	Đến giáp ranh xã Vĩnh Hậu	1,10	
36	Tuyến Kênh 7 (Phía Tây)	Đê Đông	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	1,10	
37	Đường Kênh 7(phía Đông)	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến giáp Kênh Giồng Me ấp 17	1,10	
38	Đường Kênh 7(phía Đông)	Chợ tạm ấp 15	Đến đê Đông	1,10	
39	Đường Kênh 9 (Phía Tây)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà năm Ánh	Đến giáp lộ Cây Gừa	1,10	
40	Tuyến Kênh 9 (Phía Đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	1,10	
41	Tuyến phía Đông Kênh 12	Bắt đầu từ cầu 12 (đường Giồng Nhãn - Gành Hào)	Đến giáp trụ sở ấp Cây Gừa	1,10	
42	Tuyến phía Tây kênh 12	Bắt đầu từ Cầu Kênh 12	Đến nhà ông Huỳnh Văn Hiền (ấp 13 xã Vĩnh Hậu)	1,10	
43	Tuyến Đường Cây Gừa	Bắt đầu từ ấp Cây Gừa	Đến hết ranh đất nhà ông Lộc giáp Phường 2	1,10	
44	Tuyến Đường Cây Gừa - Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Phước Sơn	Đến cầu Thanh Niên	1,10	
45	Tuyến phía Bắc Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến kênh Cây Mết giáp Phường 8	1,10	
46	Lộ bê tông phía Nam kênh Giồng Tra	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tân Đạt	1,10	
47	Tuyến Đông Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	1,10	
48	Tuyến Tây Kênh 12	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến cầu Kênh 12	1,10	
49	Tuyến Tây Giồng Tra	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lộc ấp Cây Gừa	Đến giáp cầu nhà ông Lượm (ấp Giồng Tra)	1,10	
50	Chợ tạm ấp 15	Bắt đầu từ chợ tạm ấp 15	Đến cầu Kênh 1 ấp 15	1,10	
51	Đê Đông kênh 6 ấp 15	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến kênh 2 ấp 15	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Kênh ranh ấp 17	Bắt đầu từ kênh 7	Đến kênh 9	1,10	
53	Khu dân tộc Khmer	Bắt đầu từ đường Giồng Nhãn -Gành Hào	Đến kênh 1 ấp 6	1,10	
54	Lộ bê tông kênh 1 ấp 16	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khiết	Đến giáp Vườn Chim	1,10	
55	Lộ bê tông kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến giáp kênh 5 ấp 12	1,10	
56	Lộ bê tông kênh giáp ranh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông tám Hoàng	Đến giáp kênh phường 2	1,10	
57	Kênh 4 Ấp 15	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến đê Đông	1,10	
58	Phía Tây kênh số 4 ấp 15	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	1,10	
59	Kênh 6 Ấp 17	Bắt đầu từ giáp Kênh số 7	Đến giáp nhà ông Dư	1,10	
60	Lộ bê tông kênh 7	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu Ba	Đến giáp kênh 9	1,10	
61	Lộ bê tông (Kênh 130)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nghĩa	Giáp đê Đông	1,10	
62	Phía Tây cầu Dàn Xây	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Xuân	Giáp kênh Giồng Me - cây Dừa	1,10	
63	Lộ bê tông	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Giáp nhà ông Tô Thành Lâm	1,10	
64	Lộ bê tông khu 37ha ấp Cây Gừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đào	Giáp kênh số 9	1,10	
65	Tuyến kênh 10 (phía đông)	Bắt đầu từ Đê Đông	Đến đường Giồng Nhãn - Gành Hào	1,10	
66	Tuyến kênh 11 phía đông kênh 12	Bắt đầu từ kênh 130	Đến giáp kênh Trường Sơn 2	1,10	
67	Tuyến Vành Đai Sân Chim	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Quang	Đến giáp nhà ông Tiểu	1,10	
68	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cầu Lung Lớn	Đến cây xăng ông Vạn	1,10	
69	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ cây xăng ông Vạn	Đến kênh 5M4	1,10	
70	Đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Bắt đầu từ kênh 5M4	Đến đê Đông	1,10	
71	Lộ Đê Đông	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hàn Lê)	1,10	
72	Đường Giồng Nhãn-Gành Hào	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu A	Đến kênh mương I (nhà ông Hai Bắc)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
73	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ giáp Thị trấn Hòa Bình	Đến cầu 3 Thân	1,10	
74	Tuyến đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu (phía Đông Kênh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Hiến	Đến kênh 130	1,10	
75	Đường Toàn Thắng	Bắt đầu từ ranh đất trường tiểu học Vĩnh Hậu C - sửa : Từ giáp lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 12	1,10	
76	Đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến giáp ranh Vĩnh Hậu A	1,10	
77	Đường Lung Lớn	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến mương I nhà ông Hàn Lê	1,10	
78	Đường Cầu Trâu - sửa : Đường Cầu Trâu (phía Nam)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	1,10	
79	Đường Cầu Trâu (phía Bắc)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh mương I	1,10	
80	Đường Mương 6	Bắt đầu từ kênh 5m4	Đến kênh 130	1,10	
81	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	1,10	
82	Đường Mương 8 - sửa : Đường Mương 8 (Phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn	Đến kênh 130	1,10	
83	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	1,10	
84	Đường Kênh Tế II - sửa : Đường Kênh Tế II (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	1,10	
85	Đường Kênh Làng Hưu (phía Đông)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
86	Đường Kênh Làng Hưu (phía Tây)	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	1,10	
87	Đường Nam Kênh Trường Sơn	Bắt đầu từ cầu Xã	Đến kênh Mương 1	1,10	
88	Đường 5M4	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh 8 - sửa : Mương 7	1,10	
89	Đường ấp Thống Nhất (phía Đông)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	1,10	
90	Đường ấp Thống Nhất (phía Tây)	Bắt đầu từ đê Trường Sơn II	Đến đê Đông	1,10	
91	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Mương 1	Đến trường tiểu học Vĩnh Hậu C	1,10	
92	Đường khu Tái Định Cư	Bắt đầu từ Kênh Thống Nhất	Đến giáp xã Vĩnh Hậu A (cũ)	1,10	
93	Đường kênh Ba Vịt (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Trường Sơn II	Đến giáp khu Tái định cư	1,10	
94	Đường giáp ranh ấp 12 - ấp 13	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đê Đông	1,10	
95	Đường kênh ông Tà (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	1,10	
96	Đường kênh Ba Quý (2 bên lộ)	Bắt đầu từ lộ Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến kênh I	1,10	
97	Đường kênh Tây Mắt Đỏ (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	1,10	
98	Đường kênh Mười Chuột (2 bên lộ)	Bắt đầu từ kênh Cầu Trâu	Đến đường kênh Lung Lớn	1,10	
99	Đường kênh Năm Châm	Bắt đầu từ kênh Cây Gừa	Đến đường kênh Cô Tuyết	1,10	
100	Đường kênh Cô Tuyết	Bắt đầu từ đường Hòa Bình - Vĩnh Hậu	Đến đường Miếu Toàn Thắng - Cái Tràm	1,10	
101	Tuyến sau hậu	Bắt đầu từ đường vô Trạm Y tế xã	Đến kênh Trường Sơn	1,10	
102	Tuyến đường phía đông kênh 9	Bắt đầu từ nhà ông Chính	Đến giáp nhà ông Nga	1,10	
103	Tuyến cầu thừa kênh cạn	Bắt đầu từ ấp Vĩnh Lập	Đến ấp Vĩnh Hòa	1,10	
104	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
105	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

48. XÃ PHONG HIỆP

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	1,10	
2	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	1,10	
3	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), trên lộ	Đến kênh 3.000, trên lộ	1,05	
4	Ấp 1A - 8A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 500 về hướng ấp 8A (bờ Bắc), dưới lộ	Đến kênh 3.000, dưới lộ	1,05	
5	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đến trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), trên lộ	1,10	
6	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đến trường THCS xã Phong Thanh Tây A về hướng 8A (Bờ Nam), dưới lộ	1,10	
7	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, trên lộ	Đến kênh 1.000, trên lộ	1,10	
8	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Trường THCS xã Phong Thanh Tây A, dưới lộ	Đến kênh 1.000, dưới lộ	1,10	
9	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, trên lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, trên lộ	1,05	
10	Ấp 2B - 8A (bờ Nam kênh Phong Thanh Tây) (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	1,05	
11	Bờ Nam kênh Phong Thanh Tây	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam,	Đến hết ấp 8B bờ Nam, trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(ấp 8B)	trên lộ			
12	Bờ Nam kênh Phong Thạnh Tây (ấp 8B)	Bắt đầu từ kênh 4.000 bờ Nam, dưới lộ	Đến hết ấp 8B bờ Nam, dưới lộ	1,05	
13	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, trên lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	1,05	
14	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu số 2 , ấp 2B, dưới lộ	Đến hết nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	1,05	
15	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	1,05	
16	Ấp 2B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Hết ngã ba nhà ông Ngô Văn Khôi, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	1,05	
17	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	1,10	
18	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Số 2 , ấp 1A, dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	1,10	
19	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), trên lộ	1,05	
20	Ấp 1A (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Thuận Minh, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phước Long), dưới lộ	1,05	
21	Ấp 3 - 1B (Khu vực xã Phong Thanh Tây A cũ)	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), trên lộ	1,05	
22	Ấp 3 - 1B (Khu vực xã Phong	Bắt đầu từ cầu Ba Lợi (Tên cũ: Bắt	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thanh Tây A cũ)	đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B), dưới lộ	cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây (bờ Đông)), dưới lộ		
23	Áp 1B (Khu vực xã Phong Thạnh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 1000m áp 1B về Phong Thạnh - Giá Rai	1,05	
24	Áp 3 (Khu vực xã Phong Thạnh Tây A cũ)	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Vào 100m áp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	1,05	
25	Áp 3 (Khu vực xã Phong Thạnh Tây A cũ)	Vào 100m áp 3 về hướng Phong Thạnh - Giá Rai	Đến giáp xã Phong Thạnh - Giá Rai	1,05	
26	Tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp - CM (Áp 1B - áp 3)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	1,05	
27	Đường dẫn Cầu số 2 - QL Quản lộ Phụng Hiệp (Áp 3)	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Đến kênh Xáng Phụng Hiệp	1,05	
28	Đường dẫn Cầu số 2 - Quản lộ Phụng Hiệp (áp 2B)	Bắt đầu từ chân cầu vượt (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phong)	Đến đoạn tiếp giáp lộ Phước Long - Phong Thạnh Tây B (Tên cũ: Đến ranh đất nhà ông Ngô Văn Khôi)	1,05	
29	Kênh 1000 áp 1B, áp 3	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phước (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phú Tây)	Đến kênh Ba Lợi (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây B)	1,05	
30	Kênh 1000 áp 1A, áp 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
31	Kênh 2000 áp 1A, áp 8A, 2B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Kênh 3000 ấp 8A	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính</i>)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
33	Kênh 4000 ấp 8A, 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính</i>)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
34	Kênh 5000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chín (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh Kênh Cô Chính</i>)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
35	Kênh 6000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
36	Kênh 7000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
37	Kênh 8000 ấp 8B	Bắt đầu từ giáp ranh kênh Phong Thạnh Tây (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang</i>)	Đến giáp ranh kênh Khạo Gạng	1,05	
38	Tuyến kênh Cô 9 (ấp 1A)	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B (nhà ông Trịnh Hoài Nhanh)	Đến kênh 1000	1,05	
39	Tuyến vào Miếu Vinh Ông (ấp 8A)	Bắt đầu từ Nhà Văn hóa (ấp 8A)	Đến Vinh Ông	1,05	
40	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), trên lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, trên lộ	1,10	
41	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí (ấp 4), dưới lộ	Đến hết ranh nhà Phan Văn Chiến hướng về Cà Mau, dưới lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	1,10	
43	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà Phan Văn Chiến, dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	1,10	
44	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, trên lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy, trên lộ	1,05	
45	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Thành, dưới lộ	Hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy, dưới lộ	1,05	
46	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy, trên lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	1,05	
47	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Lũy, dưới lộ	Đến hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	1,05	
48	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, trên lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), trên lộ	1,05	
49	Tuyến Kênh Phụng hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Miếu nhà ông Trung, dưới lộ	Đến giáp ranh xã Tân Lộc Đông (Cà Mau), dưới lộ	1,05	
50	Đường nhánh	Cầu Trung ương Đoàn	Đến Cầu kênh 1	1,05	
51	Đường nhánh	Bắt đầu từ Cầu kênh 1	Đến Cầu kênh 2	1,05	
52	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (áp 9), trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), trên lộ	1,10	
53	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ đầu cầu Chủ Chí (áp 9), dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Đến hết ranh cây xăng Nguyên Đồi), dưới lộ	1,10	
54	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đồi cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		xã Nguyên Đời), trên lộ			
55	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đời cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất cây xăng Nguyên Đời), dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	1,05	
56	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	1,05	
57	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Đặng Văn Nghĩa, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	1,05	
58	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, trên lộ	Đến Kênh 2.001, trên lộ	1,05	
59	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Dương Hồng Vũ, dưới lộ	Đến Kênh 2.001, dưới lộ	1,05	
60	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), trên lộ	1,05	
61	Tuyến Chủ Chí - Chợ Hội	Bắt đầu từ kênh 4.000, trên lộ, dưới lộ	Đến giáp xã Trí Phải (Tên cũ: Đến giáp xã Tân Phú, huyện Thới Bình (Cà Mau)), dưới lộ	1,05	
62	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ: Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), trên lộ	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), trên lộ	1,10	
63	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B cũ (Tên cũ:	Đến ấp 9B đến đầu cầu Chủ Chí (bờ Bắc), dưới lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Bắt đầu từ UBND xã Phong Thạnh Tây B (ấp 9B)), dưới lộ			
64	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	1,10	
65	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ cầu Chủ Chí, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	1,10	
66	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	1,10	
67	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	1,10	
68	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, trên lộ	1,10	
69	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Công, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, dưới lộ	1,10	
70	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, trên lộ	Đến Kênh 1000, trên lộ	1,05	
71	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hồ Văn Đê, dưới lộ	Đến Kênh 1000, dưới lộ	1,05	
72	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, trên lộ	Đến kênh 2000, trên lộ	1,05	
73	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ Kênh 1000, dưới lộ	Đến kênh 2000, dưới lộ	1,05	
74	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, trên lộ (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 4000, trên lộ)	Đến giáp xã Trí Phải.	1,00	
75	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, dưới lộ (tên cũ: Bắt đầu từ	Đến giáp xã Trí Phải.	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		kênh 4000, dưới lộ)			
76	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	1,10	
77	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ cống Ông Minh, dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	1,10	
78	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, trên lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), trên lộ	1,05	
79	Tuyến đường ấp 2A	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Bông, dưới lộ	Đến cầu Ba Lửa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A), dưới lộ	1,05	
80	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại Cây Ba Kiệt (ấp 12)	Đến hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	1,05	
81	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hùng về Hộ Phòng	Đến cầu kênh 1000 (Tên cũ: <i>Đến hết ranh đất nhà ông Từ Văn Phước về Hộ Phòng</i>)	1,05	
82	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ cầu kênh 1000 (Tên cũ: <i>Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Bắt đầu từ Văn Phước về Hộ Phòng</i>)	Đến giáp ranh phường Giá Rai (Tên cũ: <i>Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, phường Giá Rai</i>)	1,05	
83	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), trên lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	1,05	
84	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trại cây Ba Kiệt (phần đất Ba Kiệt), dưới lộ	Đến ranh đất VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(cũ), dưới lộ		
85	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), trên lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	1,05	
86	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thái Bảo về xã Phong Thạnh Tây A (cũ), dưới lộ	Đến ranh trạm cấp nước (Tên cũ: Đến hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	1,05	
87	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), trên lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), trên lộ	1,05	
88	Tuyến đường ấp 12	Bắt đầu từ trạm cấp nước (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh nhà bà Mỹ A), dưới lộ	Đến cầu Ba Lợi (Tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Năm Thê (giáp ranh Phong Thạnh Tây A)), dưới lộ	1,05	
89	Tuyến Quản lộ Phụng hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	Đến Đầu Cầu Chủ Chí	1,10	
90	Đường dẫn móng cầu Chủ Chí (Bên Chợ)	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh Văn Dũng ấp 2A	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đen ấp 4	1,05	
91	Tuyến kênh 8000 ấp 9C	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	
92	Tuyến kênh 1000	Bắt đầu từ nhà bà Lê Thị Danh	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	
93	Tuyến kênh 4000	Bắt đầu từ nhà ông Huỳnh văn Khởi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
94	Tuyến kênh 2000	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn Văn Khá	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	
95	Tuyến kênh 6000	Bắt đầu từ nhà ông Lê Văn Tuổi	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	
96	Tuyến kênh 7000	Bắt đầu từ ông Trần Văn Tính	Đến kênh Khạo Rạng giáp ranh xã Phong Thạnh Tây A (cũ)	1,05	
97	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cây xăng Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Áp 1B)	1,05	
98	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia	Bắt đầu từ cầu Trí Tỏa	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (Áp 3)	1,05	
99	Tuyến từ kênh 3000 (Áp 8A) đến kênh 8000 (Áp 8B) –Phía Bắc kênh Phong Thạnh Tây	Bắt đầu từ kênh 3000 (áp 8A)	Đến giáp tỉnh An Giang	1,05	
100	Tuyến đường kênh Cây Gòn (Áp 8A) 2 bên	Bắt đầu từ chân cầu Cây Gòn	Đến cầu 3 Diên kênh 4000	1,05	
101	Tuyến đường kênh Cô Chín (Đoạn 2)	Bắt đầu từ kênh 1000 (Áp 1A)	Đến kênh 3000 (Áp 8A)	1,05	
102	Tuyến đường kênh 3 Lợi (Áp 3)	Bắt đầu từ chân cầu 3 Lợi (Quốc lộ PH)	Đến kênh 1000	1,05	
103	Tuyến kênh Lầu Quốc Gia (Áp 1B)	Bắt đầu từ đoạn 1000m (áp 1B) từ Quốc lộ Phụng Hiệp vào	Đến giáp ranh xã Phong Thạnh, Giá Gai (cũ)	1,05	
104	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Nam gồm Áp 2A, Áp 9B, Áp 9C)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
105	Tuyến kênh Khạo Gạng (Bờ Bắc gồm Ấp 2B, Ấp 8A, Ấp 8B)	Từ giáp tuyến đường Phước Long – Phong Thạnh Tây B	Đến kênh 8000 giáp ranh xã Trí Phải	1,05	
106	Tuyến kênh 3000 (ấp 1B, ấp 3, ấp 12)	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (xã Vĩnh Phú Tây cũ)	Đến kênh xáng Hộ Phòng	1,05	
107	Tuyến kênh 1000 (ấp 3, ấp 12)	Từ giáp kênh Lâu Quốc Gia	Đến kênh xáng Hộ Phòng	1,05	
108	Tuyến kênh 2000 bờ Đông (Ấp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Lê Văn Kiệt	Đến giáp kênh Khạo Gạng	1,05	
109	Tuyến kênh 4000 bờ Đông (Ấp 9B)	Bắt đầu từ đất ông Huỳnh Văn Hợi	Đến giáp kênh Khạo Gạng	1,05	
110	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,05	
111	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
112	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

49. XÃ PHƯỚC LONG

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu 30/4 (kênh Cộng Hòa)	Đến kênh Tài Chính (khu Hành chính)	1,10	
2	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tài Chính (Ba Tụ); Trên lộ	Đến kênh Cầu Cháy; Trên lộ	1,10	
3	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tài Chính (Ba Tụ); Dưới lộ	Đến kênh Cầu Cháy; Dưới lộ	1,10	
4	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy; Trên lộ	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Trên lộ	1,10	
5	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Cầu Cháy; Dưới lộ	Đến Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Dưới lộ	1,10	
6	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Trên lộ	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Trên lộ	1,10	
7	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Kênh thủy lợi (Gần nhà máy Lợi Đạt); Dưới lộ	Đến cầu kênh Xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Dưới lộ	1,10	
8	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hồng Dân); Trên lộ	1,10	
9	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu kênh xáng Hòa Bình (Cầu Trắng); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hồng Dân); Dưới lộ	1,10	
10	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Tài Chính (ấp Hành Chính) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính); Trên lộ	Đến kênh 1.000; Trên lộ	1,10	
11	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Tài Chính (ấp Hành Chính) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ Tây kênh cầu Tài Chính);	Đến kênh 1.000; Dưới lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Dưới lộ			
12	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến ngã ba ông Bững	1,10	
13	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính (ấp Long Hậu) (tên cũ: Bắt đầu từ bờ đông kênh cầu Tài Chính)	Đến kênh 1.000	1,10	
14	Đường bờ Bắc - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến giáp xã Hồng Dân	1,10	
15	Đường Yên Mô	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (kênh giữa) (tên cũ: Đến kênh Tài chính)	1,15	
16	Phía đông kênh Cộng Hòa (ấp Hành Chính)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Trên lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (ấp Hành Chính); Trên lộ	1,10	
17	Phía đông kênh Cộng Hòa (ấp Hành Chính)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (ấp Hành Chính); Dưới lộ	1,10	
18	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Trên lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây); Trên lộ	1,10	
19	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ cầu 30/4; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 vào trong (Bờ Tây); Dưới lộ	1,10	
20	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa; Trên lộ	Đến hết Cầu Phước Long 2 ; Trên lộ	1,10	
21	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa; Dưới lộ	Đến hết Cầu Phước Long 2; Dưới lộ	1,10	
22	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2 ; Trên lộ	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Hoà); Trên lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23	Phía Tây kênh Cộng Hòa (ấp Long Hoà)	Bắt đầu từ hết Cầu Phước Long 2 ; Dưới lộ	Giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Hoà); Dưới lộ	1,10	
24	Tuyến đường kênh 2000	Bắt đầu từ kênh 2.000 (từ giáp lộ Phước Long - Vĩnh Mỹ)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (bờ Bắc ấp Long Thành)	1,05	
25	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ cầu Xã Tá	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (bờ Bắc ấp Long Thành)	1,10	
26	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Xã Tá: Trên lộ	Đến hết ranh Nghĩa Trang; Trên lộ	1,15	
27	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Xã Tá; Dưới lộ	Đến hết ranh Nghĩa Trang; Dưới lộ	1,15	
28	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang; Trên lộ	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Trên lộ	1,15	
29	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Nghĩa Trang; Dưới lộ	Đến hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Dưới lộ	1,15	
30	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Trên lộ	Đến ranh Cầu Phước Long; Trên lộ	1,15	
31	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Khách sạn Hoàng Châu; Dưới lộ	Đến ranh Cầu Phước Long; Dưới lộ	1,15	
32	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long; Trên lộ	Đến Cầu Sắt; Trên lộ	1,15	
33	Đường Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ranh Cầu Phước Long; Dưới lộ	Đến Cầu Sắt; Dưới lộ	1,15	
34	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Sắt; Trên lộ	Đến cầu Phước Long 2; Trên lộ	1,10	
35	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trấn cũ	Bắt đầu từ cầu Sắt; Dưới lộ	Đến cầu Phước Long 2; Dưới lộ	1,10	
36	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2;	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	trần cũ	Trên lộ	Long Thành); Trên lộ		
37	Tuyến đường trước Trụ sở UBND thị trần cũ	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (ấp Long Thành); Dưới lộ	1,10	
38	Tuyến bờ tây kênh Cộng Hoà (đoạn còn lại)	Bắt đầu từ kênh 1.000	Đến kênh 4.000 (giáp ranh xã Vĩnh Phước)	1,05	
39	Tuyến bờ tây kênh Cộng Hoà (đoạn còn lại)	Bắt đầu từ cầu Kênh 1.000 (bờ Đông)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (đường vô vườn cò)	1,05	
40	Tuyến kênh Vĩnh lộc (Phước Long - Hồng Dân)	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng Hòa Bình (cầu Trắng)	Đến giáp ranh xã Hồng Dân (bờ Tây)	1,05	
41	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ trụ sở ấp Nội Ô; Trên lộ	Đến lộ Ba Rô (Lộ trước chợ); Trên lộ	1,10	
42	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ trụ sở ấp Nội Ô; Dưới lộ	Đến lộ Ba Rô (Lộ trước chợ); Dưới lộ	1,10	
43	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Đông)	1,15	
44	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân (Bờ Tây)	1,15	
45	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Nam	1,15	
46	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều Trần Hồng Dân	Đến cầu Ba Rô (Hoa Rô)(Quản lộ Phụng Hiệp), Bờ Bắc	1,15	
47	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Rô (Hoa Rô, Quản lộ Phụng Hiệp)	Đến Kênh Miếu Bà ấp Long Đức	1,10	
48	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Miếu Bà ấp Long Đức	Đến Cầu Ba Phát	1,10	
49	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Phát	Đến Cầu Mười Hai	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
50	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ Ba Rô (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô); Trên lộ	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông (cũ); Trên lộ	1,10	
51	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ Ba Rô (tên cũ: Bắt đầu từ lộ Ba Rô (Hoa Rô); Dưới lộ	Đến giáp ranh cầu xã Vĩnh Phú Đông (cũ); Dưới lộ	1,10	
52	Đường bờ Nam - Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Thầy Thép (kênh Xáng Phụng Hiệp) ấp Phước Thuận 1	Đến Cầu Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp	1,10	
53	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ trụ sở ấp Nội Ô; Trên lộ	Đến cầu Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp; Trên lộ	1,10	
54	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Từ trụ sở ấp Nội Ô; Dưới lộ	Đến cầu Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp; Dưới lộ	1,10	
55	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp	Đến hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	1,10	
56	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000 khu III (ấp Long Đức)	Đến Cầu Hai Niệm	1,10	
57	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Hai Niệm; Trên lộ	Đến rạch Địa Châm; Trên lộ	1,10	
58	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ cầu Hai Niệm; Dưới lộ	Đến rạch Địa Châm; Dưới lộ	1,10	
59	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (ấp Nội Ô)	1,15	
60	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư lộ 2 chiều	Đến hết ranh đường Trần Hồng Dân (ấp Long Đức)	1,15	
61	Phía Đông Cầu số 2 Vĩnh Mỹ - Phước Long	Bắt đầu từ ngã tư đường Trần Hồng Dân	Đến Ngã ba Lộ ấp Phước Thuận đầu nối ra Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1,15	
62	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng	Bắt đầu từ lộ ấp Phước Thuận 1 đi xã Vĩnh Phú Đông	Đến giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp (02 bên)	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Hiệp	(cũ)			
63	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ ranh nhà Bác sĩ Đức	Đến lộ Ba Rô (2 bên lộ)	1,15	
64	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Trường Mẫu giáo	1,10	
65	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 3 lộ nhà Bác sĩ Đức - lộ Ba Rô	1,15	
66	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ lộ cầu Đức Thành I	Đến hết ranh Trường cấp I B (Lộ sau 2 bên)	1,10	
67	Lộ ấp Phước Thuận 1 đầu nối ra Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp IB	Đến lộ Hoa Rô (2 bên lộ)	1,10	
68	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Thầy Thép	Đến cầu Hoa Rô	1,15	
69	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Hoa Rô	Đến hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	1,15	
70	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ hết ranh cửa hàng Xăng Dầu PVoil	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước	1,15	
71	Đường Nho Quan	Bắt đầu từ Lộ Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	1,15	
72	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ cầu Phước Long 2	Đến vòng xoay Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	1,15	
73	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ vòng xoay Quản lộ Phụng Hiệp (Bệnh viện mới)	Đến hết ranh Kênh 1000	1,15	
74	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ hết ranh Kênh 1000	Đến Ngã 3 Phước Long Vĩnh Mỹ	1,15	
75	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước	Đến kênh 500 ấp Long Hòa	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Long 2			
76	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ kênh 500 ấp Long Hòa	Đến kênh 1000	1,15	
77	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến ngã 3 Năm Cù (bờ Nam)	1,10	
78	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ ngã 3 ông Bưng	Đến giáp ranh xã Hồng Dân	1,10	
79	Đường cầu Phước Long 2	Bắt đầu từ Cầu kênh Miếu Bà	Đến Ngã 3 Năm Cù (bờ Bắc)	1,10	
80	Đường Hành Chính 1	Bắt đầu từ công An xã	Đến đường Yên Mô	1,05	
81	Đường Hành Chính 2	Bắt đầu từ kho bạc Nhà nước	Đến đường Yên Mô	1,05	
82	Đường Hành Chính 3	Bắt đầu từ ngân Hàng Nông Nghiệp	Đến đường Yên Mô	1,05	
83	Tuyến Trung tâm thương mại	Bắt đầu từ Ngã 3 đường Trần Hồng Dân	Đến Quản lộ Phụng Hiệp ấp Long Đức	1,15	
84	Đường cầu Ba Rô (Hoa Rô)	Bắt đầu từ kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến ngã 4 đường Trần Hồng Dân (Hai bên lộ)	1,15	
85	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 từ kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Hai bên lộ)	1,05	
86	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 250 (giáp đường dẫn Cầu Phước Long 2, bờ Bắc)	Đến Kênh 500 (đến nhà ông Mười Te)	1,05	
87	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 500 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Bắc)	1,05	
88	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ kênh 500 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2	Đến giáp ranh Kênh 750 (Bờ Bắc)	1,05	
89	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Cộng Hòa	Đến đường dẫn Cầu Phước Long 2 (Bờ Nam)	1,05	
90	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 750 từ đường dẫn Cầu Phước Long 2 (bờ Nam)	Đến Kênh Vườn Cò (Bờ Bắc)	1,05	
91	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 2000 từ Kênh Cộng	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Bờ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hòa	Bắc)		
92	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 3000 từ Kênh Cộng Hòa	Đến giáp ranh xã Vĩnh Phước (Bờ Nam)	1,05	
93	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ nhà ông Trương Văn Lâm	Đến hết ranh nhà ông Trần Văn Mình (Kênh Miếu Bà)	1,05	
94	Phía Tây kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Đến Kênh 1000 (Bờ Tây, tuyến kênh Vườn Cò)	1,05	
95	Lộ sau trường Võ Văn Kiệt	Bắt đầu từ đường dẫn cầu Phước Long 2	Đến kênh Cộng Hòa	1,15	
96	Lộ sau chợ đêm	Bắt đầu từ đường Phước Long - Phong Thạnh Tây B	Kênh thủy lợi	1,05	
97	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 1000	Đến kênh 2000	1,00	
98	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 2000	Đến kênh 3000	1,00	
99	Tuyến đường từ xã Phước Long - Hồng Dân (Tuyến đi Ba Đình- ĐT 979)	Từ kênh 3000	Giáp ranh xã Vĩnh Phước	1,00	
100	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 1000	Đến kênh 3000	1,05	
101	Phía Đông kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ Kênh 3000	Đến kênh 6000	1,05	
102	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ Kênh 750 từ Kênh Tài Chính	Đến giáp Kênh Cộng Hòa (tuyến lộ bê tông nhà ông Út Nhỏ)	1,05	
103	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Phan Văn	Đến Kênh 1000 (Bờ Đông)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hải			
104	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ kênh 1000 Kênh Tài Chính	Đến Kênh 1000 Kênh Cộng Hòa (Bờ Nam)	1,05	
105	Kênh Tài Chính	Bắt đầu từ kênh 750 Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	Đến Kênh 500 Kênh Cộng Hòa (Bờ Bắc)	1,05	
106	Kênh Cầu Cháy	Bắt đầu từ đường Phước Long - Ninh Quới	Đến Kênh Tài Chính (Bờ Nam)	1,05	
107	Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Đến Cầu Ba Phát (Bờ Bắc)	1,05	
108	Phía Đông Cầu số 02 (Vĩnh Mỹ - Phước Long)	Bắt đầu từ Miếu Bà (Khu tư Long Đức)	Đến giáp ranh Kênh 2000 (Bờ Đông)	1,05	
109	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Long Đức)	Đoạn từ Miếu Bà	Đến nhà ông Sơn Khuê	1,05	
110	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ	Đến cầu Thầy Thép Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Bắc)	1,10	
111	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ; Trên lộ	Đến kênh Hòa Bình; Trên lộ	1,05	
112	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ UBND xã Vĩnh Phú Đông cũ; Dưới lộ	Đến kênh Hòa Bình; Dưới lộ	1,10	
113	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Đến kênh 1000 nhà bà Tư Nhiều (bờ Bắc)	1,10	
114	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 nhà bà Tư Nhiều	Đến ngã tư Mười Khích	1,10	
115	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức; Trên lộ	Đến Cây Nhâm; Trên lộ	1,05	
116	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức; Dưới lộ	Đến Cây Nhâm; Dưới lộ	1,10	
117	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Cây Nhâm; Trên lộ	Đến cầu Tám Ngọt; Trên lộ	1,05	
118	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ Cây Nhâm; Dưới lộ	Đến cầu Tám Ngọt; Dưới lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
119	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hoà Bình Kênh Xáng Phụng Hiệp	Đến kênh 500 (bờ Đông)	1,10	
120	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình; Trên lộ	Đến kênh 500 (bờ Tây); Trên lộ	1,10	
121	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh Hòa Bình; Dưới lộ	Đến kênh 500 (bờ Tây); Dưới lộ	1,10	
122	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500	Đến ngã tư Mười Khích (bờ Đông)	1,10	
123	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500; Trên lộ	Đến ngã tư Mười Khích (bờ Tây); Trên lộ	1,10	
124	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ kênh 500; Dưới lộ	Đến ngã tư Mười Khích (bờ Tây); Dưới lộ	1,10	
125	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hòa Bình; Trên lộ	Đến đập Kiểm Ê; Trên lộ	1,10	
126	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Hòa Bình; Dưới lộ	Đến đập Kiểm Ê; Dưới lộ	1,10	
127	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ; Trên lộ	Đến nhà ông Võ Thành Đức; Trên lộ	1,05	
128	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ cầu Rạch Cũ; Dưới lộ	Đến nhà ông Võ Thành Đức; Dưới lộ	1,10	
129	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức; Trên lộ	Đến cầu đập Kiểm Ê; Trên lộ	1,05	
130	Trung tâm xã Vĩnh Phú Đông cũ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Đức; Dưới lộ	Đến cầu đập Kiểm Ê; Dưới lộ	1,10	
131	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới (cầu giáp ranh); Trên lộ	Đến cầu Hai Giỏi; Trên lộ	1,15	
132	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ giáp ranh xã Ninh Quới (cầu giáp ranh); Dưới lộ	Đến cầu Hai Giỏi; Dưới lộ	1,15	
133	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (nhà Lâm Văn Điện); Trên lộ	1,15	
134	Tuyến đường ĐT 978	Bắt đầu từ cầu Hai Giỏi; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (nhà	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Lâm Văn Điện); Dưới lộ		
135	Tuyến lộ ấp Mỹ Tân	Bắt đầu từ miếu Mỹ Tân	Đến cầu 9 Xị	1,05	
136	Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp - Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Ngan Dừa ấp Vĩnh Phú A	Đến cầu Thầy Thép (Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp)	1,15	
137	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Từ cầu chùa Đìa Muồng	Đến cầu Đìa Muồng (Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp)	1,05	
138	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ nhà Út Nhân	Đến Quản lộ Phụng Hiệp (hướng đi chùa Đìa Muồng)	1,05	
139	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Đông)	1,05	
140	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Tây); Trên lộ	1,05	
141	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ ngã tư Cầu Mười Khịch (hướng kênh xáng Hòa Bình); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (bờ Tây); Dưới lộ	1,05	
142	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ hết ranh nhà Ông Năm Trăm	Đến cầu đập Kiểm dê	1,05	
143	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Cầu Xáng Cụt); Trên lộ	1,05	
144	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ (Vĩnh Mỹ - Phước Long); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Cầu Xáng Cụt); Dưới lộ	1,05	
145	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ cầu Tám Ngọ	Đến trường Tiểu học "B"	1,05	
146	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ cầu Mười Khịch	Đến miếu Mỹ Tân	1,05	
147	Tuyến đường đi chùa Đìa Muồng	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Nga	Đến Miếu ấp Mỹ Tân	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
148	Lộ Nông Thôn	Bắt đầu từ giáp ranh thị trấn Phước Long cũ	Đến ngã tư nhà ông Danh (ấp Phước 3A)	1,05	
149	Lộ Nông Thôn	Bắt đầu từ cầu nhà 2 Rở ấp Huê 3	Đến cầu nhà 9 Huỳnh ấp Phước 3A	1,05	
150	Tuyến đường dọc Kênh Tây Lác (tên cũ: Tuyến Kênh Tây Lác)	Bắt đầu từ cầu Tây Mập (nhà ông Tám Ý) (tên cũ: Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức)	đến ngã tư kênh tư Hùng (nhà ông Châu Văn Nhanh) (tên cũ: đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh (Kênh Tư Hùng))	1,00	
151	Tuyến Kênh Tây Lác	Bắt đầu từ nhà ông Trần Văn Hiền	Đến giáp ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)	1,05	
152	Tuyến Kênh Tây Mập	Bắt đầu từ ranh nhà ông Mai Văn Nhất (ngã tư Tây Mập)	Đến nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	1,05	
153	Tuyến Kênh Quảng Ất	Bắt đầu từ Cầu nhà ông Hải (ngã ba ấp Tường 1)	Đến Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	1,05	
154	Tuyến Kênh Quảng Ất	Bắt đầu từ Cầu ngã tư nhà bà Thùy (ấp Tường 1)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Nhẫn (Ngã tư kênh Cây Nhâm)	1,05	
155	Tuyến Kênh Chòm Tre	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Kháng (ấp Huê 3)	Đến nhà ông Dương Văn Phén (ngã ba ấp Tường 1)	1,05	
156	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Thị Em (Cầu ông Hoàng)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Lợi	1,05	
157	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ cầu chùa Đĩa Muồng	Đến cầu hợp tác xã Trung Tính (đoạn nhà ông bà Thùy Vũ)	1,05	
158	Tuyến đường bờ Cỏ Bông	Bắt đầu từ đường kênh Thầy Thép (nhà ông Lê Văn Tám)	Đến đường kênh Hòa Bình (nhà ông Phan Văn Hồng)	1,05	
159	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Từ cầu Cựa Gà (nhà ông Thìn)	Đến nhà ông Hoàng	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
160	Tuyến đường Vành Đai thuộc ấp Phước Hòa A (tên cũ: Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Bắt đầu từ ngã ba Năm Cừ	Đến kênh 6.000 (nhà ông Phan Văn Đơ)	1,00	
161	Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Các tuyến đường còn lại		1,10	
162	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,00	
163	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên $2m$ đến $\leq 3m$			1,00	
164	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
165	Đường ngang khu hành chính	Công an xã	xã Đội	1,00	
166	đường cầu Phước 3B (trường tiểu học C Vĩnh Phú Đông) đoạn đường dọc kênh Rọc Lá	Cầu phước 3B	Ngã tư kênh Tây Lác (nhà ông Nguyễn Văn Tạo)	1,00	
167	Đường dọc kênh Tây Lác	Kênh Hòa Bình	Ngã tư kênh Tư Hùng (nhà ông Nguyễn Văn Dữ)	1,00	

50. XÃ VĨNH PHƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền); Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Trên lộ	1,05	
2	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền); Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Dưới lộ	1,05	
3	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Trên lộ	Đến hết ranh Trạm Y Tế; Trên lộ	1,05	
4	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Nguyễn Thanh Chiến; Dưới lộ	Đến hết ranh Trạm Y Tế; Dưới lộ	1,05	
5	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế; Trên lộ	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Trên lộ	1,05	
6	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trạm Y Tế; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Dưới lộ	1,05	
7	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Trên lộ	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Trên lộ	1,05	
8	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp III Trần Văn Bảy; Dưới lộ	Đến hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Dưới lộ	1,05	
9	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Trên lộ	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Toàn; Trên lộ	1,05	
10	Khu vực chợ (Nhánh về thị trấn Phước Long)	Bắt đầu từ hết ranh hết ranh Chòm mã (Phước Thọ); Dưới lộ	Đến hết ranh Chòm mã tại Xã Toàn; Dưới lộ	1,70	
11	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Toàn; Trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	1,20	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Toàn; Dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	1,05	
13	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Trên lộ	Đến Cầu xã Toàn; Trên lộ	1,05	
14	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Khánh Tôn; Dưới lộ	Đến Cầu xã Toàn; Dưới lộ	1,05	
15	Khu vực cầu xã Toàn	Cầu xã Toàn	Đến hết ranh nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	1,05	
16	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ nhà bà Kiếm về Ninh Thạnh Lợi	Đến kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	1,05	
17	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ kênh 500, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 500)	Đến kênh 1.000, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Đến kênh 1.000)	1,05	
18	Khu vực cầu xã Toàn	Đến kênh 1.000, ấp Phước Thọ Tiền (tên cũ: Đến kênh 1.000)	Đến kênh 3.000 ấp Phước Hậu (tên cũ: Đến kênh 3.000)	1,05	
19	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ nhà Miếu cầu xã Toàn	Đến hết ranh nhà Út Triều (trên, dưới)	1,05	
20	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ cầu hết ranh nhà Út Triều	Đến Kênh 500 về Ninh Thạnh Lợi (trên, dưới)	1,05	
21	Khu vực cầu xã Toàn	Bắt đầu từ nhà ông Quách Chuối	Đến hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	1,05	
22	Khu vực cầu xã Toàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long); trên lộ	2,00	
23	Khu vực cầu xã Toàn	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long); dưới lộ	1,70	
24	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiền);	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải; Trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Trên lộ			
25	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Đầu Voi - Chợ Phó Sinh (nhà ông Trần Võ Hiên); Dưới lộ (nhà ông Phạm Hoàng Tân)	Đến hết ranh VLXD Thanh Hải; Dưới lộ	1,05	
26	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải ; Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Trên lộ	1,05	
27	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh VLXD Thanh Hải; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Dưới lộ	1,05	
28	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Trên lộ	Đến kênh 1.000; Trên lộ	1,05	
29	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Quốc Thắng (trụ 7, P. Thành); Dưới lộ	Đến kênh 1.000; Dưới lộ	1,05	
30	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000; Trên lộ	Đến Kênh 2.000; Trên lộ	1,05	
31	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 1.000; Dưới lộ	Đến Kênh 2.000; Dưới lộ	1,05	
32	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Kênh 2.000; Trên lộ	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường); Trên lộ	1,05	
33	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ Kênh 2.000; Dưới lộ	Đến giáp ranh Ninh Thạnh Lợi (Phước Trường); Dưới lộ	1,05	
34	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân); Trên lộ	1,05	
35	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà ông Võ Văn Năng (Phước Tân); Dưới lộ	1,05	
36	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn	Đến Kênh 2.000; Trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Nàng (Phước Tân); Trên lộ			
37	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ hết ranh nhà ông Võ Văn Nàng (Phước Tân); Dưới lộ	Đến Kênh 2.000; Dưới lộ	1,05	
38	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 2.000; Trên lộ	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh); Trên lộ	1,05	
39	Khu vực chợ (xã Phước Long cũ)	Bắt đầu từ kênh 2.000; Dưới lộ	Đến Kênh 6000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Ninh); dưới lộ	1,05	
40	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Trên lộ	1,05	
41	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Dưới lộ	1,05	
42	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Trên lộ	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Trên lộ	1,05	
43	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh Cầu Phó Sinh 2; Dưới lộ	Đến hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Dưới lộ	1,05	
44	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Trên lộ	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD)); Trên lộ	1,05	
45	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ hết ranh nhà máy nước đá Vĩnh Hảo; Dưới lộ	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD)); Dưới lộ	1,05	
46	Nhánh đi Cà Mau	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ôngTrần Hên (VLXD); Trên lộ	Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp (tên cũ: Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp); Trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47	Nhánh đi Cà Mau	Đến hết ranh VLXD Hồng Nhiên (tên cũ: Đến hết ranh nhà ông Trần Hên (VLXD); Dưới lộ	Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp (tên cũ: Đến đập giáp ranh xã Phong Hiệp); Dưới lộ	1,05	
48	Nhánh đi Cà Mau	Bắt đầu từ đầu Trường tiểu học C (ranh Thị trấn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi (Đầu kinh 3.000)	1,05	
49	Nhánh kênh Cộng Hòa	Bắt đầu từ hết ranh kênh 4.000 (giáp ranh xã Phước Long)	Đến Kênh 6.000 giáp Ninh Thạnh Lợi (Hồng Dân)	1,05	
50	Cầu Phó Sinh - Trạm Y tế	Bắt đầu từ đầu cầu nhà ông Dương Văn Vũ (Phía sau)	Đến hết ranh trạm Y tế xã	1,05	
51	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	đường nối từ cầu Phó Sinh 2	1,05	
52	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Bắt đầu từ đường nối từ cầu Phó Sinh 2	Đến lộ Phước Tân-Phước Ninh	1,05	
53	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Bắt đầu từ kênh 3000 (Bờ Tây)	Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Hậu (tên cũ: Đến kênh 6000 (Bờ Tây) Phước Thọ Tiền)	1,05	
54	Đường về khu căn cứ tỉnh Ủy	Bắt đầu từ đầu kênh 3000	Đến giáp Ninh Thạnh Lợi (Phước Thọ Hậu)	1,05	
55	Tuyến áp Phước Tân	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Huỳnh Văn Minh)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	1,05	
56	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà ông Nguyễn Văn Thống)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	1,05	
57	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Đoàn Văn Lợi)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	1,05	
58	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lê Văn Thắng)	Đến kênh Cô Chín (Giáp ranh xã Phong Hiệp)	1,05	
59	Tuyến áp Phước Ninh	Bắt đầu từ kênh 6000 (nhà bà Lê Thị Muội)	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sang	1,05	
60	Tuyến áp Phước Thành	Bắt đầu từ đầu kênh Sóc Kha	Đến hết khu đất nhà ông Lê Văn Dũng	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
61	Tuyến ấp Phước Thành, ấp Phước Thọ	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Nguyễn Văn Thương)	Đến Cống ông Lê Văn Cẩn	1,05	
62	Tuyến ấp Phước Thọ Tiền	Bắt đầu Cống ông Lê Văn Cẩn	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	1,05	
63	Tuyến ấp Phước Trường, Phước Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà ông Đặng Văn Minh)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	1,05	
64	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 3000 (nhà bà Trương Thị Phú)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	1,05	
65	Tuyến ấp Phước Trường	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Nguyễn Văn Viễn)	Đến kênh Ninh Thạnh Lợi	1,05	
66	Tuyến ấp Phước Thạnh	Bắt đầu từ kênh 1000 (nhà ông Lê Văn Ký)	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long)	1,05	
67	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 2000 (nhà bà Lê Thị Nhi) (tên cũ: nhà ông Huỳnh Văn Khui)	Đến giáp ranh xã Phước Long (tên cũ: Đến giáp ranh thị trấn Phước Long)	1,05	
68	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 4000 (nhà ông Trần Văn Vũ)	Đến kênh Cống Hòa (tên cũ: Đến kênh Thọ Hậu cũ)	1,05	
69	Tuyến ấp Phước Thọ Hậu	Bắt đầu từ kênh 5000 (nhà ông Lý Thanh Tuấn)	Đến kênh Thọ Hậu cũ	1,05	
70	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ (bờ Tây)	Đến kênh 1.000	1,05	
71	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Kênh 1.000	Đến cầu Trường Học	1,05	
72	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ; Trên lộ	Đến cống Ông Bọng; Trên lộ	1,05	
73	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu kênh Nhỏ; Dưới lộ	Đến cống Ông Bọng; Dưới lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
74	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Trên lộ	Đến Cầu Phó Sinh; Trên lộ	1,00	
75	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lược; Dưới lộ	Đến Cầu Phó Sinh; Dưới lộ	1,00	
76	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Trên lộ	1,05	
77	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Dưới lộ	1,05	
78	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Trên lộ	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	1,05	
79	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh chùa Hưng Phước Tự; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	1,05	
80	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông); Trên lộ	1,05	
81	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	Đến ranh hạt giáp Giá Rai (bờ Đông); Dưới lộ	1,05	
82	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Trên lộ	1,05	
83	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Dưới lộ	1,05	
84	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Trên lộ	Đến kênh 1.000 về Phường Giá Rai (Bờ Tây); Trên lộ	1,05	
85	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ hết ranh cây xăng Lâm Xiệu; Dưới lộ	Đến kênh 1.000 về Phường Giá Rai (Bờ Tây); Dưới lộ	1,05	
86	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây); Trên lộ	Đến ranh Phường Giá Rai; Trên lộ	1,05	
87	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 1.000 về hướng Giá Rai (Bờ Tây); Dưới lộ	Đến ranh Phường Giá Rai; Dưới lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
88	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Trên lộ	Đến kênh Thủy Lợi (cấp nhà ông Sáu Tre); Trên lộ	1,05	
89	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Phó Sinh; Dưới lộ	Đến kênh Thủy Lợi (cấp nhà ông Sáu Tre); Dưới lộ	1,05	
90	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cấp nhà ông Sáu Tre); Trên lộ	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Hiệp; Trên lộ	1,05	
91	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh Thủy Lợi (cấp nhà ông Sáu Tre); Dưới lộ	Đến giáp ranh ấp 1B xã Phong Hiệp; Dưới lộ	1,05	
92	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây (cũ)	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp (bờ tây)	1,05	
93	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp; Trên lộ	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong; Trên lộ	1,05	
94	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp; Dưới lộ	Đến kênh 1.000, kênh Vĩnh Phong; Dưới lộ	1,05	
95	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Kênh 1.000 (Cầu Vĩnh Phong)	Đến giáp xã Vĩnh Thanh	1,05	
96	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây; Trên lộ	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông); Trên lộ	1,05	
97	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu xã Vĩnh Phú Tây; Dưới lộ	Đến cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông); Dưới lộ	1,05	
98	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau (bờ Đông)	Đến kênh 500 (bờ đông) hướng Vĩnh Phong	1,05	
99	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ; Trên lộ	Đến kênh 6 Hạo; Trên lộ	1,05	
100	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ cầu Kênh Nhỏ; Dưới lộ	Đến kênh 6 Hạo; Dưới lộ	1,05	
101	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 6 Hạo; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long; Trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
102	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ kênh 6 Hạo; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long; Dưới lộ	1,05	
103	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành (chùa CosĐon)	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 2000)	1,05	
104	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến cầu Vĩnh Phong (kênh 6000)	1,05	
105	Khu vực chùa CosĐon	Bắt đầu từ cầu nhà ông Thành	Đến hết ranh xã Phước Long	1,05	
106	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long	Đến Cầu Kinh mới (2 Đạo)	1,20	
107	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cầu Kinh mới (2 Đạo)	Đến Cống Út Hạnh	1,22	
108	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cống Út Hạnh	Đến giáp ranh xã Phong Hiệp	1,20	
109	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Ba Ấu	Đến cầu trường học Bình Tốt A (Tên cũ: Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đóng)	1,05	
110	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ nhà ông Út Dân	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh (Chủ Đóng)	1,05	
111	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ cầu Kênh 2.000 (Út Ri)	Đến Cầu giáp xã Vĩnh Thanh	1,05	
112	QL Quản lộ Phụng Hiệp	Bắt đầu từ Cầu kênh Nhỏ Trường học	Đến cầu Trung ương Đoàn 4.000 (Vườn Cò)	1,05	
113	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Đầu Cầu Phó Sinh 2	Đến cây Xăng Lâm Xiêu	1,05	
114	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	cầu sáu nơi	giáp ranh xã Phước Long (kênh 2000)	1,05	
115	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	từ sáu quốc	tư nghiệp	1,05	
116	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	nhà ông Ngô Minh Truyền	giáp ranh xã Phước Long (kênh 3000)	1,05	
117	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	cầu Tà Nữ (kênh 2000)	kênh 3000 nhà bà Nguyễn Thị Cam	1,05	
118	Đường Dẫn Cầu Phó Sinh 2	Nhà ông Nguyễn Văn Đoàn	Nhà ông Nguyễn Văn Hiều (bờ đông kênh nhỏ)	1,05	
119	ĐT.979	Kênh 4000	kênh 6000	1,22	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
120	ĐT.980	Cầu Phó Sinh	Kênh 1000	1,20	
121	ĐT.980	Kênh 1000	Kênh 3000	1,20	
122	ĐT.980	Kênh 3000	Kênh 6000	1,22	
123	ĐT.980	Hết ranh đất ông Dương Văn Phi (hai bên)	Kênh 3000 (ấp Phước Thọ Hậu)	1,10	
124	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,05	
125	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
126	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
127	Khu vực cầu xã Thoàn	Cầu Xã Thoàn	Đến hết ranh trường tiểu học B, trên lộ	1,05	
128	Khu vực cầu xã Thoàn	Cầu Xã Thoàn	Đến hết ranh trường tiểu học B, dưới lộ	1,05	

51. XÃ VĨNH THANH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K _{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1); Trên lộ	Đến hết ranh Trường cấp II; Trên lộ	1,10	
2	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (Rọc lá 1); Dưới lộ	Đến hết ranh Trường cấp II; Dưới lộ	1,10	
3	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II; Trên lộ	Đến cầu Đất Phèn giáp xã Châu Thới (Tên cũ: Đến cầu Đất Phèn giáp xã Vĩnh Hưng A): Trên lộ	1,10	
4	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ hết ranh Trường cấp II; Dưới lộ	Đến cầu Đất Phèn giáp xã Châu Thới (Tên cũ: Đến cầu Đất Phèn giáp xã Vĩnh Hưng A): Dưới lộ	1,10	
5	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu Ba Phong; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà Phùng Văn Thao) (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	1,10	
6	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Khu vực chợ)	Bắt đầu từ cầu Ba Phong; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà Phùng Văn Thao) (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	1,10	
7	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1); Trên lộ	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Trên lộ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
8	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1); Dưới lộ	Đến Cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Dưới lộ	1,10	
9	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Tuyến Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2)	Đến cầu Tư Tuyên	1,10	
10	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Ấp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Trên lộ	Đến cầu Ba Phong; Trên lộ	1,10	
11	Tuyến đường Cầu Sập - Ninh Quới (ĐT.978, Khu vực chợ) (Tên cũ: Ấp Mỹ Tường I đường Cầu Sập - Ninh Quới)	Bắt đầu từ cầu 2 Huệ (cầu Rọc Lá 2); Dưới lộ	Đến cầu Ba Phong; Dưới lộ	1,10	
12	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ cầu 6 Đàn (cầu Rọc lá 1)	Đến hết ranh Trạm Y Tế	1,10	
13	Đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ Trạm Y tế	Đến cầu ông Phương (Tường 2)	1,10	
14	Tuyến đối diện đường Nguyễn Thị Mười	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Minh Đương (ấp Vĩnh Tường)	Đến nhà ông 8 Hà (ấp Tường 2)	1,05	
15	Tuyến đường Vàm Thập (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Xương	Đến cầu Bảy Việt (Mỹ Hoà)	1,10	
16	Tuyến Tư Hảo - 5 Thủy (Tên cũ:	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thủy	Đến cầu Tư Hảo (Mỹ Hoà-Mỹ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đường Nguyễn Thị Mười)		Trình)		
17	Tuyến đường Vành đai (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ Đất Phèn	Đến Cầu ông Quân (ấp Tường 2)	1,10	
18	Tuyến đường nhà Ông Phước - xã Phước Long (Tên cũ: Đường Nguyễn Thị Mười)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Đàm	Đến giáp ranh Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh Vĩnh Phú Đông)	1,10	
19	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương; Trên lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu Học; Trên lộ	1,05	
20	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Nhà Nguyễn Văn Phương; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu Học; Dưới lộ	1,05	
21	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (tên cũ: Đến giáp ranh H. Hòa Bình); Trên lộ	1,05	
22	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ hết ranh Trường Tiểu Học; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Hòa Bình); Dưới lộ	1,05	
23	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y; Trên lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	Tuyến đường Phước Long - Vĩnh Mỹ (ĐH.17B), ấp Tường 2 (Tên cũ: Ấp Tường II)	Bắt đầu từ Cầu nhà bà Mười Y; Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	1,05	
25	Tuyến đường Hoà Bình - Phước Long ĐH.17, kênh xáng Hòa Bình (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Trên lộ	Đến giáp ranh xã Châu Thới (bên lộ bê tông) (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa); Trên lộ	1,05	
26	Tuyến đường Hoà Bình - Phước Long ĐH.17, kênh xáng Hòa Bình (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Vĩnh Phú Đông); Dưới lộ	Đến giáp ranh xã Châu Thới (bên lộ bê tông) (Tên cũ: Đến giáp ranh H. Vĩnh Lợi (bên lộ nhựa); Dưới lộ	1,05	
27	Tuyến kênh Ranh (nhà ông Cư đến đất ông Quách Xĩa) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ cống ông Cư	Đến đất ông Xĩa (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (kênh Thầy Thép) - Mỹ Tường I)	1,05	
28	Tuyến đường Hưng Phú - Phong Thạnh (ĐH.10) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ Cầu Biện Tôn	Đến Cầu ông Thiết - Mỹ Tường 1	1,05	
29	Tuyến kênh Chòm Tre, ấp Vĩnh Tường (Lộ bê tông 3m) (Tên cũ: Kênh xáng Hòa Bình)	Bắt đầu từ cầu Tây Mập (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Tư Mập)	Đến kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long (nhà 10 Suôi) (Tên cũ: Đến kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ (giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	1,05	
30	Tuyến đường dọc kênh Tân An (ấp Tường Tư) (Tên cũ: Đường Cặp kênh Tân An)	Đường Nguyễn Thị Mười	Đến giáp ranh xã Phước Long (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
31	Tuyến đường kênh Cơ Sáu	Bắt đầu từ cầu nhà 3 Thu	Đến giáp ranh xã Châu Thới (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Hưng A)	1,05	
32	Tuyến kênh Tư Đen	Bắt đầu từ Cầu Nhà ông Phong (ấp Mỹ Trường 2)	Đến Cầu 3 Quý (giáp lộ bê tông ấp Mỹ Trinh)	1,05	
33	Tuyến kênh 3 Phong	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới (Nhà ông Lâm Thanh Phong)	Đến giáp ranh xã Phước Long (nhà ông 6 Sóng) (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Vĩnh Phú Đông (nhà ông 6 Sóng))	1,05	
34	Tuyến kênh Xáng Cụt	Bắt đầu từ Cầu 3 Cứng ấp Vĩnh Trường (lộ bê tông nhà ông Trần Văn Út)	Đến lộ bê tông nhà ông Dương Văn Liêm (ấp Trường Tư)	1,05	
35	Tuyến vô chợ Rọc Lá	Bắt đầu từ đầu lộ tuyến Nguyễn Thị Mười	Đến giáp lộ 2 Huệ - Tư Tuyên	1,05	
36	Tuyến đường ấp Trường 1	Bắt đầu từ cầu 9 Chuột	Đến hết ranh đất ông Đủ (cầu Tư Tiền), hai bên lộ	1,05	
37	Tuyến đường ấp Trường 1	Bắt đầu từ cầu 5 Sôm	Đến nhà ông Thi (hai bên lộ)	1,05	
38	Tuyến đường ấp Trường 2	Bắt đầu từ nhà 8 Hà	Đến nhà ông Vũ (hai bên lộ)	1,05	
39	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình); Trên lộ	Đến Cầu Vĩnh Phong; Trên lộ	1,15	
40	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ giáp ranh xã Vĩnh Mỹ.(Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh huyện Hoà Bình); Dưới lộ	Đến Cầu Vĩnh Phong; Dưới lộ	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong; Trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Trên lộ	1,15	
42	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ Cầu Vĩnh Phong; Dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Dưới lộ	1,15	
43	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Trên lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trường Tòa; Trên lộ	1,15	
44	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Lập; Dưới lộ	Đến hết ranh đất nhà ông Văn Công Ý - Cầu Trường Tòa; Dưới lộ	1,15	
45	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tòa; Trên lộ	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành; Trên lộ	1,15	
46	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Kim Ba - cầu Trường Tòa; Dưới lộ	Đến hết ranh đất cây xăng Đức Thành; Dưới lộ	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
47	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành; Trên lộ	Đến ranh cống Hai Tiệm; Trên lộ	1,15	
48	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ ranh đất cây xăng Đức Thành; Dưới lộ	Đến ranh cống Hai Tiệm; Dưới lộ	1,15	
49	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ cống Hai Tiệm; Trên lộ	Đến Cầu xã Tá; Trên lộ	1,15	
50	Tuyến đường Vĩnh Mỹ - Phước Long (ĐT.979) (Tên cũ: Tuyến Cầu số 2 - Phước Long)	Bắt đầu từ cống Hai Tiệm; Dưới lộ	Đến Cầu xã Tá; Dưới lộ	1,15	
51	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Cầu 3 Tâm (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 3 Thiết (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
52	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Chợ Trường Toà (ấp Vĩnh Hoà, bên Lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu nhà Ông Hà (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 2,5m)	1,05	
53	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng	Bắt đầu từ Cầu 3 Thiết (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê	Đến Ngã 3 Trường học (ấp Tường Thắng A, bên Lộ	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	tông 3m)	bê tông 3m)		
54	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Ngã 3 Cầu Tường Thắng A nhà Ông Tính (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến giáp ranh ấp 18, xã Vĩnh Mỹ (bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
55	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Ngã 3 Trường học (ấp Tường Thắng A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 6 Tài (ấp 10, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
56	Tuyến đường Chợ Trường Toà - Tường Thắng B - Tường Thắng A - Tường 3B - Cầu nhà 10 Trí (T01)	Bắt đầu từ Cầu 6 Tài (ấp 10, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 10 Trí (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
57	Tuyến đường dọc kênh Hai Tiệm (Lộ bê tông 3m)	Bắt đầu từ Cầu 3 Tâm (ấp Tường Thắng B, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
58	Tuyến đường dọc kênh Hai Tiệm (Lộ bê tông 3m)	Bắt đầu từ nhà ông Do (ấp Vĩnh Bình A, lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu 3 Thanh (ấp Vĩnh Bình A, lộ bê tông 2,5m)	1,05	
59	Tuyến đường dọc kênh Lung Trâu (Cổng Hai Tiệm, T02)	Bắt đầu từ Cổng Hai Tiệm (ấp Vĩnh Hoà, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 3 Tàng (ấp Huê 2A, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
60	Tuyến đường dọc kênh 8000 - 2 Hiền (T10)	Bắt đầu từ Cầu 8000 (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Hiền (ấp Vĩnh Bình B, lộ bê tông 3m)	1,05	
61	Tuyến đường Cổng Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cổng Tư Quán (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
62	Tuyến đường Cổng Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cổng Tư Quán (ấp Vĩnh Đông, bên Lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu 9 Chánh (ấp Vĩnh Bình B, bên Lộ bê tông 2,5m)	1,05	
63	Tuyến đường Cổng Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cầu 9 Chánh (ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ngã 4- 8000 (nhà 3 Nghĩa ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
64	Tuyến đường Cổng Tư Quán - Giồng Thành	Bắt đầu từ Cầu Ngã 4 - 8000 (nhà 3 Nghĩa ấp Tường 3A, bên Lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Trường Tiểu học C (ấp Tường 3B, bên Lộ bê tông 3m)	1,05	
65	Tuyến đường 2 Kiệt - 10 Trí (T08)	Bắt đầu từ Cầu 2 Kiệt (ấp Vĩnh Bình A, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 10 Trí (ấp Tường 3B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
66	Tuyến đường Giồng Thành - kênh Chủ Đồng	Bắt đầu từ Cầu Trường Tiểu học C (ấp Tường 3B, bên lộ bê tông 2,5m)	Đến Cầu nhà Ông Bé (ấp Bình Thiện, bên lộ bê tông 2,5m)	1,05	
67	Tuyến đường Cổng Tư Quán - kênh 6000, ấp Huê 2 (T07)	Bắt đầu từ Cổng Tư Quán (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 2,5)	Đến kênh thủy lợi nhà ông Dữ (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 2,5)	1,05	
68	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cổng Cây Nhâm (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Trạm bơm (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
69	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Trạm bơm (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Thờ (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
70	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Ông Thờ (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Địa Dứa (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
71	Tuyến đường Cây Nhâm - 5 Dư - Tường 3A (T03)	Bắt đầu từ Cầu Địa Dứa (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu 5 Dư (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
72	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu Xã Tá (ấp Huê 2, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Tư Nuôi (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
73	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện	Bắt đầu từ Cầu Tư Nuôi (ấp Huê 1, bên	Đến Cầu thủy lợi 6 Ngọc (ấp Huê 1,	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(T04)	lộ bê tông 3m)	bên lộ bê tông 3m)		
74	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu thủy lợi 6 Ngọc (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cầu Ông Sen (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
75	Tuyến đường Xã Tá - Bình Thiện (T04)	Bắt đầu từ Cầu Từ Nuôi (ấp Huê 1, bên lộ bê tông 3m)	Đến Cổng chào Cầu giáp Huê 2B (ấp Huê 2B, bên lộ bê tông 3m)	1,05	
76	Tuyến đường dọc kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ Cầu Ông Trường (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	Đến Cầu thủy lợi Ông Tùng (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	1,05	
77	Tuyến đường dọc kênh Cựa Gà	Bắt đầu từ Cầu Ông Trường (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	Đến Cầu thủy lợi Ông Hùng (ấp Huê 1, lộ 1,5m)	1,05	
78	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,05	
79	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
80	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

52. XÃ VĨNH LỢI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Cần Thơ	Đến giáp ranh Cần Thơ + 200m (Cầu Nàng Rền)	1,10	
2	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp ranh Cần Thơ + 200m (Cầu Nàng Rền)	Đến cầu Xa Bảo	1,10	
3	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Xa Bảo	Đến cách tim lộ tè Châu Thới 500m về hướng Cần Thơ	1,10	
4	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cách tim lộ tè Châu Thới 500m về hướng Cần Thơ	Đến tim lộ tè Châu Thới	1,10	
5	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ tim lộ tè Châu Thới	Đến cầu Cái Dầy	1,10	
6	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ giáp mé sông cầu Cái Dầy	Đến tim đường Lê Thị Mạnh	1,10	
7	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ tim đường Lê Thị Mạnh	Đến cách ranh phường Bạc Liêu 400m	1,10	
8	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cách ranh phường Bạc Liêu 400m	Đến giáp ranh phường Bạc Liêu	1,20	
9	Quốc lộ 1	Bắt đầu từ cầu Xa Bảo	Đến cách tim lộ tè Châu Thới 500m về hướng Sóc Trăng	1,10	
10	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cách Quốc Lộ 1 500 m	1,10	
11	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500m	Đến giáp ranh trường mẫu giáo Phong Lan	1,10	
12	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ giáp ranh trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	1,10	
13	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến giáp ranh xã Hưng Hội	1,10	
14	Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà Bảy An (đê bao Đông Nàng Rền)	1,10	
15	Đường Trà Ban 2- Nhà Dài A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy An (Trà Ban	Đến hết ranh đất nhà Năm Nai	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		2)			
16	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Thông Lưu B1	1,10	
17	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu B1	Đến cầu Hà Đức (giáp ấp Mặc Đây)	1,10	
18	Đường Trương Thị Cường	Bắt đầu từ cầu Hà Đức (giáp ấp Mặc Đây)	Đến giáp đường Huyện lộ 28	1,10	
19	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết ranh Trường Mầm non Sơn Ca	1,10	
20	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ giáp ranh Trường Mầm non Sơn Ca	Đến cầu Sáu Thanh	1,10	
21	Đường Lê Thị Mạnh	Bắt đầu từ cầu Sáu Thanh	Đến hết ranh đất nhà Ông Trọng	1,10	
22	Đường Lê Thị Mạnh (phía nam kênh Tư Bal)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến hết Khu Nhà ở xã hội	1,10	
23	Đường 19/5	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Trường Yên	1,10	
24	Đường 19/5	Bắt đầu từ cầu Trường Yên	Đến giáp ranh xã Châu Thới	1,10	
25	Đường 19/5	Bắt đầu từ đường 19/5	Đến hết ranh Trường THPT Lê Văn Dầu	1,10	
26	Đường Huỳnh Thị Hoa	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Ông Hải	1,10	
27	Đường Huỳnh Thị Hoa	Bắt đầu từ cầu Ông Hải	Đến giáp ranh phường Bạc Liêu	1,10	
28	Đường Mặc Đây - Bà Chăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Việt	Đến hết ranh đất nhà Bà 2 Mèo	1,10	
29	Đường Mặc Đây - Bà Chăng (đường 10 Hưng)	Bắt đầu từ cầu 8 Đơ	Đến Miếu Ông Tà	1,10	
30	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến bãi rác	1,10	
31	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ Đường Tân Tạo	Đến hết ranh Lò Hoả Táng	1,10	
32	Đường Tân Tạo	Bắt đầu từ cầu Công Tâm	Đến giáp bãi rác	1,10	
33	Đường Xẻo Chích	Bắt đầu từ lộ rẽ ngoài	Đến cầu Xẻo Chích cũ	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cầu Xéo Chích cũ	Đến lộ rẽ trong	1,10	
35	Đường Huỳnh Thị Ngó (Cô Hai Ngó)	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Đến cầu Chùa Giác Hoa	1,10	
36	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cầu Ông Triều	Đến cầu Trường Yên	1,10	
37	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ ranh nhà Ông Quậy	Đến giáp ranh xã Châu Thới	1,10	
38	Đường Xéo Chích	Bắt đầu từ cổng Bản	Đến hết ranh đất nhà Ông Thông	1,10	
39	Đường Cái Dầy (ngang nhà Ông 5 Thành)	Bắt đầu từ ranh đất nhà kho Bà Kiều	Đến hết ranh đất nhà út Hết	1,10	
40	Đường Thông Lưu B (ngang nhà 2 Tuấn)	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến giáp xã Châu Hưng A	1,10	
41	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu 6 Nghiêm	Đến phà 3 Lộ Mới	1,10	
42	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu 1	Đến hết ranh đất nhà ông 5 Thọ	1,10	
43	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu ông Tráng	Đến cầu 2 Lớn	1,10	
44	Đường Thông Lưu B	Bắt đầu từ cầu 9 Nhiều	Đến hết ranh đất nhà 2 Tươi	1,10	
45	Đường Xéo Lá (ngang nhà 6 Thanh)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Khải	Đến cầu 7 Định	1,10	
46	Đường Xéo Lá	Bắt đầu từ cầu 4 Mạnh	Đến hết ranh đất nhà 3 Miên	1,10	
47	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Thọ)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Dương	Đến hết ranh đất nhà ông 8 Sơn	1,10	
48	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Chuông)	Bắt đầu từ Điểm Trường Xéo Lá	Đến hết ranh đất nhà ông Điểm	1,10	
49	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Chính)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Khương Em	Đến hết ranh đất nhà 4 Nghiêm	1,10	
50	Đường Xéo Lá (ngang nhà Ông Tiện)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hòa	Đến hết ranh đất nhà ông Chiến	1,10	
51	Đường Xéo Lá	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Lập	Đến hết ranh đất nhà Thạch Trắng	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Đường Xèo Lá (ngang nhà Ông Nhọn)	Bắt đầu từ cầu 5 Kiềm	Đến cầu Bà Sáng	1,10	
53	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông Mãnh)	Bắt đầu từ cầu Ông Trường	Đến hết ranh đất nhà ông Yết	1,10	
54	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông Dũng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Guôl	Đến giáp xã Châu Hưng A	1,10	
55	Đường Mặc Dây (ngang nhà Ông 6 Chiên)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dẫn	Đến cầu Ông Ngân	1,10	
56	Đường Mặc Dây	Bắt đầu từ cầu Mặc Dây	Đến gáp ranh xã Châu Hưng A	1,10	
57	Đường Mặc Dây	Bắt đầu từ cầu Mặc Dây	Đến hết ranh đất nhà ông Sương Dương	1,10	
58	Đường Bà Chăng (ngang nhà Ông Khải)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hà	Đến hết ranh đất nhà Ông Dũ	1,10	
59	Đường Bà Chăng (Xalatel)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hà	Đến cầu Thanh Niên	1,10	
60	Đường Bà Chăng (ngang nhà bà 9 Đò)	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến Miếu Ông Tà	1,10	
61	Đường Bà Chăng (ngang nhà Chệt Nhíp)	Bắt đầu từ cầu Bà Chăng	Đến giáp ranh xã Châu Hưng A	1,10	
62	Đường Nhà Thờ (ngang nhà bà Điệp)	Bắt đầu từ cầu Ông Cha	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	1,10	
63	Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến giáp ranh xã Hưng Thành	1,10	
64	Đường Nhà Thờ (Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ lộ Nhà Thờ	Đến hết ranh đất nhà 6 Vinh	1,10	
65	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tỷ	Đến hết ranh đất nhà Ông Sơn	1,10	
66	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Ga	1,10	
67	Đường Nhà Thờ	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tùng	Đến hết ranh đất nhà ông 3 kiên	1,10	
68	Khu dân cư Hoài Phong (Đoạn	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 30m	Đến hết Đường số 1	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	chính) cách QL 30m				
69	Khu dân cư Hoài Phong (các đoạn còn lại)	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		1,10	
70	Khu dân cư Huy Thống	Bắt đầu từ Đường nội bộ trong khu dân cư		1,10	
71	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Thị Dần	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	1,10	
72	Đường Lê Thị Quý	Đường Bùi Văn Viết	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	1,10	
73	Đường Võ Văn Kiệt	Quốc Lộ 1	Giao đường Hoa Lư	1,10	
74	Đường Nguyễn Thị Tiên	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Hoa Lư	1,10	
75	Đường Ngô Quang Nhã	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiên	1,10	
76	Đường Nguyễn Phúc Nguyên	Đường Bùi Văn Viết	Đường số 17	1,10	
77	Đường Ngô Văn Ngộ	Đường Lê Thị Quý	Đường Nguyễn Thị Tiên	1,10	
78	Đường Hoa Lư	Đường 19/5	Đường Nguyễn Thị Dần	1,10	
79	Đường Phạm Thị Chữ	Đường 19/5	Trung tâm y tế	1,10	
80	Đường Nguyễn Thị Dân	Đường Bùi Văn Viết	Đường Hoa Lư	1,10	
81	Đường khu nhà ở xã Hội Xảo Lá Hội	Các tuyến đường nội bộ trong khu Nhà ở Xã Hội		1,10	
82	Cuối đường Trương Thị Cương	Bắt đầu từ cầu Sơn Dương	Đến giáp ranh xã Hưng Hội	1,10	
83	Lộ Nhà Dài A - Công Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Thượng	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Hậu	1,10	
84	Lộ Nhà Dài B - Bàu Lớn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tư Nai	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thắng	1,10	
85	Lộ Chác Đốt - Cầu Sáu Sách	Bắt đầu từ cầu Thanh Tùng	Đến cầu nhà ông Sáu Sách (cổng 6 Sách)	1,10	
86	Lộ Trà Ban 2 - Quang Vinh	Bắt đầu từ Quốc lộ 1	Hết ranh đất nhà bà Út Liễu (Quang Vinh)	1,10	
87	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến cầu Sáu Liễu	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
88	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A-Hưng Thành (cầu Ông Tòng)	Đến giáp Thông Lưu B	1,10	
89	Lộ Thông Lưu A	Bắt đầu từ cầu Tư Gia	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hoàng	1,10	
90	Đường Thanh Long	Đường Thanh Long	Đến hết ranh đất nhà Ông Bảo	1,10	
91	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà 10 Lớn	1,10	
92	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ cầu 10 Ty	Đến hết ranh đất nhà Ông Quyền	1,10	
93	Đường Thanh Long	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bảy Tròn	Đáp Năm Nguyên	1,10	
94	Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Bắt đầu từ trường mẫu giáo Phong Lan	Đến cầu Nhà Dài A	1,10	
95	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến Chùa Châu Quang	1,10	
96	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến hết ranh đất nhà thạch Út	1,10	
97	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu 6A	Đến trạm bom kênh Tư Báo	1,10	
98	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu 5 Diệp	Đến hết ranh đất nhà 4 Oai	1,10	
99	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hết	1,10	
100	Lộ Trà Ban 2	Quốc lộ 1 (Cầu Nàng Rền)	Đến giáp ranh Sóc Trăng (Nhà bà Tám)	1,10	
101	Lộ Trà Ban 2	Bắt đầu từ cầu Ông Thượng	Đến hết ranh đất nhà Ông Oanh	1,10	
102	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà 8 Giang	1,10	
103	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Nhà Tuấn Anh)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vui	1,10	
104	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc lộ 1 (Miếu Thạch Thần)	Đến hết ranh đất nhà Ông Hùng	1,10	
105	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Cổng Trà Hắt)	Đến kênh Nội Đồng	1,10	
106	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà 3 Sang)	Đến hết ranh đất nhà Ông Lý Đức	1,10	
107	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Xuôi)	Đến hết ranh đất nhà Ông Vinh	1,10	
108	Lộ Trà Ban 1	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1 (Nhà Ông Ái)	Đến hết ranh đất nhà Ông Út Em	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
109	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Lộ xã)	Đến cầu 2 Cồn	1,10	
110	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ cầu Ông Khanh	Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Quyền	1,10	
111	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Cầu 2 Kêu)	Đến hết ranh đất nhà Bà Thúy	1,10	
112	Lộ Hà Đức	Bắt đầu từ cầu Út Lê	Đến cầu 2 Bửu	1,10	
113	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hải	Đến cầu 5 Y	1,10	
114	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ Lộ xã Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Ích	1,10	
115	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu Nhà Dài A	Đến đê Bao Đông Nàng Rền	1,10	
116	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ Lộ Châu Hưng A - Hưng Thành (Nhà Bích Trị)	Đến hết ranh đất nhà Ông Cọp	1,10	
117	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 3 Chấn	Đến cầu 6 Sánh	1,10	
118	Lộ Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu Vũ Hoàng	Đường 3 Tình	1,10	
119	Đông Nàng Rền	Bắt đầu từ Quốc Lộ 1	Đến cống 6 Sách	1,10	
120	Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 5 Hổ	Đến cầu 4 Hoàng	1,10	
121	Lộ Nhà Dài A - Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến cầu Ông Hổ	1,10	
122	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ ranh nhà Ông Hai Hậu	Đến hết ranh đất nhà Ông Nhanh	1,10	
123	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A - Hưng Thành	Đến cầu Nhà Dài B	1,10	
124	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 5 Lắm	Đến hết ranh đất nhà Ông Phụng	1,10	
125	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến hết ranh đất nhà Ông Cường	1,10	
126	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Minh	Đến hết ranh đất nhà 3 Xệ	1,10	
127	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Tuấn	Đến hết ranh đất nhà Bà Chênh	1,10	
128	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà 9 Chủ	Đến giáp ranh Thị Trấn	1,10	
129	Lộ Chắc Đốt	Điểm trường Tiểu học Chắc Đốt	Đến hết ranh đất nhà Ông Tông	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
130	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thiện	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Thạch	1,10	
131	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lâm	Đến cầu Thạnh Long (6 Đê)	1,10	
132	Lộ Chắc Đốt	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 9 Tuấn	1,10	
133	Lộ Thông Lưu A - Trà Ban 2	Bắt đầu từ lộ Châu Hưng A- Hưng Thành	Đến cầu 6 A	1,10	
134	Lộ Hà Đức - Nhà Dài A	Bắt đầu từ cầu 5 Trường	Đến lộ Nhà Dài A	1,10	
135	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ cầu 3 Triều	Đến cầu 7 Bưởi	1,10	
136	Lộ Nhà Dài B	Bắt đầu từ nhà bà Út Tích	Đến nhà ông 10 Vồn	1,10	
137	Lộ 10 Hương	Bắt đầu từ đê bao Đông Nàng Rền	Đến nhà ông Măng	1,10	
138	Lộ Nhà Dài B - Chắc Đốt	Bắt đầu từ nhà ông 9 Tuấn (Chắc Đốt)	Đến giáp nhà ông Văn	1,10	
139	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$			1,10	
140	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,10	
141	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ trên 3m			1,10	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,10	

53. XÃ HƯNG HỘI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ giáp ranh phường Bạc Liêu (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ giáp ranh thành phố Bạc Liêu</i>)	Cách ranh phường Bạc Liêu 200m (<i>Tên cũ: Cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m</i>)	1,10	
2	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cách ranh phường Bạc Liêu 200m (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ cách ranh thành phố Bạc Liêu 200m</i>)	Đến hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	1,10	
3	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ hết ranh Công Văn hóa ấp Giá Tiểu	Đến giáp cống nước mặn (<i>Tên cũ: Đến giáp ranh xã Hưng Thành</i>)	1,10	
4	Cù Lao - Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Cầu)	Đến ngã 3 Chùa Chót	1,05	
5	Phú Tòng - Giá Tiểu	Bắt đầu từ trụ Sở Ấp Phú Tòng	Đến hết ranh đất nhà ông Trọng	1,05	
6	Giá Tiểu - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sáu Điện	Đến cầu Chùa Chót	1,05	
7	Lộ Sóc Đồn - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Đầu lộ Giá Tiểu)	Đến cầu nhà ông Tấn	1,05	
8	Lộ Cả Vĩnh - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Cả Vĩnh)	Đến ầu nhà ông Năm Phù	1,05	
9	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Sơn Nhàn)	Đến hết ranh đất nhà Máy Bà Yên	1,05	
10	Lộ Nước Mặn - Phú Tòng	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cổng Nước Mặn)	Đến hết ranh đất nhà ông Trần Văn Thắng	1,05	
11	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni - Giá Tiểu	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Trụ sở ấp Sóc Đồn)	Đến cầu nhà Bà Hoa	1,05	
12	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Dương	Đến hết ranh đất nhà Thầy Lành	1,05	
13	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà thầy Viễn	Đến Miếu Ông Bồn	1,05	
14	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Trạm cấp nước	Đến Miếu Ông Bồn	1,05	
15	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Tùng)	Đến Miếu Ông Bồn	1,05	
16	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất Kho Sáu Diệu	Đến hết ranh đất nhà bà Hiền	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17	Lộ Cù Lao- Cái Giá	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Nhà Ông Đào Dên)	Đến hết ranh đất nhà Ông Phan Sua	1,05	
18	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Cường)	Đến hết ranh đất nhà ông Lý Huông (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Trần Sôl)	1,05	
19	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lễn	Đến hết ranh đất nhà bà Lâm Thị ChuôL	1,05	
20	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà ông Kim Chung)	Đến sau nhà Bà Hương	1,05	
21	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Bình Dinh	Đến hết ranh đất nhà Bà Huỳnh Thị Hường	1,05	
22	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 9 Thân	Đến trạm Y Tế	1,05	
23	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Chánh	Đến hết ranh đất nhà bà Thủy	1,05	
24	Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lý Dũng	Đến cầu Chùa Chót	1,05	
25	Lộ Sóc Đồn - Đay Tà Ni	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (Cầu Sóc Đồn)	Đến cầu Chùa Chót	1,05	
26	Lộ Đay Tà Ni	Bắt đầu từ cầu Chùa Chót	Đến cầu ông Dũng (Tên cũ: Đến cầu Nhà Ông Danh Sai)	1,05	
27	Lộ Cái Giá - Đay Tà Cao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Sơn By	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lợi (đường Bãi Rác)	1,05	
28	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thanh Thủy	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Mào	1,05	
29	Lộ Sóc Đồn	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lê Minh Hoa	Đến hết ranh đất nhà bà Trịnh Ngọc Phú	1,05	
30	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Mi	Đến ngã 3 hết kho Văn Hiến	1,05	
31	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Văn Hoá	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Huỳnh Tha	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Quang Trung	Giáp đất Chùa Đầu	1,05	
33	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Hiếu Thảo	Cầu Nhà ông Hiệp	1,05	
34	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Triệu Núp	Cầu nhà ông Huỳnh Na Si	1,05	
35	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hoa Ry	Cầu nhà Bảnh Tốt	1,05	
36	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Văn Đáng	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Chánh	1,05	
37	Giá Tiểu	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ngô Văn Sơn	Đến cầu giáp áp Mặc Đây	1,05	
38	Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hội	Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Vĩnh Lợi (Tên cũ: Đến cầu Nhà Hòa giáp ranh Châu Hưng)	1,05	
39	Lộ Giá Tiểu	Bắt đầu từ cầu nhà ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà ông Bảy	1,05	
40	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 8 Tiến	Đến hết ranh đất nhà ông Chiêu	1,05	
41	Lộ Cả Vĩnh - Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà Cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Thạch Mết	1,05	
42	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Thương	Đến giáp Chùa Đầu	1,05	
43	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ Chùa Chót (phía sau)	Đến cầu nhà ông Quên	1,05	
44	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Mến (Tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Vui)	Đến hết ranh đất nhà ông Đông	1,05	
45	Lộ Cù Lao	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Đến hết ranh đất nhà Sáu Tâm (Kho Tài Nguyên 2)	1,05	
46	Lộ Cả Vĩnh	Bắt đầu từ cống Cả Vĩnh	Đến hết ranh đất nhà ông Tám Bực	1,05	
47	Lộ Nước Mặn	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (hương lộ 6)	Sông Bạc Liêu	1,05	
48	Lộ Cái Giá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tha	Đến hết ranh đất nhà Sơn Sà Miêl	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
49	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Thanh (Thanh Mập)	Đến cầu Ông Chênh	1,05	
50	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cống nước mặn	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Thị Đúng	1,10	
51	Tỉnh lộ 976 (Hương Lộ 6)	Bắt đầu từ cầu Gia Hội	Đến hết ranh đất nhà bà Trần Hoàng Thư	1,10	
52	Huyện lộ 28 (lộ Châu Hưng A - Hưng Thành)	Bắt đầu từ cách Quốc Lộ 1 500 m	Đến Gia Hội (giáp đất bà Trần Thị Hoàng Thư)	1,05	
53	Lộ Gia Hội- Quốc Kỳ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Thành	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Hiền	1,05	
54	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ Tỉnh lộ 976 (nhà Ông Thê)	Đến cầu Treo Vàm Lèo	1,05	
55	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Phạm Văn Đệ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tới	1,05	
56	Đường Đê Bao	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Bành Văn Phến	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	1,05	
57	Lộ Quốc Kỳ	Bắt đầu từ tỉnh lộ 976 (nhà Bà Hồng)	Đến cầu 4 Bal	1,05	
58	Lộ Quốc Kỳ - Phú Tòng	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiều	Đến cầu Ông Móm	1,05	
59	Lộ Phú Tòng - Nhà Thờ	Bắt đầu từ cầu Ông Móm	Đến cầu 6 Lành	1,05	
60	Kênh Thông Lưu	Bắt đầu từ cầu Thông Lưu	Đến hết ranh đất nhà Bà Loan	1,05	
61	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ ranh đất trường cấp 2	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tập	1,05	
62	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ánh Hồng	Đến cầu ông Thảo	1,05	
63	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ cầu ông Chuối	Đến cầu Út Dân	1,05	
64	Lộ ấp Ngọc Được	Bắt đầu từ cầu Út Dân	Đến hết ranh đất nhà Ông 9 Bé	1,05	
65	Lộ Vườn cò	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hăng	Đến cầu Hai Ngươn	1,05	
66	Lộ Vườn cò-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Hai Ngươn	Đến hết ranh đất nhà ông 9 Hòa	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
67	Lộ ấp Gia Hội	Bắt đầu từ trạm Y Tế (Cũ)	Đến hết ranh đất nhà Bà Kim Thuần	1,05	
68	Lộ ấp Xẻo Nhào-Hoàng Quân 3	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Hai Rầy	Cổng Hoàng Quân III	1,05	
69	Lộ Vườn cò-Hoàng Quân 1	Bắt đầu từ cầu Ông 5 Thoại	Cầu Hoàng Quân I (Nhà Ông Út Gờ)	1,05	
70	Lộ ấp Năm Căn-Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Ông 3 Tiễn	Cầu Thanh Niên	1,05	
71	Lộ Xẻo Nhào	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Cầu Ông Bảnh	1,05	
72	Lộ Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ cầu Ông Toàn (<i>Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Ông Tháo</i>)	Cầu Ông Bình	1,05	
73	Đê Bao Ấp Năm Căn	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông Mã)	Cổng Nước Mặn	1,05	
74	Lộ Quốc Kỳ	Kênh nội đồng (giáp với phần đất nhà Ông 5 Đức)	Đên kênh ông cha (Hết phần đất nhà Ông Cường)	1,05	
75	Lộ ấp Hoàng Quân 2	Bắt đầu từ nhà ông 3 Quận	Đến cầu 7 Nhi	1,05	
76	Lộ ấp Nhà Thờ	Huyện lộ 28 (Cầu 6 Lành)	Huyện lộ 28 (Nhà ông Trần Văn Nhung)	1,05	
77	Lộ ấp Nhà Thờ	Bắt đầu từ phần đất ông Võ Văn Thay	Phần đất nhà ông Lê Tấn Ty	1,05	
78	Lộ ấp Năm Căn	Bắt đầu từ ranh đất ông Cao Hồng Hạnh	Đến giáp kênh Thông Lưu	1,05	
79	Lộ Út Phén	Cầu ông Diến	Cầu ông Biểu	1,05	
80	Lộ Gia Tiểu	Bắt đầu từ ranh nhà ông Điện	Đến nhà ông Thắng	1,05	
81	Lộ Phú Tòng	Bắt đầu từ ranh ông Út Bá	Đến đất ông Mộc	1,05	
82	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,05	
83	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
84	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	

54. XÃ CHÂU THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đường đi Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đền Thờ Bắc	Đến hết ranh đất nhà ông Phan Văn Nam	1,10	
2	Khu vực chợ (xã Châu Thời)	Bắt đầu từ cách UBND xã 300 m về hướng QL1	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bắc	1,10	
3	Đường 19/5	Bắt đầu từ giáp ranh Thị Trấn Châu Hưng	Cách UBND xã 300 m về hướng QL1	1,10	
4	Đường 19/5 (tên cũ: Đường 19/6)	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bắc	Đến Đền Thờ Bắc	1,00	
5	Đường Bào Sen (Tên cũ: Đường Bàu Sen)	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ba Hui (Công Văn Hóa)	Đến cầu Thanh Niên	1,05	
6	Đường Trà Hát	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hiền	Đến cầu Trà Hát	1,05	
7	Đường ấp Trà Hát-Bàu Sen	Bắt đầu từ cầu Ba Cùm	Đến cầu Thợ Vỡ	1,05	
8	Đường Bà Chăng A-B1-B2	Bắt đầu từ ranh trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến cầu Thanh Niên (Tên cũ: Đến cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng)	1,05	
9	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Sáu Miều	Đến cầu Ba Cùm	1,05	
10	Đường Giồng Bướm A.B	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thu	Đến cầu Dù Phịch	1,05	
11	Đường Giồng Bướm B	Bắt đầu từ ngã 3 Lung Sen	Đến cầu Xá Xính	1,05	
12	Đường Công Điền-Cai Điều	Bắt đầu từ cầu nhà Ông Thọ	Đến đường học Cai Điều	1,05	
13	Đường Giồng Bướm A-Trạm 1	Bắt đầu từ cầu Bảy Sên	Đến hết ranh đất nhà ông Ngô Văn Việt (bà Kiều)	1,05	
14	Đường Cai Điều-Giồng Bướm A (tên cũ: Đường Cái Điều-Giồng Bướm A)	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điều	Đến cầu Giồng Bướm A (tên cũ: Đến cầu miều Đá	1,00	
15	Đường Bà Chăng A- Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Oanh	Đến cầu ngã ba Trần Nghĩa	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Đường B2- Giồng Bướm B-Tràm 1	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (Tên cũ: Bắt đầu từ cầu Thanh Niên (giáp ranh xã Vĩnh Hưng))	Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Hòa Bình) (Tên cũ: Đến Miếu Bà Tràm 1 (Giáp ranh xã Long Thạnh))	1,05	
17	Đường Bàu Sen-Bà Chăng A-Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Chữ Y	Đến cầu Kênh Cùng	1,05	
18	Đường Bàu Sen (Tên cũ: Đường Bàu Sen)	Bắt đầu từ cầu Thợ Võ	Đến hết ranh đất nhà ông Việt	1,05	
19	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ ranh trụ sở ấp Bà Chăng B	Đến hết ranh đất nhà ông Hai Thuận	1,05	
20	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Chiến	Đến trường Nguyễn Bình Khiêm	1,05	
21	Đường Bà Chăng B	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến cầu Tư Nam	1,05	
22	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ ranh nhà máy bà Chín Léo	Đến giáp ranh xã Long Thạnh	1,05	
23	Đường Công Điền- Nàng Rèn	Bắt đầu từ cầu Ông Lác	Đến Miếu bà Nàng Rèn	1,05	
24	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh Trường Ngô Quang Nhã	Đến cầu Ông Tuệ	1,05	
25	Đường Lung Sen	Bắt đầu từ cầu Ông An	Đến cầu Ông Lợi (Kinh Xáng)	1,05	
26	Đường kênh Thanh Niên	Bắt đầu từ ranh Trường Nguyễn Bình Khiêm	Đến Ấp B2 (Nhà ông Phúc)	1,05	
27	Đường Trà Hát	Bắt đầu từ cầu Trà Hát	Đến hết ranh đất nhà Bà Chợ	1,05	
28	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lớn	Đến hết ranh đất nhà ông 6 Sáng	1,05	
29	Đường Bà Chăng A-B1	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông 6 Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Út Hai	1,05	
30	Đường Nàng Rèn - Cai Điều	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Mùi	Đến hết ranh đất nhà ông Đực	1,05	
31	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông An	Đến hết ranh đất nhà ông Xuân	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Đường Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tấu	Đến cầu nhà ông Dũng	1,05	
33	Đường Hàn Bần	Bắt đầu từ ranh trường tiểu học Châu Thới	Đến cầu nhà ông 6 Ngộ	1,05	
34	Tuyến Giồng Đé	Bắt đầu từ cầu nhà ông Tỏa	Đến giáp ranh ấp Công Điền	1,05	
35	Tuyến Bào Sen - Bà Chăng A (Tên cũ: Tuyến Bàu Sen - Bà Chăng A)	Bắt đầu từ cầu Bà Sanh	Đến hết ranh đất nhà ông Công	1,05	
36	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà bà Hoa	Đến hết ranh đất nhà ông 7 Sên	1,05	
37	Đường ấp Giồng Bướm A	Bắt đầu từ ranh nhà ông 5 Đá	Đến hết ranh đất nhà ông Thủ	1,05	
38	Đường ấp Tràm 1	Bắt đầu từ ranh nhà ông Bộ	Đến hết ranh đất nhà bà Kim Hai	1,05	
39	Đường ấp Cai Điều	Bắt đầu từ ranh nhà ông Khanh	Đến cầu Bà Lãng	1,05	
40	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ ranh nhà ông Thanh	Đến hết ranh đất nhà ông Nghĩa	1,05	
41	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ Miếu Bà	Đến hết ranh đất nhà ông Đê	1,05	
42	Đường ấp Bào Sen (Tên cũ: Đường ấp Bàu Sen)	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến giáp Sóc Trăng	1,05	
43	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà ông Hiền	1,05	
44	Đường ấp Xóm Lớn	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Hưng	Đến hết ranh đất nhà ông Hường	1,05	
45	Đường ấp Giồng Bướm B	Bắt đầu từ cầu Lung Sen	Đến hết ranh đất nhà ông Thiên	1,05	
46	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Bích	1,05	
47	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ cầu Ông Nhiên	Đến hết ranh đất nhà Ông Khoa	1,05	
48	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Đáng	Đến hết ranh đất nhà Ông Ngọc Tới	1,05	
49	Đường ấp Nhà Việc	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Sang	Đến hết ranh đất nhà Ông Việt (giáp ấp Xóm Lớn)	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
50	Đường Bào Sen - Trà Hắt (Tên cũ: Đường Bào Sen - Trà Hắt)	Bắt đầu từ cầu bà Nga	Đến cầu Ông Nghĩa	1,05	
51	Đường Bào Sen (Tên cũ: Đường Bào Sen)	Bắt đầu từ cầu Ông Sáng	Đến giáp Tỉnh Sóc Trăng	1,05	
52	Đường Nhà Việc Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu Ông Dũng	Đến hết ranh đất nhà Ông Hưng	1,05	
53	Đường B1	Bắt đầu từ cầu Ông Hai	Đến hết ranh đất Nhà văn hóa ấp B1	1,05	
54	Đường Cai Điều - Công Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Lăng	Đến hết ranh đất nhà Ông Khanh	1,05	
55	Đường Cai Điều	Bắt đầu từ cầu Ông Nam	Đến hết ranh đất nhà Ông út	1,05	
56	Đường ấp B2	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hằng	Đến hết ranh đất nhà Bà Minh	1,05	
57	Đường Giồng Bướm A	Bắt đầu từ bến xe xã Châu Thới	Đến cầu 7 Sên	1,05	
58	Đường Bà Chăng A	Bắt đầu từ nhà ông Lý Văn Ẽn	Đến cầu trường tiểu học Nguyễn Binh Khiêm (cũ)	1,05	
59	Đường Xóm Lớn	Bắt đầu từ cầu nhà ông Quân	Đến cầu nhà ông Ba Giỏ (ấp Nàng Rèn)	1,05	
60	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ trạm Y tế xã	Đến cầu 3 Phụng	1,10	
61	Đường Cầu Sập - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến cách cầu Mới Vĩnh Hưng 100m	1,05	
62	Lộ tế	Bắt đầu từ Ba Tân	Đến Tám Em - Chín Đình	1,05	
63	Đường Vĩnh Hưng - Thạnh Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Vàm Đình	Đến hết ranh đất nhà Út Bồn (Lê Văn Bồn)	1,05	
64	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Tám Em	Đến cầu Am	1,05	
65	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến cầu Trần Nghĩa	1,05	
66	Đường Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Am	Đến giáp xã Vĩnh Hưng A	1,05	
67	Đường Trần Nghĩa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến hết ranh đất nhà ông Rạng	1,05	
68	Đường Trần Nghĩa- Đông Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ba Hải	Đến cầu 3 Gồm	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
69	Đường Vĩnh Hưng - Đền Thờ Bác	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến Cầu kênh Mợ Hai	1,05	
70	Tuyến HB15	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến giáp ranh Kinh Xáng Hòa bình	1,05	
71	Rạch Cây Giông	Bắt đầu từ ranh đất Nhà Ông Thông	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tòng	1,05	
72	Đường Út Bồn - Tư Bá	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Út Bồn	Đến hết ranh đất nhà Tư Bá	1,05	
73	Đường Chín Đô - 3 Ngươi	Bắt đầu từ cầu Vàm Đình	Đến hết ranh đất nhà Ông Sua	1,05	
74	Đường Miếu Chủ Hai - 8 Hồ	Bắt đầu từ Miếu Chủ Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Nhung (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Hồ)	1,00	
75	Đường Bà Bé - Ông On	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Bé	Đến hết ranh đất nhà Ông On	1,05	
76	Đường Cầu Thanh Niên - Giáp ranh Mình Diệu	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến giáp Ranh xã Vĩnh Mỹ (Tên cũ: Đến giáp Ranh xã Mình Diệu)	1,05	
77	Tuyến Đường Bà Quách	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Tư Lũy	Đến hết ranh đất nhà Ông 7 Lý	1,05	
78	Đường Thanh Hưng 1	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bảy Tàu	Đến giáp ranh Vĩnh Hưng A	1,05	
79	Đường Trần Nghĩa giáp xã Vĩnh Hưng A	Bắt đầu từ cầu Trần Nghĩa	Đến cầu ông Ba Giai	1,05	
80	Đường kênh Xáng Hòa Bình	Bắt đầu từ ranh đất nhà 2 Tây	Đến hết Ranh Đất Nhà Ông Bảnh	1,05	
81	Đường khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng	Các tuyến đường nội bộ khu nhà lồng chợ Vĩnh Hưng		1,10	
82	Tuyến Tam Hưng- ấp Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Hưng	Đến giáp ranh ấp Trung Hưng 1A, xã Châu Thới (Tên cũ: Đến giáp ranh ấp Trung Hưng 1A, xã Vĩnh Hưng A)	1,05	
83	Đường Ông Quang - ông Nền	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Quang	Đến hết ranh đất nhà ông Nền	1,05	
84	Tuyến đường ấp Trung Hưng 2	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến hết ranh đất nhà ông Hoàng	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Em		
85	Lộ Tháp Cỏ	Bắt đầu từ Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến hết ranh đất nhà Ông Hoàng Chiền	1,05	
86	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sách	Đến cổng Chèo Trung Hưng 1A	1,05	
87	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cổng Chèo Trung Hưng 1A	Đến hết ranh đất nhà ông Bảy Quýt	1,05	
88	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (về phía Vĩnh Hưng cũ) (Tên cũ: Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (về phía xã Vĩnh Hưng))	1,10	
89	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cầu Mới Vĩnh Hưng	Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía Vĩnh Hưng A cũ) (Tên cũ: Đến cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A))	1,10	
90	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía Vĩnh Hưng A cũ) (Tên cũ: Bắt đầu từ cách Cầu Mới Vĩnh Hưng 100m (Về phía xã Vĩnh Hưng A))	Đến hết ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	1,10	
91	Đường Trung Hưng - Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Ngang Kênh Xáng	Đến giáp Ranh xã Vĩnh Hưng	1,05	
92	Lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông Lê Quang Rinh	Đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (Tên cũ: Đến giáp ranh xã Hưng Phú huyện Phước Long)	1,10	
93	Đường Trung	Bắt đầu từ ranh đất	Đến hết ranh đất	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Hưng III - Mỹ Trinh	nhà ông 3 Nhuận	nhà ông 3 Khanh		
94	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông 3 Khanh	Đến cầu Thanh Niên	1,05	
95	Đường Trung Hưng 1B-Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Chiến	Đến hết ranh đất nhà Ông Dạn	1,05	
96	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Mỹ Linh	Đến hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Non	1,05	
97	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 4 Quân	Đến hết ranh đất nhà Ông Phạm Chí Nguyên	1,05	
98	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 7 Quýt	Đến hết ranh đất nhà Ông Đỗ Văn Mẫn	1,05	
99	Đường Trung Hưng - Trung Hưng III	Bắt đầu từ cầu Kênh Xáng	Đến hết ranh đất nhà Ông 5 Tính	1,05	
100	Đường Trung Hưng III	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 5 Tính	Đến hết Cầu 2 Nghé (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông 2 Nghé)	1,05	
101	Đường Trung Hưng III - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ Cầu 2 Nghé (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 2 Nghé)	Đến Cầu Ông Tuội (Tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng)	1,05	
102	Đường Nguyễn Điền - Trung Hưng	Bắt đầu từ Cầu Ông Tuội (Tên cũ: Bắt đầu từ hết ranh đất nhà Ông 3 Hồng)	Đến hết ranh đất nhà Ông Kỳ Phùng	1,05	
103	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ ranh đất nhà Ông 10 Lạc	Đến hết ranh đất nhà Bà Cứng	1,05	
104	Đường dẫn lên Cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đường dẫn lên Cầu Mới Vĩnh Hưng)	Bắt đầu từ Lộ Nấn Cua - Cầu Sập	Đến cầu Vĩnh Hưng (cầu vượt Vĩnh Hưng) (tên cũ: Đến cầu Mới Vĩnh Hưng)	1,00	
105	Tuyến Bắc Hưng - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ ranh đất nhà Út Tịnh	Đến cầu Bà Đô	1,05	
106	Lộ Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Đô	Đến giáp ranh thành phố Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh Sóc Trăng)	1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
107	Lộ Mỹ Trinh - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Là	Đến nhà văn hóa ấp Trung Hưng 1 B	1,05	
108	Lộ Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà Chín Hương	Đến hết ranh đất nhà Ông Ba Nhân	1,05	
109	Đường Bắc Hưng	Bắt Đầu từ nhà Út Anh	Đến nhà ông Chiến	1,05	
110	Đường Trung Hưng 3	Bắt đầu từ cầu 2 Nghé	Đến nhà ông Tư Công	1,05	
111	Đường Bắc Hưng - Nguyễn Điền	Bắt đầu từ trường tiểu học điểm Bắc Hưng	Đến cầu Ông Tuội (Tên cũ: Đến cầu Ông Cuội)	1,05	
112	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ cầu Út Mân	Đến Cầu Ông Sanh	1,05	
113	Đường Phú Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Tám Hương	Đến Cầu Hy Vọng (Tên cũ: Đến nhà ông Nhật)	1,05	
114	Đường Trung Hưng 1A - Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến cầu từ thiện số 97	1,05	
115	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ cầu Út Biểu	Đến Nhà Năm Thanh	1,05	
116	Đường Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Hai Lóc	Đến cầu Chín Thù	1,05	
117	Đường Trung Hưng 1B - Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ cầu Ba Phương	Đến nhà ông Hời	1,05	
118	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Quýt Xiêm	Đến nhà ông Loan Đi	1,05	
119	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ giáp xã Vĩnh Hưng	Đến nhà bà Cúc	1,05	
120	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ nhà ông Vệ	Đến nhà ông Thơ	1,05	
121	Đường Trung Hưng	Bắt đầu từ cầu Cà Ba	Đến nhà Bảy Minh	1,05	
122	Đường Nguyễn Điền - Trung Hưng 3	Bắt đầu từ cầu Bà Dô	Giáp ranh tỉnh Sóc Trăng	1,05	
123	Đường Mỹ Trinh	Bắt đầu từ Cầu Ông Điện	Đến Nhà Năm Thanh	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
124	Đường dẫn vào Tháp Cỏ	Giáp đường Tháp Cỏ	Đến khu di tích Tháp Cỏ	1,05	
125	Đường Mỹ Phú Đông	Bắt đầu từ nhà ông Non	Đến Nhà ông Tâm	1,05	
126	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ nhà ông Nguyễn	Đến Nhà ông Bảnh	1,05	
127	Đường Trung Hưng 1A	Bắt đầu từ nhà ông Hai Hồng	Đến Nhà ông Hai Thức	1,05	
128	Đường Trung Hưng	Bắt đầu từ cầu Trung tâm văn hóa xã	Đến Kênh ông Ánh	1,05	
129	Đường Trung Hưng 3	Bắt đầu từ cầu Hai Nghé	Đến hết ranh đất bà Lộc	1,05	
130	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ nhà ông Duyên	Đến nhà bà Đầy	1,05	
131	Đường Bắc Hưng	Bắt đầu từ cầu Cà Ba	Đến nhà Ông Khởi	1,05	
132	Đường Trung Hưng 1B	Bắt đầu từ nhà bà Choáng	Nhà bà Thành	1,05	
133	Đường dẫn vào Trường Mầm non Vàng Anh	Bắt đầu từ giáp lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến hết ranh trường mầm non Vàng Anh	1,05	
134	Đường ông Chính - ông Rầy (ấp Trung Hưng 2)	Bắt đầu từ cầu Am	Đến ranh đất ông Đen	1,05	
135	Đường ông Trung - ông Thiên (ấp Trần Nghĩa)	Bắt đầu từ Cầu ông Trung	Đến ranh đất ông Dũng	1,05	
136	Đường cầu 3 Phụng - Vĩnh Hưng A (ấp Tam Hưng)	Bắt đầu từ cầu Ba Phụng	Đến nhà ông Khải	1,05	
137	Rạch Cây Giông - ông Thới (ấp Thạnh Hưng 2)	Bắt đầu từ Cầu ông Thới	Đến Cầu 3 Đây	1,05	
138	Đường 2 Tây - cầu Út Bồn - cầu ông Tiện (ấp Thạnh Hưng 2)	Bắt đầu từ đất nhà ông Ngô Văn Tiện	Đến cầu Út Bồn - 2 Nheo	1,05	
139	Đường ông Công - ông Kiệm (ấp Thạnh Hưng 1)	Bắt đầu từ nhà ông Quang	Đến cầu ông Công	1,05	
140	Đường Miếu Chúa Hai - trường Lê Văn Tám (ấp Nam Thạnh - Thạnh Hưng 1)	Bắt đầu từ Miếu Chúa Hai	Đến trường Lê Văn Tám	1,05	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
141	Đường ông Hoàng - ông Beo (ấp Nam Hưng)	Bắt đầu từ nhà ông Beo	Đến ông Thân - nhà ông Phụng	1,05	
142	Đường cầu Thanh Niên - ông Minh (ấp Thanh Hưng 2)	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên	Đến ông Minh - 2 Tây	1,05	
143	Đường cầu 7 Lý - 4 Lũy (ấp Đông Hưng 2)	Bắt đầu từ cầu 7 Lý	Đến đất ông Quang	1,05	
144	Đường Cầu trường học - ông Đạo (ấp Tam Hưng)	Bắt đầu từ nhà bà Hoa	Đến nhà ông Đạo	1,05	
145	Đường ông Hồ - ông Út (ấp Thanh Hưng 2)	Bắt đầu từ nhà bà Ba	Đến nhà bà Phấn	1,05	
146	Đường tránh chợ Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường dẫn lên cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đến đường dẫn lên cầu vượt)	1,00	
147	Đường D7	Bắt đầu từ giáp đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường tránh chợ Vĩnh Hưng (tên cũ: Đến cuối tuyến)	1,00	
148	Đường vào Trường cấp 3	Bắt đầu từ giáp đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Trường THPT Vĩnh Hưng (Tên cũ: Trường cấp 3)	1,05	
149	Đường hẻm chợ Vĩnh Hưng	Giáp Đường Cầu Sập	nhà ông Huấn	1,05	
150	Đường Đông Hưng	Bắt đầu từ nhà ông Cảnh	Đến hết ranh nhà bà Vàng	1,05	
151	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,05	
152	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
153	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
154	Đường cầu sập - Ninh Quới - Ngan Dừa			1,00	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
155	Đường cầu sập - Ninh Quới - Ngan Dừa			1,00	
156	Đường ông Giử - ông Đồng			1,00	

55. XÃ PHONG THẠNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Phường Hộ Phòng (Km 2217 + 525m)	Tìm cổng Nhà thờ Tắc Sậy	1,15	
2	Quốc Lộ 1	Tìm cổng Nhà thờ Tắc Sậy	Đến ranh giới công ty Phúc Hậu (tên cũ: Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu)	1,15	
3	Quốc Lộ 1	Từ ranh giới công ty Phúc Hậu (tên cũ: Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu)	Đến hết ranh chùa Thiên Trúc (tên cũ: Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa))	1,15	
4	Quốc Lộ 1	Từ cuối ranh chùa Thiên Trúc (tên cũ: Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa))	Đến tìm cổng Khúc Tréo (QL 1A) (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 400m)	1,15	
5	Quốc Lộ 1	Từ tìm cổng Khúc Tréo (QL 1A) (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 400m)	Đến hết ranh công ty Nguyễn An (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong))	1,15	
6	Quốc Lộ 1	Từ cuối ranh công ty Nguyễn An (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong))	Cổng Vôi (Km 2229 + 250m) (tên cũ: Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	1,15	
7	Quốc Lộ 1	Cổng Vôi (Km 2229 + 250m) (tên cũ: Cổng Voi (Km 2229 + 250m)	Cầu Láng Trâm	1,15	
8	Đường tránh tuyến Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A	Đến ranh phường Giá Rai	1,10	
9	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Từ Quốc Lộ 1A (tên cũ: Quốc Lộ 1)	Đến cổng Tập Đoàn (tên cũ: Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc)	1,10	
10	Đường Khúc Tréo - Tân	Từ cổng Tập Đoàn (tên cũ: Qua	Hết ranh trụ sở UBND + 180m về	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Lộc	trường mẫu giáo 100m về phía bắc)	phía Bắc (tên cũ: Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc)		
11	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Từ hết ranh trụ sở UBND + 180m về phía Bắc (tên cũ: Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc)	Đến đường Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp (tên cũ: hết tuyến giáp ranh xã Phong Thanh Tây)	1,10	
12	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Giáp ranh Phường Hộ Phòng	Hết ranh nhà thờ	1,15	
13	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Hết ranh đất nhà thờ	Cầu Đen (giáp Phong Thanh Tây)	1,15	
14	Đường vào trường tiểu học Tân Hiệp	Quốc Lộ 1A (tên cũ: Quốc Lộ 1)	Cổng Khúc Tréo	1,15	
15	Đường vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	Quốc Lộ 1	Hết đường (giáp trung tâm)	1,10	
16	Cổng Nhân Dân (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	1,10	
17	Cổng Cây Gừa (Khúc Tréo) (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	1,10	
18	Cổng Lầu Băng (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	1,10	
19	Cổng Sư Sơn (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	1,10	
20	Đường lộ cũ ấp 2A (ấp 2 cũ)	Giáp ranh Hộ Phòng	Quốc Lộ 1	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
21	Tuyến Trung Tâm Bảo Trợ - Kênh Hang Mai	Giáp Trung Tâm Bảo Trợ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Giàu	1,10	
22	Tuyến Kênh Đào	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thùy Dương (hết đường)	1,10	
23	Tuyến Kênh 2 Lương	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tòng (hết đường)	1,10	
24	Tuyến Láng Trâm	Quốc Lộ 1	Cống Láng Trâm	1,10	
25	Tuyến cống Sur Son (Phía Tây)	Từ cống Sur Son	Đến đường kênh C12	1,10	
26	Tuyến cống Sur Son (Phía Đông)	Từ cống Sur Son	Đường Cầu Đen - kênh Láng Trâm	1,10	
27	Đường Cầu Đen - kênh Láng Trâm	Từ đường Hộ Phòng - Chủ Chí	kênh Láng Trâm	1,10	
28	Quốc Lộ 1	Cầu Láng Trâm	Đến giáp ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	1,15	
29	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Từ ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	Cầu kênh Lung Thành	1,15	
30	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu kênh Lung Thành	Cầu Vàm Bóm (tên cũ: Giáp Phong Thạnh Tây)	1,10	
31	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vàm Bóm (Kênh Giồng Bướm) (tên cũ: Giáp xã Tân Thạnh (Kênh Giồng Bướm))	Cầu Hai Thanh (Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp) (tên cũ: Cầu Hai Thanh)	1,10	
32	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Hai Thanh	Cầu vượt Hộ Phòng- Chủ Chí (hết ranh Phong Thạnh Tây)	1,10	
33	Đường kênh Láng Trâm	Quốc lộ 1	Cống Láng Trâm	1,15	
34	Đường kênh Láng Trâm	Cống Láng Trâm	Cầu số 1	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
35	Đường kênh Láng Trâm	Cầu số 1	Ngã 5 ấp 8	1,10	
36	Đường kênh Láng Trâm	Ngã 5 ấp 8	Đến giáp ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	1,10	
37	Ấp Xóm Mới	Cổng Láng Trâm	Đập Láng Trâm	1,10	
38	Đường Kênh Lung Cặp (Ấp Xóm Mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thắng	Kênh Sáu Vàng	1,10	
39	Ấp Xóm Mới	Cầu Số 1	Cầu Xã Xứ	1,10	
40	Ấp Xóm Mới	Cầu Xã Xứ	Cầu Ông Cẩm	1,10	
41	Ấp Xóm Mới	Cầu Ông Cẩm	Giáp ấp 3 Tắc Vân	1,10	
42	Đường Gò Muồng	Cầu nhà ông Minh Mười	Cầu ông Thi (nhà Trần Thị Tuyền)	1,10	
43	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bến đò (Việt Tân)	Cầu Tư Hải	1,10	
44	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Anh	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Quốc Tuấn	1,10	
45	Đường ấp Gò Muồng - ấp 9	Cầu ông Sử	Cầu Xã Xứ (tên cũ: Cầu Trường tiểu học ấp 9)	1,10	
46	Đường ấp 9	Cầu Trại Cưa (tên cũ: Cầu nhà ông Trạng)	Kênh Xóm Càng (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Văn Bé)	1,10	
47	Đường ấp kênh Lớn	Cầu Bến Than (tên cũ: Cầu ông Bình (Bu))	Đến ranh miếu Bà Chúa Xứ (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Út Hộ)	1,10	
48	Đường ấp 8	Cầu Đồng Thiện (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hai Cừ (Láng Trâm 3))	kênh Lung Thành (tên cũ: Kênh Lung Thành (nhà Ngọc Anh))	1,10	
49	Lộ Công ty Thiên Phú (lộ	Quốc Lộ 1	Đường Láng Trâm - ngã 5	1,15	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Quy Hoạch)				
50	Kênh Long Thành	Từ Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Khuyên)	Giáp ấp 3 xã Tắc Vân	1,10	
51	Kênh Nước Mặn	Cầu Lung Nước Mặn	Cầu số 3	1,10	
52	Tuyến Bờ Đông	Từ cầu ngã 5 Vàm Bóm (tên cũ: Đường Quản lộ Phụng Hiệp)	Đập Láng Trâm	1,10	
53	Tuyến Bờ Đông	Cầu Khảo Xén	<i>Kênh Láng Trâm 2 (</i> <i>2 bên lộ)</i>	1,10	
54	Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	Từ Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp	Đến sông Phụng Hiệp	1,10	
55	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Đen (giáp Tân Phong)	Cầu Xóm Ráng (tên cũ: Cầu Mười Thêm)	1,10	
56	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Xóm Ráng (tên cũ: Cầu Mười Thêm)	Đến hết ranh bên đò (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công)	1,10	
57	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cuối ranh bên đò (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công)	Cầu Hai Thanh	1,10	
58	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Hai Thanh	Đến cầu Nguyễn Thị Được (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây)	1,10	
59	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cầu Nguyễn Thị Được (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây)	Đến cầu Ba Thông (tên cũ: Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng)	1,10	
60	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cầu Ba Thông (tên cũ: Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng)	Đến cầu ngã 5 Vàm Bóm (tên cũ: Ngã 5 Vàm Bóm (giáp xã Tân Thạnh))	1,10	

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh (K_{tt})	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
61	Đường Đường trục 11 (ĐT 11)	Cầu Vàm Bôm	Đến đường Khúc Tréo - Tân Lộc	1,10	
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $\leq 2m$			1,05	
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$			1,05	
64	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$			1,05	
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,05	



Phụ lục II
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
ĐỐI VỚI ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Stt	Tên loại đất	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt})	
		Khu vực 1 (vị trí 1)	Khu vực 2 (vị trí 1)
1	Đất trồng cây lâu năm	1,10	1,20
2	Đất trồng lúa (gồm đất chuyên trồng lúa và đất trồng lúa còn lại)	1,10	1,20
3	Đất trồng cây hàng năm khác và đất nuôi trồng thủy sản	1,10	1,20
4	Đất rừng sản xuất	1,00	1,00
5	Đất rừng đặc dụng	1,00	1,00
6	Đất rừng phòng hộ	1,00	1,00
7	Đất làm muối	1,00	1,00



Phụ lục III

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH THEO QUY HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Stt	Hệ số sử dụng đất của Dự án (lần)	Hệ số điều chỉnh (K_{qh}) theo quy hoạch
1	Từ nhỏ hơn và bằng 2 lần (≤ 2)	1,00
2	Từ trên 2 lần đến dưới 4 lần	1,10
3	Từ 4 lần đến dưới 6 lần	1,15
4	Từ 6 lần trở lên (≥ 6)	1,20

Ghi chú: Hệ số sử dụng đất được xác định theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.